No 126 Février 1928

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

VẤN-ĐỀ QUỐC-VĂN

Quốc-văn ta hiện nay, đương về thời-kỳ quá độ. Cũng như cái tháng đương ráp-hát, thóc cũ hồ hết, lúa mới còn xanh, tháng ấy là tháng dễ chết đói. Lại như chiếc thuyền đương lênh-đênh, bờ kia đã lìa-cách, bến nọ còn mông-mênh, thuyền ấy là thuyền dễ chìm đắm. Lại như cái cây đương tiếp-nối, cành cũ bị tồi-chiết, cành mới chưa phát-sinh, cây ấy là cây dễ héo-hon. Lại như cái buổi đương hoàng-hôn, mặt trời đã thu-quang, mặt trăng với điện lửa chưa phát-diểm, buổi ấy là buổi dễ nhá-nhem. Cái vấn-đề quốc-văn ngày nay, thực là cái vấn-đề có tuyệt-đại hi-vọng về tương-lai, mà lại thực là cái vấn-đề có hiểm-tượng đáng lo. Duy quốc-dân ta hẳng biết lo, biết trân-trọng, biết nghiên-cứu suy-cầu, thì sau này sẽ có ngày đạt tới cái mục-đích đáng mừng. Nếu không thế, khách qua đường để hững-hờ chàng Tiêu, thì sau này một dày một mỏng biết là có nên, sở-dĩ lo là vì thế.

Nay hẳng xin nói về phương-diện quốc-ngữ và quốc-văn. Quốc-ngữ với quốc-văn, có riêng hẳn ra hai phương-diện ; quốc-ngữ có phương-diện quốc-ngữ, quốc-văn có phương-diện quốc-văn. Nay muốn nghiên-cứu về vấn-đề quốc-văn, trước phải xét về hai phương-diện đó. Đại-phàm loài người trong vũ-trụ, sinh ra thì có tiếng nói ngay và có ý-kiến ngay. Đã có giao-tiếp với nhau, thì tự-nhiên biết đem ý-kiến trao đổi cho nhau. Đã biết đem ý-kiến trao-đổi cho nhau, do lối kết thắng (thắt cái nút để ghi nhớ), tiến lên lối văn-tự, thì cũng tự-nhiên có một thứ chữ riêng để làm phù-hiệu cho tiếng nói. Duy dân-tộc nào trình-độ cao, thì tiếng nói được rộng-rãi, dân-tộc nào trình-độ kém, thì tiếng nói phải hẹp-hòi. Mà các thứ chữ để làm phù-hiệu cho tiếng nói kia, có thứ chữ viết ngang, có thứ chữ viết dọc, có thứ chữ tiện-lợi nhiều, có thứ chữ tiện-lợi ít, dù thế nào mặc dầu, đều là phương-diện quốc-ngữ cả. Bảo rằng các dân-tộc trứ-danh trong thế-giới, dân-tộc nào cũng có quốc-ngữ ; song le các dân-tộc mọi-rợ trong cao-nguyên, ngoài sa-mạc, dân-tộc ấy há không quốc-ngữ, duy quốc-văn thì kém-hèn, không bằng các dân-tộc trứ-danh mà thôi.

Thế nào là tính-chất quốc-ngữ? Đại-để bắt đầu tự tiếng một, rồi đến tiếng đôi tiếng ba, rồi đến những câu tục-ngữ vắn-tắt, rồi đến những lời than-thở ngâm-nga, là những câu thi-ca tạp-nhạp. Những câu thi-ca tạp-nhạp ấy, tuy có thành vần hoặc thành bài, nhưng cũng là thuận miệng nói ra, chửa có kết-cấu phép-tắc gì cả, đó là vận-ngữ, chưa phải là vận-văn, chẳng qua mới là cái cơ-sở vận-văn đấy mà thôi. Hoặc chỉ có một câu trơ-trọi đứng một mình, trên không đầu, dưới không cuối, trong dân-gian những câu trơ-trọi ấy, lại càng nhiều lắm, Hằng-hà sa-số không xiết kể, xem ngay như mọi miền dân-gian nước ta thì khắc rõ. Những câu phương-ngôn tục-ngữ và những câu thi-ca tạp-nhạp,

linh-tinh man-mác ở chốn dân-gian, quốc-dân tùy-tiện thủ-dùng, gặp đâu nói đấy. Người nào lịch-duyệt nhiều, thì biết được nhiều câu thi-ca tục-ngữ để ví-von, nói ra có chiều văn-vẻ. Người nào lịch-duyệt ít, thì chỉ biết đem tiếng một tiếng đôi, chắp nối rông-rài, nói ra có bề quê-kệch. Tóm lại thì những tiếng một tiếng đôi, phương-ngôn tục-ngữ, và những lời thi-ca tạp-nhạp ở dân-gian, đều còn là thuộc về phương-diện quốc-ngữ, chứa phải là đã thuộc về phương-diện quốc-văn.

Lịch-đại trong dân-tộc sẽ có những người siêu-quần xuất-chúng kế-tiếp sinh ra, bấy giờ quốc-văn mới dần-dần thành-lập. Những người siêu-quần xuất-chúng đó có hai hạng người, một là hạng thánh-hiền, hai là hạng tài-tử. Hạng thánh-hiền đủ có học-thuật, đủ có triết-lý, chế ra cách-ngôn, làm ra sử-sách, soạn ra kinh-điển, trải bao nhiêu công-phu hàm-dưỡng, mới tạo ra được một nền huấn-thế văn-chương. Hạng tài-tử học-vấn cao rộng, tài bộ hơn người, lại có tính-tình phong-thú nữa, truyền ra cách-thức, chế ra thể-tài; tản-văn thì như hành-vân, như lưu-thủy, như đại-hải, như tráng-giang, vận-văn thì như tiếng sáo trời, tiếng chuông vàng, tiếng chim phượng trên cành ngô, tiếng nhạc tiên trong giấc thú, trải bao nhiêu công-phu thôi-xao kết-cấu, mới thành ra được áng tuyệt-thế văn-chương. Trong nước sẽ có nhiều văn-chương kiệt-tác, sách-vở hay, để bổ-ích cho quốc-dân. Dân-tộc nào có nhiều kẻ thánh-hiền tài-tử sinh ra, thì quốc-văn dân-tộc ấy sẽ phát-đạt. Dân-tộc nào có ít kẻ thánh-hiền tài-tử sinh ra, thì quốc-văn dân-tộc ấy sẽ rời-rạc kém-hèn, chứ đừng cậy rằng quốc-dân đã có quốc-ngữ.

Vì quốc-ngữ như đám rừng cây, quốc-văn như nếp nhà đã làm lên đẹp. Quốc-ngữ như đống đất thô, đống đá vôi, quốc-văn như bức tường đã xây lên xinh. Quốc-ngữ như mỏ vàng mỏ đồng còn lẫn sỏi lẫn cát, quốc-văn như bộ nhẫn bộ đỉnh đã đúc lên thành-khí. Muốn có nhà mà ở, chớ cậy rằng đã có cánh rừng hoang. Muốn có tường mà coi, chớ cậy rằng đã có đống đất đống đá. Muốn có nhẫn mà đeo, có đỉnh mà bày, chớ cậy rằng đã có vàng có đồng ở trong mỏ. Đã hay có rừng thì có gỗ, có đất có đá thì có gạch có vôi, có mỏ thì có vàng có đồng. Nhưng hỏi rằng cái người làm lên cái nhà, xây lên cái tường, đúc lên bộ nhẫn bộ đỉnh ấy, là những ai? Có lẽ những người xem cây gỗ còn chưa biết cây nào là thiết là tạp, cầm hòn gạch chưa biết quay dọc hay quay ngang, vốc nắm sỏi nắm cát còn chưa biết phân-tích ra chất vàng chất đồng, mà làm lên được nhà, xây lên được tường, đúc lên được nhẫn được đỉnh đấy chăng? Sẽ hay quốc-ngữ là phần nguyên-liệu, quốc-văn là phần chế-tác: có nguyên-liệu mà không có tài-năng chế-tác, thì trăm năm nghìn năm cũng vẫn như một ngày. Vậy thì phương-diện quốc-ngữ, chỉ khiến cho quốc-dân ai ai cũng hiểu cái luân-lý cốt-yếu, cái nghĩa-lý thông-thường, về phần phổ-cập mà thôi. Muốn cầu lấy xương-minh phát-đạt, thì phải cầu về phương-diện quốc-văn mới được.

Trước kia tôi cũng lấy làm lạ rằng nước Nam ta là một nước có lịch-sử rực-rỡ hẳn-hoi, có văn-minh giấu-tích ở cõi Á-Đông, mà sao trong khoảng ba bốn nghìn năm, lại không có một thứ chữ riêng điển-nhã chắc-chắn, để làm quốc-văn. Cái đó có nguyên-nhân sâu-xa rõ-rệt, chúng ta ngày nay phải tìm ra mà xét. Chứ bảo rằng ông tổ ông tiên ta là cầu-thả, thì thật là khờ-dại quá. Nếu dân-tộc ta vốn là một dân-tộc vụng-về cầu-thả, không phải là một dân-tộc tinh-nhã cao-cường, thì sao lại có những cái lịch-sử văn-vận

xương-minh, vũ-công hiển-hách, Nho-học thuần-túy, Phật-học siêu-kỳ. Nay muốn suy-xét về vấn-đề quốc-văn, trước hết phải trông ra non nước, ngắm vào sử-xanh cái dã, rồi mới có thể bàn về cỗi-rễ quốc-văn được.

Nước ta về hồi thượng-cổ, mười tám đời Hùng-vương, khoảng hai nghìn năm dĩ-tiền, đại-khái là một dân-tộc thái-cổ, dân-tục còn vẽ mình, (vẽ sắc lang-lổ vào mình), dân-số còn ít-ỏi, chưa có văn-hóa gì cả. Rồi về hồi trung-cổ, thuộc Triệu thuộc Hán, thuộc Ngô thuộc Tấn, thuộc Lương, thuộc Đường. Khoảng hơn một nghìn năm ấy, chính-thể biệt-lập ra đế-quốc như nhà Triệu, chính-thể biệt-lập ra vương-quốc như ông Sĩ-vương, chính-thể thái-thú, chính-thể thứ-sử như nhà Hán, chính-thể Giao Quảng hợp-nhất, Giao Quảng phân-trị như nhà Ngô nhà Tấn, chính-thế đô-hộ như nhà Đường Chính-thể thế nào mặc dầu, người Trung-hoa đối với Nam-phương, thủy-chung vẫn chỉ có hai cái chính-sách, một là khai-văn-hóa, hai là hỗn-chủng-tộc. Thực-tâm mà thực-hành, không chút gì giả-dối, như ông Nhâm-Diên, ông Tích-Quang, ông Sĩ-Nhiếp (Sĩ-Vương), dạy dân cầy-cấy, dạy dân giá-thú, dạy dân lễ-nhạc, dạy dân văn-học, đều là người hiền-trứ về thời-kỳ ấy. Mà có phần bình-đẳng, như ông Lý Cầm làm chức thú lịnh ở đất nhà Hán, ông Khương-Công-Phụ dự chức tể-tướng ở triều nhà Đường, ông Lý Tiến, ông Khúc-Hiệu làm chức thứ-sử, làm chức tiết-độ thống-lý cõi Nam, Lý Cầm, Lý Tiến, Khương, Công-Phụ, Khúc-Hiệu, đều là thuần-túy người Nam.

Nói về đường văn-hóa, thì người Nam ta là tờ giấy còn trắng, người Trung-hoa đem chữ nho viết vào. Người Nam ta là thửa ruộng còn nguyên, người Trung-hoa đem hạt Khổng hạt Mạnh, hạt Phật hạt Lão, hạt Quản hạt Mặc, hạt Tôc hạt Ngô, hạt Lý hạt Đỗ, hạt Âu hạt Tô, hạt Hàn hạt Liễu gieo vào. Nói về đường chủng-tộc thì trong cái thời-kỳ đằng-đặc hơn một nghìn năm, giống người Nam với giống người Bắc, đã thành ra như hai thứ bột nhỏ, nhào lẫn với nhau, nặn lại thành bánh, mà hấp lên cho chín rồi, không thể sao phân-tích được nữa. Không phải chứng đâu xa, xem ngay như các cửa họ trong dân-tộc nước ta hiện nay, nào họ Lý, họ Nguyễn, họ Lê, họ Trịnh, họ Vương, họ Tạ, họ Phan, họ Trần, họ Đào, họ Phạm, họ Bùi, họ Hoàng, họ Ngô, họ Lâm, họ Diệp, họ Tống, họ Đỗ, họ Hà, họ Đinh, họ Bạch, các họ nữa, vân-vân, dân-tộc Trung-hoa có họ gì, thì dân-tộc nước ta có họ ấy.

Lại nói về các chữ nho nhập-tịch trong quốc-âm. Đại-để hồi thượng-cổ nước ta, muôn điểm còn thiếu-thốn cả, ví như chỗ đất còn trũng, chửa thể cày cấy được, kịp có văn-hóa của Trung-hoa tràn vào, ví như nước sông Hồng-hà, vận chở những sa-thổ đến, chỗ đất mới phẳng-phiu, mới có thể cày cấy được. Cho nên những tiếng chữ Nho nhập-tịch trong quốc-âm, kể là Hằng-hà sa-số. Bắt đầu những tiếng thuộc về luân-lý, thuộc về chính-trị. Rồi đến những tiếng thuộc về tình-tình, thuộc về phong-tục, thuộc về văn-học, thuộc về triết-học. Thậm-chí những tiếng thuộc về nhật-dụng lao-động, những tiếng thuộc về ngạn-ngữ ca-dao, nhan-nhản những chữ nho. Những tiếng chữ một chữ đôi nhập-tịch đã đành, lại những câu phương-ngôn tục-ngữ, có nhiều câu thuần-túy là một câu chữ nho. Người văn-học nói chữ nho đã đành, thậm-chí các ả chít khăn mỏ quạ, sắn váy quai cồng đi chợ-búa, các chú lưng đen khố cao, cổ cày vai bừa ở nhà-quê, cũng thường nói đến chữ nho. Nhất là các ả các mụ nón thất quần chồi, tay cầm đấu cầm cân, chợ-búa ngược-xuôi, lịch-duyệt nhiều, khi tranh-biện giao-thiệp, hoặc khi

đi đường-trường nói chuyện vã. Thôi thì : *tiền trách kỷ hậu trách nhân, linh tại ngã bất linh tại ngã*. Thôi thì : *đức giả bần dã, tài giả mạt dã*. Thôi thì : *hậu giả hậu chi, bạc giả bạc chi*. Thôi thì : *thiên-hạ-sự bất ngoại hồ thành-thực, hoàng-thiên bất phụ hảo-tâm nhân*. Thôi thì : *phu phụ hòa gia-đạo thành, gia-đình hữu phúc khán nhi-tôn*. Thôi thì : *vạn tội bất như bần, phú-quí sinh lễ-nghĩa*. Chữ nho nói ra vanh-vách, nghe thú quá ! Lại nhất là các ả đi cấy ở cánh đồng xa, thỉnh-thoảng véo-von hát lên những câu :

— Thân em là gái phận Đằng,
Bên Tề bên Sở biết rằng theo ai.
— Hỡi con vịt nước kia ơi,
Sao mày vùng-vẫy ở nơi Ngân-hà.
— Phận gái lấy được chồng khôn,
Xem bằng cá vượt Vũ-môn hóa rồng.
— Lộc còn lần bóng cây tùng,
Thuyền-quyên đợi khách anh-hùng vãng-lai.
— Có tiền thì hậu mới hay,
Có trồng cây đức mới dày cảnh nhân.
— Thứ nhất là tu tại gia,
Thứ hai tu chợ thứ ba tu chùa.
— Trong ba mươi sáu đường tu,
Đường nào phú-quí phong-lưu thì làm.
— Phong-hoa tuyết-nguyệt làm chi,
Rày lần mai nữa còn gì là xuân.

Câu nào cũng điểm-nhiễm chữ nho, nghe cũng mầu-nhiệm thay ! cốt-cách thay !

Nước ta tuy hấp-thụ chữ nho, nhưng lại chuyển ra quốc-âm mà nói, không bắt-chước tiếng người Trung-hoa. Nói chữ nho tức là nói tiếng nước mình, không phải ngượng miệng, mà nghe vẫn thuận tai, chỉ khi viết ra là hình chữ nho mà thôi. Chữ nho tức là chữ nước mình, cho nên người Nam ta thường gọi chữ nho là «chữ An-Nam». Hấp-thụ chữ nho, hấp-thụ lấy cốt-cách, lấy tinh-thần, không phải là con iếng chữ nho nữa, đó thực là một cái đặc-sắc của người Nam. Chừng là người Trung hoa khi xưa, thành-tâm khai-hóa về văn-giáo, không cưỡng-bách về ngữ-ngôn, đó là một cớ. Người Nam ta có cái đặc-tính yêu-mến thổ-âm, đó là hai cớ.

Quốc-văn ta tự hồi Trần Lê về sau này, không phải là không đã từng đại-phát-đạt. Dân-tộc nước ta vì các đường nguyên-nhân như trên, đã lấy chữ nho làm quốc-văn, thì văn-chương chữ nho phát-đạt, tức là quốc-văn phát-đạt. Trên tự triều-đình, dùng chữ nho đủ kỷ-cương, đủ hiến-pháp. Ngoài với thế-giới, dùng chữ nho đủ giao-thiệp, đủ khai-thác, đủ cạnh-tranh. Dưới đến gia-đình xã-hội, dùng chữ nho đủ thả h-lập. Thứ-chí đến các nhà đạo-học, các nhà thi-hào, văn-hào, dùng chữ nho đủ phát-huy tư-tưởng, tô-điểm non-sông. Trong thời-kỳ lập-quốc, tự Đinh Lý đến Bản-triều, hơn một nghìn năm, chữ nho đã hồn-nhiên đứng về địa-vị quốc-văn. Tuy có một lối chữ nữa gọi là « chữ Nôm », chẳng qua gá mượn âm-nghĩa chữ Nho, làm lối ghi chép phỏng-chừng mà thôi, chứ cũng chưa thành ra một thứ chữ có mẹo-luật gì cả. Mà thứ chữ ấy đối với đại-cương, đại-hiến, đại-văn-chương trong dân-tộc, cũng không có quan-hệ gì cả. Trong thời-kỳ ấy, quốc-văn với quốc-ngữ phân-minh đứng về hai phương-diện. Quốc-văn thì là chữ nho, thâm-thúy điển-nhã, những người thượng-lưu thức-tự chuyên dùng. Quốc-ngữ thì là những tiếng nôm-na thông-tục trong xã-hội, và những lời phong-dao ngạn-ngữ trong dân-gian, những người bình-dân không thức-tự thường dùng. Quốc-văn với quốc-ngữ khi ấy, sao không trái ngược nhau ? Là vì không-khí trong xã-hội đã có một luồng quốc-âm, quốc-ngữ là quốc-âm, quốc-văn

cũng là quốc-âm. Cho nên một luồng không-khí trong dân-tộc, vẫn thấy điều-hòa thảnh-thơi, không trái ngược gì nhau cả. Phát-đạt thì cứ phát-đạt về đường quốc-văn, thông-hành thì cứ thông-hành về đường quốc-ngữ, điều-hòa thì sẵn điều-hòa về đường quốc-âm. Đó là cái lịch-sử quốc-văn với quốc-ngữ của dân-tộc ta về thời-kỳ ấy, mà cũng là cái chân-tinh-thần, chân-sắc-tướng của dân-tộc ta về thời-kỳ ấy. Thời-kỳ ấy cũng không ngắn-ngủi gì, Đinh, Lê, Trần, Lý, Bắn-triều, có lẽ một nghìn năm. Thời-kỳ ấy cũng chẳng xa gì, ngày nay người bốn năm mươi tuổi trở lên, hãy còn trông thấy.

Xem các nguyên-nhân như trên, bảo rằng bảo-tồn quốc-túy, dân-tộc ta nếu lìa chữ nho ra, thì ít còn gì là quốc-túy nữa. Bảo rằng phát-huy quốc-văn, dân-tộc ta nếu lìa chữ nho ra, thì ít còn gì là quốc-văn nữa. Bảo rằng học-tập quốc-ngữ, dân-tộc ta nếu lìa chữ nho ra thì còn gì là quốc-ngữ nữa. Xem cái mầu-nhiệm quốc-túy ngày nay và cái tình-trạng quốc-văn quốc-ngữ ngày nay, thì tưởng cũng không sai.

Lại xin bàn về lối chữ Quốc-ngữ của các cố đạo phương Tây đặt ra, tức là lối chữ Quốc-ngữ hiện-hành ngày nay. Về hồi thập-thất thập-bát thế-kỷ, khoảng ba trăm năm nay, các cố đạo ở các nước Tây-phương, nối gót nhau sang truyền-giáo bên Đông-phương. Tiện nhất là ở nước Trung-hoa, vì Trung-hoa tuy là một nước rất lớn, tiếng nói các địa-phương cũng có sâm-si khác nhau, nhưng cùng một thứ văn-tự, thượng-lưu thì dùng cổ-văn, bình-dân thì dùng bạch-hoại, dịch kinh giảng đạo tiện lắm. Khó nhất là ở nước Ấn-độ-Ấn-độ to lớn, cũng chẳng kém gì Trung-hoa, mà nhân-dân có mười mấy thứ chữ, mười mấy thứ tiếng, chỉ ở đâu hay đấy mà thôi, in kinh truyền đạo thật là khó-khăn. Khi các cố đến nước Nam ta, các cố tất cũng nhận-chân rằng chế-độ phong-tục nước Nam, tức là chế-độ phong-tục Trung-hoa, quốc-văn nước Nam tức là quốc-văn Trung-hoa, cái phương-pháp truyền-giáo ở Trung-hoa thế nào, thì cái phương-pháp truyền giáo ở nước Nam cũng thế, không khác gì nhau; giá nước Nam cũng có một thứ chữ bạch-hoại như Trung-hoa, thì các cố tất lợi-dụng ngay thứ chữ ấy, bất-tất phải sáng-tạo ra lối chữ khác nữa. Duy nước Nam trừ một lối chữ Nho để cung-cấp thượng-lưu ra, thì chỉ có một thứ chữ Nôm phiền-phức rậm-rì, mà lại không có phép-tắc nhất-định gì cả, không thông-hành trong dân-gian được, thượng-lưu thì đã vậy, còn bình-dân thì làm sao? Các cố biết rằng cái chữ Nôm ấy không thể sao lợi-dụng được, mới phải suy-cầu lựa-lọc cái phép đánh vần của lối chữ phương Tây, sáng-tạo ra một lối chữ Quốc-ngữ mới, cũng là một đoạn khổ-tâm của các cố. Kỳ-thủy cũng là để tiện dùng trong nhà đạo mà thôi, không ngờ đâu có ảnh-hưởng lan rộng ra như sau này. Lạ gì lối chữ Nôm mờ-ám rậm-rì kia, một ngày một chết dần đi, lối chữ Quốc-ngữ tiện-lợi nọ, một ngày một sinh-hoạt ra, cũng là cái lẽ tự-nhiên. Tự hồi quí-quốc mới sang bảo-hộ, cho đến hồi tràng thi Hương Nam-định, viện thi Hội Thừa-thiên chửa triệt bỏ gần đây, khoảng hai ba mươi năm ấy, chữ Quốc-ngữ ở trong chính-trị-giới, giao-thiệp-giới, chẳng qua để làm môi-giới cho chữ Nho chữ Tây mà thôi, quốc-dân vẫn thường khinh-rẻ, chửa có giá-trị gì cả. Người học chữ Tây thì cho rằng chữ Quốc-ngữ không phải là đường kiếm tiền. Người học chữ Nho thì cho rằng chữ Quốc-ngữ là thô-thiển, gia-dĩ lối ngòng-ngoèo viết ngang, trái ngược với lối nghiêm-trang viết dọc, vậy nhà nho thì lại càng không hoan-nghênh lắm. Ngoại mười năm gần đây, phép thi thay-đổi. Ông huyện

chữ nho về hưu, bàn-giao lại cái vinh-dự cho ông chuyện chữ Tây, chữ Quốc-ngữ chẳng khác gì tên lính-lệ lơ-láo đứng một bên, chẳng ai hỏi gì đến, than ôi! thương thay! Quốc-dân khi ấy mới bàng-hoàng ngơ-ngác, cho rằng chữ nho thì thâm-thúy khó-khăn, không thích-hợp với thời-thế, chữ tây thì là thứ chữ ngoại-quốc, sao cho phổ-cập được dân-gian, mới hồi-tưởng lại chữ Quốc-ngữ là tiện-lợi, vả chăng là thứ tiếng mẹ đẻ, tương-lai sự tiến-bộ của quốc-dân, tất phải nhờ về chữ Quốc-ngữ. Các nhà thượng-lưu học-thức gia-tâm chấn-hưng hô-hào, nào tân-văn Quốc-ngữ, nào tạp-chí Quốc-ngữ, nào thư-quán Quốc-ngữ, kế-tiếp xuất-hiện. Quốc-dân đối với Quốc-ngữ, cũng đã kể là nhiệt-thành. Những người chân-chính trong nước đối với Quốc-ngữ, cũng đã có phần đậm-đà thiết-tha. Mà hay sao, ảnh-hưởng chữ Quốc-ngữ có lan rộng, mà cái giá-trị chữ Quốc-ngữ vẫn không thấy tăng cao, sự đó không phải nói ra, tưởng cũng khắc rõ. Mới đây thì một là do các ông thượng-lưu trong nước đem thành-tâm vận-động với chính-phủ sự học Quốc-ngữ, hai là do chính-phủ có lòng rộng-rãi xét đến sự học của người Nam, chữ Quốc-ngữ ở trong học-giới, đã tham-dự được một cái địa-vị nho-nhỏ, không đến nỗi trơ-vơ như trước. Tưởng quốc-dân cũng nên lấy làm một cái cơ-hội khá mừng, đem tín-lực đối với quốc-văn, đem thành-tâm đối với chính-phủ, kẻ xướng có người họa, kẻ làm thiện có người hoan-nghênh, khiến cho trong làng quốc-văn có khởi-sắc dần lên, thì sau này há không có hiệu-quả tốt-đẹp hẳn-hoi. Nếu quốc-dân đối với quốc-văn, đem lòng hững-hờ, hoặc sinh lòng chán-nản, há chẳng phải là một sự lầm to!

Ấy cái lịch-sử chữ Quốc-ngữ, tự lúc phôi-thai cho đến năm sáu mươi năm gần mới đây, đã kể qua như trên. Nay hãng xin kể về cái ưu-điểm chữ Quốc-ngữ. Trẻ con học chữ Quốc-ngữ, mười ngày là thuộc vần, nửa tháng là biết dịch biết viết, một tháng là biết đọc, sáu tháng hoặc một năm là quen mắt trơn miệng, tưởng thế-giới không có thứ chữ gì học mau-chóng được như thế. Tôi còn nhớ năm tôi còn nhỏ, là năm qui-quan mới ra Bắc-kỳ, có một người thuật chuyện với tôi về sự học Quốc-ngữ rằng: « Cậu có muốn học Quốc-ngữ không? Tôi xin dạy cậu, sáng dạ như các cậu, chỉ ba ngày là xong thôi. Năm tôi đi làm cho ông Tây ấy ông Tây nọ, tôi rủ hai ba anh em bạn đến học chữ Quốc-ngữ ở nhà một thầy thông-ngôn, sớm chiều thì bận việc, trưa thì đi hỏi vần, tối thì về học vần, học mãi đến quá nửa đêm mới đi ngủ. Ông Tây ở nhà trên, chúng tôi ở nhà dưới. Ông Tây gọi lên trách rằng: « Chúng bay làm gì thế, mất cả giấc ngủ của tao, từ rầy phải im đi ». Tôi nói rằng: « Tôi học chữ Quốc-ngữ, tôi thấy người ta biết chữ, miệng đọc tay viết, tôi không biết chữ, tôi xấu-hổ lắm. » Ông Tây gật đầu nói rằng: « Thế thì tốt lắm, tao bằng lòng lắm, chúng bay cứ học đi. » Tôi chỉ học có mười hôm, rồi tôi thôi, từ đấy tôi chỉ lầm-dầm tôi dịch, tôi viết. Cách nửa tháng nữa, ông Tây lại gọi lên trách rằng: « Chúng bay xấu lắm! trước sao chăm mấy, giờ sao lười mấy, học thì phải ngày tháng học luôn-luôn, thì mới biết chữ được. » Tôi nói rằng: « Tôi tinh cả rồi, không phải học nữa ». Ông Tây trừng mắt mắng rằng: « Mày nói man, tao ngày xưa đi học, hai ba năm trở ra, mới gọi là người biết chữ, mày mới học có mười ngày, đã rằng tinh cả rồi, mày là người giả-dối, không thật-thà, từ rày tao không tin mày nữa. » Tôi nói rằng: « Ông chẳng tin, thì tôi đem bút giấy lên đây, tôi làm cho ông xem, trong chỗ ngồi của ông, ngoài thiên-hạ-

sự, trên trời dưới bể, thượng vàng hạ cám, tôi đọc tôi viết ra được cả, chẳng những tôi đọc tôi viết được tiếng An-Nam mà thôi đâu, tôi lại đọc lại viết được cả tiếng tây của ông nữa. » Ông Tây ừ. Quả-nhiên thấy tôi tay viết nhoay-nhoáy, miệng đọc lau-láu. Ông Tây lấy làm khiếp quá, bá cổ tôi hôn tôi một cái! Tôi lại nói với ông Tây rằng: « Như tôi là dốt dấy, nước An-Nam tôi những con nhà quan họ sáng dạ, mới tí-nhau thế này, nếu học Quốc-ngữ chỉ ba ngày thôi. » Ông tây chỉ lắc đầu cười. » — Câu chuyện cũng thú-vị, mà cũng đã hiển-chứng ra được cái ưu-điểm của chữ Quốc-ngữ. Nay chúng ta thử bình-tĩnh mà luận, thì người ấy tưởng cũng đã thừa tài mà đại-biểu cho phương-diện Quốc-ngữ; còn về phần-quốc-văn, thì người ấy quả đã đủ sức mà gánh-vác hay chưa?

Lại xin kể về cái liệt-điểm chữ Quốc-ngữ ghét mà biết tốt, yêu mà biết xấu, vốn là đạo chính-tâm. Nay chúng ta đã yêu chữ Quốc-ngữ, càng yêu bao nhiêu, thì lại càng phải xét đến bấy nhiêu, mà mong có ngày chấn-chỉnh lại, tưởng như thế mới là thâm-tình.

Chữ nho phần nhiều là phép tượng-hình, trông vào chữ, như trông kẻ cố-nhân, nhưng cũng có phép phiên-thiết ra tiếng mà gọi lên chữ, chữ nho cũng không phải toàn-nhiên bỏ thanh-âm. Chữ tây chuyên về phép tiêu-âm, nhưng tiếng tây là tiếng liên-âm, khi viết ra chữ, cũng hình-tượng sâm-si, như hình long-xà, có thể-thế khá coi. Đến như chữ Quốc-ngữ, âm một nghĩa một như chữ Nho, mà vần ngang viết ngang như chữ Tây, khi viết ra chữ, khác nào như một xâu tràng-hạt, không thích-hợp với con mắt người. Đó là một điều liệt-điểm.

Chữ thì phải có mẹo-luật, chữ có mẹo-luật, như người quân-tử đã thành-đức, chữ mà không có mẹo-luật, thì như con người chưa có giáo-dục. Chữ nho tuy không mẹo-luật hiển-nhiên, nhưng có mẹo-luật ngầm, vì có nhiều bộ-phận tham-hợp, và ý-nghĩa thâm-vi. Chữ tây thì mẹo-luật hoàn-bị, nghiêm-khắc tinh-vi. Đến như chữ Quốc-ngữ thì toàn-nhiên không có mẹo luật gì cả, tuy *s*, với *x*, *ch* với *tr* mấy vần, cũng chẳng qua bảo nhau dùng cho quen mặt chữ đấy mà thôi, chứ cũng không bằng-cứ vào đâu, khiến cho quốc-dân ấn-định nhất-luật được. Vả chăng mẹo-luật trong chữ, còn tinh-vi phiền-phức về nhiều, chứ mấy vần ấy cũng không đủ làm mẹo được. Học chữ Nho chữ Tây, nếu chưa hiểu được ý-nghĩa mẹo-luật, thì khi viết ra chữ, trông thấy dốt ngay. Cho nên học chữ Nho chữ Tây phải có công-phu, có công-phu sẽ có thức-thú, có thức-thú sẽ có tấn-tới, học chữ quốc-ngữ thì không thế. Chữ Quốc-ngữ sở-dĩ sinh-hoạt được mau chóng, là vì cớ ấy, mà sở-dĩ trở-lực khó tiến-bộ lên được, cũng là vì cớ ấy. Đó là hai điều liệt-điểm.

Chữ phải có dấu, chữ nho có dấu đánh ở bốn góc chữ, chữ tây cũng có dấu đánh ở trên chữ, dấu là để làm mẹo mà thôi, lỡ có mất dấu cũng không sao; vì dấu chữ tuy mất, nhưng hồn chữ vẫn còn. Chữ Quốc-ngữ thì lấy năm dấu để làm tiếng, mà dấu thì cứ phải đánh luôn-luôn, lỡ ra mất dấu thì nguy ngay; như *bây giờ*, *bấy-giờ*, *con người*, *con ngươi*, hồn chữ đổi hẳn đi, thật là bất-tiện lắm. Chữ Quốc-ngữ tiện-lợi, thực là vì năm dấu, bất tiện-lợi, cũng là vì năm dấu. Đó là ba điều liệt-điểm.

Chữ nho nhập-tịch trong Quốc-ngữ, văn Quốc-ngữ không mấy câu là không có chữ nho, mà chỉ có tiếng chữ nho, không có mặt chữ nho. Khác nào chữ nho đã khuất mặt đi ở dưới đường âm, dễ mấy người đã chịu khó gọi hồn chữ nho lên. Nếu không gọi được hồn

chữ nho lên, thì Quốc-ngữ cũng chẳng thành ra Quốc-ngữ nữa. Đó là bốn điều liệt-điểm.

Dân-tộc nước ta vốn là dân-tộc Đông-phương, dân-tộc ngòi bút lông, nét vẽ người nước ta, há không biểu-lộ ra cái tinh-thần mĩ-ái của người nước ta. Phải biết rằng nét vẽ là quan-hệ lắm, vừa quan-hệ về đường mĩ-thuật, vừa quan-hệ về đường tinh-thần, nghề vẽ là nghề biểu-lộ ra tinh-hoa cốt-tướng của dân-tộc, chứ không phải là nghề chơi. Người Đông-phương phải biết lối vẽ Đông-phương, thì nét vẽ mới có giá-trị. Nhưng lối vẽ Đông-phương, lại cốt ở nét chữ ngòi bút lông mà ra, chữ có tốt thì vẽ mới khéo. Chữ Quốc-ngữ dùng bằng bút sắt bút chì, thì nghề họa-học trông thấy nhau ngay. Quốc-dân chơi tranh, cứ phải mua tranh Tàu, vì tinh-tình người Đông-phương thích-hợp nét vẽ với Đông-phương, mà tranh Tàu thì mua đắt tiền, xót ruột lắm. Đó là năm điều liệt-điểm.

Nay thử hỏi một câu rằng cái tiền-đồ quốc-văn, có nhờ về thứ chữ Quốc-ngữ ấy được không? Kẻ đối với quốc-văn có cảm-tình ít, thì cũng chẳng khó gì trả lời ngay rằng được. Kẻ đối với quốc-văn có cảm-tình nhiều, thì cũng phải nghĩ-ngợi một chút, rồi mới trả lời được. Hay hoặc trả lời phắt rằng không, thì thiết-tưởng cũng là một hạng người quá thương quốc-văn, quá nhiệt-thành với quốc-văn, mà đem lòng yếm-thế đấy thôi, chứ tôi cũng không dám thừa-nhận cái câu trả lời rằng không ấy.

Hiện nay thứ chữ Quốc-ngữ ấy, đối với quốc-dân, đối với quốc-văn, đã là một thứ chữ có cái tình-thế độc-nhất vô-nhị. Thời-kỳ trước chúng ta đã qua rồi, thời-kỳ sau chúng ta thế nào chúng ta chửa biết, chúng ta đã sinh về thời-kỳ này, lại chẳng nên quả-quyết mà lợi-dụng đó hay sao. Đã lợi-dụng thì đừng đem lòng hoài-nghi. Nghĩa là dụng-hiền vật-nghi, đã nghi thì đừng dụng, đã dụng thì đừng nghi. Song-le, chữ Quốc-ngữ quả là có chốn nên trân-trọng bảo-tồn, mà cũng không phải là không có chốn nên nghiên-cứu sửa-đổi. Vì chưng tín-dụng, mới nên nghiên-cứu sửa-đổi.

Tôi cũng chắc rằng chữ Quốc-ngữ ấy đối với phương-diện quốc-văn, tất phải kinh-qua một thời-kỳ sửa-đổi, chẳng sớm thì muộn, chẳng ở về đời hiện-tại, thì ở về đời tương-lai. Vì quốc-văn như cái đồ bảo-tàng, quốc-ngữ như cái nhà bảo-tàng, quốc-văn như cái đồ lực-lượng to-tát, quốc-ngữ như cái xe đi nghìn dặm. Quốc-văn mà chẳng phát-đạt thì chớ, quốc-văn mà đến thời-kỳ phát-đạt, thì những bậc tài-tử tất không chịu đem văn-chương to-tát quí-báu xếp vào một cái nhà đơn-sơ, chửa đủ tinh-cách tàng đồ báu, chở bằng một cái xe cầu-thả, chửa đủ bộ-phận đi nghìn dặm.

Tôi lại chắc rằng cái ưu-điểm của chữ Quốc-ngữ ấy, tương-lai còn có phần lan rộng ra thế-giới. Vần Quốc-ngữ thoát ở vần Tây ra, lại giống như phép chữ nho đánh phiên-thiết, cũng chẳng lạ gì. Duy năm cái dấu nặng, sắc, huyền, hỏi, ngã, thật là tài-tình, vô-luận thứ chữ nước nào đánh ra cũng được, tương-lai tất có nhiều người thái-dụng cho tiện. Duy khi thái-dụng, người ta tất cũng sửa đổi cho được hoàn-thiện để hợp với mẹo chữ phép viết của nguyên-tố người ta, vị-tất người ta đã mê-tín mà dùng cả.

Sự sửa đổi chữ Quốc-ngữ không phải là sự dễ. Nước ta chữ Quốc-ngữ đã hiện-hành, nay muốn sửa đổi phải có cái phương-pháp giản-tiện khéo-khôn, đối với chữ Quốc-ngữ cũ không trái-ngược gì, mà có chốn diệu-dụng, thì mới có thể thực-hành được. Nếu

thay đổi thêm bớt chữ vần mẫu, mà chẳng có diệu-dụng gì, thì chẳng qua là vẽ rắn thêm chân, mà lại làm mất cái tinh-thần thể-chế cũ của người ta đi, thì bao giờ lại thực-hành được. Hiện nay tôi sở-kiến sở-văn những lời của các bạn trong làng quốc-văn bàn ra, các ông ấy phần nhiều là những người đối với quốc-văn, có lòng ưu-ái, có lòng nhiệt-thành, có ngày nói ra, biết đâu không có ngày thực-hành. Vả lại cũng là một sự vui trong làng quốc-văn, hãng biết rằng trong làng quốc-văn có nhiều người nhắc đến bàn đến, chẳng hơn tịch-mịch ư ?

Có một ông bạn bàn rằng nên bỏ hẳn cái hình năm dấu đi, mà giữ lại cái âm năm dấu, dùng chữ *d* làm dấu huyền, chữ *l* làm dấu sắc, chữ *r* làm dấu nặng, chữ *s* làm dấu hỏi, chữ *x* làm dấu ngã, đặt ở cuối chữ, thì không lo hay mất dấu nữa, hình chữ lại có phần chỉnh-chện hơn trước, mà khi sắp chữ viết chữ cũng vẫn tiện lắm, không phiền gì cả.

Lại có một ông bạn bàn rằng sửa đổi như thế, là rất phải rồi. Nhưng mà cái hình năm dấu đừng bỏ đi, cứ để vậy mà dùng làm dấu mẹo. Như dấu nặng nó ở dưới, thì để dùng làm dấu mẹo các chữ nho nhập-tịch, cho khỏi lẫn với các dấu trên. Còn bốn dấu huyền, sắc, hỏi, ngã, nữa thì để dùng làm dấu các mẹo động-từ, tĩnh-từ, trạng-từ, đại-từ, vân-vân. Làm mẹo-luật nhất-định cho chữ Quốc-ngữ, khiến chữ Quốc-ngữ có luật có hồn hẳn-hoi, không cẩu-thả nhố-nhăng như trước nữa. Như thế thì việc nhà in sắp chữ, những chữ có dấu rồi không phải bỏ đi nữa, lại có phần tiện hơn. Nếu như thế, thì tôi đây cũng còn xin đi học Quốc-ngữ đây. Vì nếu chửa tinh-tường mẹo-luật Quốc-ngữ, thì sợ rằng viết ra người ta cười rằng dốt. Tôi tinh-tường được mẹo-luật Quốc-ngữ, thì tôi sẽ là người có hồn quốc-văn rồi, khó gì sự tiến-bộ về quốc-văn. Nếu chữ Quốc-ngữ mà như Quốc-ngữ ngày nay, thì tôi tuy bá-láp, nhưng mắt tôi miệng tôi tay tôi đã là ông thánh Quốc-ngữ rồi đây, tôi cần gì học Quốc-ngữ nữa, mà tôi biết cái hồn quốc-văn là thế nào.

Lại có một ông bạn phàn-nàn rằng : Tôi vì yêu quí quốc-âm, khi đắc-cú nghĩ được bài thơ hoặc bài văn quốc-âm, cũng là sự « nên câu tuyệt-diệu ngụ trong tinh-tinh ». Muốn để lên bức liễn trắng đẹp, hay là tập giấy hoa-tiên để chơi, hay hoặc để phô-phang cảnh-tình nữa. Nghĩ đi nghĩ lại, viết bằng chữ Nôm thì ai xem được, viết bằng chữ Quốc-ngữ thì bút sắt không dùng được, mà thể-thế chữ Quốc-ngữ, khó phần để lên mà coi được. Chỉ có một cách lấy bút chì kẻ ra, đem bút lông bôi vào, thu-xếp chữ Quốc-ngữ như hình con ốc, hoặc như hình cái đĩa. Như thế thì phiền lắm, mà trên tường trên vách bao nhiêu ốc bao nhiêu đĩa, cũng không chơi được. Bất-đắc-dĩ lại thôi, liễn đẹp giấy đẹp đành bỏ xó. Từ đấy đối với câu thơ câu đối hoặc câu văn quốc-âm, hình như nản-hứng, không đắc-hứng như trước nữa. Những câu đắc-hứng, thường mà có danh-sơn vận-sự cũng nên. Thơ văn Đường Tống với thơ văn các cụ ta ngày xưa, phần nhiều trong đắc-hứng mà ra, có ai đã vội-vàng đem phô-bày với đời để kiếm chút lợi bao giờ. Ai thì không biết, chứ như tôi, thì Quốc-ngữ thế này, tinh-tình cao-hứng, vận-sự danh-sơn, dễ xếp xó mất. Lại khi có người vẽ được bức tranh nhờ tôi đề, vì có họa thì phải có thơ chứ, thế nào là nhất-thi nhất-họa, hợp lối-lăng kiểu-cách, thì mới dễ coi, mà mới có nhiều kẻ hoan-nghênh. Tôi phải đề bằng chữ nho, thì-buồi quốc-âm, mà đề chữ nho, cũng là bất-đắc-dĩ. Vả lại một tay vẽ, lại phải cầu một tay đề, nghĩ cũng

khốn thay! Mà tôi đề, thì tôi chỉ thú riêng một mình tôi, đến người có tranh, cũng không biết thú nữa, nghĩ cũng ngán thay! Tôi muốn sửa đổi chữ Quốc-ngữ, đánh vần thì cứ theo như phép đánh vần tây, nét chữ với thể chữ thì dùng bằng chữ nho. Như là các vần bằng thì chỉ gọi là: *bờ*, *cờ*, *chờ*; các vần trắc thì chỉ gọi là: *ác*, *ắc*, *ấc*, vân-vân. Đại-để vần bằng thì lấy bộ chấm-thủy, bộ mịch-bằng, bộ mộc-bằng làm vần *bờ*, *cờ*, *chờ*, vần trắc thì lấy chữ *công*, chữ *vương*, chữ *ngọc*, làm vần *ác*, *ắc*, *ấc*, vân-vân. Thí-dụ chấm-thủy bằng chữ *công* tức là chữ *bác*, mịch bằng chữ *công* tức là chữ *các*, mộc bằng chữ công tức là chữ *chác*. Còn như năm dấu, dấu huyền sắc hỏi ngã thì dùng dấu *bình*, *thượng*, *khứ*, *nhập*, vòng một cái ở góc chữ của chữ nho, dấu nặng thì dùng dấu cá-cá hai cái ở bên cạnh chữ của chữ nôm. Chữ nho lại có lối viết thảo cực nhanh, khi đã quen mắt quen tay, thì tha-hồ mà thảo, xem được cả. Rồi lối chân, lối hành, lối tiểu-triện, lối bát-phân nữa. Duy bất đầu cách nhặt xếp chữ nho để ấn-định về vần Quốc-ngữ, thì nên có một cách khéo khôn; vần bằng thì tùy-nghi đã vậy, còn vần trắc thì nên dùng những chữ *công*, *vương*, *ngọc*, *điền*, *thân*, *giáp*, *ô*, *mã*, *vi*, *kỷ*, *phàm*, *phong*, *thúc*, *giản*, *lai*, vân-vân, khiến tiện cho cách viết, và kẻ sơ-học dễ nhận, vả chăng đừng làm mất cái nguyên-tố chữ Quốc-ngữ cũ, khiến cho cái nguyên-dạng chữ Quốc-ngữ cũ vẫn còn phảng-phất, mà lại sâm-si đẹp-đẽ cũng như chữ nho. Lối chữ ấy ngày nay chửa dùng, tương-lai sẽ có ngày dùng. Hay là xã-hội kiêm-hành cả hai lối chữ, lối chữ cũ phổ-thông ở mọi nơi, lối chữ này chuyên-môn ở nhà thơ nhà đề-họa. Vì nghề thơ, nghề đề, nghề họa là mọi nghề chơi thú chơi nhã của quốc-dân, mà là cái tinh-hoa của quốc-dân. Dân-tộc kém-hèn, chính kém hèn về những nghề ấy trước, dân-tộc phát-đạt, chính phát-đạt về những nghề ấy trước.

Các nhà bàn nói như trên, đều là những người có thành-tâm mĩ-ý về phương-diện quốc-văn. Tôi thuật ra đây, là muốn đem câu chuyện vui thú, cống-hiến trong làng quốc-văn, để các bạn trong làng quốc-văn rộng đường suy-xét. Về phần tôi, thì tôi cũng chửa dám để ý-kiến riêng gì cả, tôi chỉ xin bình-tĩnh thảo-luận về vấn-đề quốc-văn.

. .

Ngày nay, quốc-dân ta đối với quốc-văn, là thời-kỳ nghiên-cứu, thời-kỳ tu-chỉnh, chứ không phải là thời-kỳ chỉ nói truyền-bá, chỉ nói bảo-tồn như trước nữa. Vì quốc-dân phần nhiều người đã hiểu quốc-văn là ích-lợi cho tiền-đồ của quốc-dân. Nếu chỉ nói truyền-bá mà không nghiên-cứu, thì truyền-bá cũng vô-ích, chỉ nói bảo-tồn mà không tu-chỉnh, thì bảo-tồn cũng như không. Trong khoảng hơn mười năm nay, quốc-dân đối với quốc-văn quốc-ngữ phần nhiều người cho rằng quốc-văn tức là quốc-ngữ, quốc-ngữ tức là quốc-văn, phần ít người cho rằng quốc-ngữ với quốc-văn riêng hai phương-diện. Tôi lại xin nhắc rằng quốc-ngữ có phương-diện quốc-ngữ, quốc-văn có phương-diện quốc-văn, tôi thảo-luận ra bài này, là trộm để ý về phương-diện quốc-văn. Vì vấn-đề quốc-văn mới là vấn-đề trọng-đại khó-khăn, mới là vấn-đề tất phải nghiên-cứu.

Xin không dám kể về tương-lai, hẳng xin kể về hiện-cục ở trước mắt. Nay hỏi rằng cái gánh-vác quốc-văn hiện nay, nhờ về ai đội ai mang, mà kỳ-vọng cho tấn-tới phát-đạt? Chắc ai nấy cũng trả lời rằng nhờ về hai phái trong quốc-dân, một là phái các ông nhà nho, hai là phái các ôn

tân-học. Vì quốc-văn mới thoát-thai chữ nho ra chữ quốc-ngữ, còn đương lẩy-bẩy bâng-khuâng; lại vì quốc-văn còn phải thâu-thái những điều sở-trảng của văn-minh Tây-phương, còn đương mơ-màng bỡ-ngỡ. Một kho chữ nho thâm-thúy chồng-chất như tầng núi Thái-sơn, một kho chữ tây phong-phú mênh-mang như Đại-tây-dương-hải, chẳng hay chữ nho sao gây dựng được quốc-văn, chẳng hay chữ tây sao tài-bồi được quốc-văn. Cái gánh-vác quốc-văn, tất phải nhờ về hai phái ấy.

Trước xin kể qua cái tình-trạng các ông nhà nho. Nhà nho ở nước ta hiện nay, những ông túc-nho, tuy hoa thuộc cuối mùa, sao đến gần sáng, nhưng không phải là không còn nhiều người, mà cũng không phải là không sẵn tài-năng chế-tác quốc-văn. Song phần nhiều vì thời-thế thay đổi, mà bị cái cảnh-ngộ bần-khốn đeo-neo, ông thì vì khư-khư bảo-thủ cái lợi-lộc nhỏ-mọn riêng, hay hoặc vì chí-khí quá cao, hành-vi thất-bại nữa. Vì mọi đường nguyên-nhân ấy, mà cái bản-tướng nhà nho tiêu-ma dần đi. Thậm-chí có ông oán-hận chữ nho, hoặc có ông phỉ-báng chữ nho, tôi thật lấy làm lạ qua! Mà các ông đối với quốc-văn, trước kia khinh rẻ thế nào, thì ngày nay phần nhiều vẫn thế. Đã có mấy ông chịu quan-sát đến thời-cục, mà cho quốc-văn là vận-mệnh, để chí về danh-sơn, mà lấy quốc-văn làm sự-nghiệp. Ôi! Nhà nho sẵn nghề văn, cũng như cô đào sẵn nghề hát, ông sư sẵn nghề gõ mõ đọc kinh; cô đào không hát nữa, là sự nguy-hiểm cho nhà hát, ông sư không đọc kinh nữa, là sự nguy-hiểm cho nhà chùa, nhà nho không làm văn nữa, là sự nguy-hiểm cho quốc-văn. Đã hay mấy năm nay trong văn-xã không phải là không có nhà nho xuất-hiện. Nhưng cả một nước mà xuất-hiện được một số ít như thế, thì đã thấm là bao nhiêu, thực là không bằng một trường ông hưu-quan dạy học, một xóm đất văn-học ngày xưa. Nói cho đáng ra, hát là nghề cô đào, khi hát cũng phải có chiếu đứng mà hát, đọc kinh là nghề ông sư, khi đọc kinh cũng phải có bệ ngồi mà đọc. Cô đào kia cớ sao không hát, ông sư kia cớ sao không đọc kinh? Cái đó có điều khả-nguyên, chứ cứ trách khan trách vã mãi, thì cũng không phải là hợp lẽ. Cách bảy tám năm nay, bài «Kính cáo các bạn nhà nho», ông Nguyễn Bá-Trác thảo Hán-văn, tôi dịch quốc-ngữ, từng đăng ở *Nam-Phong* bản-chí, trách như thế, chứ tưởng còn trách thế nào nữa. Tuy vậy phương-diện quốc-văn ngày nay, đối với nhà nho còn quan-hệ lắm, quốc-dân còn phải thân-thiết với nhà nho mãi-mãi, nhà nho đừng vội-vàng vỗ nợ quốc-dân. Vì nhà nho đứng về vai xu-lợi thì bất-túc, đứng về vai danh-sơn trước-thuật thì hữu-dư, đứng về vai xuất-hiện thì bất-túc, đứng về vai nghiên-cứu cố-vấn thì hữu-dư. Song cái vai danh-sơn trước-thuật, nghiên-cứu cố-vấn ấy, phải ông nhà nho túc-học, chứ ông nhà nho chỉ có hư-danh mà thôi, thì tưởng cũng chưa hồ dễ. Nhưng thế nào mặc dầu, nhà nho đối với quốc-văn, là cái thiên-chức của nhà nho, mà là cái danh-dự tối-cao của nhà nho, cái vấn-đề quốc-văn, tức là cái vấn-đề nhà nho vậy.

Lại xin kể qua về tình-hình các ông trong phái tân-học. Địa-vị các ông tân-học, là địa-vị thích-hợp về thời-thế, mọi đường tiến-hóa về tiền-đồ, đều có phần hi-vọng ở các ông, chẳng những một phương-diện quốc-văn. Duy quốc-văn là một áng tinh-hoa của dân-tộc, cái nền tiến-hóa của quốc-dân; quốc-văn mà không phát-đạt, thì dù có nói ra mọi sự tiến-hóa về tiền-đồ,

cũng chẳng qua là phô-diễn ra cho đẹp chuyện đấy mà thôi. Nói thế không phải là hoang - đường, chắc những người thức-giả cũng đều nhận chân như thế. Hiện nay trong phái tân-học, đã từng có một số ít người, bốn năm mươi tuổi trở ra, thuộc về hạng tân-học cũ. Các ông ấy thường là chữ tây khá rồi, mới nghiên-cứu chữ nho, chữ nho thông rồi, lại xem rộng chữ tây. Hoặc chữ nho hiển-đạt rồi, lại nghiên-cứu chữ tây. Mà chữ tây với chữ nho kiêm-thông, làm ngôi sao sáng trong xã-hội, làm tay điều-hòa hai cái văn-minh mới cũ cho quốc-dân. Những nhân-vật ấy, rất có quan-trọng về thời-cục. Vì nay là buổi giao-thời, hai cái văn-minh Âu Á đương tiếp-xúc nhau, quốc-dân đương về thời-kỳ quá-độ. Những ngôn-luận bình-tĩnh, những văn-chương bổ-cứu, những ý-tứ sâu-xa, những sự-nghiệp thích-đáng có thể thực-hành được, mà mong sau này có phần kết-quả hay, phần nhiều là nhờ về những hạng nhân-vật ấy. Nhân-vật ấy sẽ là nhân-vật trung-hòa thiết-yếu ở nước ta ngày nay. Quốc-dân cũng nên mong rằng trong nước có nhiều nhân-vật ấy, phàm-sự trong nước, chẳng chóng thì chầy, quốc-bộ chẳng lo gì không tấn-tới, quốc-văn cũng chẳng lo gì không phát-đạt. Song-le tạo-thành được một nhân - vật ấy tưởng cũng không dễ đâu. Một là người ấy tuy có chức-sự, nhưng không đến nỗi phiền-phức gì cho lắm, hai là người ấy sự ứng-tiếp trong hàng ngày đã đủ dùng, không đến nỗi thiếu-thốn gì lắm, ba là người ấy sinh-hoạt về đường thanh-đạm, gần sự văn-học, bốn là người ấy có lòng cao-thượng hiếu-học, sẽ có thể tự mình lại tạo mình ra được nhân-vật ưu-mĩ xứng-đáng. Tựu-trung tuy có bốn điều sở-nhân, tóm lại là bởi một điều cao-thượng hiếu-học của các ông ấy. Lại gần đây trong phái tân-học, có nhiều những ông sinh-hoạt về đường chữ tây khá rồi, qua thời-kỳ thanh-niên, đến tuổi thành-lập, lại ham-mến chữ nho, để riêng thì - giờ nghiên-cứu chữ nho. Xem ra phần nhiều là vì để lòng quốc-túy, để ý quốc-văn. Quốc-văn sau này phát-đạt, có phần mong về các ông, nhiều hơn là mong về các ông nhà nho. Tôi cũng không dám nói ra cho cao-thượng lắm, để xa-cách với sự thực. Vì nhà nho phần nhiều già, các ông phần nhiều trẻ, nhà nho phần nhiều kiết, các ông phần nhiều phong, các ông cũng chẳng phong gì, so với nhà nho, chẳng phong cũng gọi là phong, nhà nho phần nhiều yếm-thế, các ông phần nhiều ra ngoài lịch-lãm cuộc đời, nhà nho phần nhiều có tính tự-mãn tự-cao, các ông phần nhiều có tính hiếu-học hiếu-vấn. Quốc-dân ta hiện nay phần nhiều người ước-ao rằng bộ Quốc-văn tự-điển chóng thành-công, trường Quốc-văn sư-phạm giáo - dục sớm đặt, tòa Quốc - văn Hàn - lâm, nhà Đông-phương văn-học bác-cổ-viện sớm tổ-chức, để hi-vọng cái nền tiến-hóa cho quốc-dân. Vì quốc-văn hiện nay, đã qua cái thời-kỳ phôi-thai, đến thời-kỳ truyền-bá, đã qua cái thời-kỳ truyền-bá đến thời-kỳ nghiên-cứu. Mà hiện nay bộ Quốc-văn tự-điển chưa có, mới bắt đầu làm, trường Quốc-văn sư-phạm giáo-dục chưa đặt, tòa Quốc-văn hàn-lâm, nhà Đông-phương văn - học bác-cổ-viện chưa lập, danh-dự quốc-văn chưa có chỗ tiêu-biểu phẩm-đề, tài-liệu Đông-phương-học chưa có nơi khảo - cứu. Quốc-văn cổ thì còn linh-tinh mờ-ám, chưa toàn thu-nhặt lại được thành sách mà chú-giải rõ-ràng. Quốc-văn mới thì kẻ hay người dở, kẻ phong-lưu, người lẩng-mạn, kẻ điền-nhã, người bát-nháo, còn lộn-xộn trong làng văn, chưa dễ phân-biệt. Sự nghiên-cứu quốc-văn của quốc-dân ngày nay, thực là một sự « nghề văn cũng lắm công-phủ, làng văn ta phải biết cho đủ điều », chứ không phải là một sự

« có sư có sách sẵn-sàng, có kho cẩm-tú nét vàng chưa phai.» Nhưng thế nào mặc dầu, quốc-văn đối với nhà tân-học, là cái thiên-chức của nhà tân-học, mà là cái danh-dự tối-cao của nhà tân-học. Vấn-đề quốc-văn, chẳng phải là cái vấn-đề nhà tân-học đấy dư?

Tuy-nhiên, sự nghiên-cứu quốc-văn, chế-tác quốc-văn, cũng phải có công-phu hàm-dưỡng mới nên. Xưa nay những người có học, giản-hoặc cũng có một hạng người học thật rộng, sách thật thuộc, nghĩa thật tinh, mà khi lập ra lời nói, viết ra câu văn, cũng chẳng hơn người, tựa như một kho tự-điển, không phải là một kho văn-chương, vì có công học-vấn, mà không có công hàm-dưỡng. Hàm-dưỡng là thế nào? Là dùng tài-liệu ở trong sách, bồi-dưỡng cho văn-tâm của mình về lúc bình-nhật, mà lại phải quan-sát ra cuộc đời, so-sánh về ngữ-học (cách sắp đặt lời nói của các dân-tộc), thì đường văn-chương mới có tiếng. Thí-dụ học nhiều chữ nho, biết đem hóa tài-liệu chữ nho ra tài-liệu quốc-văn, như con tằm ăn lá dâu làm ra kén, con ong ăn nhị hoa làm ra mật, mới gọi là người nhiều chữ nho; người học chữ tây cũng vậy. Cho nên cái vấn-đề nghiên-cứu quốc-văn, lại còn cái vấn-đề hàm-dưỡng quốc-văn nữa.

Lại nói về sự in sách quốc-văn. Sự in sách phải có một số kim-tiền to, nhà văn-học phần nhiều giàu về văn, chứ không giàu về tiền. Quốc-dân tất phải có một hạng người có tiền mà cao-thượng, biết rằng bộ sách ấy hay, hoặc độc-lực, hoặc hợp-lực, in ra bộ sách ấy. Khi phát-hành có nhiều người mua, là mừng rằng quốc-dân nhiều kẻ có ích, mà kẻ có công làm sách với kẻ có tiền in sách, đều có phần danh-dự bất-hủ trong làng văn, chứ không phải là mừng rằng được số lợi to. Nếu quốc-dân chưa biết rằng hay mà chưa dùng nhiều, thì cũng vẫn lấy làm hân hạnh trân-trọng, xếp ở một nơi thanh-nhã, làm đồ bảo-tàng, ngày nay chưa dùng, thì ngày khác dùng, chẳng số nhiều người dùng, thì số ít người dùng; mà cái số tiền bỏ ra ấy, cũng như kiến-trúc một nếp nhà xinh, mua một miếng vườn quí để chơi. Ví dù chưa làm sách, chưa in sách, mà đã tính với nhau rằng quyển sách ấy ra đời, có nhiều kẻ hoan-nghênh không, có vốn lãi gì không, thì ra kẻ làm sách với kẻ in sách, không cốt gì sách, chỉ cốt a-dua cái ý-kiến của số nhiều người xem, thì không kiếp nào có quyển sách to-tát xứng-đáng, có ích-lợi nhiều, có giá-trị cao ra đời nữa. Chẳng xem trong rạp hát, những câu bông-lơn, những trò quỉ-thuật, thì có số nhiều người vỗ tay, đến như những giọng rêo-rắt nỉ-non, những điệu tiêu-tao thâm-trầm, thì có số ít người vỗ tay đấy ư?

Lại nói về sự xem quốc-văn. Hiện nay những người xem quốc-văn với mua sách quốc-văn, phần nhiều tựa như cái lệ quen. Khi xem bài quốc-văn, tựa như là «hạ-cố đến nhau», khi mua sách quốc-văn, cũng tựa như là «hạ-tứ ném châu gieo vàng» đấy mà thôi. Cái đó tưởng cũng có nguyên-nhân, những người đã từng quan-sát sự đời, tưởng cũng đã rõ. Hoặc những người xem văn, không chịu xét kỹ ý-tứ cho bài văn, đã vội ngỏ lời phán-đoán, thành ra người làm văn nói đi một dàng, người xem văn hiểu đi một nẻo. Lại những người xem văn quốc-ngữ, chưa xem hết bài văn, chưa đọc hết quyển sách đã thường trách rằng nói thế là quá cao, chỉ có số ít người biết. Song phải biết rằng văn-chương có hai thứ, một thứ để tăng-ích cho người thượng-lưu học-thức, một thứ để phổ-cập cho người thiển-cận bình-thường. Nếu làm văn

mà chỉ chuyên về một lối a-dua số nhiều trong xã-hội, thì những người thượng-lưu học-thức ai người ta buồn xem, mà người ta xem thì người ta có ích gì. Vả chăng số người thượng-lưu học-thức, tuy là số ít, nhưng là số người có quan-hệ, có ảnh hưởng cho quốc-dân, làng văn phải có những hạng người ấy thưởng-thức, sẽ xứng đáng là làng văn. Chứ như số nhiều nọ, chẳng qua là hạng phổ-cập mà thôi. Lại hoặc có người cãi rằng hạng thượng-lưu học-thức họ đã biết rồi, cần gì phải nói nữa. Lời ấy thật không giá-trị gì cả. Vì thế-gian xưa nay ai là người biết, sự biết vô-cùng; đến như ông Khổng-tử cũng còn nói rằng: « *Ngã vô tri dã!* » Có chăng chỉ ông phật Thích-Già là đã dăng giác-ngạn về cõi siêu-việt mà thôi. Tình-trạng xem quốc-văn phần nhiều như vậy, thì tưởng quốc-văn mong phát-đạt làm sao, tiến lên cõi hùng-hồn cao-nhã, kì-kỳ phong-phú sao được.

Lại nói về sự đọc quốc-văn. Có phép làm văn, phải có phép đọc văn. Ngày xưa có lối đọc sách giảng sách, lối đọc đầu bài văn sách, lối ngâm thơ, lối bình-văn, ngày nay có lối diễn-đọc cho công-chúng nữa. Có văn hay, mà không có người đọc hay, thì văn hay cũng phí đi, mà người nghe cũng không có ích gì. Quốc-dân ta đối với sự đọc quốc-văn, phần nhiều cẩu-thả quá, coi câu văn bài văn không kính-trọng gì cả, mà cũng không để lòng kính-trọng cho người nghe, vả chăng cũng không kính-trọng cho cái thanh-âm cách-bộ của mình nữa. Sự đọc văn, trong làng văn cũng cần nên luyện-tập. Vì có thông được văn mới đọc được văn, quốc-dân có nhiều người đọc được quốc-văn, sẽ có nhiều người làm được quốc-văn.

Lại nói qua về văn-chương phiên-dịch. Phàm văn-chương hiền-trứ trong văn-đàn, lưu-truyền trong xã-hội, phần nhiều là văn-chương tự tay mình làm ra. Song văn-chương phiên-dịch, cũng không phải là văn-chương khá coi thường. Ngay như bài *Tì-bà-hành* của ông Bạch Cư-Dị, bài *Xích-bích-phú* của ông Tô Đông-Pha, các cụ ta dịch ra quốc-văn, chẳng đủ lưu-truyền hiền-trứ đấy ư? Huống-chi sự phiên-dịch văn Nho văn Tây ra quốc-văn ngày nay, thực là một sự thiết-yếu trong làng văn, mà là một cái sự-nghiệp to, cái trách-nhiệm nặng của con nhà văn. Vì cảnh-tượng quốc-văn ta ngày nay, đương về cảnh-tượng thiếu-thốn, chắc rằng quốc-văn sau này, phải kinh-qua một thời-kỳ phiên-dịch, rồi sẽ chuyển sang thời-kỳ chế-tác. Nói thế cũng là khí quá. Hiện nay thì là thời-kỳ chế-tác với phiên-dịch, hai đường đó phải nên tịnh-hành. Duy sự phiên-dịch cũng có khéo vụng, con nhà phiên-dịch cũng phải có công-phu luyện-tập như con nhà chế-tác. Phải những người tinh thông quán-xuyến về sách Tây sách Nho, lại tinh-khéo về tài-liệu trong quốc-âm, sẽ mang nổi trách-nhiệm ấy. Khoa-học, triết-học, văn-học, khi phiên-dịch đều có cái sở-trường riêng, ít ai kiêm tinh-khéo được cả. Song con nhà phiên-dịch cũng nên đem đạo-đức, đem ý-thức mà đối với cuộc đời, nên dịch những sách hữu-ích, không nên dịch những sách vô-ích. Nhân lại nói qua về cái thái-trạng người xem văn phiên-dịch. Người biết chữ nho thì thường hoặc nói rằng tôi đã xem ở sách nho, hay hoặc nói rằng để rồi tôi xem ở sách nho. Tựa-hồ cho văn dịch là vẽ rắn thêm chân, không khinh-trọng gì cả. Điều đó thực là lầm. Người biết chữ tây cũng phần nhiều không khỏi có điều như vậy. Đạt-giả cũng nên xét rằng sự nghiên-cứu sách nho sách tây, là sự riêng của một hạng người, sự nghiên-cứu quốc-văn là sự chung của quốc

dân. Vả chăng văn nho văn tây đã từng phiên-dịch ra quốc-văn, thì tức là phương diện quốc-văn, tài-liệu quốc-văn, lý-thú quốc-văn.

.·.

Quốc-văn ta sau này có quả-quyết là phát-đạt được không? Thưa rằng quả-quyết được. Nhờ cậy về đâu mà quả-quyết? Nhờ-cậy về bốn cái bộ-phận trong tính-cách quốc-văn

Một là bộ-phận thuộc về ngạn-ngữ phong-dao. Nước ta những câu phong-dao, những lời ngạn-ngữ ở khắp mọi nơi, tính-tình, phong-tục, luân-lý, cảnh-thú, sinh-hoạt, sung-mãn trong mọi đường, phát-hiện ra mọi vẻ, phong-dao nguồn gốc ở tình-cảm, phương-ngôn tục ngữ nguồn gốc ở luân-lý. Thực là một kho tài-liệu thiên-nhiên phong-phú trong quốc-văn, lại là một chất huyết-dịch (chất nước trong mạch máu) phát-sinh ra quốc-văn. Nghiệm như trong khi làm văn, dùng được nhiều tiếng phong-dao ngạn-ngữ, thì lời văn tự-nhiên thấy tươi-nhuận, dùng được ít tiếng phong-dao ngạn-ngữ, thì lời văn tự-nhiên thấy khô-khan. Quốc-văn mà sinh-hoạt được, là nhờ về bộ-phận ấy.

Hai là bộ-phận thuộc về các chữ nho nhập-tịch trong quốc-văn. Chữ nho trong quốc-văn, cũng như tiếng chìm tiếng nổi ở trong nhịp đàn, chất ngọt chất béo ở trong món đồ ăn, nó đã hóa đi tự bao giờ rồi, không phải là khi làm-thời nói chuyện, làm-cục làm văn, mới vay thêm mượn thêm cho lịch-sự thanh-cao. Chữ nho trong quốc-văn, không những có bộ-vị làm thể-cách cho lời nói, lại có tài-năng tác dụng cho lời nói, có mầu-nhiệm gọn-gàng diễn-nhã thanh-tao cho lời nói nữa. Chữ nho lại là một chất huyết-luân (chất đỏ trong mạch máu) tuần-hoàn chuyển-vận cho quốc-văn, mà trước-sắc cho quốc-văn. Nghiệm như trong khi làm văn, người nào khéo vận-dụng chữ nho, thì tha-hồ mà phát-huy tư-tưởng, miêu-tả cảnh-vật, không thể nào cùng, người nào không khéo vận-dụng chữ nho, thì thường khi có tư-tưởng mà lúng-túng không phát-huy được, có tình-cảm mĩ-ái mà bàng-khuâng không miêu-tả được. Quốc-văn mà thành-lập, là nhờ về bộ phận ấy. Chữ nho nhập-tịch, có thứ chữ cũ, có thứ chữ mới, có thứ chữ thông-hường, có thứ chữ tinh-vi, cao-nhã, rộng-rãi, hùng-hồn, quốc-dân tha-hồ mà lợi-dụng, không hạn-chế nào. Văn-chương tương-lai tiến-bộ đến thế nào, cũng không lo gì nghèo-ngặt, cũng là một cái cảnh-tượng thiên-nhiên. Quốc-văn mà phong-phú vô-cùng, cũng là nhờ về bộ-phận ấy. Sau này những tiếng thuộc về khoa-học, chắc là chữ tây cũng phải nhập-tịch một phần. Nhưng khoa-học phần nhiều cũng có tiếng chữ nho, quốc-dân tùy-tiện thủ-dùng, tiếng nào nói được gọn-gàng, nghe được quen tai thì dùng, bất-tất câu-nệ. Còn những tiếng triết-học, văn-học, thì chữ nho thực đã thừa dùng. Hiện nay các nhà văn-sĩ làm văn, chưa thấy ai lo thiếu tiếng gì. Chữ nho nhập-tịch trong quốc-văn, thực đã đứng về địa vị cố-nhân, phương-diện rộng-rãi.

Ba là bộ-phận thuộc về sách nho. Văn-minh Đông-phương, lấy chữ nho làm trung-tâm, tài-liệu Đông-phương lấy sách nho làm kho vô-tận. Khổng-học, Phật-học, cho đến bách gia chư-tử, đều là tài-liệu cho con nhà hiếu-học một đời người nghiên-cứu chưa cùng. Đến như tài-liệu văn-chương, thì từ Chu, Tần, Hán, Đường, cho đến Nguyên, Tống, Minh, Thanh, bao nhiêu thi-bào văn-hào, bao nhiêu ngâm-vịnh, kỹ-thuật, trước-tác, tưởng thế-giới không nước nào phong-phú rậm-tốt về tài-liệu văn-chương như vậy. Tìm văn-chương tài-liệu ở sách nho, cũng như tìm cây ở rừng, đếm tên các nhà thi-bào, văn-

hào ở trong sách nho, cũng như đếm ngôi sao ở trên trời, chỉ sợ không có công-phu mà tìm, không có nhãn-lực mà đếm. Duy phải biết rằng nước ta ngày xưa học-tập chữ nho, là học-tập về phương-diện Hán-văn, ngày nay nghiên-cứu chữ nho, là nghiên-cứu về phương-diện quốc-văn.

Bốn là bộ-phận thuộc về sách tây. Nước Pháp là một nước văn-minh thuần-túy ở Âu-châu, sách nước Pháp đủ làm kho tài-liệu cho thế-giới. Nước ta ngày nay lại được trực-tiếp với nước Pháp, sự học chữ Pháp là sự đương-nhiên, khoa-học chữ Pháp là khoa-học viễn-đại trọng-yếu, người nước ta học chữ Pháp có ích-lợi vô-cùng. Duy người đi học, đứng về phương-diện chuyên-môn, phương-diện hòa-bình, phương-diện nghiên-cứu, phương-diện điều-hòa hai cái văn-minh Âu-Á cho quốc-dân thì đối với cuộc đời sẽ có kết-quả hay, đối với quốc-văn sẽ có ảnh-hưởng sâu-xa, hi-vọng mĩ-mãn. Nhất là các nhà văn tây mà lại nghiên-cứu về văn-minh Đông-phương, người nước ta xem những văn-chương ấy, thì lại càng có ích-lợi lắm. Lại nên biết rằng nhà văn-sĩ Tây-phương nghiên-cứu văn-minh Đông-phương, là đứng về phương-diện Tây-phương, cũng như nhà văn-sĩ Đông-phương nghiên-cứu về văn-minh Tây-phương, là đứng về phương-diện Đông-phương, có học-thức tinh-vi, sẽ xem được lời phán-đoán.

Quốc-văn ta nhờ cậy về bốn bộ-phận mà thành tính-cách như trên, toàn là bộ-phận hoàn-bị chắc-chắn cả; quốc-văn lo gì không phát-đạt, mà chẳng đem lời quả-quyết. Vì dù quốc-văn sau này mà không phát-đạt, thì thiết-tưởng là tại quốc-dân, không phải là tại quốc-văn.

Văn-chương có định được giá đấy không? Thưa rằng định được giá. Bằng-cứ vào đâu mà được? Bằng cứ ở người xem, người đọc, người nhớ, người nói. Những người chửa hiểu cái ý-vị lý-thú trong văn-chương, mà xem văn, đọc văn, nói văn, hay là có thiên-kiến gì, thì không kể chi. Hay hoặc những văn thô-thiển nhảm-nhí chỉ lưu-hành lợi-dụng trong hạng tầm-thường thiểu-học-thức, thì cũng không kể chi. Còn như những bài văn đã đặt vào tràng ngôn-luận, đã xếp vào kho kỹ-thuật trước-tác, bài thi-ca đã phô vào chốn văn-đàn, mà những người biết ý-vị, biết lý-thú trong văn-chương, và không thiên-kiến gì, xem đến đọc đến, hay hoặc nhớ đến nói đến, bài văn nào khiến cho người xem đi xem lại, đọc đi đọc lại được hai ba lần, cách hàng tháng hàng năm, khi xem lại đọc lại, vẫn còn có vị, hay là trăm năm nghìn năm, lúc nào xem đến đọc đến cũng thấy thú, ấy là bài văn có giá-trị nhiều. Bài văn nào chỉ khiến cho người xem qua đọc qua được một lượt mà thôi, hay là xem xong đọc xong, lại hơi tiếc rằng hao-phí thì giờ, ấy là bài văn có giá-trị ít. Bài văn nào cái vấn-đề gì, hoặc cái quang cảnh gì, bài văn tuy dài, nhưng lúc nào cũng có bút-pháp điểm-nhiễm chiên-miên, khiến cho người xem, đã xem lời nói, phải suy-xét về vấn-đề, đã xem câu văn, như mắt được trông thấy, ấy là bài văn có giá-trị nhiều. Bài văn nào khiến người xem văn mà phải nhắc bộ đầu bài, xem văn mà không thấy phát-hiện ra cái không-khí trong ngòi bút, ấy là bài văn có giá-trị ít. Bài văn nào xem ra biết rằng người làm văn khi cầm bút có ý kính-trọng cho người xem, ấy là bài văn có giá-trị nhiều. Bài văn nào xem ra, biết rằng người làm văn khi cầm bút không có ý kính-trọng cho người xem, ấy là bài văn có giá-trị ít. Bài văn nào khiến cho người xem người đọc dùng được tài-liệu tư-tưởng trong bài văn, để làm tài-liệu tư-

tưởng cho mình, hay là bài văn khi xuất-hiện, tuy chửa nổi tiếng rằng hay, song cách lâu ngày, trông thấy cái hiệu-quả gì, người ta lại nhớ đến nhắc đến câu văn ấy là có ích, bài văn ấy là có công, ấy là bài văn có giá-trị nhiều. Bài văn nào chỉ khiến cho người nô-nức phẩm-đề một lúc mà thôi, không có tài-liệu tư-tưởng gì khá thái-dụng, về sau cũng không ai nhớ đến nói đến nữa, ấy là bài văn có giá-trị ít. Quốc-dân ta xem quốc-văn, tưởng cũng nên xét về mọi cách ấy, sẽ nghiệm được cái trình-độ phát-đạt trong rừng văn.

Ôi ! phong-dao ta có câu rằng : « *Còn duyên kẻ đón người đưa, hết duyên đi sớm về trưa mặc lòng. Còn duyên đóng cửa kén chồng, hết duyên ngồi gốc cây hồng nhặt tai.* » Tôi đọc lên câu ấy, tôi sẽ cảm-tưởng về quốc-văn ta có hai cái quang-cảnh, hai cái tiền-đồ. Trong làng quốc-văn, có kẻ nghiên người cứu, kẻ xướng người họa, kẻ phẩm người bình, ấy là cái tiền-đồ còn duyên của quốc-văn, mà là cái quang-cảnh kẻ đón người đưa vậy. Trong làng quốc-văn, kẻ làm văn cứ cẩu-thả mà viết, kẻ xem văn cứ rẻ-rúng mà xem, kẻ đi học cứ chiếu-lệ mà học, kẻ dạy học cứ cụ-văn mà dạy, ấy là cái tiền-đồ hết duyên của quốc văn, mà là cái quang-cảnh đi sớm về trưa mặc lòng vậy. Trong làng quốc-văn, có nhiều văn-chương kiệt-tác, sách-vở hay, nên giá-trị danh-sơn, sự-nghiệp bất-hủ, để sau này bổ-ích cho quốc-dân, ấy là cái tiền-đồ còn duyên của quốc-văn, mà là cái quang-cảnh đóng cửa kén chồng vậy. Trong làng quốc-văn, văn hay không có người xem, sách có ích không có người mua, bất-đắc-dĩ phải làm ra câu văn tạp-nhạp, quyển sách vô-ích, để kiếm lấy chút lợi cỏn-con, ấy là cái tiền-đồ hết duyên của quốc-văn, mà là cái quang-cảnh ngồi gốc cây hồng nhặt tai vậy. Quốc-văn tiền-đồ thế nào, quang-cảnh thế nào, ấy ở quốc-dân.

TÙNG-VĂN

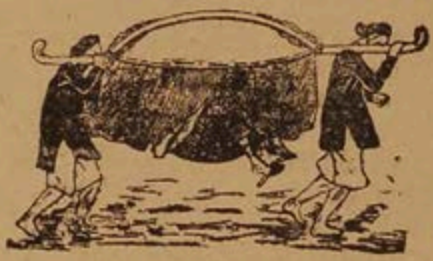

PHÉP XỬ-THẾ

NÓI VỀ CÁCH GIAO-TẾ TRONG XÃ-HỘI

I

Xã-hội là gì ?

Cứ nghĩa rộng thì xã-hội là gồm cả người ta cùng ở với nhau thành đoàn-thể. Nhưng mà xét về đường giao-tế thì nghĩa chữ xã-hội có hẹp đi nhiều. Mỗi người nói đến xã-hội, hình như thu xã-hội vào trong cái vòng khuôn, cái nhỡn-giới nhỏ hẹp của mình. Ấy lệ thường *tiếng nói* vẫn làm hẹp mất *ý-tưởng* đi như thế. Thành ra xã-hội vốn là to-tát mà trong tiếng nói thường, tùy giống người, tùy khí-hậu, tùy thời-đại, tùy cái thanh-khí cùng sự giáo-dục của người ta, lại chia vụn ra thành không biết bao nhiêu xã-hội nhỏ đặc-biệt.

Nay cứ lấy cái nghĩa thông-thường mà nói thì xã-hội là gồm cả những người ở trong vòng giao-tế của mình, nghĩa là những người trong cuộc sinh-hoạt hằng ngày thường có giao-tiếp vậy.

Như vậy thì xã-hội của mỗi người một khác, không có giống nhau.

Mỗi người có cái xã-hội riêng của mình, trong xã-hội ấy có những lề-thói tập-tục mình phải theo, tức là nơi trường-sở cho mình phô bày những cái hay cái tốt của mình, và nhờ đó có thể thi-hành được cái chí công-danh ở đời.

Muốn cho thông-thạo việc xã-hội, muốn cho giao-tiếp với xã-hội mà có ích có lợi cho mình, thì không thể ngồi bàn triết-lý viển-vông mà được, chỉ nên đem con mắt thành-thực mà quan-sát, đừng có lấy cái thái-độ nghiêm-khắc mà phẩm-bình, thế là hơn cả.

Người ta ai cũng có một cái địa-vị trong xã-hội. Ta phải biết địa-vị của ta thế nào, phải có những tư-cách gì cho xứng-đáng đối với những hạng người nào ở quanh mình.

Thời-đại ta kể đã phát-minh được nhiều điều mới lạ, như một điều sau này cũng là có giá-trị lắm: là đã hiểu biết rằng không phải cứ học sách luân-lý mà đủ tư-cách ra giao-thiệp với xã-hội được. Các nhà làm sách thường hay phán-đoán xã-hội một cách nghiêm-khắc quá. Anh học trò 18 tuổi tốt-nghiệp ở nhà trường ra, chỉ mới biết có một mình đối với quyển sách mà thôi, mà tự-phụ rằng có thể vượt được cả mọi sự khó-khăn ở trong trường giao-tế, thì thật là không biết cái khuyết-điểm của mình, thật là không biết tự-lượng quá.

Ta phải nên thành-thực, và phải biết hiểu cái chân-tướng ở đời. Cũng có lẽ xã-hội là gồm hết cả những sự dục-vọng tham-lam, éo-le,, trắc-trở của người đời. Cổ-triết Hi-lạp nói cái lưỡi của người ta hay thì thật hay mà dở cũng thậm dở. Xã-hội cũng vậy. Nhưng có điều chắc, là xã-hội sở-dĩ khiến cho người ta đi lại gần-gụi nhau, là bởi cái lẽ yếu-cần mỗi người phải hòa-hiệp với kẻ khác để sống ở đời cho được dễ-dàng, vui-vẻ, thỏa-thích, êm-đềm, và có khi gặp sự buồn-bực chán-nản, thời lấy có kẻ nọ người kia cho khuây-khỏa vậy.

Cuộc giao-tế trong xã-hội là hay hay là dở ? Không thể quyết-đoán được. Nhưng bước chân vào trong xã-hội, chớ có nên tự-phụ là ông thánh ông thần gì. Dẫu mình có cái tư-cách thanh-cao, muốn giữ cho khỏi nhiễm phải cái mầu thế-tục thô-bỉ, mà trong sự giao-tiếp với xã-hội, cũng vẫn làm cho đẹp lòng kẻ khác được, cũng vẫn

tỏ ra con người êm-ái, cũng vẫn có thể làm ơn cho người ta được, không khó gì. Nếu có công với xã-hội, thì xã-hội tất biết ơn, không quên bao giờ.

Khách bi-quan hay trách xã-hội là nông-nổi lại trách là phán-đoán người ta nghiêm-khắc.

Cái tâm-lý của xã-hội vẫn cố-nhiên là thô-thiển và hay thiên-lệch. Cuộc giao-tế trong xã-hội thường vội-vàng mau-chóng quá, khiến cho sự phán-đoán của người ta cũng chỉ bằng-cứ ở bề ngoài mà thôi ; xã-hội có lầm người, mà cũng bị người lầm dễ lắm, nhân đó mà tạo-thành ra một cái không-khí mờ-hoặc, khiến cho ta phải cẩn-thận giữ-gìn. Nhưng mà ta đối với xã-hội cũng chẳng nên thẳng-thúc làm gì. Nên cứ vui-vẻ mà tiếp-đãi, gặp thế nào hay vậy, nếu sợ thất-vọng cho mình thì đừng nên thiết-tha cho lắm, nhưng mà nếu tự-phụ muốn ra tay chừng-mực, thì đừng nên ra tiếp-xúc với xã-hội làm gì. Không ai có sức cải-hóa được người đời, sớm trưa tất đến thất-bại, và chỉ đủ thêm cái trò cười cho đời.

Trong cuộc giao-tế hằng ngày, nên mặc lấy một cái thiết-giáp, cho chắc-chắn để phòng-bị, cho nghiêm-trang để dễ coi, thế là đủ rồi, đừng để cho thiên-hạ khinh mình, cười mình, hay giận mình được. Bao giờ cũng phải rẽ-ràng, êm-ái, vui-vẻ, bình-thường. Trong đám đông người, nên chọn lấy ít nhiều người để làm bạn mà giao-du, làm thầy mà học-tập, làm kẻ nương tựa lúc lâm-thời. Đừng có nói rằng xã-hội xấu, xã-hội cũng như thân-thế người, tốt hay xấu là ở tự tay mình ra làm vậy.

Nói về những tư-tưởng thông-thường trong xã-hội

Cửa miệng ai cũng nói rằng xã-hội đầy những ý-kiến sai-lầm, lời nói ấy không phải là không có lẽ. Cái thiên-kiến của người đời, tức là ý-kiến thiên-lệch, thường cũng là cái biểu-diện thông-thường của sự thực, và chính bởi thế nên hay sai-lầm, vì sự thực vốn vẫn dễ-dàng, hiển-nhiên ai cũng biết, thành ra lắm khi thiên-hạ lại bỏ qua đi mà không chú-ý đến.

Những cái thiên-kiến ấy, ta khỏi lên công-kích, tưởng cũng vô-ích. Vì một là những cái thiên-kiến ấy đã phổ-thông trong xã-hội, chính mình ở trong xã-hội, vị-tất đã thoát khỏi, vậy mà tự mình trách mình thì vô-lối quá ; hai là những cái thiên-kiến ấy tự mình không ưa, tự mình không mắc, mà phần nhiều kẻ khác mắc, thì tự mình đứng lên công-kích tức là phô bày cái xấu của người ta, chỉ thêm người đời thù-oán, cũng là không thiệp vậy. Thiết-tưởng nên xem xét cho kỹ mà nhận-chân lấy những cái thiên-kiến ấy, rồi cố giữ cho khỏi mắc phải, bất-tất phải tuyên-bố lên làm gì, thế là đủ.

Xã-hội ví như một cái sân khấu mà người ta là những vai đóng trò ở trên sân khấu cả. Bài kịch là một bài hí-kịch, cho nên cái triết-lý của các vai trong kịch cũng phải là một cái triết-lý lạc-quan mới được. Ông tiên-nho MONTAIGNE thường lấy sự hoài-nghi làm chủ-nghĩa, ví như một cái gối êm để tựa mình cho khỏi xung-đột với đời. Những điều thiên-kiến trong xã-hội, tức cũng là một cái gối êm như chủ-nghĩa hoài-nghi của ông MONTAIGNE vậy. Mà nghĩ cho kỹ, đối với sự yên-ổn ở đời, có lẽ cái chủ-nghĩa hoài-nghi cao-thượng lại còn hại cho người ta hơn là những điều thiên-kiến thông-thường.

Thiên-hạ thường ưa cái chủ-nghĩa hoài-nghi, là vì nó có vẻ cao-thượng, « lịch-sự ». Đến những cái thiên-kiến thông-thường của xã-hội thì vẫn có ý thô-thiển sỗ-sàng, cho nên những người

cao-thượng không ưa. Bởi không ưa nên lấy làm khó chịu, thường muốn công-kích, cho là trái với sự thực.

Thiết-tưởng cái thái-độ đó không nên lộ ra quá, người ta ở trong xã hội không nên công-nhiên phản-đối những ý-tưởng của xã-hội, dù ý-tưởng ấy sai-lầm nữa mặc lòng. Dù mình không ưa, cũng phải châm-chước. Tự mình phải biết những cái thiên-kiến ấy là không hay, mà cố giữ cho khỏi mắc. Nhưng phận-sự mình không phải là giông trống mở cờ mà công-nhiên đứng lên phản-đối công-kích xã-hội. Tập-quán của xã-hội vẫn sống lâu lắm, không mong ra tay mà trừ-khử đi được. Nếu mình là người tài-hoa phong-nhã, có trí thức, có lịch-thiệp, thì chỉ mong được một hạng người thượng-lưu yêu-mến, thế là đủ vậy.

Hoặc gặp người nào có lắm điều thiên-kiến khó chịu, thì nên tìm đường tránh không giao-tiếp với người ấy nữa, chứ đừng có mong chỉ-trích mà sửa đổi cho họ được. Nếu mình quả là người có trí sáng-suốt, thì tự-khắc thiên-hạ biết ngay. Mình không cần phải phô-trương ra, tự-khắc người ta phải phục mà lại với mình.

Xã-hội có tính chấp-nệ, hay hờn giận, dễ mếch lòng. Trước khi ra giao-tiếp với xã-hội, phải nên biết thế mà giữ-gìn cho cẩn-thận. Những cách thù-tạc vô-vị của xã-hội, nhiều khi ta cũng phải nhẫn-nhục mà theo. Miệng cười kia, câu nói kia, cái dáng-dấp, cách cử-chỉ, lời chuyện-trò kia, ta vẫn biết là vô-vị, là kiểu-sức đấy, nhưng cũng phải làm mặt vui-vẻ mà tiếp-nhận lấy.

Ta phải biết rằng xã-hội cũng lắm công nhiều việc lắm, có thì-giờ đâu mà việc gì cũng gia-công cho thành-thực châu-đáo được.

Xã-hội như một bài kịch diễn đi diễn lại vô-cùng. Những tư-tưởng thông-hành trong xã-hội thật là ít lắm, quanh đi quẩn lại chỉ có bấy nhiêu. Cho nên thấy người nào có đặc-sắc khác thường, thiên-hạ cho như quái-gở, tưởng như có cái khí-vị cách-mệnh, làm cho người ta kinh-sợ.

Tuy-nhiên, thói quen của xã-hội cũng dễ tập, chứ không khó gì. Mà lắm khi thói quen ấy dần-dần biến thành ra như một cái kỷ-luật dễ-dàng êm-ái trong xã-hội, khiến cho người cứ theo đó thời lúc nào cũng được ung-dung yên-ổn, chứ nếu xã-hội toàn là những người cương-cường lỗi-lạc, làm gì cũng ra ngoài lề-lối cả, thì có lẽ xã-hội đến phải dao-động luôn, mà không được cái vẻ an-lạc như bây giờ vậy.

Nói về những lề-thói phép-tắc của xã-hội

Cái mục-đích của xã-hội là chỉ chủ cho người ta ăn-ở với nhau được dễ-dàng vui-vẻ. Cũng vì mục-đích đó nên xã-hội đã đặt ra những lễ-phép trong cuộc giao-tế, lấy thói thường hơn là lấy lẽ phải làm chuẩn-đích, mà cũng có cái tính-cách bó buộc như luật-pháp, người nào làm sai làm trái, đối với kẻ sành-sỏi cũng cho là một điều lỗi to lắm.

Ngày xưa về đời quân-chủ còn đương thịnh, thì những lễ-nghi ở nơi triều-miếu, ở chốn quan sang, là tinh-tường nghiêm-nhặt lắm, đã có sách-vở dạy kỹ. Khi đãi-đằng, khi yến tiệc đều có phép-tắc nhất-định, ai không biết, đã có người thông-thạo chỉ bảo cho. Vậy xưa khó mà dễ, lễ-phép có phiền-phức, nhưng người biết đã có nhiều, mà phép gì cũng sẵn cả.

Ngày nay thì phong-tục biến-thiên, xã-hội thay đổi, các lễ-phép trong cuộc giao-tế không có bằng-cứ nhất-định như xưa nữa, có nhiều lối đã quá cũ rồi, lại có lắm cách thì tân-kỳ quá. Các nước đều có sách «Xử-thế tu-trì» (*manuels de savoir-vivre*), để dạy về

cách giao-tế trong xã-hội, nhưng không có mấy quyền là hợp-thời thích-đáng, cũng vì là các lề-lối mới cũ chưa được nhất-định.

Tuy-nhiên, những điều cốt-yếu trong phép giao-tế thì cổ-kim đông-tây đại-khái cũng thế, không có khác nhau mấy tí, duy có cách phát-biểu ra ngoài, hoặc có tùy thời-thế mà đổi thay châm-chước đi ít nhiều mà thôi. Những điều cốt-yếu ấy, thì phàm người tri-thức, kẻ lịch-duyệt, đã từng trải việc đời, đã thông-thuộc thời-thế, thì tất là biết cả, và khi ra giao-thiệp với đời tất biết cử-chỉ ra cách ôn-hòa nhã-nhặn, đủ làm khuôn-mẫu cho người theo vậy.

Những điều cốt-yếu ấy có thể tóm-tắt lại mấy điều như sau này :

1º Trong việc giao-tế, điều cần nhất là sự lễ-phép. Người nhỏ đối với người lớn, người lớn đối với người nhỏ, đều phải có lễ-phép cả, duy cái hình-thức diễn ra, có tùy địa-vị mà thay đổi mà thôi.

2º Niên-xỉ là cái tỉ-lệ cho sự kính-trọng. Người nhỏ tuổi bao giờ cũng phải kính người hơn tuổi, mà người hơn tuổi đối lại cũng phải suy-nhượng người kém tuổi.

3º Ở các xã-hội Tây-phương đàn ông bao giờ cũng phải suy-nhượng với đàn bà, bất-luận niên-xỉ hơn kém thế nào, người đàn bà vẫn được phần tôn-trọng hơn.

4º Trong xã-hội giao-tế, người nào gặp cái cảnh khốn-nạn ở đời, như già yếu, tàn-tật, góa-bụa, tang-tóc, thì được như cái quyền kẻ khác phải vì-nể kính-trọng mình. Như người đàn-bà thường mới phải cái thương mất đứa con, thì một bà lớn sang-trọng cũng phải lại gần mà hỏi-han ân-cần. Một ông già da mồi tóc bạc, thì vị phu-nhân cũng phải đứng lên mà cúi chào trước, không nệ là người đàn bà có quyền được đàn ông chào trước.

5º Phàm lấy lễ-phép đối với người nào là bao giờ cũng phải có cái hảo-ý muốn làm đẹp lòng cho người ta.

6º Khi đối với người đàn bà hay đối với người tuổi cao hơn mình phải tỏ ra kính-trọng thì địa-vị mình giàu sang thế nào mặc lòng cũng không thể miễn được những cách lễ-phép đó.

Xem mấy điều như trên thì biết rằng những lề-phép trong cuộc giao-tế, tuy trong cách thi-hành có điều phiền-phức, có khi biến-báo, cũng phải sành-sỏi mới biết hết được, nhưng gốc nó thì thực là ở lẽ phải thông-thường mà ra. Những lề-thói ấy tức là căn-cứ ở cái lòng nhân-từ hiếu-nghĩa, là gốc của các xã-hội văn-minh. Những lề-phép ấy đặt ra là cốt để cho cách sinh-hoạt được dễ-dàng êm-ái. Bởi thế nên sách đã nói : sự lễ-phép là cái hương thơm của nhân-đạo vậy.

Xã-hội yêu-cầu bắt-buộc những gì ?

Xã-hội yêu-cầu bắt-buộc những gì ? Trong xã-hội giao-tế không phải toàn những tay tâm-lý-học chuyên-môn cả ; nhưng xã-hội giao-tế cũng có cái tâm-lý riêng, mà không phải cao-kỳ phiền-phức gì. Tức như thiên-hạ gọi là «tâm-lý chốn sa-lông» vậy.

Tâm-lý ấy vẫn biết rằng không thâm-trầm gì, nhưng mà trước khi ra giao-tiếp với xã-hội, cũng cần phải biết qua, phải biết xã-hội yêu-cầu những điều gì, bắt-buộc những điều gì.

Xét ra cái đức-tính thứ nhất mà xã-hội yêu-cầu ở người ta, là sự khiêm-nhượng. Xã-hội ưa ai thì tự-khắc hoan-nghênh chiều-chuộng người ấy, nhưng không muốn cho người ta tự mình khoe-khoang cái tài-đức của mình. Người nào nhã-nhặn khiêm-tốn, mà xã-hội tự-nhiên biết đến, thì liền vồn-

vã mời chào mà tán-dương tài-đức cho ngay, còn kẻ nào tự-cao tự-đại, ngạo-mạn khoa-trương, thì xã-hội tất đem lòng yếm-ố.

Xã-hội gây nên danh-giá cho người ta cũng mau và cũng dễ lắm. Vì như trên kia đã nói, cái tâm-lý của xã-hội vốn thô-thiển lắm, chỉ biết xét đoán người ta ở bề ngoài mà thôi. Như vậy thì muốn được đẹp lòng xã-hội, thật cũng không khó gì. Cốt có ba cái nết tốt như sau này là đủ: một là lễ-nhượng, nghĩa là đối với người nên dễ-dàng nhường-nhịn; hai là ân-cần, nghĩa là nên sẵn lòng chia vui chia buồn với người; ba là giản-dị, nghĩa là không làm ra cao-kỳ, hoặc ở ngoài dáng-dấp, hoặc ở trong tư-tưởng cũng vậy.

Xã-hội đối với người đàn-bà vẫn có ý khoan-dung biệt-đãi hơn là đối với đàn ông. Như người đàn-bà làm đỏm làm dáng, xã-hội thường không trách gì, biết rằng làm thế tức là để tô-điểm cho cuộc xã-giao có cái vẻ diễm-lệ khả-ái.

Nói tóm lại thì thiên-hạ hay bài-bác xã-hội, nhiều khi không đáng. Cứ xét cho kỹ, cái thái-độ bi-quan của các nhà luân-lý đối với cuộc giao-tế trong xã-hội, thật cũng là khí quá. Các nhà ấy cho cách thù-tạc của xã-hội là giả-dối hết cả, không biết rằng đó chẳng qua là cái vẻ trang-sức cho cuộc giao-tế, cái màn đẹp để che bên ngoài, mà ở trong không phải là tuyệt-nhiên không có những tính hay nết tốt. Những tay «xã-giao chân-chính» (*vrais mondains*), là những người vẫn biết trọng cái cách thù-tạc bề ngoài, mà lại không bị lầm vì đó, nên đối với những thói hào-hoa nông-nổi của xã-hội, vẫn tỏ ra cái thái-độ lạc-quan.

Xã-hội yêu-cầu người ta phải biết khoan-dung với nhau, nghĩa là mình muốn cho kẻ khác đãi với mình nhân-nhượng thế nào, thì mình đãi với kẻ khác cũng phải nhân-nhượng như thế.

Hoặc-giả nói trong cuộc giao-tế thường có cái thói sàm-báng lẫn nhau. Quả thế thật, và cũng vì cái thói ấy là cái thói ác-nghiệt, cho nên phải gia công trừ-khử đi. Sự sàm-báng có hay cho kẻ sàm-báng bao giờ. Thường là để tiếng xấu cho cả ba người: người nói sàm-báng, người nghe sàm-báng, người bị sàm-báng. Mà người bị sàm-báng vị-tất là người bị xấu hơn cả.

Cứ nên thường-thường giữ cho lễ-phép, cho nhã-nhặn, cho tử-tế, thế là đủ cho thiên-hạ yêu mến. Nếu được như thế thì danh-giá lại còn vẻ-vang hơn là được thiên-hạ khen cho là người tài-bộ. Phải làm thế nào cho mình đi đến đâu, mình ngồi chỗ nào, đều được người ta đối với mình có một cái cảm-giác tốt, như cái cảm-giác xuân-phong hòa-khí vậy. Như thế thì thiên-hạ tự-khắc tìm mà đến với mình, thẳng-hoặc mình có sai lầm điều gì, người ta cũng sẵn lòng dung-thứ, mình có gặp sự hoạn-nạn, người ta cũng sẵn lòng giúp đỡ.

Kẻ khinh người thì xã-hội vẫn không ưa. Nếu là người cao-thượng, vì tiếp-xúc với kẻ phàm-tục, mà tê-tái trong lòng, tỏ ra nét mặt khinh-bỉ để đối-phó lại, thì còn khả-nguyên được. Chứ nếu cách khinh-bỉ ấy thành hẳn một cái thái-độ thường của kẻ cao-kỳ hợm-hĩnh, thì mình khinh người, tất người lại khinh trả, vì xã-hội tuy sẵn lòng dung những thói phù-hoa nông-nổi, nhưng rất cay-nghiệt với kẻ hiểm-độc kiêu-căng.

Vả lại cái oai-quyền của xã-hội, xã-hội không phải là không biết. Xã-hội biết rằng xã-hội biệt-đãi ai là vẻ-vang cho người ấy, cho nên những kẻ nào khinh-nhờn bội-bạc mà đem lời báng-bổ giễu-cợt xã-hội, thì xã-hội quyết không dung. Những lề-thói phép-tắc của xã-hội, xã-

hội vẫn lấy làm quí lắm, người nào đối với những cách thù-tạc thông-thường của xã-hội mà hơi tỏ ra có ý bỉ-báng, thì tức là làm mất lòng xã-hội ngay. Cách thù-tạc dẫu vô-vị cũng còn hơn là cách lãnh-đạm cao-kỳ. Như năm mới gửi cái danh-thiếp mừng tuổi nhau, hoặc-giả cho là một cách thù-tạc vô-vị, cho thế là không phải, vì đời người thật là ngắn-ngủi, một năm công việc biết bao, có nhiều người có bụng yêu mến mình, lâm-thời có thể giúp đỡ cho mình được việc, mà kẻ nam người bắc, kẻ đông người tây, hàng năm không gặp nhau, thế mà nhân dịp ấy, mình không nhớ đến người ta, tỏ ra sơ-tình với người, tất người cũng sơ-tình với mình, thế là mất một người bạn tốt.

Cho nên những lề-thói của xã-hội, dẫu cho phiền-phức, cũng chớ khinh-thường. Thiên-hạ làm thế nào, mình cũng làm như thế, chẳng nên lập-dị làm gì. Phải biết rằng cũng có nhiều người thành-tâm mà làm, cẩn-trọng mà làm, mà có lẽ những người ấy mới là phải, vì đó cũng là một cách tô-điểm cho cuộc đời và gây lấy cái lòng vì-nể ở trong bằng-bối vậy.

Nói về cái thói cạnh-tranh trong xã-hội

Xã-hội thiếu gì hạng người, có kẻ mình gặp mặt mà phải lấy làm kính-ngạc, cho là cái chỗ của họ không phải ở đó.

Tuy-nhiên, những kẻ đó là kẻ lạc-loài vào đấy, xét xã-hội không nên xét ở chỗ đặc-biệt, mà phải xét ở chỗ thông-thường. Lệ thường thì người nào muốn được vào trong xã-hội giao-tế, muốn được chiếm một cái địa-vị xứng-đáng ở trong xã-hội ấy, phải có người xứng-đáng giới-thiệu cho, chỉ-dẫn cho, hộ-vệ cho.

Lúc đã được vào xã-hội rồi, nghĩa là được thừa-nhận trong cái đoàn-thể những người mà địa-vị, tính-tình, tư-tưởng, tập-quán có chỗ tương-đương tương-đối với mình, hoặc là thanh-khí phù-hợp với mình, thì cuộc giao-tế là bắt đầu từ đó.

Cuộc giao-tế ấy, thông-tục gọi là cái « đời giao-thiệp » (*existence mondaine*). Như trên kia đã nói, phép cư-xử ở trong cái đời giao-thiệp ấy, tóm lại chỉ có một đức-tính, nhưng thường-thường phải thi-hành luôn, không có giây phút nhãng-bỏ được, đức-tính ấy là đức-tính lễ-nhượng, tỏ ra cái lòng ân-cần nhã-nhặn đối với mọi người.

Đời giao-thiệp cũng cần phải có lòng hỉ-xả một chút, phải biết quên mình vì người, phải biết tôn-trọng quyền-lợi tự-do của người.

Vậy thì trong xã-hội, người nào biết thi-hành những cái tính tốt ấy một cách chuyên-cần, thì người ấy tự-nhiên được xã-hội yêu quí. Đã biết xã-hội ưa chuộng như thế, thì ai ai cũng đua nhau cho vừa ý đẹp lòng xã-hội, để chiếm được cái danh-giá trong xã-hội, danh-giá này ví như cái hào-quang tặng cho những kẻ được xã-hội sủng-ái vậy.

Nhưng mà trong xã-hội giao-tế cũng như trong các xã-hội khác, cái số những người được ưu-đãi như thế, bao giờ cũng vẫn ít. Nghĩa là cái danh-giá của con nhà giao-thiệp, cái oai-quyền của các khách hào-hoa, không phải là ai ai cũng được hưởng cả. Nhân đó mà xã-hội giao-tế cũng sinh ra cái thói cạnh-tranh như các xã-hội khác. Xã-hội giao-tế đáng phải là một chốn hòa-nhã êm-đềm, mà cũng có khi bày ra cái cảnh-tượng một trường chiến-đấu, cũng có kẻ mạnh được yếu thua như các cuộc cạnh-tranh khác. Kẻ mạnh kẻ được là kẻ có nhiều khí-giới mà biết khéo dùng, vì trong cuộc cạnh-tranh này, lấy sự khôn-khéo làm đầu, người nào cũng phải gia-công cố sức dề hơn người,

nhưng thực hơn người là người dụng-tâm mà người không biết, nỗ-lực mà không để lộ ra ngoài.

Thường nghe thiên-hạ khen người nào : « Ông ấy hay bà ấy nhã-nhặn hay lịch-thiệp lắm. Thật là chịu khó cho đẹp lòng tân-khách ».

Câu ấy chính là một lời khen ở trong làng giao-thiệp, nhà giao-thiệp chân-chính mới biết được lời khen như thế khó-khăn và trân-trọng là dường nào.

Trong xã-hội giao-tế, sự ganh-đua nhau ở từ cái áo mặc, cái miệng cười, cho đến cái địa-vị, thế-lực. Trong cuộc ganh đua, có khi cũng mất công-phu, tổn tài-trí nhiều lắm, nhưng có khi lại thành một trò hí-kịch, hoặc vô-vị, hoặc bỉ-bồi.

Ở trong xã-hội giao-tế, kẻ sánh vai với mình, tất là kẻ ganh-đua với mình. Nhưng không nên coi nhau như cừu-thù. Ganh đua thì ganh đua, nhưng ghen ghét nhau thì thật vô-lý. Học-trò một lớp cùng thi một bài, ganh đua nhau lắm, mà vẫn là bạn tốt với nhau.

Vậy trong cuộc cạnh-tranh, nên khôn nên khéo, nên biết lợi-dụng các cái tư-cách của thiên-nhiên, của giáo-dục, của tài-trí, cung-cấp cho mình ; nếu được giàu sang hơn người, thì cũng phải biết khéo dùng sự phú-quí ấy để tô-điểm thêm cho cuộc giao-tế ; nói tóm lại là phải biết khéo cư-xử cho được may-mắn đủ điều. Phải giao-du cho rộng ; phải làm thế nào cho những nơi phong-nhã lịch-sự, được mình đến lấy làm hoan-nghênh ; phải làm thế nào cho được nhiều kẻ yêu người qui, kẻ dón người vời ; phải làm thế nào cho bao giờ cũng có cái thái-độ vui-vẻ hòa-nhã, tử-tế ân-cần hơn người. Ấy cái cách ganh đua trong cuộc giao-tế phải như thế, chứ không phải là ở lòng ghen-ghét kẻ khác.

Nói tóm lại là người ta đã để mình vào trong xã-hội giao-tế, không nên có cái bụng ác đối với ai cả, mà lại phải sẵn lòng hình như đem cái hạnh-phúc riêng của mình đã được hưởng của xã-hội mà bù mà đắp thêm vào cho cái hạnh-phúc chung trong xã-hội vậy.

Ông danh-sĩ nước Pháp Edmond About đã có câu nói rằng : « Chúng ta bao giờ cũng phải nhớ rằng quả đất này là cái cù-lao xoay tít, mà người ta sinh-trưởng ở đấy ngày đêm bị những sự nóng sự lạnh, sự đói sự khát, những tà-khí ác-tật cùng trăm cái sức mạnh vô-hình nó đua nhau làm hại mình. Có biết thế thì mới hiểu rằng mình là bè-bạn tự-nhiên của hết thảy những người cùng sống với mình ở đời này, không phân-biệt là sắc da tiếng nói hay đất nước nào cả ; phải cùng nhau hiệp-lực lại mới đủ đánh được kẻ thù chung ; và dẫu đem sức mạnh mình, của-cải mình, trí khôn mình hòa-hợp với sức mạnh, của-cải, trí khôn của hết thảy kẻ đồng-minh mình, cũng chưa chắc đã thắng-đoạt được. Đến khi trí-não đã thấu hiểu lẽ đó đến tiêm-nhiễm vào mình thì bấy giờ mới khiên-động đến mối tình, bấy giờ làm lành cho người cũng lấy làm khoan-khoái như được hưởng một sự vui-thú vậy ; bấy giờ sẽ đem một tấm lòng hữu-ái rất rộng-rãi mà bao gồm hết thảy những mình người cùng ta cùng đánh cái trận lớn-lao ; bấy giờ những nghĩ đến tự mình có thể đang tay bác-tước hay là tổn-thương đến kẻ bạn đồng-chiến với mình, cũng đã thấy rùng mình ghê gớm vậy. »

Tập cách giao thiệp với đời

Trước khi bước chân vào xã-hội giao-thiệp, đã từng nghe thiên-hạ phẩm-bình, kẻ nói tốt, người nói xấu về xã-hội ấy nhiều lắm, thành ra ai cũng nớm-nớp sợ, không biết ra đối-đãi với

những kẻ bầy vai nguy-hiểm, những quan thẩm-phán nghiêm-khắc ấy thế nào.

Song nếu nghĩ rằng người nào lúc mới bắt đầu ra giao-thiệp với xã-hội cũng đều sợ-hãi như thế cả, thời sẽ vững lòng ngay. Lệ thường cái gì chưa biết thời hay sợ, không có lạ gì.

Nay chỉ khuyên những người mới ra giao-thiệp với đời một điều như sau này : là cứ giản-dị tự-nhiên là hơn cả. Đừng nên mong huyễn-diệu xã-hội bằng cái tài-trí lỗi-lạc, ngôn-ngữ hoạt-bát, tư-tưởng cao-kỳ, hay dáng-bộ kiểu-cách của mình. Phải biết rằng đâu cũng có kẻ hơn mình, và mới ra đời được người ta công-nhận cho là một kẻ học-trò chăm-chỉ, thế đã là danh-giá rồi.

Tuy-nhiên, nên giản-dị tự-nhiên, mà cũng nên có ý-tứ giữ-gìn, tập cho có ý-tứ rồi thành ra khôn-khéo ở đấy.

Phải biết rằng ở đời không có ông thầy hướng-đạo nào bằng lẽ phải giữa đời, và gặp khi phân-vân do-dự, nên tìm kẻ sành-sỏi biết điều, có thể khuyên-răn chỉ bảo cho được.

Trong xã-hội, chắc có nhiều điều làm cho mình kinh-ngạc, nhưng sự kinh-ngạc ấy không nên để lộ ra ngoài quá. Trái lại, cũng không nên làm ra mặt thạo đời quá. Người ta thường có cái thói hay bình-phẩm kẻ khác, thói ấy cũng nên giữ cẩn-thận ; hoặc có người bình-phẩm thiên-hạ ở trước mặt mình, thời nên biết tự hạn-chế mình mà đừng a-dua theo người, hoặc muốn quả-quyết về phương-diện nào thời phải cho chắc hai điều như sau này đã : 1º lẽ phải đích hẳn về bên mình, không còn ngờ nữa ; 2º lời phán-đoán của mình xem ra không thể mếch lòng được những người ở đó, và không thể phương-hại gì cho những người vắng mặt.

Những lời nói việc làm, mình có thể nghe, có thể biết được, thời nên tỏ ra mặt ân-cần muốn nghe muốn biết. Còn ngoại-giả không nên tò-mò thóc-mách, không nên đem cái lòng ham biết của mình trở-ngại cái quyền tự-do của kẻ khác.

Điều gì trông thấy, cũng nên ghi nhớ lấy cho kỹ, dẫu việc nhỏ-nhặt cũng vậy, phải nên cứu-xét cho ra cái ý-nghĩa thế nào, chắt-lọc cho được sự lợi-ích ở trong, không nên bỏ qua đi bao giờ. Điều gì không biết, có quyền được hỏi người biết. Cái cách khiêm-tốn đó, dễ làm cho thiên-hạ ưa và phục cái chí hiếu-học của mình.

Còn nên lấy ai làm khuôn-mẫu, thì cứ chọn ngay trong những hạng người công-nhiên được xã-hội yêu-mến kính-nể. Người có giá-trị thì mình phải phục ngay, chứ không nên phục kẻ phù-hoa nông-nổi. Còn những kẻ phất-phơ không từng quen biết, hay những kẻ yêu-hãnh quen thói sỗ-sàng, thì chớ nên làm thân bao giờ, trước khi giao-tiếp với họ, phải nên hỏi những người sành-sỏi lịch-duyệt cho biết tư-cách họ thế nào. Trên kia đã nói xã-hội không thiếu gì hạng người. Cho nên trước khi làm thân với ai, phải nên đo-đắn lọc-lừa cho kỹ mới được.

(*Còn nữa*)

HỒNG-NHÂN *biên-dịch*

CÂU CHUYỆN BƯỚI TRĂNG

Đêm sáng trăng ở bờ Đông-hồ, mặt nước con buồm, bóng trăng mây vần, hai chúng tôi cầm tay nhau thơ-thần, lấy làm vui-vẻ quá. Kể từ độ phân-ly ở chốn học-đường, thì tôi về làng cũ, còn bạn tôi lại lênh-đênh... khi quê người đất khách, khiến cho phải xa cách nhau, xa cả câu cười tiếng nói. Hôm nay bỗng đưng lại được xum hợp, cùng dang tay giãi lòng dưới bóng nguyệt, thì lòng tôi nào tưởng có rày. Cho mới biết ở đời thật là một mớ ngẫu-nhiên, không sao liệu-định, người ta mỗi khi ly-biệt mà buồn rầu, xum-vầy mà thỏa-thích, thì cũng phải mà cũng không phải. Nhưng thế-tình thì bao giờ cũng vẫn cảm-động về mỗi lúc cảnh-ngộ đổi thay, khi khúc-khích cười, khi ngơ-ngẩn khóc, dầu có lấy óc triết-lý mà phân-đoán mấy cũng không sao được. Vì vậy mà hôm nay tôi lấy làm vui sướng vô-cùng. Cùng đi thơ-thần dưới bóng dương rườm-rà tha-thướt, tai nghe tiếng lá phất dịu-dàng, thì mấy nỗi hân-hoan như lay chuyển cả tâm-hồn, khiến cho buột miệng ngâm lên mấy câu ca mà mình vẫn không hay :

Năm năm tháng tháng ngày ngày,
Lần lần lữa lữa rày rày mai mai.
Kiếp sau xin chớ làm người,
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo!

Tôi ngâm xong thì liền nói tiếp với bạn rằng :

— Như chúng mình đi chơi đây, giá ở vào các tay văn-nhân thi-sĩ nào, có lẽ người ta đọc lên biết bao văn thơ êm-đềm thanh-thú. Nhưng mình thì có đâu được cái tài như thế, thôi thì sẵn thơ xưa đọc lại khiến cho giã sạch nỗi lòng thì cũng thỏa lắm.

Bạn tôi lẳng-lặng ra dáng suy-nghĩ giây lâu rồi trả lời :

— Phải, sinh ra làm kiếp người thật khổ, ... Nhưng một lần đã sinh ra thì có hối, có tiếc, có than, có trách cũng vô-ích, hãy cứ giữ cái địa-vị mình theo cái chỉ định mình mà làm việc thì biết đâu trong cái đời kia lại không có một lúc nào đắc-chí. Cổ-nhân hoặc-giả có khi chán đời mà ngâm ra như thế, nhưng cuối cùng vẫn còn tấm lòng thương đời, hoặc vì éo-le eo-hẹp, thảm-cảnh lôi-thôi, vì nỗi nhục-nhằn hèn-hạ mà giận đời không thiết gì sống nữa, nhưng rồi ra thì cũng muốn vì đời mà reo lên ít tiếng, mấy tiếng reo ấy may ra thì sẽ là tiếng chuông cảnh-tỉnh nhờ ngọn gió đưa sang đi mấy dặm trường. Những câu thơ thế thật là một dịp phách cung đàn rất thanh-tao réo-rắt, gảy lên để an-ủi tâm-hồn người không còn gì hơn nữa, nhưng suy xét kỹ thì bọn mình cũng không phải cần những cung đàn ấy làm gì. Đầu xanh tuổi trẻ, đang lúc khí-huyết còn sinh-sôi mạnh-bạo, hãy nên thừa theo cái tính-chất thiên-nhiên ấy mà làm việc cho phấn-chấn lên, lựa phải cầu những câu thơ êm-đềm ai-oán khiến cho nhu-nhược tính người. Trong thời buổi này mà giở đến câu chuyện văn-chương thì có hơi không hợp lắm. Là vì trong khi công việc đa-đoan bận-rộn mà mỗi một việc đều lớn-lao quan-hệ, rất thiết-yếu với thời-cuộc sanh-tồn cạnh-tranh này, mà lại đem gác để ra ngoài, lo trau chuốt từ câu văn, gọt đẽo từ lời nói, thì có bổ-ích vào đâu. Đã biết rằng nước mình bây giờ về đường văn-hóa vẫn còn ấu-trĩ lắm, vấn-đề văn-hóa kể cũng đáng

lo, cũng mật-thiết, nhưng ngoài cái vấn-đề ấy còn nhiều cái khác còn to-tát hơn. Lại ở trong cái vấn-đề văn-hóa không phải chỉ có văn-chương thôi, mà các bạn thanh-niên phần nhiều chỉ lầm-nhầm ở câu ca tiếng hát, lấy làm cái phận-sự tối-trọng và bụng vẫn lấy làm yên vui, vì đã trả xong mối nợ quốc-gia. Không, tôi không khích-bác gì văn-chương, vì tôi cũng thưởng-thức văn, nhưng tôi vẫn ái ngại vì nhiều người thanh-niên tuấn-tú bởi ham-mê ở câu văn mà thành ra con người nhu-nhược, tấm hồn lãng-mạn vẩn-vơ. Anh bảo cũng biết văn-chương chẳng phải như khẩu súng lưỡi gươm để giữ-gìn bảo-hộ cho mình được, chẳng qua là một món đồ chơi, có thì tốt mà không có cũng không hại gì. Anh thử nghĩ xem.

Tôi ngần-ngừ một lúc, mới nói lại rằng :

— Ở một nước nhỏ yếu mà muốn thành-lập ra quốc-gia thì thiếu một món gì tưởng không thể nào được, hoặc về chánh-trị hay về văn-hóa ; thế như anh đã cho là cũng đáng lo, cũng mật-thiết, nhưng anh lại bác đi vì nếu nói về văn-hóa lại chỉ chuyên-trị một mặt văn thì không đủ, đã không đủ lại không ích đã không ích lại có hại. Vâng, nói về văn-hóa mà chuyên về văn thì không đủ thật, nhưng trước kia đã nói rằng nước mình vẫn còn ấu-trĩ, cũng như các nước phú-cường khác đương vào thời-kỳ sơ-khai ; vào lúc ấy mà muốn có những triết-học cao-thâm thuần-túy như ngày nay thì thật không sao được. Tưởng trước khi cũng phải dần-dần dả-dả, lựa nhặt từ tiếng nói kết thành ra lời ca, từ lời ca ra bài hát, từ bài hát ra tập thơ, rồi ra đến quyển sách, đến trăm ngàn vạn quyển sách. Trong lúc quốc-văn đã có cơ vững-vàng rồi thì sẽ có nhiều sách cao rộng được. Ấy theo cái thiển-kiến của tôi thì văn-tự nước ta cũng phải theo cái luật tiến-hóa chung của các thứ văn-tự khác. Còn nói văn-chương có hại, thật tôi chưa hiểu là thế nào. Đọc văn-chương cho đến nỗi mê hồn bại trí có lẽ cũng có, là vì câu văn êm-đềm réo-rắt quá, khiến cho khi đọc lên, ngâm lên, thì tâm-hồn đã nương theo một giọng dìu-hiu mà man-mác, mà nhu-nhược đó chăng ? Đó là thuộc về một lối văn và theo một hạng người. Hạng người ấy khi chẳng được thông lắm, mỗi khi đọc một bài văn thì đã tưởng như mình trong cảnh ấy, nhân-vật là mình, gặp những cảnh-ngộ chán-chê đau-đớn thì đã mơ-mộng ngay. Có biết đâu những quyển văn-chương kia tức là tấm gương đời rất trong sáng, dùng lời văn cho thật hay thật khéo để tả cho thật đúng con người ta và cốt ý cho độc-giả mỗi khi trông thấy mà phán-đoán, chứ không phải để mà noi theo. Một chị gái tơ đọc quyển *Kiều*, đọc đến lúc Kiều qua nhà Kim Trọng thì vội bỏ sách xuống mà tưởng mình cũng thế, cũng qua một nhà anh nào mà « nỉ-non đêm vắn tình dài », miễn là tấm-tình cho cao-thượng trong-sạch thì thôi, như thế mà đem cái lỗi đó cho tác-giả cũng quá-đáng lắm. Lại như ở đời, ai không đau-đớn. Mỗi lúc trông qua cảnh sanh ly tử biệt thì ai không động lòng. Như bọn mình đây thật chưa có gì gọi là đau-đớn lắm, có chăng là vướng-vít ở bên trí-thức linh-hồn, chớ có biết đâu chung quanh mình còn biết bao nhiêu kẻ lầm-than khốn-nạn, những nỗi tai-nạn bất-kỳ, hay mỗi lúc sinh tử tật bệnh, cái họa-tai đã đưa đến dẫy đầy trước mắt, đánh mạnh vào cả vật-chất linh-hồn, những lúc ấy còn ai muốn ở đời nữa đâu, muốn làm việc nữa đâu. Phải làm sao giải cho hết những điều ưu-tư uất-ức ấy, khiến, cho êm-ái linh-hồn lại thì mới mong có hoạt-động như thường. Mà giải thế nào ! Chao ôi ! Cổ kim biết bao nhiêu người vì

những mong giải buồn mà sa mắc vào đường tội lỗi! Anh Tí bỏng dưng nghiện rượu, anh Giáp nghiện thuốc phiện, anh Ất nghiện gái tình, anh Bính nghiện cờ bạc; tại vì đâu? Những cách giải buồn kể cũng nhiều mà cũng nguy thay! Cho nên theo tâm-trí tôi vẫn tưởng chỉ có văn-chương là món thuốc hay hơn cả. Từ lời ca mộc-mạc đến câu văn thâm-thúy, mỗi khi đã ngâm lên được câu nào, đọc được bài nào hợp cảnh, hợp tình, thì nỗi lòng dường đã dỡ, thỉnh-thoảng sẽ thấm-thía vào linh-hồn làm cho êm-ái nhẹ-nhàng, có thể mới có yên-trí mà tư-tưởng được, có thể mới có suy-xét tìm-tòi ra cái lẽ phải mà theo. Chính là tự mình an-ủi lấy mình, và nhờ vào cái sức thiên-nhiên của vũ-trụ hay cái sức cảm-tưởng của người ta diễn-giải ra câu văn lời nói, tức là một tiếng vang-động của thần-hồn mỗi lúc cảm-động hoặc vui buồn sướng khổ. Đã là tiếng của thần-hồn mà đem an-ủi thần-hồn thì còn gì hay bằng. Người ta có biết cảm về văn-chương là ở mấy lúc này. Giữa thế-kỷ hoàng-kim làm chủ-tể mà đem văn-chương ra đọc bên tai bọn người tiền bạc, vai u thịt bắp, thì có khác nào đem đàn đi gảy tai trâu, luống những hoài công tài-tử. Nhưng vì buổi cựa-trảo thì văn-chương cũng một món khí-giới rất lợi-hại. Đọc qua lịch-sử nước nhà, giở đến văn-chương nước nhà, xem đến bài cái bẻo của cụ trạng Giáp-Hải thì trong trí không sao khỏi tư-tưởng lạ-lùng. Ô hay! Người ta đã chinh-chiến mà cũng vì văn, cũng biết văn nữa mà! Cái thời-đại đã man mà cao-thượng thay! Lấy mấy câu thơ ngăn được mấy vạn địch-quân, che chở cho anh em khỏi rỏ một giọt máu mà bảo-tồn xong quốc-gia, thì văn-chương cũng không phải là vô-giá. Than ôi! Thời-thế biến-thiên, đem đạo-đức luân-lý mà giảng trước hàm súng lưỡi gươm thì nguy cho diễn-giả biết dường nào. Thế-kỷ là thế-kỷ kim-tiền, mình không có kim-tiền không được, . . . song có thế nào mặc dầu, cứ ép tâm-trí mình bao giờ vẫn đam-đam về đó mãi thì thật khổ vô-cùng và cũng chưa biết là xong không, là vì khối óc người ta cốt để hấp-thụ những lẽ phải. Con mắt kẻ thương-tâm, mỗi khi trông thấy tình đời eo-hẹp nhỏ-nhen, cùng giống người mà tương-tàn tương-hại thì xiết bao nỗi đau đớn lòng, muốn vì kẻ yếu hèn ra tay trừ-khử những quân vô-loại ấy thì không đủ sức, hoặc muốn đem thân xa lánh cõi đời cũng không được, thôi thì hãy ngồi yên mà buồn mà cảm, hốt-nhiên ngâm lên một vài câu thơ để giải nỗi lòng. Những lúc ấy, may ra thì những người thương-tâm chán đời kia mới mong khuây-khỏa, mới có cái lạc-thú nhân-sinh, mới mong trọn được cái phận-sự người đời. Lòng người khi ấy mới có cái cảm-hứng, vui-thú gấp mấy lần cái tiếng sáo chiều hôm, cung đàn ngấn nước, cái vui chan-chứa khêu gợi tâm-hồn, như các nhà chiến-sĩ lúc ra trận mà được nghe những tiếng kèn, tiếng trống, hay trông ngọn quốc-kỳ đương phất-phới theo chiều gió thổi.

— Anh nói thế cũng phải, đôi ta cùng đi dưới bóng trăng thanh, chung hưởng một luồng gió mát, tấm lòng tôi cũng biết cảm cái thú văn-chương vậy. Bao giờ tôi cũng vẫn biết đó là một cái thú vô-cùng vô-tận, không bao giờ vơi cũng không bao giờ chán, nhưng về ý riêng tôi cũng không bao giờ muốn vui như thế.

Bạn tôi nói, tôi không sao cãi được, vì ai có cái sở-thích nấy. Tôi vẫn nhớ rõ ràng những mấy năm về trước, cùng ở chốn học-đường, chúng tôi đã chung một lòng, một dạ, một chí, một tình, nhưng đã chia tay trong bấy lâu nay, tri-thức ngày một mở-mang, khiến cho tình-cảm đã đổi khác ra như thế, mà

dầu thế nào tôi cũng nguyện đinh-ninh giữ lấy lời thề xưa để nói với bạn rằng:

— Trước kia tôi với anh đã kết nguyền đồng-chí, tình-cảnh ấy chẳng khác nào một đôi giai-nhân tài-tử hẹn-hò hai chữ đồng-tâm, nếu là con người chung-tình thì có ai lại nỡ phụ lòng cho đang. Nhưng theo cái sở-thích, sở-cảm của tôi bây giờ chỉ có văn-chương là êm-ái hơn cả, văn-chương đã thành một thứ dưỡng-khí cho tinh-thần tôi. Người ta ai không buồn lo, ai không đau-đớn, mỗi lần lòng tôi đã chán-chê tê-tái, thì duy có được yên-lặng mà tư-tưởng, lẩm-nhẩm vài câu thơ kim-cổ cùng cảnh chung-tình, thì mối sầu dường đã cởi sạch, tâm-hồn đã thấy nhẹ-nhàng như khi trông cảnh «dưới kim-ô con bạch-nhạn bóng loi-thoi» mà anh với tôi cùng ngắm buổi chiều này. Mỗi lúc ấy là lúc thật sung-sướng, ở đời có ý-vị và còn ham ở đời là ở đó. Tôi nói thế có lẽ anh cũng bận lòng vì tôi lắm. Phải, không bận lòng sao được. Anh thường nói văn-chương càng réo-rắt êm-đềm thì càng dễ siêu lòng người, khiến cho con người bị cái tình-cảm nó áp-chế mà thành ra yếu-nhược mất. Anh lấy cớ các bạn đồng-học khi xưa, cũng bởi ham mê văn-chương quá, ham-mê thơ ca của LAMARTINE, của MUSSET và các nhà thi-sĩ khác hay ca-tụng những ái-tình lãng-mạn, vì ham-mê cho đến đỗi thành một thứ người nhu-cảm, bao giờ cũng buồn, cũng cảm theo chiều gió ánh trăng, hơi thu về sáng. Anh nói thế, tôi rất lấy làm phải, nhưng nếu anh phân-xử lại cho rộng lên một chút, thì tội tôi anh có thể khả-thứ được. Đời là gì? Chẳng phải là một trường khổ-não? Nếu chẳng phải một trường khổ-não thì sao ngày nào, đêm nào, năm nào, tháng nào, anh cũng vẫn bâng-khuâng lo-lắng vì mong tô-điểm cuộc đời cho hạnh-phúc vinh-vang hơn cái buổi bây giờ. Hoặc-giả anh cãi lại rằng anh có bâng-khuâng lo-lắng thật, nhưng anh không buồn cảm như tôi. Anh vẫn mong đối-phó lại với đời một cách mạnh-bạo, tìm kiếm những lý-tưởng hùng-hồn phấn-khích để trống-trả lại. Trông người anh bao giờ cũng thấy hăng-hái phấn-khởi như một anh võ-sĩ sắp ra chốn chiến-trường. Tôi cũng muốn tập-tành như anh lắm, lại tiếc cái tâm-hồn tôi không thể được, nhiều người trong khi buồn-bã thì hay giở những bài ca hùng-hồn khẳng-khái để khích-động tấm linh-hồn mình, nhưng về phần tôi, tôi lại được yên-lặng mà tư-tưởng; trong óc tôi bao giờ cũng vẫn nhớ rằng đời là một giấc mộng, hoặc dài vắn có khác nhau, hoặc tốt xấu có khác nhau, rút cuộc cũng là mộng cả. Vẫn biết là mộng nhưng không biết chán là vì tấm thân mình là chân. Lại muốn biết thế là để nhớ rằng những cái phong-lưu, đài-các, vinh-nhục, thị-phi ở đời, chỉ thoáng qua trong chớp mắt, đều là mộng cả. Đem cái chân-thân mà mưu-đồ lấy những cái mộng-sự, là hão, là vờ, là dại. Tôi không biết chán chỉ vì tấm chân-thân kia tự lúc ban sơ đã:

Tóc da chung chịu ơn cha mẹ;

khi trưởng-thành thì:

Tấm mẫn riêng lo nghĩa vợ chồng.

Ơn nợ nặng-nề đối với gia-đình, với xã-hội, với non sông thì có lẽ lại hủy bỏ đi đâu. Vì vậy mỗi lúc tôi làm một việc gì, may ra nên một việc gì, đều là phận-sự bắt-buộc vậy, bắt phải làm việc cho đến cuối cùng, ngoài ra không còn dám tưởng gì khác nữa:

Xá chi một nắm xương tàn,
Trả cho hết nợ trần-hoàn thì thôi!

Đến lúc xong nợ trần-hoàn rồi, sau khi hương tàn khói tỏa, còn để lại một chút gì thì cái đó mới thiệt. Dầu có bước sang cõi đời khác, cõi đời người

thường gọi « sống gửi thác về », ngảnh trông lại công việc đã qua, nếu là hay là phải thì mới an-vui trong đời xuân vô-tận kia được. Ấy cũng bởi tôi nghĩ như thế, nên tôi không phải theo cái qui-thức của anh mà làm việc, nhưng xin anh đừng bận lòng vì tôi quá điên-đảo theo cảm-tình. Tôi vẫn đởm-nhận cái bổn-phận theo một cách lý-luận, là cái phận-sự cha truyền con nối. Tôi cố vẫn điềm-nhiên như các cô gái đào thơ liễu yếu sắp-sửa gánh vác giang-san nhà chồng sau này vậy. Nào, các cô có biết cái đời ấy rồi ra thế nào đâu, các cô cứ an vui mà hứng lấy như của ai trao lại thêm mấy lời dặn bảo : « Các cô phải nhận lấy cái chức-trách này, cái chức-trách ấy dầu nặng dầu nhẹ, dầu dễ dầu khó, dầu vui dầu khổ, không cần phải hay trước, các cô phải nhận lấy mà làm cho tròn bổn-phận ». Rồi thì sau này ra thế nào sẽ biết, dầu có khó-khăn mấy cũng không than trách một lời, là vì bên cái phận-sự vẫn có cái lạc-thú của gia-đình vấn-vít. Còn tôi thì cũng thế, cũng không biết một ngày một thay đổi ra thế nào, cũng không hề phải lo nó ra thế nào, là vì phận-sự mình phải vậy, nhưng hoặc cũng có lúc vui-buồn sướng-khổ thì bên nỗi ưn-tư vẫn có cái thú văn-chương đằm-thắm. Tôi dám ra nghĩ khác anh như thế cũng vì lúc ra đời chúng ta chẳng được chung cùng nhau như khi còn ở học-đường : anh thì thong-dong tự-do quá, còn tôi thì trái hẳn lại. Thôi thì anh cũng chẳng bận lòng làm chi. Tình-cảnh đôi ta chẳng khác nào hai cây nọ, cùng một giống mà đem trồng ở hai thứ đất khác nhau, hoàn-cảnh đã khác thì thân cây cao thấp gầy béo có khác, nhưng dầu thế nào cũng vẫn ra hoa kết quả theo cái tính-chất thiên-nhiên, tức như cái bản-tính con người.

Tôi nói xong thì bạn tôi nín lặng, giây lâu sẽ đáp lại :

— Tôi không sao trách anh được và anh cũng không có gì là đáng trách, nhưng tôi vẫn tin chắc rằng phần nhiều các bạn thiếu-niên mình đều bị những thứ văn-chương êm-đềm man-mác ấy, nó lôi nó cuốn như đám rêu phải trôi giạt theo làn sóng biển, dật-dờ như kẻ không hồn. Bao nhiêu cái tính tự-cường tự-lập đều biến ra thứ tính nhu-nhược dị-thường . . .

Đêm hôm ấy về nhà, không sao ngủ được, nhớ lại những lời nghe nói khi nãy, bạn tôi nói về ý riêng thì bao giờ cũng không muốn vui như thế, tôi lấy làm suy nghĩ lắm. Không muốn vui như thế, tất phải có cái ý-vị gì. Trọn đêm trằn-trọc, muốn vất cả những tình-tình riêng của mình mà cùng với bạn làm một, nhưng không sao được, trằn-trọc mãi rồi cũng ngâm thầm rằng : « Lòng ta riêng sở cảm ! »

Hà-tiên, ngày 17 tháng 3 năm 1928.

TRÚC-HÀ

Kính ảnh Hương-ký.

Đấu-xảo Mĩ-nghệ Hội Khai-trí

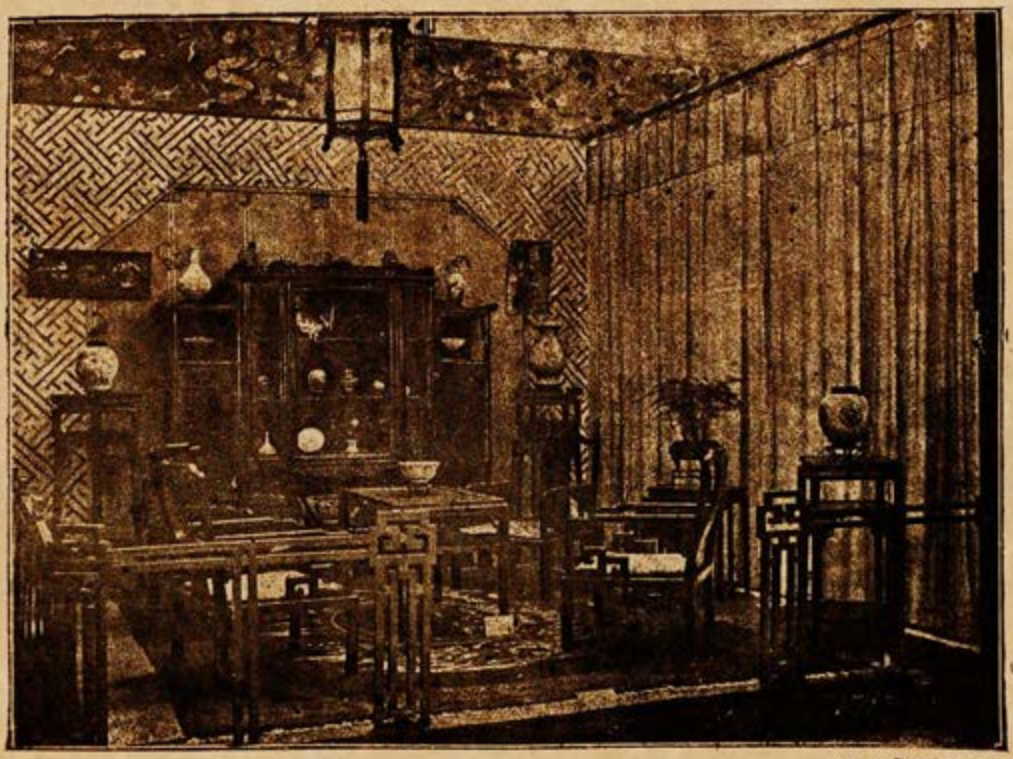

Kinh ảnh Hương-ký

Đấu-xảo Mĩ-nghệ Hội Khai-trí
(*Bộ sa-lông của hiệu Phúc-mỹ*)

LƯỢC-KÝ VỀ LỊCH-SỬ NƯỚC TÀU (1)

II

Đường 唐. — Vua Cao-tổ 高祖 (618-626) nhà Đường tên là Lý Uyên 李淵 theo mưu-kế của con là Thế-Dân 世民 khởi binh lên, trong sáu năm trừ duổi mọi kẻ hùng, nhất-thống cả toàn-quốc, rồi lên ngôi vua, đóng đô ở Trường-an, lập ra ước-pháp mười hai chương, trừ bỏ chính dữ đời nhà Tùy. Thế-Dân lại giết anh là Kiến-Thành 建成, em là Nguyên-Cát 元吉 rồi lên làm vua, hiệu là Thái-tôn 太宗 (627-649), vua Thái-tôn khoát-đạt thần-võ, lại có Phòng Huyền-Linh 房玄齡, Đỗ Như-Hối 杜如晦, Ngụy Trưng 魏徵 giúp đỡ, vậy nên chính-trị năm Trinh-quán 貞觀 ai cũng khen rằng dưới đời Tam-đại không đời nào bằng. Song chỉ tiếc cho Thái-tôn lại lấy vợ của Nguyên-Cát gây ra loạn trong cung-khuyết. Các bà hậu có đức hiền để làm khuôn phép thì chỉ có bà Trưởng-tôn-thị 長孫氏. Còn bà Vi-thị 韋氏 và Võ-thị 武氏 thì đều là người dâm-loạn. Võ-thị lại tài làm ác, vua Cao-tôn 高宗 (650-683) lập lên làm bà hậu, nên bà ấy giết cả họ Tôn-thất nhà Đường, đổi tên là Chiếu mà lên ngôi Hoàng-đế, đặt quốc-hiệu là Châu 周. Khi ấy Địch Nhân-Kiệt 狄仁傑 làm tướng lại tiến Trương Giản-Chi 張柬之 lên giúp đỡ, nên mới hay khôi-phục lại ngôi nhà Đường. Tuy rằng đã giết được hai họ Trương, mà hãy còn ba họ Châu, thông-dâm với bà Vi-hậu, vua Trung-tôn 中宗 (684) thì ngu tối, cứ mặc cho Vi-hậu muốn làm gì thì làm, nên về sau lại phải bị giết. Em là Tương-vương Đán 相王旦 có con là Long-Cơ mới giết họ Vi mà lập Đán lên làm vua, hiệu là Duệ-tôn 睿宗 (684-712). Duệ-tôn lại truyền ngôi cho Long-Cơ hiệu là Huyền-tôn 玄宗 (712-755). Khi ấy có Diêu Sùng 姚崇 Tống Cảnh 宋璟 Trương Cửu-Linh 張九齡, cùng nối nhau làm tướng, nên chính-trị năm Khai-nguyên 開元 thịnh ví bằng năm Trinh-quán. Đến khi Lý Lâm-Phủ 李林甫 lên làm tướng thì chính-trị rối-loạn. Dương Quốc-Trung 楊國忠 nhờ có bà Quí-phi được vào làm hữu-tướng, nên lại khích-thành ra cái loạn An Lộc-Sơn 安祿山, đến nỗi vua Huyền-tôn phải chạy ra đất Thục, trong nước đại-loạn. May nhờ có Nhan Cảo-Khanh 顏杲卿, Trương Tuần 張巡 xướng-nghĩa lên dẹp giặc, đón vua Túc-tôn 肅宗 (756-761) lên ngôi. Lại được Quách Tử-Nghi 郭子儀, Lý Quang-Bật 李光弼 ra dẹp loạn An Sử khôi-phục lại kinh-thành. Tiếc cho Túc-tôn về sau lại tin dùng Lý Phụ-Quốc 李輔國 yêu Ngư Triều-Ân 魚朝恩, không hỏi gì đến kẻ quân-sĩ, đặt ra chức Tiết-độ-sứ, trao cho cờ tiết-mao, rồi gây nên cái vạ nước phiên-trấn. Vua Đại-tôn 代宗 (762-779) lên nối ngôi, bãi bỏ Lý Bật 李弼, Quách Tử-Nghi 郭子儀 không dùng, đến khi rợ Thổ-phồn vào ăn cướp, lại mới triệu dùng Quách Tử-Nghi, mà đổi chức quan Tiết-độ ngoài phiên-chấn đặt ra chức Lưu-hậu, rồi thành ra cái loạn năm Kiến-trung. Đến đời vua Đức-tôn 德宗 (780-804) thì có Lý Hi-Liệt 李希烈, Chu Tì 朱泚, Lý Hoài-Quang 李懷光 nối nhau đem quân vào phạm cửa khuyết, vua phải trốn chạy, mà Chu-Tì thì rất bạo-ngược, vào ở đất Trường-an tự xưng-đế. May nhờ có Lục Trí 陸贄, Lý

(1) Xem N. P. số 125.

Thạnh 李晟 thu-phục lại được kinh-thành. Song Đức-tôn lại che chở cho Lư Kỷ 盧杞, yêu dùng Đậu Văn-Trường 竇文場 đến nỗi triều-chính nhầm lẫn. Vua Thuận-tôn 順宗 (805) lên ngôi thì có lũ Vương Phi 王伾, Vương Thúc-Văn 王叔文 kết đảng ở trong cầm quyền chính-trị, rồi vua phải truyền ngôi. Vua Hiến-tôn 憲宗 (806-820) là một ông vua cương-minh quả-đoán, biết dùng mọi người hiền là Bùi Độ 裴度, Đỗ Hoàng-Thường 杜黃裳, lại có Cao Sùng-Văn 高崇文, Lý Tố 李愬 đem binh đi đánh dẹp các nơi, đều thành công cả, giết được Ngô Nguyên-Tế 吳元濟, từ đấy những kẻ hãn-tướng ngoài cường-phiên mới đều qui-thuận, năm Nguyên-hòa đã hầu được trung-hưng, tiếc cho không giữ được vẫn-tiếc, lại tin dùng kẻ hoạn-quan, thích đồ tiến-phụng, mê tiên đón phật, không nghe lời can của Hàn Dũ 韓愈, rồi bị phải Trần Hoằng-Chí 陳弘志 giết đi. Vua Mục-tôn 穆宗 (821-824) thì đam-mê về đường du-yến, ba trấn theo nhau làm phản loạn, lại mất đất Hà-bắc. Vua Kính-tôn 敬宗 (825-826) thì đi giong chơi vô-thường, đắm yêu kẻ tiểu-nhân, cùng với Mục-tôn 穆宗 đều bị phải kẻ hoạn-quan giết chết. Vua Văn-tôn 文宗 (827-840) là em Mục-tôn là người cung-kiệm nho-nhã, nên chính-sự năm Thái-hòa cũng được trong sáng. Song kẻ hoạn-quan chuyên-quyền đến nỗi thành ra cái biến ở Cam-lộ. Đến đời vua Võ-tôn 武宗 (841-844) nối lên, hay dùng Lý Đức-Dụ 李德裕 dẹp yên ba trấn, khéo chế được Cừu Sĩ-Lương. Tiếc rằng lại đam về việc cầu tiên hiếu đạo, không hay dẹp yên được bọn bằng-đảng của Lý Đức-Dụ và Ngưu Tăng-Nhụ 牛僧孺 tranh nhau. Vua Tuyên-tôn 宣宗 (847-859) là con vua Hiến-tôn là người minh sát trầm-đoán, hay theo lời can như nước chảy, người đời đã khen là một vưa tiểu Thái-tôn. Vua Ý-tôn 懿宗 (860-873) thì hay thờ phật, vua Hy-tôn 僖宗 (874-888) thì hay đi giong chơi, Hoàng Sào 黃巢 mới vào vây hãm kinh-đô mà xưng hoàng-đế. Lý Khắc-Dụng 李克用 lại thu-phục được. Chiêu-tôn 昭宗 (889-903) là em vua Hy-tôn, vẫn có chí muốn trung-hưng, nhưng quyền-chính về cả kẻ hoạn-quan, lũ người Điền Linh-Tỵ 田令孜, Dương Phục-Cung 楊復恭, Lưu Lý-Thuật 劉李遹 thì cầm giữ binh-quyền, giông lâm hung-bạo, cùng thông với ngoài phiên-trấn. Đến đời vua Ai-đế (904-906) phải nhường nước cho Chu Ôn. Đời Đường từ vua Cao-tổ đến đây được là hai mươi mốt đời vua, trải 289 năm.

Chu Ôn 朱溫 cướp ngôi nhà Đường, hiệu là vua Thái-tổ (907-913) nhà Lương 梁, cùng Đường 唐, Tấn 晉, Hán 漢, Châu 周 gọi là đời Ngũ-đại 五代. Đời Ngũ-đại cả thảy tám họ, mười ba đời vua, trải 53 năm, đều đóng đô ở đất Biện. Lương Thái-tổ vốn là đảng giặc Hoàng Sào, cướp ngôi nhà Đường, giết kẻ hoạn-quan, giết bà Đinh-hậu và hai vua, sau lại phải con giết chết. Vua Trang-tôn (923-925) đời Hậu-Đường tên là Lý Tồn-Húc 李存勗 (con Lý Khắc-Dụng 李克用) chí-khí lớn lao, nhờ được thế-lực của Trương Thừa-Diệp 張承業 tung-hoành trăm trận đánh, thành được chí của cha, cũng gọi là bậc anh-chủ. Song tiếc cho lại mê-hoặc nội-sủng đắm yêu kẻ tiểu-nhân, rồi lại phải Quách Tùng-Khiêm 郭從謙 giết chết. Minh-tôn (926-933) là con nuôi Lý Khắc-Dụng, nhân lúc loạn lên tiếm ngôi, ít dùng đến việc binh-cách, trong nước cũng tạm yên. Mẫn-đế (934-936) lên nối ngôi, lại phải con nuôi là Lộ-vương Tùng-Kha 從珂 giết chết mà tự lập. Thạch Kính-Đường 石敬塘 là con rể Minh-tôn không bằng lòng với Tùng-Kha, cầu-viện nước Khiết-đan tôn-phụng như cha, đút-lót cho U Kế mười sáu châu, nhờ sức của quân Khiết-đan lên ngôi vua,

hiệu là vua Cao-tổ (936-941) nhà Tấn. Con nhà anh là Xuất-đế lên nối ngôi, không nghe lời Tang Duy-Hàn 桑 維 翰 thường đánh nhau với Khiết-đan, khởi việc binh-đao luôn mãi, rồi lại đến giết mình. Hán Cao-tổ (947) tên là Lưu Trí-Viễn 劉 知 遠 nhân lúc quân rợ Hồ trở về phía bắc, chiếm được nước cũng không được bao lâu. Ẩn-đế (943-950) nối ngôi, truyền đến đời ấy là hết. Châu Thái-tổ (951-953) là Quách Uy 郭 威, khởi lên cũng nhiều chính-sự tốt. Con nuôi là Thế-tôn (954-958) tên là Sài Vinh 柴 榮 thông-minh anh-võ, cần về việc chính-trị, công-nghiệp chưa được trọn vẹn mà mất. Cung - đế (959) nối ngôi, đến khi binh-biến ở Trần-kiều thì phải nhường ngôi cho vua Tống Thái-tổ.

Loạn đời Ngũ-quí, các nước cát-cứ lấy đất Giang, Hoài, Sở, Thục, Mân, Quảng chia ra cũng nhiều nước, chỉ duy nước Ngô-Việt họ Tiền, nước Nam-đường họ Lý là còn hơi được trị-an. Còn các nước khác thì toàn là hôn-hoạn dâm-ngược, đến đời Nam-Hán Lưu Trành đặt ra những hình - phạt đốt nấu mổ xẻ tự cổ chưa có cực-hình như thế bao giờ. Đến đời Tống khởi lên thì trong nước Tàu mới được trị-an.

Tống Thái-tổ 宋 太 祖 (960-975) tên là Triệu Khuông-Dận 趙 匡 胤 nhân-hiếu khoát-đạt, quân-chúng suy-tôn lên ngôi, đóng đô ở đất Biện, được Triệu Phổ 趙 普 làm tướng giúp đỡ, trước nhất ngự ra coi nhà học, lại có lòng thương dân, giải được binh-quyền các nước phiên-trấn, lấy trọng - hình trị kẻ quan-lại tham-tang. Sai Tào Bân 曹 彬 đem quân đi đánh Giang-nam, ân-cần rặn bảo chớ có giết hại. Phụng thec đi-mệnh bà Thái-hậu, bỏ con là Đức-Chiêu 德 昭 truyền ngôi cho em là Thái-tôn (976-997) Quang-Nghĩa 光 義. Thái-tôn trái lời thề, bắt Đức-Chiêu phải tự giết, vì với Thái-tổ còn có nhiều điều đáng thẹn. Khi bấy giờ nhờ có các người hiền là Lý Phỏng 李 昉 Lý Hãng 李 沆, Trương Tề-Hiền 張 齊 賢, Lã Đoan 呂 端, Lã Mông-Chính 呂 蒙 正, giúp đỡ sửa sang chính-sự sáng sủa, bách-tính đều được yên nghiệp. Khi ấy có rợ Khiết - đan vào ăn cướp, ngoài biên-quận không được yên. Đến đời vua Chân-tôn (998-1022) ngự ra đất Đàn-uyên, rợ Khiết-đan mới chịu ăn thề mà lui quân, là phần nhiều nhờ về sức người Khấu Chuẩn 寇 準, đời khen là một việc công to. Tiếc rằng về sau sinh ra xỉ-tâm, nên Đinh Vị 丁 謂 mới bày ra cái thuyết đi tế phong-thiện, dẫu hiền như Vương Đán 王 旦 cũng không dám can ngăn, làm cho nhọc dân để thờ thần, nên đến nỗi tai-hại về thủy-hạn. Vua Nhân-tôn (1023-1063) lên nối ngôi, bà Thái-hậu rủ rèm ra dự nghe chính-sự, may nhờ được Vương-Tăng 王 曾 chính sắc đứng trong triều, Lã Di-Giản 呂 夷 簡 hết sức giữ được đại-thể. Đến khi vua Nhân-tôn ra thân-chính, lại hay cẩn-thận việc hình, nhẹ thu thuế mà, lại được mọi người hiền là: Hàn-Kỳ 韓 琦, Đỗ Diễn 杜 衍, Phạm Trọng-Yêm 范 仲 淹, Phú Bật 富 弼, Âu-Dương-Tu 歐 陽 修, Tư-Mã-Quang 司 馬 光 giúp đỡ, trong nước được trị-an. Khi ấy có Triệu Nguyên-Hiệu 趙 元 昊 giữ ở phía tây-bắc, xưng quốc-hiệu là nước Đại-hạ 大 夏. Vua Anh-tôn (1064-1067) ra tâm chính, việc gì cũng xét hỏi cổ-điển để quyết định, ý-kiến vượt hơn người, thiên-hạ đều khen. Rợ Khiết-đan khi ấy càng ngày càng thịnh. Đổi quốc-hiệu gọi là nước Đại-liêu 大 遼. Vua Thần-tôn (1068-1085) là người anh-đạt, song nhầm dùng Vương An-Thạch 王 安 石 làm tướng, đi đánh nước Hạ, gây ra sự hấn-khích ngoài biên. Lại lập ra tân-pháp, đuổi kẻ chính-nhân, dân tâm sinh oán, ngoại-hoạn lại càng dữ. Vua Thần-tôn về sau mới biết hối, thì không kịp nữa. Vua Triết-tôn (1086-1100) lên nối ngôi, bà Tuyên-nhân Thái-hậu họ Cao ra ngự-triều, dùng Tư-Mã Quang làm tướng, truất người Sái-

Kinh 蔡京, bãi bỏ tân-pháp, trong ngoài đều mừng. Chửa được bao lâu Quang với bà Thái-hậu đều mất. Vua lại dùng lũ người Sái Xác 蔡確, Chương Đôn 章惇, mọi người hiền đều phải tội bằng-đảng cấm-cố, bọn tiểu-nhân lại được tiến-dụng, mới gây lên cái họa đời vua Huy vua Khâm. Khi ấy có những nhà nho học giỏi là: Trình Hiệu 程顥, Trình Di 程頤, Thiệu Ung 邵雍, Trương Đới 張載, Tô-Thức 蘇軾, Tô-Triệt 蘇轍 mà không thể cứu được thiên-hạ đắm mất. Vua Huy-tôn (1101-1125) là em vua Triết-tôn muốn nối theo di-chí của cha anh song lại bị phải sáu kẻ giặc là: Sái Kinh 蔡京, Lương Sư-Thành 梁師成, Lý Ngan 李彥, Chu Diến 朱勔, Vương Phủ 王黼, Đồng Quán 童貫, nó đem sự xỉ-mĩ làm mê-hoặc lòng vua, nên đến nỗi trong ngoài rối động. Người nước Kim vào ăn cướp. Huy-tôn phải truyền ngôi cho con là Khâm-tôn (1126-1134) cắt đất xin hòa với nước Kim, chửa được hai năm thì cha con đều bị bắt, cả họ phải bắt sang phương bắc. Nước Liêu từ đời Gia-Luật Đức-Quang 耶律德光 trở về sau, đất rộng binh cường, cũng là một nước lớn. Bộ Nữ-chân có A-Cốt-Đả lấy một vạn quân khởi ở mặt bể, lập-quốc gọi là nước Kim, tức là vua Kim Thái-tổ (1115-1122). Đến đời vua Thái-tôn (1123-1134) cử binh lên diệt được nước Liêu, uy-phong mạnh mẽ không ai đương được. Thế mà nhà Tống dám gây ra sự hấn-khích, bãi bỏ Lý Cương 李綱 để tạ nước Kim, lại chuyên dùng một quan nương-tử tể-tướng chịu khuất xin hòa, chửa được bao lâu cũng nối theo nước Liêu mà mất. Vua Cao-tôn (1135-1162) là con Huy-tôn gặp khi hai vua Huy, Khâm phải bắt sang phía bắc, mới lên nối ngôi may nhờ được Lý Cương tổng-lý việc nội-trị, Tôn Trạch 宗澤 lưu giữ đất Đông-kinh, để lo toan việc khôi-phục, sau bị phải họ Uông 汪 họ Hoàng 黃 nó ức-chế, vua bèn mê tín. Khi ấy vua phải tránh giặc ở phía đông-nam, đông đô ở đất Lâm-an, không còn có chí gì sâu xa nữa. Tần Cối 秦檜 mới dòm được bụng vua không muốn đi đánh giặc để đón hai vua Huy, Khâm trở về, chỉ hết sức chủ nghị-hòa. Khi ấy tuy có Trương Tuấn 張浚, Triệu Đình 趙鼎, Nhạc Phi 岳飛, Hàn Thế-Trung 韓世忠, Ngu Doãn-Văn 虞允文 cùng hợp sức nhau đánh phá nước Kim, mà không thể thành công được, phải hiến cho nước Kim ba lộ và mười ba châu. Vua Hiếu-tôn (1163-1189) phụng nuôi đấng Thượng-hoàng trước sau không trễ biếng. Khi ấy nước Kim có vua Thế-tôn là người hiền-minh nhân-thứ, nên nam bắc đều được nghỉ ngơi. Vua lại triệu-dụng Trương Tuấn tựa như trường-thành, song bị phải bại-trận ở Phù-li, lại khiến sứ đi giảng-hòa với nước Kim, từ bấy giờ nghiệp trung-hưng không thể mong được nữa. Duy mở mang hai đất Hoài lập ra đồn-điền, lại đem cái phép xã-thương của ông Chu Hi 朱熹 ban cho các tỉnh thi-hành, tuy rằng việc võ-công thì không đủ, mà việc văn-trị thì đáng khen. Vua Quang-tôn (1190-1194) lên ngôi, Thọ-hoàng mất, không làm lễ tang, người ta chê là bất-hiếu. Vua Minh-tôn (1195-1224) bị phải Hàn Thác-Trụ 韓侂胄 nó làm sai-lầm, dưỡi bọn Triệu Nhữ-Ngu 趙汝愚, cấm-chấp ngụy-học, phải bị vào sổ tội đến năm mươi chín người, lưu-độc cả thiên-hạ, mà đạo-học của Chu Hy lại càng tôn. Hàn Thác-Trụ lại giết Sử Di-Viễn 史彌遠, đương lúc quốc-tang, dám trái tờ di-chiếu làm sự phế-lập. Vua Lý-tôn (1225-1664) vốn là dòng vua Thái-tổ, lúc mới lên ngôi, tin dùng Di-Viễn, sau lại dùng Giả Tư-Đạo 賈似道, Đinh Đại-Toàn 丁大全, dám bảo Chân Đức-Tú 眞德秀 là chân tiểu-nhân, Ngụy Liêu-Ông 魏了翁 là Ngụy quân-tử, những người chính-

nhân hiền-sĩ đều phải ruồng đuổi đi hết. Gặp khi ấy họ Mông-cổ diệt nước Kim, đánh mất nước Hạ, thế-lực đương hăng. Thế mà vua Tống lại nghe lời bàn của Triệu-Phạm 趙范, Triệu-Qui 趙葵 xin thu-phục lấy ba kinh, khêu hấn-khích với quân giặc-mạnh, không đến mất nước là may. Vua Đô-tôn (1265 1274) nối ngôi, Giả-Tự-Đạo giả cách xin cáo về mà vua phải rỏ nước mắt mời lưu lại. Vua lại cho nhà ở Cát-lĩnh, năm ngày một lần vào chầu, thói tham càng tệ, dấu quân-lính thua chết ở ngoài, mà Tự-Đạo giấu đi không tâu cho vua biết. Đất Tương-dương bị quân Nguyên vây ba năm, Lã Văn-Hoán 呂文煥 phải hàng về Nguyên, đô-thành thất-thủ, Cung-tôn (1275) phải chạy ra phía bắc. Văn Thiên-Tường 文天祥, Trương Thế-Kiệt 張世傑 mới khởi nghĩa-binh, lập anh vua Cung-tôn là Đoan-tôn (1276) lên, chống nhau với quân Nguyên. Đoan-tôn mất ở Lĩnh-nam, em là Đế-Bính (1278-1279) dời đến Nhai-sơn. Trương Hoằng-Phạm 張宏範 đem quân Nguyên đến đánh. Quân của Trương Thế-Kiệt vỡ tan. Lục Tú-Phu 陸秀夫 cõng vua nhảy xuống bể mà chết. Thế là Tống mất nước. Kể từ đời Tống Thái-tổ đến đây là mười tám đời vua, trải 320 năm. Kẻ sĩ nho-nhã xuất-hiện ra cũng nhiều, nhưng thế nước không được mạnh, phải mất về nhà Nguyên.

Nguyên 元 Thái-tổ (1206-1228) tên là Thành-cát-tư hãn Thiết-mộc-chân 成吉思汗鐵木眞 là người thân trầm đại-độ, diệt nước Hạ, phá nước Kim, mở-mang bờ cõi. Vua Thái-tôn (1229-1245) là người khoan-hoằng nhân thứ, mới diệt nước Kim, tin dùng Gia-luật sở-tài 耶律楚材 định phép tắc, hưng văn-học, trong nước đã được trị-bình. Trải qua đời vua Định-tôn (1246-1250) Hiến-tôn (1251-1259) đều là vua cương-minh hùng-nghị, bờ cõi càng ngày càng rộng. Em là vua Thế-tổ Hốt-tất-liệt 忽必烈 (1260-1294) nối ngôi là người nhan-minh hảo-mại, độ-lượng rộng-rãi, biết người khéo dùng, lại được Bá Nhan 伯顏, Sử Thiên-Trạch 史天澤, Hứa Hành 許衡 giúp đỡ, đánh lấy nhà Tống, đóng đô ở Yên-kinh, nhất-thống cả nước Tàu, Triều-tiên, An-Nam, Thiên-trúc, Ba-tỵ, Nga-la-tỵ đều phải qui-phục, bản-đồ bờ cõi rộng lớn, hơn nhất cả từ xưa đến nay. Tin nghề nho-thuật, đặt nhà học-hiệu, thương yêu dân đen, không nỡ tàn-sát. Giết chết A-hợp-mã 阿合馬, kẻ gian-thần tàng-đảm. Lại giết kẻ di-thần nhà Tống là VănThiên-Tường 文天祥, Tạ Phương-Đắc 謝枋得 thì thực là thiếu-ân. Thường hay hiếu-công khoe danh, sai lũ Phạm Văn-Hồ 范文虎 đem binh đi đánh nước Nhật-bản bị thua to, để tiếng cười về sau. Vua Thành-tôn (1295-1307) tên là Thiết-mộc-nhĩ là cháu vua Thế-tổ, lại hay yêu dân lo việc nước. Năm cuối mắc phải tầm-tất, mê hoặc về lời dua-nịnh, xuýt nữa mất ngôi. Vua Võ-tôn (1308-1311) là anh vua Thành-tôn, khái-nhiên có chí muốn làm. Song phong tước lạm quá, thưởng-tứ phiếm quá. Lại tôn-sùng Phật-giáo, đặt vị đế-sư quốc-sư. Vua Nhân-tôn (1312-1320) là người cung kiệm, thông-đạt nho-thuật, và hiểu rõ Phật-điển, không thích đi chinh-phạt, chỉ chăm về việc chính-trị, cũng là một ông vua hiền. Anh-tôn (1321-1323) là người minh-đoán, quả-quyết về việc hình-phạt, bị phải kẻ gian-đảng giết đi. Tấng-tôn vua Thế-tổ là Thiết-mộc-nhĩ (1324 1327) lập lên, ở ngôi được bốn năm, bị phải Yên-thiếp-mộc-nhĩ 燕帖木兒 thi-nghịch, lập con vua Võ-tôn là Hoài-vương hiệu là Minh-tôn (1328-1329). Em là Văn-tôn (1329-1331) lên nối ngôi, cũng nhờ về sức của Yên-thiếp-mộc-nhĩ. Ninh-tôn (1332) là con vua Minh-tôn, ở ngôi vua được

hai tháng. Yên-thiếp - mộc-nhi giông làm càn-dỡ không còn kiêng - kỵ gì ai cả, thậm-chí lấy cả con gái họ tôn-thất hơn bốn mươi người, triều-cương bỏ nát hết cả. Thuận-đế (1333-1367) lấy là anh vua lên nối ngôi, lại gặp phải Bá - Nhan 伯顏 chuyên - quyền, nhờ được Thoát-Thoát 脫脫 là người trung-tiết mà lại giết đi. Sai sứ đi tuần-hành thiên - hạ, song nhiều việc che dạy không xét biết được. Lưu Phúc-Thông 劉福通, Từ Thọ-Huy 徐壽輝, Quách Tử-Hưng, 郭子興 Trương Sĩ-Thành 張士誠, Phương Quốc - Trân 方國珍 nối nhau dều khởi-binh, các châu huyện đều sôi nổi cả lên, mà vua cũng không để ý đến, chỉ chuyên việc dâm-dật, cho trai gái cởi trần truồng cả ở trong cung, như thế thì tài nào khỏi mất nước được. Đến khi Chu Nguyên - Chương 朱元璋 và Minh Ngọc-Trân 明玉珍, Trần Hữu-Lượng 陳友諒, khởi binh lên, thiên-hạ đều đua nhau theo cả, chỉ duy có một mình Dư Khuyết 余闕 là chết theo với nước. Dương-địch vương thừa - gián cũng khởi binh lên. Sách - la - thiếp-mộc 索羅帖木 đem binh vào phạm cửa khuyết. Các đảng giặc chửa mất mà vua đã phải chạy ra phía bắc, thế là mất nước. Nhà Nguyên tự Thế-tổ đến đây trải mười đời vua, 89 năm. Văn-vận không được hưng-vượng mấy, chỉ có mấy người là: Kim Lý-Tường 金履祥, Triệu Mạnh - Phủ 趙孟頫, Trương Dưỡng-Hiệu 張養浩, Ngô Chứng 吳澄, Hứa Khiêm 許謙, Ngu Tập 虞集 nổi tiếng văn-học ở đời. Đến đời vua Thuận-tôn thì thiên-hạ về nhà Minh

Minh 明 Thái-tổ (1368-1392) tên là Chu Nguyên - Chương 朱元璋 trước làm thầy tăng, sau theo Quách Tử-Hưng khởi binh lên; vua vốn là người hùng-nghị minh-đạt, liệu giặc như thần, không có sẻn tiếc gì chức quan thưởng cho. Trong khoảng mười lăm năm, trừ hết mọi kẻ hùng, diệt nhà Hồ Nguyên, thành được đế-nghiệp, cải bỏ tục họ Mông-cổ, áo mũ đều theo chế-độ nhà Đường, cấm kẻ hoạn-quan không được dự chính-sự cấm binh-quyền, sai kẻ nho-thần soạn bài nữ-giới, răn các quan Hàn-lâm không được chuộng lời văn phù-tảo, dựng miếu kẻ công-thần, định các chức quan nội-thị, xuống chiếu cho các quận huyện lập nhà học, cấm bỏ những hình thích-mặt, cắt chân, cắt tai, thiến hoạn, phỏng-phạm mọi việc đều đã đủ cả. Lại có Lưu Cơ 劉基, Từ Đạt 徐達, Thường Ngộ-Xuân 常遇春, Thang Hòa 湯和, Lý Thiện-Trưởng 李善長 mọi người giúp đỡ, uy khắp cả hoa-di phải sợ, thiên-hạ đều hấp-nhiên phục theo. Chỉ tiếc rằng tính-chất tàn-nhẫn, sát-hại kẻ công-thần. Vua Huệ-đế (1399-1402) là cháu vua Thái-tổ lên nối ngôi, Phương Hiếu-Nhụ 方孝孺 làm thị-giảng. Tề Thái 齊泰, Hoàng Tử-Chừng 黃子澄 bắt đầu khởi-nghị tước bớt các phiên-trấn. Yên-vương Lệ 燕王棣 là chú vua giả-cách rõ cáo bệnh không chịu vào chầu, mới khởi binh lên dẹp nạn. Dư Chân 余瑱, Tống Trung 宋忠, Dương Tùng 楊松, Cù Năng 瞿能 đều phải thua mà chết, vua phải nhường nước mà đi. Yên-vương mới tự-lập lên làm vua, tức là vua Thành-tổ 成祖 (1403-1424). Vua Thành-tổ là người thiên-tính kiên-hùng, lại có thầy tăng là Đạo Diễn 道衍 giúp đỡ, đóng đô ở thành Thuận-thiên. Làm tội giết Phương Hiếu-Nhụ, mắc tội chết đến 873 người, giết Thiết Huyền 鐵鉉 đem đốt bỏ thây. Lại giết Cảnh Thanh 景清 và Tử-Ninh 子寧, tôn-tộc nhà Tử Ninh chết đến 151 người, thảm-hại biết chừng nào! Lại phong Lý Phương - Viễn 李芳遠 làm Triều-tiên quốc-vương, phong A-Lỗ-thai 阿魯台 làm Hòa-ninh-vương. Thân-chinh đánh phá Ngõa-lạt, phong cho tù-trưởng các nước phía tây nam đều làm vương công. Trị-công năm Vĩnh-lạc đều là có ý cậy lớn khoe

công cả. Vua Nhân-tôn (1425) nối ngôi, có Kiền Nghĩa 蹇義, Dương Sĩ-Kỳ 楊士奇. Dương Vinh 楊榮 giúp đỡ, xuống chiếu tha cho nửa thuế lương châu Từ châu Ung tỉnh Sơn-đông, để giúp đỡ cho kẻ cùng-dân. Vua Tuyên tôn (1426-1435) lên nối ngôi, Hán-vương Cao-Hú mưu làm phản, chửa bao lâu dẹp yên. Khi ấy có Tiết Tuyên 薛瑄 là người đạo-học, Hạ Nguyên-Cát 夏原吉 là người Nhã-lượng, đều bày hàng ở triều-ban, cũng đủ khen là một đời tiểu-khang. Anh-tôn (1436-1449) lên nối ngôi, kẻ thái-giám là Vương Chấn 王振 chuyên quyền, giết ngươi Lưu Cầu 劉球, giam ông Tiết Tuyên, không còn kiêng sợ gì cả, kẻ hoạn-quan lại càng đắc-thế lắm. Đến khi tướng Ngõa-lạt là Dã tiên vào ăn cướp, lại khuyên vua đi thân chinh, hơn năm mươi vạn quan quân phải đại-bại tan vỡ mất cả. Phàn Trung-Thủy 樊忠 棒 mới giết Vương Chấn đi, nhưng cũng không kịp được nữa, vua Anh-tôn bị phải giặc bắt đem đi. Em là Cảnh-đế (1450-1456) nối lập lên, Dã-tiên mới hiệp vua Anh-tôn trở lại vây đánh. Nhờ có Vu Khiêm 于謙 mưu-tính mới thoát được không phải bị hãm. Dã-tiên mưu trả lại Anh-tôn, Từ Hữu-Trinh 徐有貞 ủng-hộ lập lên. Anh-tôn lại về làm vua (1457-1464) tin nghe lời Hữu-Trinh, giết chết Vu-Khiêm, mà Hữu-Trinh cũng bị phải Thạch Hanh 石亨, Tào Cát-Tường 曹吉祥 hãm-hại. Thạch và Tào hai người cũng vì cớ mưu phản mà bị giết. Hiếu-tôn (1465-1487) ghét ngươi Bành Thiều là người cương-trực, vì bàn về việc ruộng của dân mà phải bỏ ngục. Họ Thát-Đát 韃靼 vào đánh ngoài biên, mà vua không lưu-ý đề phòng-bị, lại khiến kẻ trung-quan đi tra xét thủy-trình tây-dương, mong tìm được đồ ngoạn-hảo, lại đặt ra Tây-xưởng coi về thư-từ việc ngoài, thường khởi ra việc ăn-ngục to lớn. Hiếu-tôn (1488-1505) kén lấy người dị-tài, ra cày ruộng tịch-điền; song lại bắt giam Thang-Nại 湯鼐 thì việc hình-phạt không phải; Lưu Cát 劉吉 bị bãi chức thì người đều thỏa sướng. Khi ấy có Vương Thứ 王恕 nói về việc thời-chính, Lưu Đại-Hạ 劉大夏 nói về việc binh-chính. Võ-tôn (1506-1521) khi nhỏ còn hay thích vui chơi, kẻ Thái-giám là Lưu Cần 劉瑾 chuyên chính làm càn-rỡ, bắt giam Dương Nhất-Thanh 楊一清, Lưu Đại-Hạ hơn ba trăm người triều-quan đem hạ ngục, biếm Lưu Kiện 劉健, Tạ Thiên 謝遷 làm kẻ thứ-dân, Lưu Cần phải bị giết, người ta ai cũng muốn ăn thịt nó mới cam lòng, sau lại có Giang Bân 江彬 nối theo ngươi Cần dẫn cho vua chơi bời, bắt kẻ mĩ-nữ ngoài dân-gian đem dâng vào, lộng quyền giông rỡ. Vương Thủ-Nhân 王守仁 có công bắt được Thần-Hào Bân, mà dìm đi không thưởng, Giang Bân lại càng kiêu-hoạnh không kiêng sợ gì cả. Đến khi Võ-tôn mất, Thế-tôn (1522-1566) là con vua Hiến-tôn lên nối ngôi, đầu năm Gia-tĩnh giết Giang-Bân, phong cho Vương Thủ-Nhân. Chửa được bao lâu lại bắt lũ quan học-sĩ là Phong-Hy 豐熙 đến một trăm ba mươi tư người đem hạ ngục. Tôn-tín lũ phương-sĩ là Đào-Điền-Chân 陶典眞, Đào Trọng-Văn 陶仲文, nghe lời gièm Nghiêm Tung 嚴嵩 giết chết Diệp Kinh 葉經, Tăng Tiền-Hạ 曾銑夏 nói rợ Yêm-đáp sắp kéo đến đô-thành mà cũng chẳng biết, lại còn nghe lời Nghiêm Tung mà giết Đinh Nhữ-Quí 丁汝夔, Thẩm Luyện 沈鍊, Dương Kế-Thịch 楊繼盛. Thế-tôn làm vua được 45 năm, dân nước Nhật-bản vào ăn cướp ở phía đông-nam, họ Thát-đát thì rỏm nom ở phía bắc, thì lại coi khinh nó là kẻ lùn phương nam, kẻ nó phương bắc. Vua lại đi cầu thuốc trường-sinh bị phải kẻ gian-nhân lừa dối. Vua Mục-tôn (1567-1572) nối ngôi, tức giản Thạch

Tinh 石星 nói sáu việc, sai đánh trượng ở trước sân, lại tước bỏ sổ tên đi. Thiêm Ngưỡng 詹仰 thẳng can, thì lại bị phạt trượng đuổi về làm dân. Khi nước Yêm-đáp vào ăn cướp, lấy quốc-ân phủ-dụ mà nước ấy không dám làm ngược, là phần nhiều nhờ công Vương Sùng-Cổ 王崇古. Thần-tôn (1573-1619) lên nối ngôi, kẻ thái-giám là Phùng Bảo 馮保 chuyên quyền, Trương Cư-Chính 張居正 phải kết với Phùng Bảo để cho vững-vàng mới được lên cầm quyền đại-chính, trong nước yên tĩnh, trị công rõ ràng. Song người đời chê là có tính cương-phức tự-dụng, lại lấy bụng giận riêng mà giết hại người. Nô-nhi-cáp-xích 奴兒哈赤 (tên vua Thái-tổ nhà Thanh) mới đánh được thành Đô-luân, chỉ có hơn một trăm quân, ba mươi bộ áo giáp mà dám đi kinh-lược lấy cả núi Trường-bạch, sông Áp-lục. Lại lấy chữ Mông-cổ đặt ra một thứ quốc-ngữ riêng, tức là thứ Mãn-văn, ban khắp cả trong nước, thực là có chí lớn. Khi ấy nước Nhật-bản đem quân vào nước Triều-tiên, nước Tàu cũng đem quân đến cứu viện, thua to mà không biết răn sợ. Lại còn sai sứ đi khai mỏ, cái việc sai sứ khai mỏ làm hại khắp cả thiên-hạ, có người can cũng không nghe. Lại có yên-thư huyên-truyền ở ngoài phố chợ, kẻ triều-sĩ đều lấy làm nguy-ngập. Cố Hiến-Thành 顧憲成 giảng học ở Đông-lâm, thành ra một bọn sử-sĩ hoạnh-nghị. Quyền-chính mỗi ngày mất đi, dẫu ba phần thuế giảm một để làm ơn cho dân cũng không kịp được nữa. Nô-nhi-cáp-xích lên ngôi vua ở Mãn-châu, quốc-hiệu là nhà Hậu-Kim, niên-hiệu gọi là Thiên-mệnh, đem binh vào xâm phía nam, kẻ quan-lại văn-võ chết đến hơn 310 người, quân-sĩ chết đến hơn 45.800 người, đến năm sau thì vua mất, làm vua được 48 năm. Cuối năm Vạn-lịch việc trong nước càng ngày càng dở. Quang-Tôn (1620) lên nối ngôi thì bãi bỏ thuế mỏ, song bị uống thuốc mắc bệnh không dậy được. Hi-tôn (1621-1627) nối lập, thế giặc bắc lại càng mạnh, lũ Viên Ứng-Thái 袁應泰 Trương-Thuyên 張銓 đều bị bại-trận mà chết, Ngụy Trung-Hiền 魏忠賢 lại càng lộng-quyền không còn kiêng sợ gì cả. Xa Sùng-Minh 奢崇明 làm phản ở Tứ-xuyên, An Bang-Ngạn 安邦彥 làm phản ở Quí-châu. Dương Liên 楊漣 dâng sớ hặc Trung-Hiền hai mươi bốn tội lớn, mà vua không xét đến. Lại bắt giết Châu Thuận-Xương 周順昌. Nghị-tôn là em vua Hi-tôn, trước nhất giết người Trung-Hiền, thiên-hạ đều lấy làm xưởng. Khi ấy Nô-nhi-cáp-xích mất, con là Hoàng-Thái-Cực 皇太極 nối lên, thế nước càng thịnh, Chu Nhiếp-Nguyên 朱燮元 giết được Xa, An hai bọn giặc, rồi lại có Trương Hiến-Trung 張獻忠, Lý Tự-Thành 李自成, Cao Nghênh-Tường 高迎祥, Vương Tự-Dụng 王自用 liền khởi binh lên, Trịnh Chi-Long 鄭芝龍 thì uy nhức ngoài bể. Hoàng Thái-Cực mới kiến-quốc gọi là nhà Thanh 清 đánh lấy nước Triều-tiên, rồi đem quân vào bức kinh-thành. Khi ấy có những ông Ngô A-Hành 吳阿衡, Lỗ Tôn-Văn 魯宗文, Lã Duy-Kỳ 呂維祺, Phó Tôn-Long 傅宗龍, Quan Vĩnh-Kiệt 關永傑, Dương Văn-Nhạc 楊文岳, Tống Nhất-Hạc 宋一鶴, Lưu Hi-Tộ 劉熙祚, Vưu Thế-Uy 尤世威 đều nối nhau ra đánh mà bị chết cả. Lý Tự-Thành vào vây kinh-sư, vua bèn chém cả công-chúa phi-tần mà tự thắt cổ chết. Khi ấy có Phạm Cảnh-Văn 范景文, Nghê Nguyên-Lộ 倪元璐, Lý Quốc-Trinh 李國楨 tử-tiết đến và mươi người. Gặp khi ấy Hoàng Thái-Cực mất, con là Phúc-Lâm lên nối ngôi. Ngô Tam-Quế 吳三桂 mới cầu viện binh đánh Lý Tự-Thành, Tự-Thành phải giết, chúa nhà Thanh mới vào Yên-kinh. Vua Minh là Do Tùng phải chạy đến đất Hoài-an. Sử Khả 史可 Mã Sĩ-Anh 馬士英 chuyên việc nước

Tả Lương-Ngọc 左良玉 bày kể bảy tội lớn của Sĩ Anh, truyền hịch ra khắp bốn phương, trong ngoài nhiễu-động. Khả Pháp 可法 tử-tiết mà Sĩ - Anh không cứu, quân nhà Thanh đem vua ra phía bắc, chết theo nạn vua đến và mươi người. Vua Minh là Duật-Chiêu vốn là về dòng vua Thái-tổ mới lên ngôi ở Phúc-châu. Quân nhà Thanh đến xâm lấn, hạ lệnh gọt tóc, không cho người nước trái lệnh. Lại trách Mã Sĩ-Anh, Nguyễn Đại-Trâm 阮大鋮, Phương Quốc-An 方國安 là người bất-trung đều giết đi, lại chém cả vua Minh và bà Hậu ở chợ. Giết chết Chu Kế-Tộ 朱繼祚, Trịnh Chi-Long 鄭芝龍 phải hàng về nhà Thanh, con là Trịnh Thành - Công 鄭成功 mới ra ngoài phía bể để khởi-binh. Vua Minh là Do Lan là cháu đích vua Thần-tôn tự đất Ngô-châu đi đến Diễn-điện, Cù Thức-Cự 瞿式耜 làm tướng giúp đỡ. Trịnh Thành-Công đem binh vào Kim-lăng truyền tờ hịch đi khắp xa gần, chiếm lấy đất Đài-loan, muốn khôi-phục lại nghiệp nhà Minh. Thành-Công mất rồi, con là Trịnh Kinh 鄭經 nối giữ. Ngô Tam Quế mới bắt vua Minh về đất Điền mà giết ở giữa chợ. Đời nhà Minh tự vua Thái-tổ năm Hồng-võ 洪武 nguyên-niên đến đây là 20 đời, trải 296 năm thì mất nước. Những kẻ sĩ tuẫn-nạn đến và nghìn người, xưa nay không có thể bao giờ. Nhà Minh đã mất rồi mà họ Trịnh một mình giữ đất Đài-loan, theo về chính-sóc nhà Minh, đến 20 năm rồi mới chịu hàng nhà Thanh, toàn-quốc mới thống-nhất. Người nhà Minh không chịu ra làm quan nhà Thanh thì có Cố Viêm-Võ 顧炎武, Hoàng Tung-Nghĩa 黃宗羲, Hầu Triều-Tung 侯朝宗, Ngụy Hi 魏禧 mọi người đều có tiếng ở đời.

Vua Thái-tổ (1644-1661) nhà Thanh họ là Ái thân-giác-la tên là Nô-nhi-cáp-xích khởi binh ở Mãn-châu rồi xưng đế, con là Hoàng - thái - cực nối lên, hiệu là Thái - tôn, thường vào xâm bờ cõi nhà Minh, vua Thế-tổ tên là Phúc - Lâm, là người thông-minh đại-độ, đánh đuổi Lý Tự-Thành vào đóng đô ở Bắc-kinh. Đến đời vua Thánh-tổ mới đánh mất nhà Minh vào thừa lấy chính-thống. Gặp khi ấy Trịnh Kinh không chịu hàng. Ngô Tam-Quế giữ đất Vân-nam phò-lập con cháu sau nhà Minh là Cảnh Tinh-Trung 耿精忠 phản - phúc bất-thường. Sát-cáp-nhĩ nổi lên làm giặc ở Mông-cổ, cát-cứ hơn hai mươi năm. Đến sau Mông-cổ thất-bại trước, Ngô Tam-Quế, Trịnh-Kinh nối theo nhau mà chết, Cảnh Tinh-Trung phải chịu phục-chu. Thánh-tổ (1662-1722) mới thi-hành văn-giáo, tôn - sùng Châu-công, Khổng-tử, tìm mua các sách-vở còn sót lại, sửa sang đổi lại chế-độ, bắt nhân-dân phải mặc theo lối Mãn-châu, kết bím tóc. Cùng với nước Nga nghị-định chia cõi sông Hắc-long, thu lại đất và trăm dặm về phía đông-bắc. Đi thân-chinh nước Cát-nhĩ-đan, lập bia kỷ-công ở núi Sát-hãn-đà-nặc. Phía nam đi tuần Duyệt-hà, cấm thói xa-xỉ, trọng lễ tiết-kiệm, sai tướng đi bình-định nước Tây-tàng, Đạt-lam-chiêm-ba, đánh Chu-Nhất-Quí ở Đài-loan dễ như đập cành khô. Thánh-tổ làm vua được 61 năm. Khi ấy các bậc chư-nho bối-xuất như là: Mao Tế-Khả 毛際可, Vương Sĩ-Trinh 王士禎, Chu Di-Tôn 朱彝尊, Vạn Tư-Đại 萬斯大, người ta khen là một đời trị-bình năm Khang-hy 康熙. Thế-tôn (1723-1735) là một ông vua thuần-hiếu, khi nhỏ ham học sử-sách, bình-phẩm nhân-vật soi xét như thần. Khi ấy có Tôn Gia - Kim 孫嘉淦, Ngạc Nhĩ - Thái 鄂爾泰, Chu Thức 朱式, Dương Danh - Thì 楊名時 giúp đỡ, cách bỏ cái tệ khoa-trường. Sai quan Đại-học-sĩ tế lăng Minh-đế, lập đền Chiêu-trung, để tế những bày tôi thụ-mệnh lập-công, dựng đền Hiền-lương, để tế các quan đại-thần

toàn-tiết với nhà Minh, sai tướng đi đánh giặc Thanh-hải giết Ô-Hùng-Man, đánh phá rợ Kiêm-miêu, cũng không thẹn với đời vua Khang-hy. Vua Cao-tôn (1734-1795) văn võ giống vua Thánh-tổ, đời Kiền-long 乾隆 thịnh-trị được sáu mươi năm. Sai Trương Quảng-Tứ 張廣泗 bình định Quí-châu. Nhạc Chung-Kỳ 岳鍾琪 đánh phá mán Kim-xuyên. Ban Đệ 班第 đánh phá Đạt-ngõa-tề Bình-chuẩn-bộ. Triệu Huệ 兆惠 đánh Hòa Trác. Mộc Minh-Đoan 木明端 bình Ô-Thập. Phó Hằng 傅恒 hàng-phục kẻ thổ-tù nước Diến-điện. A Quế 阿桂 đánh Lặc-Ô-vi-tắc. Tôn Sĩ-Nghị 孫士毅 đánh An-Nam. Phúc Khang-An 福康安 hàng-phục Quách-Nhĩ-Khách, uy-phong càng lừng-lẫy. Khi ấy có Trần Đại-Thụ 陳大受, Trương Đình-Ngọc 張廷玉, Vương Xưởng 王掌, Trần Hoằng-Mô 陳宏謨, Tần Huệ-Điền 秦蕙田. Phương Quan-Thừa 方觀承 đều là những bậc tể-thần sự-nghiệp đều giỏi giang cả. Lại có Đoàn Ngọc-Tài 段玉裁, Trần Quần 陳羣, Kỷ Điền 紀昀 đều là những bậc nho-nhã phong-lưu. Lại họa tượng năm mươi người công-thần. Vua lại đi tuần-hạnh Giang-nam. Ban-định thụy-hiệu các người bảy tôi tử-tiết cuối đời minh. Sai in đá sách thập-tam-kinh ban cho nhà Thái-học, qui-mô thực là rộng rãi lắm. Nhân-tôn (1796-1820) lên nối ngôi, thiên-hạ mới dần dần sinh ra nhiều việc, Tất Nguyên 畢沅 đánh phá giặc Bạch liên-giáo. Ngạch-lặc-đăng-bảo 額勒登保 đánh bắt Vương Tam-Hòe. Chu Xạ-Đầu 朱射斗 đánh phá La Kỳ-Thanh. Dương Ngô-Xuân 楊遇春 đánh phá giặc Cam-châu. Phó Nại 傅鼐 đánh phá mán mèo Hoàng-châu. Lý Trường Canh 李長庚 đánh phá Sái Khiên, đều thứ-đệ thành công cả. Từ khi Lý Văn-Thành 李文成 Lâm Thanh 林清 mưu làm phản-nghịch, kẻ hoạn-quan làm nội-ứng hướng-đạo cho giặc, đức nhà Thanh mới suy. Khi ấy có Tạ Chấn 謝振 là người có tiếng trung-trực. Chu Khuê 朱珪 là người thanh-liêm. Võ Quân-Ý 武君意 làm quan có chính-sách ân-huệ. Lưu Quyền 劉權 là người học-hạnh. Đồng Giáo 董教, Tăng Hoằng-Nghị 曾宏毅 là người minh-quyết. Nghiêm Như-Dục 嚴如煜 có trí-hạnh trác-dị. Tưởng Du-Điềm 蔣攸銛 là người thông-minh cường-kỷ, bồi-thực được nhiều kẻ hiền-tài. Nhưng chính-trị năm Gia-khánh 嘉慶 không bằng đời trước xa lắm. Vua Tuyên-tôn (1821-1850) là con vua Nhân-tôn lên nối ngôi sai Nguyễn Nguyên 阮元 tổng-đốc Lưỡng-Quảng, đặt ra cục Tuất-ly 卹婁 (chần-tuốt gái góa). Cấm thuốc nha-phiến, nghiêm-sức cho tầu chiến nước Anh không được chở vào. Dương Ngô-Xuân 楊遇春, Dương Phương-Khanh 楊芳 đều định yên cõi đất Hồi, vua ngự ra Ngọ-môn nhận các tướng dâng công nộp tù-binh. Hiệu Hãn sai sứ vào nộp cống. Lư Khôn 盧坤 chém chết kẻ yêu-tặc là Triệu Kim-Long. Răn cấm người Anh làm trái phép, đến Lâm Tắc-Tử 林則徐 mới nghiêm-cấm thuốc nha-phiến, đem đốt cả tầu Tây-ban-nha đi, từ bấy giờ sự-biến mới sinh lớn mãi ra. Tuy rằng có một lần bắt được con gái vua nước Anh, nhưng rút lại cũng vô-bổ. lũ Cát Vân 葛雲, Vương Tích-Minh 王錫明, Trần Hóa-Thành 陳化成 đều bị chết cả. Rồi phải định hòa-nghị khai ra năm cửa cảng để cho thông-thương, rồi việc mới yên. Khi ấy Lý Tinh-Nguyên 李星沅 đánh giặc Hồi-hồi, Lâm Tắc-Tử đánh giặc Diến-ninh, đều làm được thành công. Lại gặp bấy giờ Hồng Tú-Toàn 洪秀全 mưu khởi-nghịch, Phùng Vân-Sơn 馮雲山, Vi Xương-Huy 韋昌輝 đều vì đắng mà chết. Từ niên-hiệu Đạo-quang 道光 ba mươi năm trở về sau, trong nước Tàu không được ngày nào yên. Văn-Tôn (1851-1861) lên nối ngôi, quân

Mao-tặc thế càng mạnh, khi ấy nhiều người bị tử-trận như là : Ô Lan 烏蘭, Thái Ân-Trường 蔡恩長, Châu Minh-Hạc 鄒鳴鶴, Phúc-châu-long-a 福珠隆阿, Giang Trung-Nguyên 江忠源, Ngô Văn-Dung 吳文鎔, La Trạch-Nam 羅澤南, Cát-Nhĩ-Hàng-A 吉爾杭阿, Hướng Vinh 向榮, Đặng Thiệu-Lương 鄧紹良, Lý Tục-Tân 李續賓, La Tuân-Điện 羅遵殿, Vương Hữu-Đoan 王友端, Trương Quốc-Lương 張國梁, Từ Hữu-Nhâm 徐有壬 đều bị chết rất nhiều. Thế giặc chửa suy, đã vội sinh-hấn với người Anh. Nước Anh đem quân đánh Quảng-đông, chuyển vào Bắc-hà, phải kết hòa-ước với nước Anh, rồi lại trái ước sinh sự đánh nhau. Quân Anh với Quân Pháp liền kéo vào bức Bắc-kinh, đốt vườn Viên-minh ; nước Tàu lại phải đền tiền quân-phí, phải cho các nước vào thông - thương buôn - bán. Ngoại - hoạn mới yên, mà Hồng Tú - Toàn vẫn y - nhiên giữ thành Nam - kinh không chịu qui - phục Lũ Trương Ngọc-Lương 張玉良, Vương Hữu-Linh 王有齡 đều phải bại-trận mà chết. Bấy giờ phải dụ người ngoài cùng đem binh hội-tiễu, cuối năm Hàm-phong 咸豐 thực là lắm việc. Vua Mục-tôn (1862-1874) lên nối ngôi, Mĩ, Anh, Pháp ba nước hợp sức đem quân vào đánh giặc. Khi ấy có Tăng Quốc - Phiên 曾國藩, Tăng Quốc-Thuyên 曾國荃, Lý Hồng - Chương 李鴻章, Tả Tôn-Đường 左宗棠 cũng hết sức khôi-phục, mới lập ra quân-đội dương-sang súng-tây) để đánh giặc. Trần Ngọc-Thành 陳玉成 phải thua chết. Hồng Tú-Toàn phải uống thuốc độc mà chết. Lý Tú-Thành 李秀成, Hồng Nhân-Đạt 洪仁達 phải bị bắt chém, thế giặc mới suy kém đi. Bấy giờ lại có thân-vương là Tăng-cách-lâm-tấm 僧格林沁 đánh quân giặc Mẫn-phỉ bị tử-trận. Tả Tôn-Đường, Lý Hồng-Chương mới đánh giết quân Mẫn-phỉ đi. Ở Cam-túc lại có Hồi-phỉ làm loạn, Tả Tôn-Đường dẹp yên. Gặp khi ấy ở Thiên-tân nhân-dân đem giết hại giáo-đồ người Pháp, đốt nhà thờ đạo, sau phải bồ tiền đền mới yên. Rồi lại cùng với nước Nhật-bản giao-hoán tờ hòa-ước. Nhật-bản đem binh đến đánh Đài-loan, dinh - thần bàn muốn tranh lấy lại, phải bỏ ra mười vạn lạng tuất-ngân, phải đền mất bốn mươi vạn lạng tiền quân - phí. Người Vân-nam giết hại người Anh, người Anh trách hỏi lại gây ra việc binh. Đến đời vua Quang-tự (1875-1908) lên ngôi, Tướng-quân là Đại - Dục 大煜 tâu xin truy-tặng tên thụy cho Trịnh Thành-Công, mới sai quan Khâm-sai đại-thần sang sứ nước Nhật. Tả Tôn-Đường đánh dẹp yên được Cát-thập-khách-nhĩ. Các tỉnh phương bắc mất mùa đói kém, chết đến và trăm vạn người người Tàu quyên-trợ cũng nhiều, các người chí-sĩ Nhật - bản cũng có quyên bạc giúp đỡ, Trung Nhật hai nước giao-tế tình càng thân, họ Lý họ Tả hai người cùng làm phụ-chính.

(Còn nữa)

ĐÔNG CHÂU *dịch*

THIÊN-NAM BẢO-LỤC DIỄN-CA (1)

II

常 傑 禦 邊。夜 聞 神 助。
天 載 詩 吟。宋 歸 疆 去。
Lý Thường-Kiệt ngữ sông Như-[nguyệt,
Đêm nghe thần Hống Hát hộ ra;
Ngâm thơ thiên tiệt sơn hà,
Tống nhân trả cõi giảng-hòa lui tan.

文 憂 化 虎。帝 以 戈 擂。
穆 慎 網 獲。安 置 洮 江。
Lê Văn-Thịnh cưỡi thuyền hóa hổ,
Vua trao đồng văn vụ tan veo
Chái quăng Mục Thận bắt vào,
Vì công an-trí sông Thao một vùng.

賜 以 神 宗。託 之 伯 玉。
六 軍 更 歸。民 田 還 復。
Mỗi nước vua Thần-tôn tự-tục,
Việc triều Lê Bá-Ngọc giữ-gìn
Qui nộng cho lính canh phiên,
Ruộng dân xưa mất vào quan trả về.

英 宗 賜 立。宋 帝 錫 封。
安 南 改 號。占 城 既 同。
Vua Anh dựng đốc bề cống-hiến.
Triều Tống phong thêm mến chân-[thành;
Tống nhân mới đổi quốc-danh,
An-Nam chính hiệu Chiêm-thành xưng [phiên.

英 武 專 權。阮 楊 欲 刺。
以 蒙 止 之。楊 赴 井 死。
Đỗ Anh-Vũ chuyên quyền lỗi đạo,
Nguyễn Dương đình cầm giáo đâm
Dĩ-Mông hãm chỉ biết sao, [sao:
Nghĩ cùng đất đó liều vào giếng [thơi.

高 宗 嗣 位。憲 誠 受 遺。
朝 廷 倚 重。天 下 攸 歸。
Vua Cao-tôn nối ngôi thơ yếu,
Tô Hiến-Thành vâng chiếu chu-chuân,
Định xã-tắc an trừ quân,
Triều-đình nương bóng quốc-dân về lòng.

傳 至 惠 宗。權 歸 陳 氏。
嗣 襲 封 侯。陳 承 拜 尉。
Ngôi lớn vua Huệ-tôn nối trị,
Quyền to nhà Trần-thị chuyên dùng;
Anh em nối gót thăng công,
Hầu trao Tự-Khánh ủy phong Trần-[Thừa.

李 傳 八 葉。繼 世 多 賢。
縣 該 二 百。十 有 八 年。
Nhà Lý trải đời ra tám lá,
Nối đời ra thiên giả anh-hiền;
Trước sau thông kể lịch-niên,
Hai trăm mười tám năm liền hoan-ngu.

惠 宗 出 家。日 山 沒 影。
傳 之 昭 皇。授 于 陳 騁。
Huệ-tôn hàm ở chùa vui cảnh,
Nhận đăng sơn một ảnh quả-nhiên;
Chiêu-hoàng chúa gái chịu truyền,
Trao ngôi Trần Cảnh thay quyền Lý-[gia.

阮 嫩 號 點。扶 董 爭 強。
鞠 玩 蟾 主。稱 懷 道 王。
Nguyễn Nộn tướng nghiêm ngu gắt [dữ,
Phù-đồng-hương hùng-cứ tranh-[cường;
Hiệu xưng Hoài-đạo tước vương,
Ngoan Thiềm Trần giả cho sang thăm [đó.

(1) Xem Nam-Phong số 125.

叚 尙 聚 徒。安 仁 築 壘。
稱 東 海 王。約 盟 不 至。
Đoàn Thượng họp đảng-đồ phấn-khởi.
An-nhân xây thành lũy một phương ;
Tự xưng Đông-hải đại-vương,
Trần cùng thề ước kiên-cường chẳng ra.

東 阿 日 出。太 宗 龍 興。
上 皇 居 攝。守 度 才 能。
Nghiệm câu sấm « Đông-a nhật xuất »,
Vua Thái-tôn dấy bật nghiệp Trần ;
Kiến-trung dựng hiệu tân-quân.
Qui-mô Thủ-Độ kinh-luân Thượng-[hoàng.

立 學 崇 文。構 堂 講 武。
刪 律 建 官。築 堤 定 賦。
Đặt giảng-quân nghiêm-quan duyệt [võ,
Dựng học-đường chuyên-chủ thi văn;
Soạn hình-luật định quân-nhân.
Kê ra trình thức thuế phân định điền.

聖 宗 友 愛。蘭 亭 宴 嬉。
貽 後 有 錄。訓 子 有 詩。
Vua Thánh-tôn lòng hiền nết thảo.
Chốn Lan-đình yến tửu vui chơi ;
Sách di-hậu tục truyền đời.
Dạy ngôi hoàng-tử tập lời thi-văn.

慆 室 管 兵。王 侯 立 戶。
國 史 編 修。皇 宗 蔭 授。
Họ tôn-thất quản binh tập võ.
Bậc vương hầu lập hộ khẩn-hoang ;
Âm phong tôn phái nhà hoàng.
Văn Hưu quốc sử tham tường chép biên.

仁 宗 麻 色。號 曰 金 仙。
仁 慈 智 略。事 業 光 前。
Nhân tôn hiệu Kim-tiên đồng-tử.
Nốt ruồi vai sắc tía giỗ hoa ;
Nhân từ trí lược cao xa.
Rõ-ràng thinh-nghiệp sáng ra tiên-triều.

一 伐 哀 牢。兩 平 蒙 古。
重 興 戰 功。陳 朝 稱 首。
Một trận đánh Ai-lao hùng-võ.
Hai thứ bình Mông-cổ tài-năng ;
Chiến công đương hội Trùng hưng.
Đặt bày phương-lược vang-lừng ny-[thanh

鬼 神 効 驗。相 將 善 謀。
兩 回 石 馬。千 古 金 甌。
Quỉ-thần cũng hiệp linh hiệu chức,
Tướng tướng đều trí lực thiện mưu ;
Sơn-hà xã-tắc dài lâu,
Hai hồi ngựa đá nghìn thu âu vàng.

平 仲 被 擒。蔑 言 國 事。
不 爲 北 王。寧 爲 南 鬼。
Trần Bình-Trọng chiến-trường phải [bắt.
Việc nước từng chẳng nhách miệng ra;
Không ăn trống đốc cũng già,
Rằng làm vua Bắc, chẳng thà ma Nam.

興 道 節 制。白 藤 植 樁。
乘 潮 挑 戰。大 破 羌 戎。
Hưng Đạo vương quyền kiêm tiết chế.
Đóng chông ngầm trận-thế Bạch-[đằng ;
Đón triều khêu đánh ngang chừng.
Giặc kia thuyền đắm quân bằng bè trôi.

克 復 京 城。昭 明 光 啓
奪 槊 章 陽。擒 胡 鹹 子
Kinh-thành hãm hay khôi-phục lại,
Chiêu minh-vương Quang Khải đại [công ;
Làm thơ hộ-giá về cung.
Bắt Hồ Hàm-tử cướp đòng Chương-[dương.

昭 文 日 燭。番 落 後 身。
宋 戎 裝 陣。元 寇 潰 軍。
Nhật-Duật Chiêu-Văn-vương tài lược,
Kiếp sau là bộ-lạc người Phiên ;
Quân dùng sắc áo Tống biền,
Tống vào đánh trận Nguyên liền vỡ [quân.

圖 增 持 柑。愧 無 預 議。
破 賊 報 恩。揭 旗 出 騎。
Cầm cam nát là Trần Quốc-Toản,
Hổ mình không dự toán việc quân ;
Phá cường-tặc báo hoàng-ân,
Đề cờ sáu chữ xuất thân hơn nghìn.

慶 餘 賣 炭。議 論 交 孚。
雲 屯 拜 將。破 賊 糧 舟。
Trần Khánh-Dư buồn than thuở [trước,
Vào luận bàn hợp được ý vua,
Vân-đồn phong tướng phó đô,
Thuyền lương đánh đắm giặc xô lui dần

五老戎行。武侯自命。
紀律治軍。牢元勝定。

Phạm Ngũ-Lão xuất thân hàng lính,
Khi thôn Ngưu vi sánh Võ-hầu :
Trị quân phép tắc đều nhau,
Đánh Lào Lào vỡ đẹp Tàu Tàu yên.

漢趙背鯁。出鎮化州。
異端彈駁。人目村毛。

Trương Hán-Siêu nết nguyên cứng-cỏi,
Có văn-tài trấn cõi Hóa-châu ;
Hay chê mỗi khác ra đâu,
Người rằng như đá chân câu kẻ quê.

保聖柔嘉。仁能逮下。
虎突象衝。儼然危坐。

Bà Bảo-thánh lan-khuê từ-ái,
Lòng nhân hay kịp dưới mọi cung.
Khi hùm rẫy khi voi xông,
Hậu từng ngồi vững người cùng chạy [lui.

英宗識遠。濂冲居心。
水雲縹渺。藥石有箴。

Vua Anh khéo nối noi việc lớn,
Nhà Sử khen hòa nhân tính trời ;
Khuyên Hoàng-tử mến hiền-tài,
Có châm dược-thạch có bài thủy-vân.

瞻聖仁慈。雙香坐蓐。
宮妾懷安。他兒顧復。

Ba Thuận-thánh từ-nhân đức độ,
Nhà Song-hương chiếu cỏ ngồi thanh,
Phi-tần yêu giấu thân-tình,
Con người xem bằng con mình sinh ra.

汝諧確徵。奉使占邦。
紫簡拜詔。不拜國王。

Đoàn Nhữ-Hài rất là cương nghị,
Vâng mệnh ra đi sứ nước Chiêm.
Ấn-tiền bái-chiếu tuyên xem,
Chẳng từng theo tục không thèm lễ vua.

陳見慎刑。製銘蕭弼。
泰山貞高。象笏貞淵。

Trần Hiện việc hình tù thẩm-quyết,
Lời hốt minh tính biết chế ra ;
Chài thiêng sừng chài cứng giá,
Thái-sơn trinh ngất hốt ngà trinh kiên.

明宗純美。敷奏前功。
敢事鋒鏑。賢才奮庸

Minh-tôn giáng thân-tiên vẹn tốt,
Nghiệp xưa theo dấu gót sửa sang ;
Chính triều việc nước mở-mang,
Hiền-tài dậy chức miếu-đàng đua chen.

忠產理明。折服元使。
決獄無冤。詐詩自舉。

Nguyễn Trung-Ngạn chức yên lẽ lựa,
Mã-hợp-mưu xuống ngựa phục lính ;
Dựng nhà bình-đoán thẩm hình,
Ngục không oan-uổng thơ bình khoe- [khoang.

挺之聰穎。奉使元庭。
顧除幕衾。先進扇銘。

Mạc Đĩnh-Chi từ chương thông-đĩnh,
Tài tinh-lanh phụng mệnh sứ Nguyên ;
Thấy màn trúc trước xé liền,
Câu thần vịnh quạt bút tiên phê-bình.

國瑱定鄰。練缶淨斯。
克終烹姦。難成捉虎

Quốc Điền định địch sinh lập phó,
Trần Phẫu đem chứng tù bỏ cơm ;
Khắc Chung hứa đồng nói đua,
Bắt hùm thôi để tha hum đám khôn.

儀鳳仁厚。多柏威功。
斑魚案冠。闕護宮中。

Bà Nghiêm-thánh ôn-tồn nhân-hậu,
Giúp vua hay noi giấu đời xưa ;
Xin đừng tra án ban-ngư,
Cứu cho cung cấm khỏi ngờ oan khiên.

憲宗任賢。事無更改。
睿宗承平。始勤終怠。

Vua Hiến-tôn dùng hiền giúp nước,
Việc quốc-gia noi trước giữ thường ;
Dụ-tôn nối nghiệp an-khang,
Siêng-năng chưng trước chể chàng [chưng sau.

朱安道學。司業醫臣。
俊臣權倖。七斬疏陳。

Chu Văn-Trinh bác đầu học đạo,
Tư-nghiệp thăng chuyên giáo điện- [đài ;
Ninh-thần quyền-hãnh khinh đời,
Sớ vào xin chém bảy người bỗ im.

辭政掛冠。至靈容爽。
崔曦高風。文廟從祀。
Treo mũ áo dao xem khe suối,
Núi Chí-linh ngày buổi tiêu-dao ;
Tiếng truyền Tiêu-ẩn thanh-cao,
Theo thờ Văn-miếu chép vào tiên-nho.

日禮入繼。元晫謀誅。
新橋搜殿。城下受屠。
Nhật Lễ giống nhà trò vào kế.
Nguyên Xước dòng nghiệp để mưu [trừ ;
Tân-kiều tìm lọt lưới thưa,
Sớm mai xa bước khắc giờ tan thân.

藝宗中興。早平內難
葆和修書。帝簾視撰。
Vua Nghệ-tôn nghiệp Trần giữa đấy,
Dẹp nạn trong lăng-lẫy an tâm ;
Bảo-Hòa chép sách nhân ngâm,
Đế-châm thân chế trăm năm mươi lời.

睿宗受禪。占寇親征。
倚忙遣次。御溝覆兵。
Vua Duệ-tôn ngôi trời thụ-thiện,
Chỉ đánh Chiêm tự tướng đương đầu;
Quân lên liền lối cá xâu,
Ý-mang vỡ động Ngự-câu sa hồ.

嘉慈作尼。居昭愛寺。
知子將危。不顧世事。
Gia-từ-hậu ở chùa Chiêu-khánh,
Cắt tóc theo về cảnh sư ni ;
Biết con phúc bạc cơ ngu,
Đoái đâu thế-sự lẽ chi hoàng-đô.

張杜側像。力諫親征。
三疏不聽。掛官直行。
Trương Đỗ có chí to rộng-rãi,
Thấy thân-chinh những ngại ê-chề ;
Sớ can ba thứ không nghe,
Quyết treo mũ áo trở về điền-viên.

帝晛承傳。懲占煽變。
像避安生。寶藏天健。
Vua Đế-hiện thừa truyền hèn-mọn,
Thủa Bồng-Nga lại vốn chiều-phiền;
Núi Thiên-kiện giấu bạc tiền,
Rước thần tượng tránh về Yên-sinh rồi.

陳頻辭位。莊定封王。
季犛屢謂。萬寧出亡。
Trần Ngạc cố từ nơi đế-quốc,
Trang-định ra phong tước phiên- [vương ;
Qui-Ly giềm nói kinh-hoàng,
Đồ ra Nam-định mắc đường Vạn-ninh.

黎柄被擒。蓬莪遍拜。
稱我大臣。罵而遇害。
Lê Dốc phải Chiêm-thành bắt được,
Giặc bách ra lạy trước chử-tiền ;
Rằng ta quan lớn nước trên,
Lạy mày sao đáng chửi liền không tha.

順宗嗣器。藝皇夢題。
惟有赤嘴。潛上白鷄。
Thuận-tôn nối thói đà bâu đấy,
Nghệ-hoàng nằm mộng thấy thơ đâu;
Duệ-tôn hiện dọc đôi câu :
Thấy hầu Xích-trủy trên lầu Bạch-kê.

元旦知幾。崐山歸老。
宗社已非。子孫獨保。
Nguyên Đán biết cơ kia nguy tế,
Côn-sơn về lão để thâu an ;
Tới sau tôn-xã sa nền,
Giữ cho con cháu bảo-toàn thân-gia.

渴義慷慨。涂炭蓬萊。
平遲徒獻。龍逵功加。
Trần Khát-Chân rất là khảng-khái,
Bắt Bồng-Nga vỡ cái thuyền sơn ;
Nạp đầu hàng tại Bình-than,
Công Long-Tiếp tiến phong Quan-nội- [hầu.

少帝繼傳。季犛篡弒。
陳沆陳暎。謀誅不遂。
Vua Thiếu-đế nối sau dựng đấy,
Người Quý-Ly cướp lấy giết luôn
Lũ Trần Hãng Trần Nhật-Đôn,
Dùng mưu chẳng nổi lan hồn còn đâu.

陳朝歷祖。仁厚相傳。
凡十二世。百八十年。
Vận Trần-triều trước sau nối dấu,
Một dòng đều nhân hậu tương truyền
Mười hai nghiệp để nối lên,
Một trăm lẻ tám mươi năm trị vì.

胡稱閏朝。大虞號設。
傳子漢蒼。七年明滅。

Quý-Ly khởi nhuận vì trái đạo,
Đại-ngu xưng quốc-hiệu dung lên,
Hán Xương con lại chịu truyền,
Bảy năm Minh bắt đưa miền bắc-đô.

後陳簡定。稱帝拒明。
重光繼起。祚運隨傾。

Hậu Trần lại có vua Giản-Định,
Hiệu đế xưng chống đánh quân Minh;
Trùng-quang nối dậy gập-ghềnh,
Cơ chừng biến-cải vận sinh tiêu-điều.

忠義伯耆。千里告難。
學生景詢。萬言書獻。

Bùi Bá-Kỳ Nam-triều trung-nghĩa,
Cáo nạn đi thiên-tý phong-trần.
Học-sinh có Lê Cảnh-Tuân,
Tính còn ba chước thư thân hơn đời.

景異阮表。罵賊殺身。
鄧容阮帥。入水殉君。

Khí Cảnh Dị cầm hơi Nguyễn Biểu,
Chửi giặc cùng liều chịu thí thân;
Đặng Dung Nguyễn Súy cô-quân.
Theo vua cùng đến thủy tân gieo mình,

明永樂間。置交州府。
纔十四年。徵求無度。

Nay nước thuộc triều Minh Vĩnh-lạc,
Đặt phủ theo hiệu trước Giao-châu
Tung-hoành mười bốn năm thâu,
Vét vơ không chán trưng-cầu mà lo.

洲絲田票。犀象寶珍。
胡椒香料。淘汰金銀。

Bãi thu tơ ruộng thu thuế thóc,
Sản voi tê đãi lọc chân-trâu.
Hồ-tiêu hương-liệu tham cầu,
Bày tìm mỏ bạc trưng thâu mỏ vàng.

沿海鹽田。設官採捕。
令煩牛毛。政苛猛虎。

Ruộng muối cắm mọi phương rìa bể,
Đặt quan coi đánh thuế sách tiền:
Nhiều điều quấy nhiễu dân đen,
Chính hăng uy hổ lệnh phiền lông trâu.

神怨民怒。否極泰來。
人求眞主。天生賢才。

Thần oán lại thêm mầu dân giận,
Bĩ-cực rồi đến trận thái-lai;
Quốc-dân ách vận bao nài,
Chân-nhân người ngóng thiên-tài trời [sinh.

綠水青山。黃衣稱朕。
黃福論鈐。所言成讖。

Khoảng nước biếc non xanh cao thẳm,
Có áo vàng xưng trẫm đó mà;
Địa-kiềm Hoàng-Phúc bàn ra,
Gẫm xem câu ấy phải là xám không.

蔡皇太祖。起義藍山。
四方經略。百戰間關。

Vua Lê-Tổ anh-hùng quật-khởi,
Núi Lam-sơn xướng nghĩa ba quân;
Tay cầm ba thước gươm thần,
Bốn phương đánh dẹp muôn phần gieo- [neo.

洛水伏攻。馬騏殞歿。
靈山絕糧。煙花殘卒。

Sông Lạc-thủy một keo đánh chặn,
Tướng Mã-kỳ đương trận tan-hoang;
Linh-sơn vài tháng hết lương,
Hơn trăm tàn tốt Yên-mang thu về.

葵茶克捷。西東長征。
北兵來援。二道進行。

Qui-trà-xứ gần kề lấy trước,
Tây Tông-đô nhân được dịp sau;
Bắc-binh sang tiếp đôi đầu,
Vận-chung một mặt Ôn-khâu một [đường.

丹舍襲攻。支棱伏起。
沐晟海飄。柳昇山墜。

Bãi Đan-xá xấn ngang đường phục,
Cửa Chi-lăng nép dọc núi lên,
Nội Lãnh-câu núi Mã-yên,
Đuổi vàng Mộc-Thạnh chém liền Liễu- [Thăng.

王通絕援。東關求和。
十年大定。四海爲家。

Tướng Vương-Thông thế chăng cầu [cứu.

Thành Đông-quan thân chịu hỏa [minh :
Mười năm dẹp đất đánh thành,
Quyết xong bốn bể kinh-doanh một nhà.

元紀順天。國名大越。
刑律草創。朝儀施設。

Thuận-thiên mới dựng ra niên-hiệu,
Đại-Việt liền cải tạo quốc-danh ;
Sáu năm chính-sách tu-minh,
Phép triều đặt đủ luật-hình soạn ra.

置科舉學。均田定租。
功臣佐命。位次剖符。

Dựng nhà học mở khoa thi sách,
Chia ruộng ấn định ngạch thuế tô ;
Bảy tôi giúp mệnh công to,
Bàn công so bậc phầu-phù làm phong.

仲兄蔡駈。功多輔導。
昭德封王。鄉民立廟。

Lê Khôi vốn bậc trong anh giữa,
Theo vua đi đánh giữ công đầu ;
Đinh Trừ giúp giặp mưu sâu,
Chiêu-trưng phong tước Hoan-châu [dựng đền.

元杆兵法。預贊密謀。
左相封爵。山東退休

Trần Nguyên-Hãn tinh chuyên binh- [pháp.
Dự mật-mưu đánh dẹp có công ;
Ngôi tôn tả tướng gia phong,
Thiên-nam công nghiệp Sơn-đông [phụng thờ.

阮鹿學生。獻平吳策。
冠服侯封。功高百時。

Nguyễn Trãi thuộc binh-thư thao- [lược,
Theo binh Ngô dâng chước nhiệm [mầu ;
Tấn phong Quan phục tước hầu,
Mưu lui giặc rợ công-hầu bảy tôi.

太宗踐祚。進士用人。
外攘夷狄。內制強臣。

Thái-tôn nối lên ngôi hoàng cực,
Tiến-sĩ thi dùng bậc văn-nhân ;
Chín năm dựng nghiệp cơ-cần,
Man-di mến đức cường-thần sợ uy.

天啟明方。六陳不可。
騎象鬼羊。規箴不惰。

Phan Thiên-Tước dung-nghi chí cả,
Sớ sáu điều « bất-khả » gớm ghê ;
Khí kỳ tượng khí đầu dễ,
Cầm lòng ngay thẳng liệu bề khuyên can.

撫虎測直。不避權豪。
鬢漢流蘇。稱峙白皐。

Bùi Cầm-Hổ cứ quan chính-trực,
Chẳng kính gì những bậc thế-quyền ;
Tào khê tươi ruộng hơn nghìn,
Để ơn Hồng-lĩnh dựng đền Bạch-cao.

仁宗幼冲。阮后決斷。
愛民憫農。崇儒納諫。

Nhân-tôn bé ngự vào chính-điện,
Nguyễn-hậu ngồi thị-thính rèm trong ;
Yên dân vỗ lại thương nông,
Trọng bề nho-thuật tin dùng gián- [chương.

聖宗繼統。仙童符徵
文武才略。光顯中興

Vua Thánh-tôn phiên-vương nhập kế,
Vị tiên đồng thiên-đế giáng sinh ;
Võ văn tài lược thịnh xưng,
Tiếng khen Quang-thuận công-thành [trung-hưng.

邊疆拓開。制度刪改。
洪德治功。雄視百代。

Cõi đất mở xem chừng rộng-rãi,
Phép khuôn xoay đổi lại tinh-tiêm ;
Trị-công Hồng-đức dài thêm,
Sáng ra bốn cõi mạnh xem trăm đời.

功臣定策。鄉廟行封。
上將元帥。贈國國公。

Bậc thần-tướng trong ngoài định [sách.
Chốn miếu đường xủng tích hành- [phong ;
Tượng tô Nguyễn Xí đầu đòng,
Tăng hàm Cương-quốc ghi công Lê-đình.

太祖外甥。丁列督將。
封鄉祥侯。嶷然位望。
Thái-tổ có ngoại-sanh danh-vọng,
Đinh-Liệt làm đốc-tướng tải lương ;
Lịch-tướng hầu-tước bao-phong,
Ngôi cao quán các tiếng vang trong [ngoài.

蔡念蔭授。靖國恩褒。
一門忠孝。奕世勳勞。
Lê Niệm cháu Lê Lai ấm-thụ,
Tĩnh-quốc hàm Thái-phó danh cao
Thế-thần cựu-đức bảnh-bao,
Thảo ngay một cửa công-lao liền đời.

伯曠賢才。文學得幸。
事上也忠。持身也正。
Nguyễn Bá-Ký hiền-tài anh-đặc,
Vua yêu dùng vì bậc văn-nho ;
Sắc-văn dụ tế ban cho,
Giữ mình thẳng dạ thờ vua hết lòng.

神童文禮。兼左春坊。
輔導太子。卻賂投江。
Đàm Văn-Lễ thần-đồng chính-trực,
Tả-xuân-phường dụ đức kiêm xu;
Giúp ngôi thái-tử tận-trung,
Lót vàng chẳng chịu gieo sông cũng liều.

憲宗勤民。農桑督勸。
傅子肅宗。享國日淺。
Vua Hiến-tôn chuyên theo nghiệp gốc,
Việc nông-tang khuyên đốc siêng sao ;
Túc-tôn lên nối ngôi cao,
Được vừa bảy tháng chẳng bao nhiêu [ngày.

鬼王威穆。猜忌宗臣。
猪王襄翼。土木紛紜。
Vua Uy mục lạ thay « vua quỉ ».
Ghét tôn-thần những chỉ sát-thương
Vua Tương-dực tướng « Chư- [vương ».
Bày ra thổ-mộc tốn đường tài-công.

昭宗恭皇。登庸篡竊。
光紹統元。諸臣殉節。
Vua Chiêu-tôn vua Cung-hoàng-đế,
Mạc Đăng-Dong thoán-thí tự-chuyên ;
Năm Quang-thiệu năm Thống- [nguyên,
Người trung thác tiết người hiền theo [vua.

武容吳煥。俊懋惟祥。
愼徽金榜。泰拔自強。
Vũ Duệ bức mà Ngô-Hoàn giận,
Duy Tường than mà Tuấn-Mậu bi ;
Tiết Kim-bảng nghĩa Thận-Huy,
Trung-can Thái-Bạt hùng-uy Tự- [Cường.

仰藥投河。袖石唾面。
同一衣冠。拜藍山殿。
Người phỉ mặt người mang đá ném,
Người gieo sông người nếm thuốc phê;
Áo bào mũ miện chỉnh-tề,
Cùng đều tư-tưởng lạy về non Lam.

秉謙理學。試莫狀元。
侍郎學士。在朝八年。
Nguyễn Bỉnh-Khiêm An-Nam học-lý,
Gặp Mạc-triều ứng-thí trạng-nguyên;
Thị-lang học-sĩ liền lên,
Hai lần thăng chức tám niên ở triều.

疏劾弄臣。白雲教授。
福禍逆知。精於易數。
Hặc lộng-thần sớ vào chẳng báo,
Bạch-vân-am về dạy học-trò,
Một đời trước rõ căn-do,
Tinh chưng sô Dịch bảo cho cơ-huyền.

本朝肇祖。唱義興師。
哀牢收燼。翠彈立儲。
Xứa triều Nguyễn tự tiền Triệu-tổ,
Vì nhà Lê ứng mộ nghĩa-sư ;
Ai-lao thu được tàn dư,
Rước về Thúy-xạ dựng trừ quân lên.

莊宗中興。鄭檢爲輔。
通好哀牢。圖恢黎祚。
Vua Trang gặp đến phen giữa dấy,
Chúa Kiểm ra nhân đấy giúp về ;
Tư dùng binh-hướng đề-huề,
Nước Lào thông-hiếu nghiệp Lê phục- [hồi.

中宗承統。駕移安場。
英宗又繼。難作雷陽。
Vua Trung-tôn nối ngôi quày lại,
Đất An-tràng hành-tại dời sang ;
Vua Anh vào nối ngôi hoàng,
Nghệ-an tránh gót Lôi-dương mắc nàn.

逃命武淵。兄弟犄角。
據宣光城。奉黎正朔。
Bảo mệnh có Võ Uyên cường-quật,
Đồng-bào thêm Võ Mật kiêm tề ;
Tuyên-quang một cõi vỗ về,
Biểu vâng chánh-sóc triều Lê một niềm.

助兵輸餉。牽制上游。
獨完境內。別裒王區。
Vận lương hướng giúp thêm binh-dịch,
Giữ cô-thành đóng mặt thượng-du ;
Võ Uyên trong cõi hoan-ngu,
Truyền đời công-tước riêng gò Biều-vương.

光興乘時。世宗復國。
梨木再榮。山河生色。
Hiệu Quang-hưng thời đương nhức dấy,
Vua Thế-tôn nước lấy lại xong ;
Xe loan về ngự Thăng-long,
Cây lê lại tốt non sông nổi mầu.

登庸篡國。傳瀛海源。
茂洽五世。六十七年。
Đăng-Dong thoán truyền sau lịch-đại,
Lại Đăng-Doanh Phúc-Hải Phúc-Nguyên ;
Đến Mậu-Hợp năm đời truyền,
Sáu mươi bảy kể lịch niên vài triều.

雖小高平。福延數世。
大計初詢。程言果契。
Cao-bằng dẫu hiểm nghèo bé nhỏ,
Phúc dài thêm còn giỏ vài đời ;
Mạc xưa hỏi kế xa xôi,
Trình đà bảo trước Mạc rồi quả y.

後黎興復。更歷四朝。
勳臣良將。歸順効勞。
Nhà Hậu-Lê đến kỳ giữa đấy,
Trải bốn triều chừng mấy gian-truân;
Nào lương-tướng nào huân-thần,
Kẻ xa về họp người gần dâng công.

廷愛兵精。身經百戰。
相將位兼。朝堂名擅。
Hoàng Đình-Ái tinh-thông binh-pháp,
Trải trăm phen đánh dẹp xa-trường;
Cậy chi uy bậc vinh sang,
Ngôi gồm tướng tướng tiếng vang trong ngoài,

有僚効用。所向成功。
合塵粉上。直抵昇龍。
Nguyễn Hữu-Liêu lạc-loài qui-thuận,
Đánh hơn hai mươi trận đều nên ;
Đem quân một vạn trước lên,
Phá tan Phấn-thượng về liền Thăng-long.

范篤行軍。嚴明約束。
兵將信威。民夷懷服。
Phạm Đốc vốn uy-dung cẩn-túc,
Cầm quân nghiêm ước-thúc như y ;
Một hiệu-lệnh ra tín-uy,
Quan quân sợ phép dân di phục lòng.

茂宣扈駕。屢著功勳。
中興良將。翊定名臣。
Nguyễn Mậu Tuyên màn nhung so xét,
Việc thân chinh hằng rệt công-lao ;
Kinh-thành theo giá tiến vào,
Công nên giữa dấy tiếng cao phù đời.

鄭松功高。進封王位。
帝執大綱。端拱而已。
Chúa Trịnh-Tùng tự tài dẹp nước,
Ngôi Bình-an tiến-tước xưng vương ;
Vua Lê ngồi cặp áo vàng,
Việc triều chỉ biết đại-cương những là.

南主嘉裕。北覲廷參。
留輔征討。八年乃南。
Trong Nam-triều đức Gia-dụ-đế,
Đem thuyền quân vượt bể ra chầu ;
Đông nam bụi quét sạch lâu.
Tám năm bèn trở thuyền tàu về Nam.

克寬使明。才名精敏。
辦折表詞。奉領敕印。
Phùng Khắc-Khoan bàng tham kinh-sử,
Tài tinh-lanh sang sứ triều Minh ;
Sớ dâng được đến Yên-kinh,
Biểu-từ biện-chiết sắc văn lĩnh về.

(Còn nữa) NGUYỄN ĐÌNH-CHI

NGHIÊN-CỨU VÀ PHÁN-ĐOÁN VỀ TRUYỆN KIỀU

II

Lại lúc Hồ đòi Kiều vào mạc-phủ, nguyên-thư chép rằng: «Đốc-phủ đòi Kiều vào hỏi rằng: «Việc này thành-công thực ở mi, mi muốn nói chi? — 是功寔于你 你有甚說。» Kiều nói: «Từ Hải vì tin cụ lớn quá, đến nỗi bại-vong thế này. Thiếp chỉ xin cụ lớn thương đến tấm lòng thực-thà của Từ Hải, cho một miếng đất để đắp-điếm lấy cái hài-cốt đi thôi. 徐海因信府爺之過。乃致敗亡。悼此一點肺誠以一杯土。掩其骸骨。妾願足矣» Nói rồi nghẹn tắc lấy cổ, không nói-năng gì được nữa. Đốc-phủ cũng buồn rầu. Sai chôn cho Từ Hải và truyền mở tiệc hạ-công ở trong viên-môn, chén ngà-ngà, Đốc-phủ bắt Kiều gẩy đàn, gẩy ra ai-oán nỉ-non. Đốc-phủ hỏi, Kiều nói là khúc «Bạc-mệnh» lựa tự ngày còn thơ mà ứng với bây giờ, nên cảm mà gẩy ra như thế. Đốc-phủ nói: «Ta xem tài-sắc của nàng, ai mà không chuộng, cần gì còn phải quyến-luyến với thằng giặc đã chết rồi kia nữa.» Kiều cúi đầu không nói gì, hai hàng nước mắt ứa ra ròng-ròng.

«Bấy giờ Đốc-phủ rượu say, động tình, bước xuống hè lau nước mắt cho Kiều mà rằng: «Mình làm bạn với ta, đừng nghĩ xót-xa chi nữa.» Nói rồi vẩy rượu vào Kiều lại nói: «Này vũ-lộ ân đây! Sao mình không tươi cười với ta đi!» Kiều nhìn Đốc-phủ trừng-trừng rồi nói: «Tôi là một đứa vợ góa của giặc, nay đâu dám hầu chốn chế-đài» Kiều nói vậy, nhưng xem nàng bấy giờ châu-lệ đôi hàng, bỗng nổi gợn song tình trở lại, thu-ba một liếc, bạt mất cả hồn vía của ai. Đốc-phủ càng yêu mến lắm.

督府道。吾觀子之才色。豈無間奇。何必戀戀于亡賊乎。翠翹低頭不語。兩泪交流。辰督府酒醉。心動。降階以手拭翠翹泪。道。卿無自傷。我與子偕老。因以酒戲彈之。道。此雨露恩也。卿獨不爲我一色笑乎。翠翹凝眸熟視移辰。道。亡命犯婦。怎敢奉待上台。但見兩行清泪。興既往之波。一轉秋波。奮騷人之魄。督府心甚屬之。

«Đốc-phủ bèn ép Kiều nống rượu, các quan lui, ông dắt tay Kiều, tan tiệc... Sáng mai, Đốc-phủ nghĩ hối cái việc đêm qua, nghĩ thầm rằng: «Mình là một quan đại-thần, đâu lại làm thế. Lấy con này thì e phạm vào quan-trâm, đuổi đi thì sợ thất-tín với nó, bắt-nhược giết đi cho mất tích.» Song lại nghĩ lại: «Ai không biết mình nhờ nó mới bình được giặc. Có công to mà bị giết, đời họ tất không phục mình, để thì bất-tiện mà giết thì bất-nhân, làm thế nào bây giờ?» Nghĩ-ngợi hồi lâu nữa, rồi gật-gù nói: «Được rồi, đem nó thưởng cho một tên lính, vừa mất tích mà nó vừa khỏi chết, ai còn trách được mình.» Ông liền ra công-

(1) Xem Nam-Phong số 125

dường cho đòi Kiều bảo rằng: «Mi có công dẹp giặc, tha cho mi khỏi chết, nay đem mi gả cho một viên Quản-đạo về đạo quân Vĩnh-thuận, mi nên đi mà ăn đời ở đời với người ta.» Kiều khóc mà rằng: «Thiếp bạc-mệnh mất nhờ Từ Hải, vì cụ lớn lấy việc lớn của quốc-gia dụ mà giết đi, xin cụ lớn tháo lồng thả chim, cho thiếp được áo vải về quê để hả chút sơ-tâm qui-thuận, còn lấy thầy Quản nào thì có phải là bụng thiếp thế đâu.» Đốc-phủ nói: «Nghĩ công mi, tha mà không giết, lại gả cho một thầy Quản-đạo, sao còn từ chối!» Nói rồi Đốc-phủ cứ ép đem đi.

暗悔道。這事豈是我大臣所爲。若收此婦。又礙官箴。欲縱此婦。又失我信。不如殺之以滅其迹。又轉思道。因彼平寇。誰人不知。功高而見殺。何以服天下之人心。留之不可。殺之不忍。如之何則可。想了半晌。點頭道。得之矣。將彼賞一軍人。既滅其迹又不殺其身。豈議我乎。出堂。召翠翹說道。你有平寇之功。既免你之死。今將你配一永順軍長。可隨他終身。翠翹泣道。妾命薄失配徐海。以屬家事大誘而殺之。愿來老爺開籠放雪衣。令翠翹責冠歸故里。以遂歸順之初意。若配軍長。非妾愿也。督府道。念你之功。恕你不殺。以配軍長。何負予命。»

Nguyên-thư tả về bên Hồ như thế thì cũng đã khéo, đúng tâm-lý một vị Khâm-sai Tiễu-phủ họ Hồ cho-tướng lắm rồi. Còn tả về Kiều thì sai nhiều. Nguyên-thư nói lúc Hồ mới hỏi thì Kiều đổ lỗi cho Từ quá tin. Rồi chỉ xin chôn cho Từ, chứ không chịu tự-trách mình, cũng không dám thống-hận chi ai, kịp đến khi Hồ gạ thì nín yên và chấp-chới tống-tình, ý còn ngớp phú-quí nữa chăng ....? Mãi đến mai nghe Hồ trở mặt, biết nhão chuyện — lại chú Sở — mới xin về làng, xem cái thái-độ như thế, tưởng đến một con đĩ dại cũng chả chịu vậy, nữa là một kẻ giai-nhân mình đã thiết-tưởng lên mà mình cho là có kiến-thức như Kiều.

Vì vậy quyển truyện nôm, cụ Nguyễn Du phải cải lại: Lúc Hồ mới hỏi thì Kiều kể ngay cái thủ-đoạn anh-hùng của Từ, dọc trời ngang bể, chỉ vì quá tin nàng mà đến nỗi đem cái thân bách-chiến để làm tôi triều-đình, cũng nghĩ như lời chiêu-dụ, « phu quí phụ vinh », thế kia thế khác, ai ngờ hóa ra nông-nỗi nước này, bao nhiêu cái cơ-đồ tung-hoành năm năm, thành ra bỏ cả vào chỗ chiến-trường, thịt nát xương tan kia. Nàng nghĩ Từ mà phải đến cơ-hội này là tội tại nàng, còn có công gì mà khéo kể làm công, công ít mà tội nhiều, kể lắm càng đau lòng, cái thân sống thừa cũng liều mà thôi có cần gì, thế rồi mới xin chôn cho Từ:

Rằng: « Từ là đấng anh-hùng,
Dọc ngang trời rộng vẫy-vùng bể khơi.
Tin tôi nên quá nghe lời,
Đem thân bách-chiến làm tôi triều-đình.
Ngỡ là phu quí phụ vinh,
Ai ngờ một phút tan-tành thịt xương.
Năm năm trời bể ngang-tàng,
Dẫn mình đi bỏ chiến-trường như không,
Khéo khuyên kể lấy làm công,
Kể bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu.
Xét mình công ít tội nhiều,
Sống thừa tôi đã nên liều mình tôi.
Xin cho thiền-thổ một đôi,
Gọi là đắp-điếm lấy người tử sinh. »

Cứ mười-bốn câu thơ truyện *Kiều* nôm ấy thì có phải là trước thì tán-dương chồng, sau thì dẫn tội mình mà thống-trách cái kế phản-phúc nọ đã đến điều không? Bấy giờ thấy Hồ có ý gạ-gẫm thì Kiều cự ngay, lại day đến cái sự chồng thác oan vì mình mà xin về làng.

Dạy rằng : « Hương-hỏa ba sinh,
Dây loan xin nối cầm lành cho ai ?»
Thưa rằng : « Chút phận lạc-loài,
Trong mình nghĩ đã có người thác oan.
Còn chi nữa cánh hoa tàn,
Tơ lòng đã dứt dây đàn Tiêu-lân.
Rộng thương còn mảnh hồng-quần,
Hơi tàn được thấy góc phần là may ! »

Thật là trước sau khảng-khái mạnh-bạo, không chịu nhục đến cố-chủ, phảng-phất như những lời của ông Đỗ Khắc-Trung, ông Trần Bình-Trọng lúc nói với giặc Mông-cổ vậy. Ở dời những kẻ sa cơ, những người bị hiếp, phải đối-đáp với kẻ cường-quyền, nên nhớ lấy hai đoạn thơ ấy.

Còn về Hồ thì cụ Nguyễn Du cũng dong-thứ, cụ phê mấy chữ « mặt sắt cũng ngây vì tình » để càng thêm tỏ cái sắc đẹp đàn hay của nàng ra.— Không trách được ! -- Rồi cụ luôn xuống hai chữ « quá say » là xong. Quá say ! thôi chỗ hồn-quân hồn-quan, Kiều giữ sao được, gỡ cho Kiều mà tâm-sự Hồ đủ rõ.

Ấy văn phải nhất-khí như thế mới được, cái người mà mình đã khen thì đừng để cho có chỗ hư quá, có chỗ hư thì độc-giả sinh hoài-nghi mà nghĩ truyện thành lần-quần, vậy ngày nay có những lời công-kích Kiều, chắc là xem quyển *Kiều* Tàu, chớ quyển *Kiều* Nam như thế thì Kiều cũng đáng thương mà không nên cười.

Lại đến cách tả tâm-tình của Kiều, thường-tình ai đi xa và đi lâu mà không phải nhớ cửa nhớ nhà, nhớ làng nhớ nước, nhất là cái cảnh lưu-lạc bơ-vơ, lại càng nhớ thiết lắm. Kiều là gái khuê-nghi, tình thâm hiếu nặng, ái-quốc luyến-hương, bất-hạnh phong-trần oan-khổ, góc bể bên trời, đằng-đẵng mười-lăm năm, cái bụng thương nhớ hiếu-tình làng nước, chan-chứa biết bao, đến Từ cũng phải cảm, Hồ biết mà dụng kế. Thế mà trong từng ấy năm, từng ấy khúc-nhôi, nguyên-thư của Tài-nhân tuyệt không đả-động đến một chữ gì để tả cho Kiều nhớ gia-hương cả. Chỉ có một lúc ở lầu Ngưng-bích, nói Kiều nhớ Kim Trọng làm ra mười bài thơ « *Thập bất hài* 十不諧 », rồi từ đó về sau đến cả Kim Trọng, Kiều cũng không nhớ nữa. Tả một người hồng-nhan đa-truân mà quên mất những cái tâm-tình ấy thì sao cho đúng mà sao cho hay. Cụ Nguyễn Du rất thuộc cái tâm-lý của những người tử-tế trong cảnh lưu-ly, nên trong khoảng mười-lăm năm lưu-lạc của Kiều, cụ nhằm tình những lúc Kiều được có chút thì-giờ tĩnh-tâm, thì cụ cực-tả cái nỗi nhớ thương, như những lúc : ngồi xe ra Lâm-chi, ở lầu Ngưng-bích, cuối hồi thanh-lâu trong nhà mụ Tú, Thúc-sinh về quê vắng, Từ Hải đi khỏi-binh vắng, nào nhớ cha nhớ mẹ, nhớ chồng nhớ em, nhớ cửa nhớ nhà, nhớ làng nhớ nước, nhớ cả đến cái cây trong vườn, không những nhớ hoài, lại có cả thời-kỳ nhớ nữa, như lúc đi đường ra Lâm-chi:

Thấy trăng mà thẹn những lời nước non...
Nghe chim như nhắc tấm lòng thần-hôn...

Còn biết thẹn với lời thề, còn nhớ đến việc thần-hôn, thì có rõ ra mới sẩy nhà và thất-tiết được mấy hôm không?

Lúc ở lầu Ngưng-bích, nhớ tình thì: « rày mong mai chờ », nhớ hiếu thì: « tựa cửa hôm mai », có rõ thấm-thoát độ non một năm không ?

Lúc cuối hồi thanh-lâu, xa nhà độ vài năm, nhớ cha mẹ thì : « một ngày một ngả bóng dâu ». Nhớ em thì: « đôi chút thơ-ngây ». Nhớ tình thì :

Khi về hỏi liễu Chương-đài,
Cành xuân đã bẻ cho người chuyền tay.

Đến khi Từ đi vắng, xa nhà độ sáu bảy năm, nhớ cha mẹ thì :

Còn ra khi đã da mồi tóc xương.

Nhớ tình với em thì :

Duyên em dù nối chỉ hồng,
May ra khi đã tay bồng tay mang.

Không đến sáu bảy năm thì lấy đâu em đã được vài mụn con mà tay bồng tay mang. Nhớ em với tình mà nghĩ đến đường tử-tức của em với tình, thật là cái bụng trung-hậu mà vất-vả hiếm-hoi của một người hiền-phụ Việt-Nam, chứ những ả giang-hồ khác thì ít khi nghĩ đến sự nối dõi.

Còn đối với tổ-quốc thì những câu : « trông về cố-quốc », « bên lòng cố-quốc », cái lòng nhớ nước không lúc nào nguôi, cũng vì nặng lòng yêu nước, mà đến nỗi thất-cơ.

Nói về Kim Trọng. — Kim Trọng là người trọng yếu thứ hai trong truyện, là người chung-tình của Kiều, phải tả thế nào cho xứng đối với Kiều. Kim là một người phong-lưu học-sĩ, chứ không phải là đạo-đức tiên-sinh, vì có là phải phong-lưu học-sĩ thì mới gây nên cái cuộc chung-tình lôi-thôi nọ, thế mà nguyên-thư chỉ nói : « Trong làng có một người học-trò nhà giàu, họ Kim tên Trọng, tự là Thiên-lý, người đẹp trai như Phan An, hay chữ như Tử-Kiến. 里中有一富家秀士。姓金名重。表字千里。生得貌似潘安。才如子建。 » Lại một chỗ nữa là khi tương-ngộ ở mồ Đạm-tiên tự mất Kiều trông thấy : « Kiều nghe nói rồi ngẩng lên trông, thấy Kim-sinh ra vẻ phong-lưu chững-chạc, nhã-nhặn lanh-trai. 翠翹聽了抬眼看。見金生風流倜儻 雅致翩躚 ». Chép như thế cũng rõ ra là một người anh-tuấn, nhưng có cái gì đoán biết là giống đa-tình, thạo nghề chim không ? — Truyện nôm phải dùng những chữ : trâm-anh, phú-quí, tài-danh, văn-chương, thông-minh, tài-mạo, để tả gia-thế nhân-phẩm. Lại phải dùng đến bốn chữ « hào-hoa phong-nhã » để tả cái tính-cách nữa, vì có hào-hoa phong-nhã mới táo-bạo mà len-lỏi để gây nên cuộc chung-tình.

Kim đã là người chung-tình với Kiều, vì tang-tóc mà phải xa nhau, thì từ khi biết truyện người yêu phải lạc-loài cho đến khi lập đàn giải oan ở sông Tiền-đường, trong khoảng mươi-lăm năm trời, từ thủa còn làm một anh Khóa, đến lúc đỗ ông Nghè rồi ra làm một ông quan phủ huyện lịch-lý, nào tìm-tòi nhắn-nhe, thương nhau hoài, nhớ nhau hoài, thậm-chí đến toan từ quan để vào sinh ra tử đi tìm. Thế mà nguyên-thư chỉ có những chữ nhớ nhớ, thương thương, khóc khóc, mếu mếu xuông mà thôi, không hề có một chữ nào tả rõ đến cái tình-tự của Kim nghĩ ra thương nhớ thế nào, coi đó biết văn nguyên-thư cũng cùn lắm. Truyện nôm thì tả tình-tự của Kim nhớ Kiều thật là hiển-lộ chứa-chan, nhất là bốn câu :

Ngọn bèo chân sóng lạc-loài,
Nghĩ mình vinh-hiển thương người lưu-li.
Bình-bồng còn chút xa-xôi,
Đỉnh-chung sao nỡ ăn ngồi cho an.

Kim nghĩ thế thật là chung-tình, vinh-hiển, đỉnh-chung lại càng nhớ nghĩa cũ. Trên kia Kiều nhớ Kim thì nghĩ đến tử-tức của Kim, đây Kim nhớ Kiều thì nghĩ đến vinh-hiển đỉnh-chung của mình, văn-chương như thế mới thực là chân-tình chân-tính. Học còn non không sao nghĩ tới.

Nói về Thúc-sinh.—Thúc là một thầy tú, con ông phủ-thương rể cụ Thượng Lại, chồng mợ Hoạn-thư, chừng ấy cũng đủ với làng chơi, chẳng cần phải hỏi đến tài-mạo. Vả Kiều lúc đó cũng

chẳng cần gì người tài-mạo, nên truyện nôm chỉ tả cái tính-tình của chàng mà thôi, «quen thói bốc dời, trăm nghìn đổ một trận cười như không.» Vì bốc dời nên híp mắt lại là trăm nghìn cũng như không, không tiếc tiền nên mụ Tú đến phải mê cái hơi đồng của chàng mà chàng mới dụng kế để «xé giấy» cho Kiều được, nếu tính bủn-sỉn thì dù có mộ hoa-khôi cũng không dám đổ của ra để vớt người trầm-luân. Lại cũng vì bốc dời, tức là tính vô-tâm dễ-dãi, đã phục-bút cái câu «hấp cơ thua trí đàn bà» là lời «cu cậu» tự-hối về sau đó.

Nguyên-thư đã không tả tài-mạo, cũng không tả tính-tình, chỉ có một chỗ tả Hoan-thư mới nói kèm vào tài-trí thúc-thủ kia không kịp nàng. (宣東守才智不若他) Thế là bút-pháp của nguyên-thư còn lậu.

Nói về Từ Hải— Từ mới tiếp Kiều, bảo ngay Kiều xem tướng mình, xem có đáng cho nàng tin cậy được không. Thế là tự-phụ cái tướng-mạo của mình lắm rồi. Kiều một lời thành tri-kỷ của Từ cũng là ở đó, thế mà nguyên-thư lúc dẫn Từ ra, không tả tướng người, mãi đến hồi thân-nghinh là hồi tái-ngộ ở Nam-đình, đột-nhiên tự ra ở trong mắt Kiều rằng: «Chính người mặt trắng, mày rậm, đầu hổ, cằm én đấy chứ ai. 白面秀眉，虎頭燕頷。不是那人».

Khi mới gặp nhau không nói ra mà khi tái-ngộ nói đến thì không ra ý quen mặt.

Truyện nôm phải tả ngay cái tướng người ra trước, nói đủ diện-mạo, khung-khổ, sức-vóc, như: «đầu hầm, cằm én, mày ngài, vai rộng, thân cao, thực đường-đường một đấng anh-hào». Thế là phục-bút để Kiều xem tướng đó. Đến khi tái-ngộ thì nhắc lại: «Hãi còn cằm én mày ngài như xưa», là văn hồi-cố mà thôi.

Từ sở-dĩ nổi được giặc to là cốt nhờ ở sức vóc và võ-nghệ hơn là lược-thao, nên truyện nôm cụ Nguyễn Du nói tướng-cách Từ rồi tiếp ngay: «côn-quyền hơn sức, lược-thao gồm tài». Côn-quyền thì hơn sức mà lược-thao thì chỉ gồm biết đó thôi, nói thế là đã ngụ cái ý rằng Từ thì phần dũng hơn phần trí rồi, thế mà nguyên-thư Tài-nhân không phô gì võ-nghệ của Từ. Từ bấy giờ chưa nổi giặc to mà đã là một anh du-hiệp ngông-nghênh, muốn nuốt cả muôn dặm giang-sơn nhà Minh vào ruột rồi, nên cụ Nguyễn Du phải dùng những chữ: «đội trời đạp đất, giang-hồ vùng-vẫy, gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo», để tả cái khí-phách hào-hiệp sắp khởi-sự. Cụ lại chuyển luôn: Từ mới qua châu Thai, nghe tiếng Kiều, mà lòng nhi-nữ đã siêu anh-hùng, tức là phục-bút bỉ một anh dũng-nhi-vô-mưu, hiếu-sắc nghe vợ mà đến bại-vong đấy rồi.

Phàm những chỗ chuyển mạch nọ sang mạch kia, hồi nọ sang hồi kia, có những câu của tác-giả tự ra mặt phán-đoán khen chê và bàn-luận như thế là lối văn lịch-sử phê-bình, cũng là một lối văn sử mới ở Đông-phương về thời ấy.

Lại những cách phục-bút như đã nói, tức là lối văn «tinh-nghĩa» đi thì ngày nọ, gọi là «hô-thần» hay là «hấp-hạ». Coi đó biết văn tinh-nghĩa của cụ cũng đã sành lắm.

Còn như nguyên-thư thì lại khác, Nguyên-thư chép Từ lúc ấy như một ông danh-tướng sắp ra đời, nói: «Bấy giờ có một chàng họ Từ tên Hải, hiệu là Minh-sơn, người xứ Việt, bụng dạ khoát-đạt, đô-lượng bao-hàm, khinh phú quí như không, coi người như rác. Vả lại thâm minh thao-lược, anh-hùng cái-thế, ngày nhỏ học nho không thành, bỏ đi buôn, phát-tài rộng tiêu, chỉ thích

kết-giao bè-bạn cho nhiều, nghe Kiều có hiệp-khái, nhân tìm đến chơi.

當辰有一个好漢。姓徐名海號明山。趣人也。心胸豁達。包含宏大。等富貴若弁毛。視儔列如草芥。且又深明韜略。英雄蓋世。早年習儒不就。棄而爲商。財用充足。最好結交朋友。聞翠翹有俠概。因而來訪。

Nói về Mã Giám-sinh.—Mã nguyên là một viên giám-sinh học-trò trường Quốc-tử-giám, quá chơi hết của, kiếm ăn quen nghề, chung lưng mở lầu xanh với Tú-bà ở Lâm-chỉ, thường dạo mua gái đẹp, nói dối mua làm vợ lẽ rồi về ép tiếp khách, đến Bắc-kinh, mối mách có Kiều bán mình, vào thăm, lại nói dối là mình ở Lâm-thanh cho gần, để kẻ bán mình không ngại, nên lúc mới báo tin, nguyên-thư chép rằng : « Chỉ có một người khách ở Lâm-thanh đi mua hầu non 只有隨清客人。要討美妾 ». Rồi mối đưa khách đến, trong có một người mũ vân áo vóc, 內中有一人。雲巾華服. chứ không nói tuổi, còn tên thì sau đột-nhiên nói ra, một người khách lạ như thế thì ai đã đoán được kẻ hay hay người dở. Truyện nôm phải dẫn lại rằng : « *Hỏi tên rằng Mã Giám-sinh, hỏi quê rằng huyện Lâm-thanh cũng gần.* » Hỏi thì họ nói thế cũng biết rằng thế mà thôi, có rõ ý không tin rồi không? Đến người thì: « *quá niên chạc độ tứ tuần, râu mày nhẵn-nhụi áo quần bảnh-bao.* » Tuổi ngoại tứ-tuần mà mày râu nhẵn-nhụi, áo quần bảnh bao rõ thằng bợm già.

Nói về Hồ Tôn-Hiến. — Nguyên-thư không nói tên như thế, chỉ nói Đốc-phủ là chức quan mà thôi. Tên ấy không biết cụ Nguyễn Du tra ở Minh-sử hay là đặt ra.

***

Tôi so-sánh cách tả người như thế cũng đã nhiều rồi. Còn như sáu chữ « lững-thững như gần như xa » để tả con ma Đạm-tiên ở trong mộng, bốn chữ « chải-chuốt dịu-dàng » để vẽ cái dáng sỏ-lá của Sở-Khanh. Hai câu : « ở ăn cũng hay, giàm buộc cũng già » để tả cái mâu ghen sâu-sắc của Hoạn-thư ; đều là cái khéo của cụ Nguyễn Du mới điểm-suyết nên, chứ nguyên-thư không được thế cả, bất-tất phải đối-chứng nữa.

Văn tiểu-thuyết cốt nhất là tả người tả tình và tả cảnh, phải đặt đất vẽ vời cho rõ in như hệt để truyền-thần ra cái chân-tướng, chân-tình và chân-cảnh, thì mới đủ khiến cho độc-giả phải mê đi như mình ở trong cuộc, thì mới là bút thần-tình, cách tả người, tả tình trên kia đã nói, đây nói về cách tả-cảnh.

Truyện *Kiều* nguyên-thư không biết tả-cảnh, như lúc Kim trở sang vườn Thúy, nguyên-thư nói : « Kim sang ngay vườn Lâm-thúy hỏi thăm Thúy-Kiều, bấy giờ Thúy-Kiều đã đi được bốn tháng rồi, nhà họ Vương cũng dời đi nơi khác. Kim vào dòm xem chốn cũ, chẳng thấy một ai, bèn hỏi dò người hàng xóm, người hàng xóm kể truyện nhà họ Vương bị-can, cô Thúy-Kiều phải bán mình, tường-tận một hồi. Kim Trọng thất-kinh mất sắc đi. »

即到攬翠園中。來訪翠翹。此辰翠翹已去四月。王家已搬住別處。金重尋舊蹤寂寞。絕無一人。乃問鄰人。鄰人將王家彼事。翠翹賣身。細說一遍。金重大驚失色。

Thế mà truyện *Kiều* nôm tả ra bao nhiêu tình-cảnh thương-kim tư-tích, ngao-ngán nhường bao. « Vội sang vườn Thúy dò la.... Điều đâu xét đánh ngang trời... »

Còn đến những câu chuyển hồi chuyển mạch, dùng cảnh bốn mùa, thời tưởng là nguyên-thư có kỳ ngày tháng, nhưng mà không, đều là bịa ra cho vui văn đó

thôi. Nguyên-thư gián-hoặc cũng có chỗ có năm ba chữ tả cảnh thì xem ra cũng vô-tình lắm, như cảnh mả Đạm-tiên chép rằng: « Kiều với Thúy-Vân, Vương Quan chợt đi đến bên bờ suối, trông vào thấy có cái mả. Kiều hỏi Vương rằng: « Cậu xem cái mộ này, núi phơn-phất đôi bên, giữa cây quẩn khói, rất là u-nhã, mà sao không có ai thăm viếng. 你看此坟。山黛列眉。樹烟綰髻。甚是幽雅。怎無一人來掃祭。» Còn cái cảnh nước cuốn nhịp cầu thì về sau lúc tiến vào xem mộ-chí mới nói đến, vậy ngần ấy cảnh sao đã ra cái mồ vô-chủ.

Truyện nôm phải nhặt tất cả những cảnh lẻ-thẻ hợp làm toàn-bức. Còn chính cái mồ thì thêm rằng:

Lè-tè nấm đất bên đường,
Rầu-rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.

Thế mới ra cái cảnh của một cái hoang-phần.

Lại cảnh ở trên lầu Ngưng-bích trông ra, nguyên-thư chép: « Kiều ở trên lầu Ngưng-bích, đông trông ra bể biếc, bắc trông về kinh-kỳ, nam trông sang đất Kim-lăng, tây trông lên núi Kỳ-sơn, đối cảnh càng thêm buồn. 居住此樓。東望滄海。北望京圻。南望金陵。西望岐山。翠翹對景無聊。» Nhân cảnh buồn ấy mà Kiều bèn nhớ đến Kim Trọng, ấy chỉ có mấy cái tên xứ-sở trơ-chọi thế thì ai biết Kiều cảm-tưởng ra sao mà buồn. Vậy nay ta thử đọc lại cái cảnh buồn của Kiều mà truyện nôm đã đổi lại thì ta có thấy buồn không, mà buồn đến thế nào! Hai cái cảnh nước chảy hoa trôi và nội cỏ bao-la, ở trung-châu ai cũng thường thấy. Còn hai cảnh nữa thì ai có ra ngoài ven bể mới biết. Bỉ-nhân cũng may, năm nọ nhân lãng-du ra miền Đông-hải như Đồ-sơn, Cát-hải, Quảng-yên, Bãi-cháy, Hon-gai và vịnh Hạ-long, mến cảnh thiên-nhiên trời bể, đi về mấy lượt, quanh-quẩn mấy lần, ngẫu-nhiên một hôm đứng ở bờ bể Đồ-sơn, trông ra Đông-hải, trời xế chiều, dáng hoe-hoe vàng, gió lộng nồm, sóng nhô đầu bạc, cuồn-cuộn ầm-ầm, từ ngoài khơi đưa vào tràn lên cái bãi cát chân mình đứng rồi lại rút ra, cứ lần-lượt như thế, rất có tiết-tấu dịp-dàng, gió càng to, khí bể càng lạnh, mình thấy sởn gai, ngoài xa-xa thì thấp-thoáng vài cái buồm trắng đi vào. Tôi nhìn tròng-trọc vào những cánh buồm ấy thì nó còn bị cái sống lưng chiều cong của quả địa-cầu che đi, cho nên trước chỉ mới thấy có cái đầu buồm nhú lên rồi dần-dần mãi mới thấy một phần, hai ba phần cái buồm, sực nhớ đến mấy câu thơ cảnh bể chiều hôm của cụ Nguyễn Du trong truyện *Kiều* nôm, bất-cấm cất tiếng lên ngâm, ngâm đi ngâm lại, hay quá, thú quá, buồn tênh, nói sao cho xiết.

Người ta nói họa khéo là trong bức hoạ như có bài thơ, thơ hay là trong bài thơ như có bức họa. Thơ lục-bát trong truyện *Kiều* nôm thật là thi-trung-họa, nào cảnh thiên-nhiên của tạo-vật, nào cảnh mĩ-xảo của loài người, vui có buồn có, nhỏ từ năm ba nét lơ-thơ, lớn đến một bức mãn-họa, lối phác-họa có, lối tả-chân cũng có, vô-số là cảnh, cảnh nào cũng long-lanh linh-động, tuyệt-diệu tuyệt-thần, đều là mới điểm-suyết nên cả, chứ nguyên-thư thì không.

Cứ xem như chỗ tả dong-mạo đức-tính hai Kiều và chỗ tả về sự biến-cải của vườn Thúy, ý-tứ sung-túc biết bao, thế mà văn-sĩ tây còn cho là truyện *Kiều* nôm tả cảnh còn sơ thì tôi không chịu. Phải biết lời thơ phải cho gọn mà sáng mới được, như hai đoạn thơ trên nọ, nếu đem diễn ra làm văn xuôi thì mỗi đoạn chưa biết đến mấy tờ.

Xét về cách tự-sự. — Sách cũ là văn xuôi mà sách nôm là văn vần, văn xuôi thì cách tự-sự nói khúc-chiết tường-tận được; văn vần thì cách tự-

sự phải giản-yếu cho rõ-ràng, cho nên bao nhiêu việc lặt-vặt trong nguyên-thư thì truyện nôm bỏ cả đi cho sáng nghĩa, vậy nay ta chỉ cứ biện-văn của quyển nôm mà giải-thích cho công việc hành-động trong truyện có mành-mối liền nhau và rõ-ràng ra là đủ. Còn ta bất-tất phải hỏi đến những việc tế-toái trong sách cũ nữa, như những việc lo chuộc tội cho cha có 300 lạng bạc mà bán mình được 450 lạng thì còn thừa để làm gì? Thúc-sinh giấu Kiều rồi nhờ ai làm thầy thợ, ai đi dò la? Báo oán cứ lời thề trước của thù-nhân mà hành-hình những cách gì? Khi chiêu-hàng ai là thuyết-khách, hai người thề-nữ tên là gì? Kim Vương hai chàng sau làm đến quan chức gì? v.v.. Phàm những việc như thế, bất-tất phải biết nữa, biết lại càng thêm lẩn-thẩn ra mà thôi, vì tiểu-thuyết hễ đủ sự-duyên là được rồi, không phải như sử-học mà phải cùng-cứu.

Xét về văn thơ. — Trong nguyên-thư có đến 31 chỗ thơ văn. Thơ thì như bài đàn « Bạc-mệnh oán », bài viếng mả Đạm-tiên, bài vịnh nguyệt đêm hôm đi Thanh-minh về, 10 bài thơ đoạn-tràng làm trong mộng, bài đề bức tranh tùng, bài cảm-hoài ở lầu Ngưng-bích. v.v..

Văn thì như bài tiên-thề, bài khóc Hoàng-thiên ở lầu xanh, bài đưa cho Sở-Khanh, từng ấy bài vừa thơ vừa văn, tưởng chứa-chan bao nhiêu tình-tứ mà truyện nôm chỉ thấy giống có hai câu ở bài thơ lầu Ngưng-bích, lại cũng chỉ giống ý có vế trên, còn vế dưới thì khác nhiều, hai câu rằng: « 近海潮聲噓坐濕隔城帆影拂欄斜。Nghĩa là tiếng thủy-triều bên bể kêu gầm lên bay vào ẩm cả ghế ngồi, cánh buồm cách bên kia thành lướt qua lan-can lầu »

Coi đó biết những thơ cũ cũng chẳng hay-ho gì cả, cho nên truyện nôm chỉ khen bài nọ hay bài kia hay mà không dịch và không lục ra như các thứ sách dịch khác, cũng là một cái ý khôn, vậy thì ta chỉ nhớ những chữ phê-bình các bài thơ của Kiều như bài thơ vịnh nguyệt thì có hai chữ: « tuyệt-diệu », 10 bài đoạn-tràng thì có sáu chữ: « tú-khẩu cẩm-tâm khác thường», bài vịnh bức tranh tùng thì có bốn chữ: « nhả ngọc phun châu », bài giản sông Tiền-đường thì có hai chữ: « tuyệt-bút », ta cứ đọc những chữ phê-bình thì ta biết Kiều hay thơ, ta bất-tất phải hỏi đến cái nguyên-văn giả mà lại thêm bất-mãn-ý.

Xét như thế thì biết truyện *Kiều* nôm không phải là diễn-dịch, bất-quá chỉ nhân một cái hình-thức mới kết-cấu còn chất-phác thô-sơ mà kiến-thiết nên một cái công-trình hoàn-toàn vĩ-đại vậy.

Hiệu-dụng. — Hai phần trên đã khảo về tâm-lý và bút-pháp của tác-giả. Phần này nói về hiệu-dụng của truyện *Kiều*, tức là những công-dụng về những phương-diện nào.

Truyện *Kiều* là một bộ thơ nôm kiệt-tác về thể lục-bát. Tôi cho rằng các lối văn vần của ta, từ lối riêng của ta đến lối ngũ-thất-ngôn Đường-luật mô-phỏng của Tàu, cũng không lối nào bằng thể lục-bát cả, nó có vần có luật mà giọng-điệu theo dịp tự-nhiên với lời nói thường, không phải cưỡng ép, gò bó, đối chọi như các lối đặt-để khác, thơ lục-bát không tự-do mà gần như tự-do, cho nên dễ làm dễ đọc, đọc ra điệu ca ngâm nào cũng được, lại dễ nghe nên cũng dễ cảm.

Tâm sự và phẩm-cách của tác-giả đã là một bậc văn-hào, một bậc thi-bá, một bậc chí-sĩ khẳng khái mà cao-thượng, bút-pháp lại sành-sỏi mà khôn-khéo, như hai phần trên đã khảo, nay đem một cuộc bể dâu đau lòng của xã-hội, luyện

vào cái tiếng mẫu-âm, phả vào điệu thơ phổ-thông của tổ-quốc êm ái mà tự-nhiên. Thảo nào mà véo-von não-nuột, thâm-nhập nhân-tâm cả các hạng người. Ấy phần hiệu-dụng của truyện *Kiều* xưa nay vẫn như thế. Bây giờ học-giới của thế-giới mở-mang, dân-tộc nào biết chủ-trương về tiếng mẫu-âm của dân-tộc ấy mà tiếng Việt-ngữ cũng dần có địa-vị với đời, thế thì truyện *Kiều* lại càng đắc-lực với quốc-dân Việt-Nam nhiều phương-diện nữa.

a) *Về ngữ-học và văn-học.* — Ngữ-học. Trong văn-chương truyện *Kiều* dùng những Hán-ngữ đã luộc chín lắm, nghĩa là dùng được thuần những tiếng đã quen tai như tiếng nôm rồi. Những chỗ diễn-dịch điển-cố của cách Tàu thì cũng thoát-hóa lắm. Còn như tiếng nôm thì lại sành lắm, những tiếng cốt-yếu, những lời cách-ngôn ngạn-ngữ của ta đều phong-phú cả, nhất là cái cách dùng những tiếng một thì lại đúng luật mẹo cả, bởi vậy ngày nay những nhà ngữ-học, văn-học ta nhờ được nhiều tài-liệu ở đấy.

Văn-học thì thơ lục-bát của truyện *Kiều* đủ lối, đủ điệu, đủ giọng, cho nên biết được tinh-ý của thơ lục-bát truyện *Kiều* thì làm thơ văn lối gì cũng dễ hay mà tao-nhã.

b) *Về độc-pháp* — Văn-chương ý-nghĩa của truyện *Kiều* như đã nói tường ở trên, thì trong xã-hội, phổ-thông các hạng người ai đọc cũng được. Luân-lý, triết-lý, cảnh-thế, cảm-tình, thẩm-mĩ, không nghĩa gì không có, khéo biết dùng đều có ích cả. Duy muốn dùng về bọn thanh-niên thì phải lựa chọn cẩn-thận mới được. Ngày nay các lớp trong các trường học Pháp-Việt, mỗi tuần có một bài học thuộc lòng (*récitation*) bằng các văn vần cũ, thì cho đọc bằng thơ nôm ta cả, điều đó thật chính-đáng lắm. Song thấy có nơi cho học-trò đọc truyện *Kiều*, mỗi tuần một đoạn lần-lượt tiếp nhau. Vậy tôi muốn các nhà có trách-nhiệm giáo-dục kẻ thanh-niên phải chú-ý lại.

Ngày xưa các bậc lão-sư cấm tử-đệ không được xem truyện *Kiều*, không phải là không có cớ.

Cái ngụ-ý thâm-trầm của tác-giả thì ở ngoài sách, còn trong sách thì vẫn là một quyển ái-tình-sử, một thiên tràng-hận của khách má hồng, bọn thanh-niên nam-nữ quí báu của nước nhà ta kia, óc còn non, việc chưa trải, trí-thủ chưa vững, phán-đoán chưa sành, lòng đang hớn-hở như hoa mới nở, chí còn mộc-mạc như lụa mới giã, hễ động cảm phong-sương là hoa dễ úa, động dây nhọ bẩn là lụa nhuốm sâu. Nay thơ truyện *Kiều* êm-ái như ru, mặt sắt cũng phải ngây, đàn ngọt hát hay nào cũng không thấm, vậy nếu bọn thanh-niên nam-nữ ta mà đọc đến chỗ tình-duyên gắn-bó, tất động mối tình-dục, phơi-phới lòng xuân, đọc đến chỗ nhớ-thương ai-oán tất động mối thương-tâm, ruột tằm cũng héo; đọc đến chỗ nước đời khắt-khe tất sinh lòng buồn chán, nghĩ ngán cho đời. Phàm những chỗ đó đều có hại cho tính-tình trong-sạch, chí-khí hăng-hái của kẻ thanh-niên cả.

Tuy-nhiên, tôi đã nói không lối thơ nào dễ làm, dễ cảm bằng thể lục-bát, mà thơ lục-bát thì không sách thơ nào hay bằng thơ ở truyện *Kiều*. Ta muốn cho thanh-niên ta biết đọc thơ, biết làm thơ, để gây lấy có nhân-cách sớm đáng nên thơ, thì cũng phải cho đọc đến cả thơ truyện *Kiều* mới phải, vậy thì chỉ khéo biết lựa-lọc mà thôi. Lựa chọn thì không gì bằng cách trích-cẩm và cách đoạn-chương thủ-nghĩa. Trích-cẩm là trích lấy câu hay ra, đoạn-chương thủ-nghĩa là bỏ chương-chỉ cũ mà cho nghĩa khác, nghĩa là đọc những đoạn thơ của cụ Nguyễn Du ở truyện *Kiều* trích ra chứ không phải là đọc truyện

Kiều. Những đoạn đã trích ra đó, cứ ý-nghĩa của lời thơ mà đặt đầu đề mới ra như cảnh mùa xuân, cảnh sơn-thủy, v.v., rồi ký tên tác-giả là cụ cũng được. Phàm chỗ nào có thể trích lấy từ hai câu ba câu cho đến năm mười câu cũng được. Thứ nhất thì lấy về những cảnh thiên-nhiên, như nước non hoa cỏ, thời-tiết bốn mùa; còn cuộc nhân-sinh thì những chỗ có hiếu có nghĩa, khẳng-khái thanh-cao, như nhớ nhà, nhớ nước, cảnh chùa, viện sách, văn-nhân, hiệp-sĩ, hễ có thể phấn-phát được chí-khí cho thanh-niên thì mới trích lấy. Đến như những chỗ tình-ái, thảm-thương và ô-uế hay là nó có thể đả-động đến được, cũng đều cấm-kỵ cả, và nếu không cần phải biết đến tên những người trong truyện nữa thì lại cũng hay.

ĐỖ-NAM

VŨ-TRUNG TÙY-BÚT

雨中隨筆

VI

Tên huyện Đường-an

Cái tên huyện Đường-an 唐安 không biết đặt ra từ đời nào? Xét sách Đường-kỷ đời vua Đức-tôn, vua có vì bà Đường-an công-chúa dựng ra cái tháp, quan Bình-chương-sự là Khương Công-Phụ 姜公輔 hết sức can ngăn, trái ý vua phải bãi tưởng. Cứ theo phép nhà Đường phong hiệu cho các công-chúa thì thường lấy tên huyện, nhưng xét trong sách *Địa-lý-chí* đời Đường thì trong đất nước Tàu không có tên huyện Đường-an, mà khi ấy nước ta đương phải thuộc về nhà Đường, hoặc-giả tên huyện Đường-an ở nước ta, đặt ra từ trước đời Trinh-nguyên Kiến-trung chăng?

Sách *Tư-ký* của họ Võ Mộ-trạch bảo rằng từ đời ông Võ Hồn 武渾 mới sang Kinh-lược cõi Giao-Nam, yêu mến cái phong-thủy danh-thắng đất Mộ-trạch, mới mở đất dựng ấp, lấy hai chữ *Đường-an* đặt tên huyện, *Khả-mộ* 可慕 đặt tên thôn, thế thì tên huyện Đường-an là đặt ra từ đời Võ Hồn, cũng hơi có lẽ. Nhưng Võ Hồn sinh ra ở cuối đời Đường, cách đời vua Đức-tôn xa lắm, mà cái tên hai chữ Đường-an đã xuất-hiện ra tự đời Đức-tôn rồi, thế thì cái thuyết của sách *Tư-ký* cũng chửa chắc đã tin được. Vả lại sách gia-phả riêng của họ Võ, từ đời Võ Hồn mới sang kinh-lược cho mãi đến đời Trần, trong khoảng và trăm năm, phàm những thế-thứ chi-phái, quan-phong thụy-hiệu, đều không chép được đủ, mà duy tên ấp tên huyện lại chép được tường, chẳng qua là một sách tư-ký của người đời sau, cũng chửa chắc đã tin được. Vậy hãy ghi chép lại đây, để đợi người hiền-triết đời sau xét đoán.

Tên làng Châu-khê

Nhân-tài ở Hồng-châu ta rất nhiều, về đời Trần, khoảng năm Xương-phù có Châu-công Tung-Tranh 朱公琮琤 thống-lĩnh quân Tam-tương cấm-binh, chỗ làng ở tụ-họp đông-đúc, về sau mới gọi là thôn Châu-xá 朱舍. Đến sau nhân-đinh càng ngày càng nhiều, mới biệt-lập làm một xã, nhân chữ *châu* 朱 gia thêm bộ *phụ* 阝 vào gọi là làng Châu-khê 邾溪, gần đây lại viết lầm là Châu-khê 鄒溪. Quan Tư-đồ Trần Nguyên-Đán 陳元旦 có vì cậu công-tử quan Tam-tương soạn một bài bia để kỷ-niệm, văn-nghĩa sâu-xa mà nét chữ cổ, lâu ngày mưa sa gió táp những hàng chữ trong bia cũng có sây sứt mòn mất đi, cái bia ấy cũng là một cổ-tích ở huyện ta vậy.

Xét Châu-công hiển-đạt ở khoảng năm Xương-phù, đương lúc Xích-chủy-hầu là Hồ Quý-Ly cầm quyền-chính, các quan trong triều người nào dua theo thì được hiển-đạt, người nào khác ý thì không thể giữ toàn được lộc-vị. Băng-hồ-công Trần Nguyên-Đán lấy là thân-thích họ nhà vua và lại kiêm chức cựu-tướng tôn-quí, có bụng lo nghĩ đến nhà vua, đã hình ra những câu thơ câu hát, thế mà còn phải sợ hãi lo nghĩ đến con cháu sau, đến nỗi phải đem cả hai con ký-thác cho họ Hồ, thế mà Châu-công lấy là người khác họ giữ quân cấm-vệ đứng ở trong triều, ông tất cũng có cách để xử về chỗ đồng-tính dị-tính ấy. Nhưng mà đầu đuôi Châu-công làm quan ở trong triều thế nào đều không thấy chép ở trong sử, mà đến các nhà làm chuyện-ký cũng không chép đến. Nếu không có cái bia của ông Trần Nguyên-Đán thì tính-danh quan-tước của Châu-công dễ thường cũng mai-một ở trong đám cỏ xanh đóm lửa. Nào những người xe ngựa nghênh-ngang, áo mũ xúng-xính, ngang-nhiên tự-đắc ở trên đời mà chớp mắt đã biến đi đâu mất cả kể biết là bao nhiêu!

Đoàn Thượng

Huyện Trường-tân (1) ở phủ Hạ-hồng ta, có đền thờ Đông-hải đại-vương tên là Đoàn Thượng 段尚, vốn là một vị trung-thần đời nhà Lý, đã tường chép ở trong sách *Tang-thương ngẫu-lục*. Nay ở các làng An-nhân, An-phú huyện Đường-hào và làng Hồng-thị huyện Gia-phúc (2) đều thờ làm phúc-thần. Lại còn có đền thờ vị Tùng-giang đại-vương tên là Nguyễn Phục 阮復, người làng Đoàn-tùng huyện Trường-tân, nhà ông ở trên sông Tùng-giang, khoảng năm Hồng-đức theo quân vào Nam-chinh, đi đốc-vận quân-lương lỡ sai hẹn, bèn xin chịu tội quân-pháp, việc này đã chép ở trong sách *Ô-châu-cận-lục*. Nay ở Thuận-hóa đền Tùng-giang thờ làm thượng-đẳng phúc thần. Mà chỗ nhà ở cũ trên sông Tùng-giang nay tức là bến đò Thông còn có mộ chôn ở đấy. Truyền rằng mười hai cửa bể các nhà ngư-hộ đều thờ làm thần rất là linh-ứng, cũng như là bên Tàu ở đất Phúc-kiến có thờ bà Lâm Thiên-Phi vậy. Khoảng năm Quí-hợi đời Gia-long có chiếc thuyền buôn ghé vào bến Trường-tân, cách ăn-mặc nói-năng đều giống như người Nghệ, khi bán hàng xong rồi quay chèo về trong Nam, đêm hôm ấy thì thấy thần-mộ đào lên mà áo quan khiêng đi mất, chừng là bọn người lái buôn ấy họ lấy trộm, không biết là ý làm sao.

Phạm Tử-Hư

Trong sách *Truyền-kỳ du thiên-tảo lục* có chép truyện ông Phạm Tử-Hư

---

(1) Nay là huyện Gia-lộc và Thanh-miện thuộc về Hải-dương.
(2) Tức là huyện Gia-lộc.

范子儒. Ông vốn là người làng Nghĩa-lư huyện Cẩm-giàng, phủ Hạ-hồng, làng Nghĩa-lư 義閭 nay đổi làm làng Nghĩa-phú 義富. Người ta truyền rằng sau khi ông mất, tên thụy là Trung-trinh đại-vương, nay vẫn thờ làm Phúc-thần ở ngoài bể, nhưng trong sử-sách không thấy chép đến, vậy nên ghi lại đây để sẽ xét.

Phạm Ngũ-Lão

Ông Phạm Ngũ-Lão 范五老 người làng Phù-ủng, huyện Đường-hào, lúc còn hàn-vi thường ngồi xếp bằng tròn ở bên đường cái quan, chẻ tre đan sọt. Chợt khi ấy Hưng-đạo-đại-vương kéo quân từ Vạn-kiếp chầy về Kinh, quân tiền-khu thét ông ấy đứng dậy, ông cứ ngồi xếp bằng tròn mà đan, hình như không nghe tiếng gì, quân lính mới lấy giáo đâm vào đùi, thì ngọn giáo mắc vào đấy không rút ra được, mà ông vẫn cứ ngồi yên. Khi võng Hưng-đạo-vương đi đến mới hỏi rằng: « Đùi nhà ngươi bị đâm như thế sao không biết đau, cứ ngồi như vậy? » Ông mới thưa rằng: « Chợt đương nghĩ mấy câu trong sách *Binh-thư*, nên không nghe thấy gì cả. » Vương mới dừng võng lại hỏi thử binh-cơ mưu-lược, thì ông ứng-đối trôi chảy. Vương mới lấy làm lạ, cho lên xe đưa về, rồi gả con gái nuôi cho. Sau Phạm Ngũ-Lão đi tùng-quân đánh giặc Nguyên, có công thăng lên coi quân Cấm-vệ. Những kẻ vệ-sĩ thấy ông là người hàn-vi mới hiển-đạt thì lấy làm khinh, mới xin cùng ông cùng đấu-võ. Ông mới xin cáo về nhà nghỉ vài tháng, cứ ngày ngày đi ra cái gò cao ở làng bên cạnh để tập nhảy, nhảy đến nỗi sạt cả một góc gò. Khi hết hạn nghỉ rồi lại vào trong triều, cùng đấu-võ với các vệ-sĩ. Bọn vệ-sĩ năm sáu người quần lại xông vào đấu-võ với ông, ông tay đấm chân đá nhảy-nhót nhẹ-nhàng như bay, chúng đều bị thương cả, mới xin thúc-thủ chịu thua. Đến sau nước Ai-lao vào ăn cướp, đem voi bày trận, xông vào không ai chống được. Mới sai ông đem quân đi đánh, ông sai chặt lấy gốc tre vạc nhọn dài độ và thước, cứ chứa chất cả bên đường, rồi vẫy cho quan-quân lùi lại, một mình ông xông vào đánh nhau với giặc, giặc mới thả tượng-trận ra đuổi theo. Ông cứ xông vào lấy những đoạn tre ở bên đường đâm vào móng chân voi, voi đau phải lùi, trận giặc đại-loạn, quan-quân mới xông vào đánh vỡ tan. Ấy đều là những dật-sự của ông mà không thấy chép ở trong sử.

Nay đền thờ ông ở phía tây làng Phù-ủng trông xuống sông. Có hai bà công-chúa được phối-hưởng: một bà công-chúa là con gái nuôi Hưng-đạo-vương lấy ông khi trước; một bà là con gái ông hiệu là Tĩnh-phi triều nhà Trần. Người đời truyền rằng đền thờ ông là nhân nơi cố-trạch, tọa-đông triều-tây, nội-đường có cái kim-ấn nổi trên mặt nước, độ ngoài nửa dặm đường thì có cái giáo dài làm hộ-vệ, sông Phù-ủng là hồ-thủy nghịch-triều, các nhà phong-thủy đều khen là nơi dương-trạch tốt. Đời Lê khi trước mới dẹp yên giặc Cao-bình, trong làng Phù-ủng có một quan văn-thân tên là Võ Vinh-Tiến lấy tuổi trẻ làm nên khoa-hoạn, cầm trọng-binh, đốc-trấn ở Cao-bình. Nhưng người kỳ-lão ở trong làng lấy làm ghen-ghét, việc gì cũng chèn nén không cho dự cùng việc làng. Mỗi khi làng vào đám có lệ hương-ẩm, thì mọi người cứ thoái-thác không muốn ngồi cùng chiếu với Võ-công. Võ-công mới sai đem một trăm lạng bạc và trâu gạo để tạ lỗi, chúng khước đi không nhận và bắt Võ-công phải thân đem về tận nơi. Võ-công phải dắt trâu đem bạc về dâng, luồn-lọt cho được thỏa lòng. Được ít lâu cái hiềm-khích cũ đã quên đi, ông mới bàn với dân xoay thần-miếu về

hướng bắc, xong đâu đấy, lập đàn chiêu-hồn rồi ông nhảy xuống sông mà thề rằng: « Làng này nó đã coi khinh khoa-hoạn thì về sau không nên có nữa! » Từ khi Võ-công mất đi rồi thì những người học-trò trong làng không mấy người đỗ-đạt lên được nữa, làng mới hối-hận rằng xử với ông tệ quá. Khoảng năm bính-ngọ đinh-mùi lại xoay thần-miếu về hướng tây như cũ, nhưng trong làng bị phải dịch-lệ tai-hại, dân không được yên, lại phải quay về hướng bắc. Ôi! Thói chất-phác đời cổ đã tan dần đi, phong-tục càng ngày càng kiêu-bạc, có kẻ đi chu-du rách nát cả áo, khi trở về nhà mà vợ với chị dâu cũng khinh, có kẻ gánh củi vừa đi vừa học mà bị phải làng xóm chê cười. Đến khi đã đeo tướng-ấn sáu nước, cưỡi xe quan Thái-thú nghênh-ngang, thì những kẻ khinh-bạc nhờn giễu khi xưa, mới lại đón rước kính-trọng. Xem như bài *Chú-cầm-đường ký* của ông Âu-Dương đã nói, thì người đời xưa cũng đã có cách xử về việc ấy, việc gì mà phải thề-nguyền nhỏ-mọn để chia lỗi với những kẻ nhà quê hẹp-hòi ấy ư!

Phạm Cư-Sĩ

Ông Phạm Cư-Sĩ 范居士 người huyện Đông-triều làm kẻ mưu-chủ cho quan Tướng-quân Đoàn Thượng. Khi bấy giờ cuối đời nhà Lý trong nước sắp loạn, ông mới khuyên bảo Đoàn Thượng trước họp quân ở Hồng-châu, về sau vua Thái-tôn nhà Trần chịu bà Chiêu-Hoàng truyền ngôi cho, ông Đoàn Thượng bèn chuyên giữ mặt tỉnh Đông. Quan Thái-sư nhà Trần là Thủ-Độ mới bày mưu lấy nàng Ngoạn-Thiềm công-chúa gả cho Hoài-đạo Hiếu-võ-vương là Nguyễn Nộn 阮嫩, bảo ông ấy đem quân từ huyện Quế-dương phía Kinh-bắc, kéo xuống phía Nam đánh úp huyện Cẩm-giàng. Đoàn Thượng phải đem hết quân ra mặt ấy để chống-cự. Thủ-Độ thì đem đại binh qua sông Nhị-hà, kéo xuống phía đông đánh huyện Đường-hào. Đoàn Thượng mới sai Phạm mưu-chủ lưu lại chống giữ mặt Cẩm-giàng mà Đoàn thì đến phía tây chống nhau với Thủ-Độ. Về sau quân Đoàn bị thua ở làng Yên-nhân, toàn-quân của Phạm cũng vỡ tan cả, tự Cẩm-giàng chạy trốn xuống phía nam đến làng Hoạch-trạch thì đấu bị thương nặng quá phát ra mà chết. Nay làng Hoạch-trạch có đền thờ ông Phạm mà đem ông Đoàn phối-hưởng. Làng cũ ông Đoàn là Hồng-thị thì có đền thờ ông Đoàn mà đem ông Phạm để phối-hưởng, đều là nơi di-tích. Ôi! Đương lúc đời Lý đời Trần truyền ngôi, Thủ-Độ lấy âm-mưu cướp lấy nước, chặt đứt mạch sông Đức-giang, tuyệt hết tông-chi làng Cổ-pháp, chiếm lấy bà Thiên-cực công-chúa làm vợ, đem gả bà Chiêu-hoàng cho đi lấy chồng, người như thế thì thực là nhẫn-tâm lắm. Thế mà những người di-thần đời nhà Lý đều bó tay cúi đầu theo làm thần-thiếp, duy có họ Đoàn họ Phạm là kẻ bày tôi xa-xôi, mà hay cắt giữ lấy một châu, liều chết chống giữ, thực đáng là kẻ liệt-trượng-phu vậy. Tuy rằng hưng-vong vốn có định-số, sức người không thể chuyển-di được, nhưng cái khí hiệu-nhiên vẫn trường-tồn ở trong khoảng trời đất. Bọn Thủ-Độ ở dưới đất kia há chẳng thẹn chết đi ư!

Làng Hạ-bì

Làng Hạ-bì 下毘 ở huyện ta khi xưa, chưa từng có người nào làm nên quan to. Các cố-lão có truyền rằng khoảng năm Quang-thiệu có người làng làm nên đến chức Trấn-quốc đại-tướng-quân, thường đem đại-quân về đóng ở làng, có treo cái biển vàng: « *Trấn-quốc đại-tướng-quân* » ở trước dinh Bùi-thôn, nhưng xem trong sử-sách thì

không thấy chép, không xét ra được họ tên. Nay xét trong quốc-sử về khoảng năm Quang-thiệu Thống-nguyên, trong nước rối loạn, vua Lê phải chạy, thường đặt nơi hành-tại ở huyện Trường-tân, tưởng khi ấy những kẻ hào-kiệt phương đông ứng-mệnh cần-vương, thì cũng có kẻ làm nên đến đại-tướng cầm trọng-binh, cũng là lẽ tất có. Nhưng mà đương lúc Mạc-thị tiếm-thiết, quan sử-thần thất-chức, không ai chép sử, khiến cho kẻ trung-thần liệt-sĩ đến nỗi mai-một không ai biết đến, than ôi, thương thay!

Đỗ Uông

Ông Đỗ Uông 杜 汪 người làng Đoàn-tùng huyện Trường-tân, khi xưa có bà ngoại-tổ-mẫu góa sớm mà nghèo, mở ngôi hàng bán nước ở bên đường, có người bắc-khách đi đào được hố của vào nghỉ ở hàng nước, khi đi bỏ quên. Được ít lâu trở lại, bà lão hàng nước đem đủ số bạc giả cả, người khách lấy bạc đền ơn không chịu nhận. Người khách mới cảm cái cao-nghĩa ấy bảo rằng: « Chỗ này có một ngôi đất thế xuất công-khanh, xin để cho để đền ơn. » Bà lão bùi-ngùi mà rằng: « Thân già này có con-cái gì đâu, chỉ còn sót đứa cháu ngoại ba đời, còn mong công-khanh gì nữa. » Người khách nói rằng: « Cháu ngoại cũng được, nhưng phát-phúc không được lâu dài mà thôi. » Bèn cố nài xin để cho bà lão một ngôi đất. Sau Đỗ Uông vào đình-thi đỗ Bảng-nhãn, làm quan nhà Mạc đến chức Thị-lang. Đời Lê trung-hưng lại về với nhà Lê, cùng với Nhữ-công Tung 汝 公 琮 người làng Nhữ-xá ở huyện ta cùng coi giữ về việc bang-giao từ-mệnh, lấy chức văn-quan đi theo lên Nam-quan đối-khám bờ cõi, giao-thiệp với Tàu, đều làm quan đến Thượng-thư. Được ít lâu quân nhà Mạc lại khởi lên, vùng Tứ-tuyên không được yên, chúa Trịnh tính muốn rước vua Lê về An-tràng, Đỗ Uông cố can xin lưu lại cố-thủ. Chúa Trịnh sinh nghi, tay cầm giáo vàng liền đâm chết. Về sau được truy-phong làm phúc-thần. Ta thường đến làng Đoàn-tùng nhận xem cái ngôi mộ phát-tích, thấy một khu đất lớn thủy-hình vòng quanh vả-mươi mẫu, trên vùng đất ấy chỗ lồi chỗ lõm chỗ khai chỗ hạp, hình-thế cũng dẹp, chỗ chính-trung đột-khởi một gò kim hình, chừng độ hơn mươi bước có một ngòi nước hình nhất-tự chảy ngang, rồi chảy vòng ra lại hình như chữ *Ất* 乙. Kiểu đất Cao-vương có nói rằng: « *Thủy loan ất tự* 水 彎 乙 字 », chẳng là đất này chăng. Ôi! Lấy cái đất thế-phát công-khanh mà làm giả-tá phát cho người cháu ngoại, cái mẹo của khách-chủ làm đất cũng kỳ thật! Nhưng mà Đỗ-công sau phải đến tai-vạ, mà con cháu về sau cũng suy không có tiếng-tăm gì cả, thế thì cái khéo của sức người, vốn không bằng cái tự-nhiên của tạo-hóa, những thầy địa-lý hay đi bốc mả cho người, xem đó cũng nên tỉnh-ngộ. Tuy rằng thế, trong khoảng năm Diên-thành, Quang-hưng, những việc bang-giao từ-mệnh quan-hệ không phải là nhỏ, trời mới sinh ra người ấy để làm cho xong cái việc đối-khám bờ cõi ở trên cửa Nam-quan, thế thì ông ấy sinh ra là bởi tự đâu lại, mà chết đi là bởi tự đâu đi, chứ có phải cái thuật nhà Kham dư (địa-lý) hay xoay chuyển được đâu.

Nhữ-công Tung

Ông Nhữ-công Tung 汝 公 琮 người làng Nhữ-xá ở huyện ta (Phạm Hồ tự xưng), đỗ tiến-sĩ đời nhà Mạc, đến đời Lê trung-hưng lại theo về Lê, có đi hỗ-tụng chúa Trịnh lên đối-khám bờ cõi trên Nam-quan, sau lại sang sứ Tàu, làm quan đến Thượng-thư. Nguyên nhà cố-trạch ở trước xóm

chùa làng ấy rộng chừng tám chín mẫu, ở giữa có một cái gò thì mộ ông chôn ở đấy, khoảng năm bính-ngọ đinh-mùi có ông Nhữ-công Trần 汝公璹 người Hoạch-trạch, thường đến chơi làng Nhữ-xá, qua nơi cố-trạch của Nhữ-công Tung, có bài thơ rằng:

古寺門前十畝陰,
Cổ tự môn tiền thập mẫu âm,
傳聞丞相舊亭臺。
Truyền văn thừa-tướng cựu đình đài,
無名野草埋幽徑
Vô danh dã thảo mai u kinh,
不憤閒花落晚苔。
Bất phẫn nhàn hoa lạc vãn đài.
禮部三朝公斗峻。
Lễ bộ tam triều công đẩu tuấn,
南關兩度使軺回。
Nam quan lưỡng độ sứ thiều hồi,
功名富貴今何在。
Công-danh phú-quí kim hà tại,
寂寞秋風土一堆。
Tịch-mịch thu-phong thổ nhất đôi.

Dịch nghĩa:

Mười mẫu quanh chùa đất rộng thay,
Nhà quan tướng cũ đấy là đây;
Ngõ vùi cỏ nội nào ai biết,
Rêu lấp hoa tàn nọ kẻ hay;
Bộ lễ ba triều ngôi chót-vót,
Cửa quan hai độ sứ xa khơi;
Công-danh phú-quí còn đâu nữa,
Hiu-hắt hơi may nấm cỏ đầy.

Bài thơ ấy cũng có ý cảm-khái. Ôi, như ông Nhữ-công Tung gặp buổi thịnh-thời, cùng làm quan với Đỗ-công người Đoàn-tùng, cùng coi về việc bang-giao từ-mệnh, khiến cho nam bắc lại thông-hiếu với nhau, thế là giúp nước thành công, nay đọc những tập văn chép ở trong *Châu-tư tuy-bang lục* 周諮綏邦錄 thì đáng khen là hoa-quốc văn-chương. Chỉ có một điều làm quan với họ Mạc, cũng như là ngọc bạch-bích có hơi tì vết, thực khá tiếc thay! Còn như Nhữ-công Trần ở Hoạch-trạch gặp lúc loạn giả cách rồ để giữ cho sạch mình, không ra làm quan để nhơ mất giá-trị, thì cũng là phải. Nhưng đến lúc thoi-thóp dã già, mà lại muốn yêu-hãnh lấy một danh-mệnh của Tây-sơn, chẳng hay sau khi xuống dưới suối vàng, Nhữ-công Trần có gặp Nhữ-công Tung thì nghĩ ra làm sao.

Lý Đạo-Tái

Ông Huyền-Quang Thiền-sư là Lý Đạo-Tái 李道載 người làng Vạn-ti huyện Gia-định, lấy là bậc khôi-bảng ra đi tu, truyện này đã chép ở *Trúc-lâm truyền-đăng lục*. Gần đây ông Nguyễn Công-Hoàn người Cổ-đô có soạn bài *Huyền-quang-hành* bằng quốc-ngữ, trong có nói đến truyện nàng Bích-nương, nhưng truyện ấy không thấy chép trong sử-sách, ta thường lấy làm ngờ. Ta còn nhớ khi mới lên bảy tám tuổi có thường theo bà Tiên-cung-nhân ta đi sang hầu bà cô họ ngoại là bà chính-thất quan Thiêm-sự Võ-công người làng Mộ-trạch, khi các bà phu-nhân ngồi rồi nói chuyện, có nói đến truyện nàng Bích-nương, ta mới biết rằng quả có truyện nàng ấy thật. Bà phu-nhân thường nói rằng: Mộ nàng Bích-nương ở làng Hoạch-trạch, buổi đầu năm Cảnh-hưng, có kẻ đào lên thì thấy cái áo quan vẫn còn sơn son y-nguyên, mở ra xem thì trong quan đầy nước trong veo, hương thơm ngát mũi, rồi lại liền đậy lại. Sau ông Nhữ-công Trần có câu thơ rằng:

佳人落地委金鈿。
Giai-nhân lạc-địa ủy kim điền.

Nghĩa là: *Giai-nhân đầy đoạ rụng bông vàng.*

Lại có câu rằng:

曾向椒房誇窈窕。
Tằng hướng tiêu-phòng khoa yểu-điệu.

却來山寺伴空禪。
Khước lai sơn tự bạng không thiền.

Nghĩa là : *Phòng tiêu thuở trước từng khoe đẹp,*
Chùa núi sau này tựa cảnh không.

Bài thơ ấy toan đem khắc bia để chôn trước mộ, nhưng sau lại thôi. Ta tiếc rằng không nhớ được hết cả toàn-bài.

Võ-thái-phi.

Bà Võ-thái-phi nguyên là người làng Mi-thữ huyện ta, tổ-tiên trước là người làng Tử-dương huyện Thượng-phúc. Vì người cha đi ăn trộm bị phải người làng đem giết đi, khi ấy bà phi mới ba bốn tuổi, mẹ mới ẵm đi xuống tỉnh Hải-dương, làm thợ cấy thuê ở nhà Võ-công làng Mi-thữ, Võ-công một hôm đi ra ngoài ruộng, khi bấy giờ mùa hè đương nắng, Phi theo mẹ đứng trên bờ ruộng, hễ đứng chỗ nào thì có bóng mây đi theo che rợp không sai một bước nào. Võ-công lấy làm lạ, bảo người mẹ cho Phi làm con gái nuôi. Được ít lâu người mẹ đi làm thuê nơi khác mà chết mất, Phi mới đổi theo họ Võ, khi Phi lớn lên được vào hầu chúa Trịnh là Hi-tổ Nhân-vương (Trịnh Cương), đẻ ra được Dụ-tổ Nghị-vương (Trịnh Cường). Dụ-tổ sau tiến phong cho bà là Thái-phi. Bà Thái-phi về sau dẹp yên được nội-nạn lập chúa Nghị-tổ, bà lại được gia-phong tôn-hiệu. Khi bấy giờ họ-hàng bà ở làng Tử-dương thì không còn ai cả, vậy nên mới nhận họ Võ ở làng Mi-thữ làm họ quốc-thích. Em nghĩa-đệ là Bình-trung-công lại có công phù-lập nhà chúa, tước-vị cực-phẩm nhân-thần, con cháu họ-hàng rông-rỡ nhiều điều phi-pháp. Bắt dân-phu đi lấy đá để về làm nhà từ-đường, tất cả bốn phủ thuộc tỉnh Hải-dương phải cung-cấp phu-dịch khiêng vác, hễ anh đi thì em mới được về, mà ba huyện ở phủ Thượng-hồng thì phải chịu phu-dịch rất nặng, dân không thể kham được. Đến sau người Ninh-xá huyện Chí-linh là con ông Nguyễn Mại 阮邁 tên là Nguyễn Cử 阮遽, Nguyễn Tuyển 阮選, thừa thế làm loạn, ghép tre làm nón dấu, vạt nứa làm giáo sào, kéo quân đến đốt phá nhà từ-đường ngoại-phủ ở làng Mi-thữ, ấy chính là hồi loạn năm canh-thân tân-dậu. Nay cái nhà đá từ-đường ấy đã tách nẻ ra sụt cả xuống đất gần chấm đến mái, khi nào mưa to đổ xuống thì nước chảy rót vào trong, gần đây vẫn còn trông thấy mái nhà. Hồi loạn năm canh-thân tân-dậu, tỉnh Hải-dương ta chịu hại về việc binh-đao đến mười tám năm, ruộng đất đã hầu thành ra rừng rậm, những giống gấu chó, lợn lòi sinh-tụ đầy cả ngoài đồng. Những người dân sống sót còn lại thì phải đi bóc vỏ cây bắt chuột đồng để ăn. Mỗi một mẫu ruộng chỉ bán được một cái bánh nướng. Tổng Minh-luân ta có một bà cụ góa mà giàu, người làng mới bầu cụ làm hậu-thần, vì tiền của bà cụ chứa như núi, nên tục mới gọi là « bà hậu Núi. » Gặp năm mất mùa nhà bà hết cả thóc ăn, phải mang năm nén bạc đi đổi thóc không được, mà phải chết đói ở bên xóm chùa Bình-đê. Khi bấy giờ làng ta bỏ hoang rậm-rạp ngập mắt, đến khi loạn-lạc đã yên rồi, người làng mới từ chốn kinh-đô lục-tục kéo về, chặt gianh phá cỏ, đi tìm nhận lấy nền nhà cũ, thu nhặt lấy những xương tàn đem chôn đi, nay ở phía nam đầu làng vẫn còn có một khu nghĩa-chủng, đệ-niên cứ đến rằm tháng bảy, người làng có đem cỗ bàn ra cúng viếng.

Các bậc nho-tiên làng ta là ông Nho-sinh Phạm Diên-Bá 范延伯 thường nói chuyện với ta rằng đương lúc loạn-lạc đi đường về tỉnh Đông, có vào nghỉ nhà hàng cơm bên đường, thấy có mùi thịt rất tanh, trên mặt nước bát canh thịt nổi sao lên như hình bán-nguyệt,

Hỏi người hàng cơm thì họ nói rằng đó là thịt lợn lòi. Đến khi ăn đến nửa chừng thì thấy có con rận chết ở trên mặt bát, mới biết là thịt người, vội-vàng chạy ra móc cổ thổ ra. Ôi! Đời xưa có lúc đem muông thú ăn thịt người, chứa có thậm-tệ như thế bao giờ.

Lúc người làng ta sau khi loạn mới trở về, phải lấy lửa đốt sạch ngoài đồng, trông ra man - mác, trong làng chưa kịp làm nhà ở phải cùng nhau quây quần ở cả chung quanh nền đình miếu, kết kẻ sơ làm người thân, giao-ước hẹn nhau trông nom giúp đỡ lẫn nhau, ốm đau cùng phù-trì nhau, tử-táng cùng viếng thăm nhau. Về sau cứ theo thói ấy thành ra một họ Bình-ninh 平寧 (tục gọi là họ nghè), cũng được cái ý cổ-nhân ra vào giúp đỡ lẫn nhau vậy. Cuối năm Cảnh-hưng, thì trong làng người già ấy đã chết mà kẻ tráng thì đã già rồi, còn những kẻ thiếu-niên mới phụ về sau, thì lại càng sinh ra thói trá-ngụy, cái ước cũ ấy mới bỏ đi. Gần đây cũng có người muốn đính-minh liên-phổ, để hợp-quần với nhau, nhưng hoặc thấy lợi mà tranh nhau, hoặc hiệp khí mà đánh nhau, vừa họp lại tan ngay. Thế thì nói đã không giữ trung-tín, nết đã không giữ đốc-kính, sao hay thi-hành ở chốn làng xóm được, ông thánh-nhân dạy như thế là phải lắm.

Ta thường thấy các cụ trưởng-giả họ Bình-ninh nói chuyện rằng làng ta chỉ nền đình là cao hơn nhất, rồi thứ hai đến nền thổ-sơn, thứ nữa mới đến nền đồng-thổ. Ta vẫn lưu-ý nghiệm xem thì quả nhiên không sai. Đến đời Chiêu-thống năm kỷ-dậu trở về sau, ta phải đi hồ-khẩu bốn phương, đến năm đinh-tị mới trở về làng, mới ra tản-bộ quanh ngoài đồng, thì thấy thổ-sơn, đồng-sơn càng ngày càng thấp dần đi, nền đình cũng thấp đi, mà xứ Đồng-lạc mà Nôm so với cũ lại cao hơn gấp mấy, mới biết rằng địa-mạch nó cũng có khi thăng giáng bất-thường.

Ngoài đồng làng ta có một cái quán Độ-tử, truyền rằng từ năm canh - thân đời Cảnh-hưng trở về trước, hễ người làng ai mà chết ở nơi khách-địa đưa ma về, thì không được đưa vào trong làng, phải để áo quan ở ngoài quán ấy để làm ma, nhân thế mới thành tên là quán Độ-tử 度死 Sau khi loạn-lạc yên rồi cái tục ấy mới bỏ đi, quan Thiêm-sự là Lê Đình - Tốn 黎廷巽 mới quyên tiền để sửa-sang lại cái quán ấy làm nơi cho người đi cày-cấy nghỉ-ngơi, mới bỏ chữ *tử* 死 đi, chỉ để chữ *độ* 度 thành tên là quán Độ. Quán ấy chính ở về mé tây nhà ta, mỗi khi mặt trời gần xế chiều, lũ mục-đồng đuổi đàn trâu đi trở về nghỉ chơi ở đó, tiếng hát tiếng địch của trẻ mục-đồng véo-von nghe cũng thú-vị. Ta hoặc nhân lúc thong-thả cũng ra chơi ở quán ấy, đi diễu chơi khoảng cánh đồng rộng mênh-mông, cũng sinh ra ý-tứ phiêu-dật. Nay cái quán ấy đã đổ nát rồi mà ta thì còn phải đi lưu-lạc chưa trở về làng, đất khách quê người, đêm khuya ngẫm-nghĩ, khôn xiết bồi-hồi.

Đền thờ làng Tuấn-kiệt

Làng Tuấn-kiệt ở huyện ta có đền thờ hai vị phúc-thần : một là vị phò-mã triều nhà Lý, hai là vị công-chúa triều nhà Lý. Nhưng không biết là con vua nào và cũng không biết cái cớ sở-dĩ làm sao mà thờ. Ta xét sách sử đời nhà Lý có cái lệ chia phong thực-ấp cho các vương-hầu công-chúa, ý chừng các vị ấy vì có thái-ấp nên dân mới phụng thờ đấy mà thôi. Ta chỉ xem thấy tờ sắc cũ bao-phong có câu rằng : « *Bình an Nam-phục chi kiền khôn* 鼎安南服之乾坤, *cách giả tây duy chi miếu vũ* 革假西維之廟宇. » Hai chữ « *tây duy* » trong câu ấy chứa hiểu nghĩa ra làm sao, hãy ghi lại đây sẽ xét.

Cái thói kiêng ngày trùng - tang trùng-phục

Đời truyền rằng nhà tang-gia vẫn hay kiêng ngày *trùng-tang* 重喪 *trùng-phục* 重服, hễ người nào chết gặp phải ngày ấy thì nhà ấy hay mắc trùng-tang, nên thường phải mời thầy phù - thủy về làm phép thư-phù liệm-táng; ta xét trong điển-lễ vẫn không biết tại cớ làm sao, trong bụng vẫn không cho làm phải. Ta còn nhớ bà Tiên-cung-nhân ta có nói chuyện ở làng Hoạch-trạch huyện ta có nhà ông Nhâm-An vốn là nhà dòng làm thừa-phái, khi ấy đương chuộng chính-đồ, những người làm thừa-phái tá-nhị thì không được ra làm quan. Thầy Thừa ấy mới lấy nghề chơi đi săn bắn làm vui, tò-mò khắp các cánh đồng, gặp khi trời gần xế chiều, thấy một con chim lớn bằng con vịt, sắc lông mùi đạm-hồng, bay từ đâu trên trời sa xuống, đậu trên cái mả mới mà mồ mãi, thì nghe trong mả có tiếng ma khóc o-o, thầy thừa ấy mới dương súng nhắm bắn thì con chim ấy chết liền, tiếng khóc trong mả cũng im. Ngày hôm sau thấy có một người hiếu-tử đem sôi lợn đến tận nhà bái-tạ. Thầy thừa lấy làm quái lạ mới hỏi, thì người hiếu-tử thưa rằng: « Vì cha mất gặp ngày trùng-tang nên trong nhà bị phải mấy cái tang luôn, đêm hôm trước thấy vong - nhân về báo mộng bảo rằng cái con hung-sát nó làm khổ ấy đã nhờ được ông thương mà trừ nó đi rồi, vậy nên gọi chút lễ mọn đến tạ ơn. » Việc này ở về trước năm canh-thân, nhưng nhà nho ta vẫn không cho làm tin.

Khách đề của

Nước ta có nhiều chỗ người Khách đào hầm đề của, ta thường đọc sách *Thuyết - kiềm* 說鈐, khoảng năm Hoằng-nguyên Vĩnh-lịnh quân Tàu kéo sang nước ta, các quan Thú - lịnh phương Nam thường vơ - vét được nhiều của mà không mang về được, ý chừng họ đề của từ bấy giờ. Làng ta ở gò Đống-thổ vẫn truyền là chỗ Khách đề của, kẻ nông-phu đi đêm làm ruộng ngoài đồng, thường thấy từng đàn gà vàng vịt vàng ra ăn, liền chạy lại đuổi thì đàn gà vịt ấy chạy vụt đến gò Đống-thổ thì mất. Ngôi nhà trung-đường ta phía trước có một cái ao nhỏ, nước đen mà mùi tanh, gặp khi đại-hạn nước giếng đâu cũng cạn hết cả, mà chỉ duy cái ao ấy không cạn, gặp khi dở trời mưa nắng, thì nước ao ấy thường sôi lên, có những đồng tiền xanh nổi ra, lớn như bàn tay. Nuôi cá thì sắt lại không béo ra được, mà giống sen thì tốt. Ngõ Nam làng ta cũng có một cái ao truyền là nơi đề của, khoảng năm Cảnh-hưng có một người đàn bà đến ở trọ, xuống ao vớt bèo thấy trên mặt nước phun ra tiền, lấy rá súc đầy đem về, rồi gọi người nhà ra xem thì không thấy gì nữa. Nhà đàn bà ấy nhân thế làm nên giàu, rồi đem cả nhà đi nơi khác, được và năm lại nghèo sút như xưa. Lại còn một người đàn bà nữa đi chợ sớm qua gò Đống-thổ, thấy có nhà cửa chững-chạc, đèn lửa sáng trưng, trong có một người đàn bà đương ngồi khung cửi mà dệt. Thế thì truyền rằng chỗ ấy là nơi đề của cũng không sai vậy.

Cổ-tích

Tỉnh Hải-dương ta nhiều nơi cổ-tích, như là núi Tử-tiêu 紫霄, am Vân-yên 雲烟, chùa Hương - hải 香海, chùa Quynh-lâm 瓊林, đồng Huyền - thiên 玄天, điện Lưu - trung 流中, quán Trung - tân 中津, đường Truy - viễn 追遠, v.v.. Từ đời Lý Trần trở về sau, những văn-tự cổ khắc ở bia đá biển vàng, thấy chép ở trong truyện-ký cũng nhiều. Ta vì nghèo cùng mà gặp kiến-

vận nhiều, nên những nơi danh-thắng chốn cố-hương không hay đi xem hết được, chỉ thỉnh-thoảng phảng-phất mơ-màng ở trện tờ giấy mà thôi. Thường đọc bài bia ở tháp núi Dũng-thúy của ông Trương Thăng-phủ 張升甫 có câu rằng: «Thắng-cảnh quê làng ta, ta được đi chơi đã gần khắp.» Thì trong ý ta vẫn thường mơ-màng muốn đi chơi. Huyện ta trừ cái bia ở nhà cố-trạch quan Tam-tương làng Châu-khê ra, thì không có cái bia nào cổ nữa. Khi nhỏ ta có đến huyện Trường-tân qua chơi chợ Thông, ngồi nghỉ trên cầu Phú-cốc làng Đoàn-tùng, truy xét lại cái di-tích ông Đỗ Uông, ông Phạm Trấn đương lúc về vinh-qui tranh đường, thì thấy cái bia ở cầu Phú-cốc của ông Đỗ Uông soạn ra dài ước và trăm lời nói, trong bài bia vừa tự-sự vừa nghị-luận lẫn cả, lối văn chính-sự nhà nho, và lối văn Lão-Trang cùng là thuyết báo-ứng của đạo Phật, làm hỗn cả lại một thiên, văn-thể đời Tiền-Lê đến đấy lại là nhất-biến, nhưng lời văn ý-tứ cứng cáp so với các nhà văn-gia tự đời Quang-hưng trở về sau, khác nào như một vực một trời vậy. Bài văn bia ấy hiện còn chép ở trong tập văn *Nghệ-uyển-phi-anh tập* 藝苑蜚英集.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

MẠNH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH (1)

孟子國文解釋

XVII

吾聞用夏變夷者。未聞變於夷者也。陳良楚產也。悅周公仲尼之道。北學於中國。北方之學者。未能或之先也。彼所謂豪傑之士也。子之兄弟事之數十年。師死而遂倍之。

Dịch-âm. — « *Ngô văn dụng hạ biến di giả, vị văn biến ư di giả dã. Trần Lương, Sở sản dã, duyệt Châu-Công Trọng Ny chi đạo, bắc học ư trung-quốc ; bắc phương chi học giả, vị năng hoặc chi tiên dã ; bỉ, sở vị hào-kiệt chi sĩ dã. Tử chi huynh đệ sự chi sổ thập niên, sư tử nhi loại bội chi* ».

DỊCH-NGHĨA. — « Ta nghe rằng dùng đạo hoa-hạ để biến-hóa cái tục man-di, chửa nghe rằng lại bị biến-hóa về tục man-di đó vậy. Ngươi Trần Lương sinh ra ở nước Sở, mến cái đạo ông Châu-công, ông Trọng-Ny, sang phương bắc học ở chốn trung-quốc, kẻ học-thức phương bắc, chửa ai đã chắc hơn đó được ; ông ta đáng gọi là kẻ hào-kiệt vậy. Anh em nhà ngươi thờ ông ta vài mươi năm, thầy vừa mới chết mà liền phản trái cái học của thầy.

---

(1) Tiếp theo số N. P. 112. — Gần đây vì nhiều các bài khác, nên mục dịch *Mạnh-tử* phải tạm bị mấy tháng, nay lại tiếp-tục cho hết.

Chú-giải. — *Hạ* = Nơi hoa-hạ, có lễ-nghĩa giáo-hóa. *Châu-công* = Tên là Cơ-Đán, làm tướng nhà Châu, chế ra lễ làm ra nhạc. *Trọng Ny* = Tên tự ông Khổng-tử. *Bắc-học* = Trần Lương người nước Sở, thuộc về phương nam, cho nên lên phương bắc học ở chốn trung-quốc. *Trung-quốc* = Nơi giữa nước, có nhiều văn-hóa lễ-giáo. *Bội* 倍 = thông-dụng với chữ *bội* 背. = Nghĩa là phản-trái. Từ đây trở xuống là trách Trần Tương phản-bội cái học của thầy Trần-Lương, mà đi học người Hứa-Hành.

.·.

可 濯 彊 似 他 樂 而 治 昔
尚 之。曾 聖 日 室 哭。任 者
已。秋 子。人。子 於 皆 將 孔
陽 曾 欲 夏 場。失 歸。子
以 子 以 子 獨 聲。入 沒。
暴 曰。所 憂 居 然 揖 三
之。不 事 子 三 後 於 年
皐 可。孔 游。年。歸。子 之
皐 江 子 以 然 子 貢. 外。
乎 漢 事 有 後 貢 相 門
不 以 之。若 師。反 嚮 人

Dịch âm. — « *Tích giả Khổng-tử một, tam niên chi ngoại, môn-nhân trị nhâm tương qui, nhập ấp ư Tử-Cống, tương hướng nhi khốc, giai thất thanh, nhiên-hậu qui. Tử-Cống phản trúc thất ư tràng, độc cư tam niên, nhiên-hậu qui. Tha nhật, Tử-Hạ, Tử-Trương, Tử-Du, dĩ Hữu-Nhược tự thánh-nhân, dục dĩ sở sự Khổng-tử sự chi; cưỡng Tăng-tử. Tăng-Tử viết : « Bất khả ! Giang-Hán dĩ trạc chi, thu dương dĩ bộc chi, kiểu kiểu hồ, bất khả thượng dĩ. »*

Dịch-nghĩa. — « Ngày xưa, ông Khổng-tử mất, ngoài ba năm, học-trò sửa-soạn gánh hành-trang, sắp sửa tan về, vào vái chào với người chủ tang-sự là thầy Tử-Cống, trông nhau mà khóc, đều lạc cả tiếng, rồi sau mới về. Thầy Tử-Cống lại làm nhà ở chỗ mả, một mình ở đó ba năm nữa, rồi sau mới về. Ngày khác, thầy Tử-Hạ thầy Tử-Trương thầy Tử-Du, cho rằng thày Hữu-Nhược ngôn-hạnh khí-tượng giống đấng thánh-nhân toan đem cái lễ thờ ông Khổng-tử mà thờ thầy Hữu-Nhược ; cưỡng-ép thầy Tăng-Tử. Thầy Tăng-Tử nói rằng : « Không nên, đạo-đức đấng Khổng-tử vì như nước sông Giang sông Hán sạch sẽ, tha-hồ cho người rửa-giặt, mặt trời mùa thu sáng sủa, tha-hồ cho người phơi phóng, trong sạch thay, chẳng ai hơn được vậy. »

Chú-giải. — *Nhâm* = Là gánh, trở về gánh hành-trang. *Tam niên* = Ngày xưa lễ trở thầy, để trở ở trong tâm ba năm, nghĩa là như trở bố mà không có khăn áo trở. *Tràng* = Cái đàn-tràng lập ra ở chỗ mả. *Hữu-Nhược* = Cũng là một người có phẩm-giá cao trong cửa Khổng. *Kiểu-kiểu* = Dáng bộ sạch và trắng. *Thượng* = Đặt để lên trên, nghĩa là bậc hơn.

Đây là kể ra mấy thầy học-trò trong cửa Khổng, tuy thầy đã mất mà vẫn tôn-tín thầy, để rõ ra tội anh em Trần Tương phản-bội thầy.

.·.

曾 亦 而 子 道, 先 之 蠻 今
子 異 學 之 子 王 人。鴂 也
矣。於 之。師 倍 之 非 舌 南

Dịch âm. — « *Kim dã Nam-man quích-thiệt chi nhân, phi tiên-vương chi đạo, tử bội tử chi sư nhi học chi, diệc dị ư Tăng-Tử hĩ.*

Dịch-nghĩa. — « Nay cái người kia là người chim quích lưỡi như chim quích ở xứ Nam-man, không phải là học cái đạo đấng tiên-vương, thế mà người trái đạo thầy người, đi học theo người ấy, thực cũng khác với thầy Tăng vậy.

Chú-giải. — *Quích.* = Thứ chim tiếng hót líu-lo, tiếng người Nam-man giống tiếng chim ấy, ý trỏ về Hứa Hành.

.·.

者, 於 木 聞 木 遷 於 吾
幽 而 下 者。子 幽 聞
谷 入 喬 未 喬 谷 出

Dịch-âm. — « *Ngô văn xuất ư u-cốc, thiên vu kiểu-mộc giả, vị văn hạ kiểu-mộc, nhi nhập ư u-cốc giả.*

DỊCH-NGHĨA.— « Ta nghe rằng con chim kia bay ra tự chốn hang tối, dời lên ở chỗ cây cao, chửa nghe rằng bay xuống tự chỗ cây cao, mà chui vào ở chỗ hang tối bao giờ.

Chú-giải. — Đây là dẫn cái ý thơ *Phạt-mộc* 伐木 thiên *Tiểu-nhã* trong kinh *Thi* mà nói, để chứng-giải ra rằng người ta kén chọn cái đạo mà học, cũng như con chim kén-chọn cái tổ mà ở.

. ˙ .

善亦是膺公是膺。戎魯
變爲之之。方懲。荊狄頌
矣。不學。子且周舒是曰。

Dịch-âm. — « *Lỗ-tụng viết* : « *Nhung Địch thị ưng, Kinh Thư thị trừng* » *Châu-công phương-thả ưng chi, tử thị chi học, diệc vi bất thiện biến hĩ* ».

DỊCH-NGHĨA.— « Thiên *Lỗ-tụng* có nói rằng : « Rợ Nhung-địch phải đánh mà đuổi đi, nước Kinh Thư phải dẹp mà răn đi » Ông Châu-công nếu ở ngày nay, còn muốn đánh những kẻ mọi-rợ ấy đi, ngươi lại đi học lấy cái đạo mọi-rợ ấy, cũng là chẳng khéo biến vậy. »

Chú-giải. — *Lỗ-tụng* = Tên thiên tụng trong kinh *Thi*, lời dẫn đó thuộc về thơ *Bý-cung* 閟宮. *Nhung* = Tây-nhung. *Địch* = Bắc-địch, đều là tên rợ. *Kinh* = Hiệu cũ nước Sở. *Thư* = Một nước ở gần nước Sở, đều biến theo thói rợ.

. ˙ .

從許子之道。則市
賈不貳。國中無僞。
雖使五尺之童適
市。莫之或欺。布帛
長短同，則賈相若。
麻縷絲絮輕重同。
則賈相若。五穀多
寡同。則賈相若。屨
大小同。則賈相若。

Dịch âm. — « *Tòng Hứa-tử chi đạo, tắc thị giá bất nhị, quốc-trung vô ngụy, tuy sử ngũ sích chi đồng thích thị, mạc chi hoặc khi ; bố bạch tràng đoản đồng, tắc giá tương nhược ; ma lũ ti nhứ khinh trọng đồng, tắc giá tương nhược ; ngũ cốc đa quả đồng, tắc giá tương nhược ; lũ đại tiểu đồng tắc giá tương nhược.* »

DỊCH-NGHĨA. — Ngươi Trần Tương lại nói rằng : « Theo cái đạo ngươi Hứa-tử, thì giá mua bán ở chợ có nhất-định, trong nước không gian-dối, dẫu sai đức trẻ con mươi-mười hai tuổi đi chợ, cũng chẳng ai nói dối nó, vải lụa bề dài bề ngắn như nhau, thì giá như nhau ; gai sợi tơ bóng phần nhẹ phần nặng như nhau, thì giá như nhau ; năm thứ thóc phần nhiều phần ít như nhau, thì giá như nhau ; dép bề lớn bề nhỏ như nhau, thì giá cũng như nhau ».

Chú-giải. — *Ngũ sích* = Năm thước, ngày xưa tính mỗi thước hai tuổi rưỡi, năm thước thì mười hai tuổi rưỡi.

Đây là Trần Tương kể ra cái đạo Hứa-tử khiến được chợ-búa buôn bán không gian-dối, để rõ ra rằng cái đạo Hứa-tử nên theo. Đạo của Hứa-tử muốn khiến cho mọi đồ-vật đem bán ở chợ, đều theo một giá mà không kể gì tình hay thô, tốt hay xấu, chỉ kể về phần dài hay ngắn, nhẹ hay nặng, nhiều hay ít, lớn hay nhỏ mà định giá đều nhau.

. ˙ .

曰。夫物之不齊。物
之情也。或相倍蓰。
或相什伯。或相千
萬。子比而同之。是
亂天下也。巨屨小
屨同賈。人豈爲之
哉。從許子之道。相
率而爲僞者也。惡
能治國家。

Dịch-âm. — *Viết* : « *Phù vật chi bất tề, vật chi tình dã ; hoặc tương bội tỉ, hoặc tương thập bách, hoặc tương thiên vạn, tử tị nhi đồng chi, thị loạn thiên-hạ dã, cự-lũ tiểu-lũ đồng giá, nhân khởi vi chi tai. Tòng Hứa-tử chi đạo, tương suất nhi vi ngụy giả dã, ô nặng trị quốc-gia.* »

DỊCH-NGHĨA. — « Thầy Mạnh nói rằng : « Ôi ! các vật tốt xấu chẳng đều nhau, là cái lẽ tự-nhiên của các vật,

hoặc hơn nhau gấp một gấp năm, gấp mười gấp trăm, gấp nghìn gấp vạn, khác nhau như thế, mà ngươi so đều lại cùng theo một giá, thế là làm rối - loạn cả thiên-hạ. Hãy nói như dép lớn dép nhỏ mà giá như nhau, thì ai chịu làm dép lớn nữa, thế thì dép tốt dép xấu mà giá như nhau, ai chịu làm dép tốt nữa. Nếu theo cái đạo Hứa-tử thì theo nhau mà làm đồ xấu để lừa dối đó mà thôi, sao hay trị được quốc-gia».

Chú-giải. — *Bội* = Gấp một. *Tỉ* = Gấp năm. Đây là thầy Mạnh kể ra cái lẽ tự-nhiên của các vật hạng vẫn có thứ tốt xấu, không thể đồng một giá được, nếu không kể xấu tốt mà đều đồng một giá, thì ai chịu làm thứ tốt, chỉ làm thứ xấu để lừa dối thiên-hạ. Thế thì cái thuyết bất-nhị-giá của Hứa-tử, vốn muốn trừ cách gian-dối, yên sự cạnh - tranh, mà lại thành ra xui cách gian-dối, gây sự cạnh-tranh, đạo Hứa-tử thật không nên theo.

VI

來。見。愈 吾 固 孟 求 因 墨
夷 我 尚 願 子 見 徐 者
子 且 病。見。曰。孟 辭 夷
不 往 病 今 吾 子。而 之

Dịch-âm. — *Mặc-giả Di-Chi, nhân Từ Tịch nhi cầu kiến Mạnh-tử. Mạnh-tử viết : « Ngô cố nguyện kiến, kim ngô thượng bệnh, bệnh dũ, ngã thả vãng-kiến, Di-tử bất lai. »*

Dịch-nghĩa. — Kẻ học theo đạo Mặc mà là ngươi Di-Chi, nhờ ngươi Từ-Tịch cầu vào tiếp-kiến thầy Mạnh. Thầy Mạnh nói rằng : « Ta vốn sẵn lòng tiếp-kiến, nay ta còn có bệnh, bệnh khỏi, ta sẽ đi tiếp-kiến Di-tử, Di-tử bất-tất phải lại».

Chú-giải. — *Mặc* = Tức là ngươi Mặc Địch 墨翟. Đạo họ Mặc chủ-nghĩa kiêm-ái, yêu người với yêu bố, không phân-biệt gì nhau. *Từ-Tịch* = Học trò thầy Mạnh. Đây là thầy Mạnh giả-thác ra có bệnh, để xem cái ý Di-Chi thành-thực hay không thành-thực thế nào.

. . .

賤 子 非 子 夷 吾 直 曰。他
事 葬 是 思 也。聞 則 吾 日
親 其 而 以 以 夷 道 今 又
也。親 不 易 薄 子 不 則 求
厚。貴 天 爲 墨 見。可 見
則 也。下。其 者 我 以 孟
是 然 豈 道 墨 且 見 子。
以 而 以 也。之 直 矣。孟
所 夷 爲 夷 治 之。不 子

Dịch-âm. — *Tha-nhật hựu cầu kiến Mạnh-tử. Mạnh tử viết : « Ngô kim tắc khả-dĩ kiến hĩ, bất trực tắc đạo bất hiện, ngã thả trực chi. Ngô văn Di-tử Mặc-giả, Mặc chi trị tang dã, dĩ bạc vi kỳ đạo dã. Di-tử tư dĩ dịch thiên-hạ, khởi dĩ vi phi-thị nhi bất quí dã. Nhiên-nhi Di-tử táng kỳ thân hậu, tắc thị dĩ sở tiện sự thân dã. »*

Dịch-nghĩa. — « Ngày khác, ngươi Di-tử lại cầu tiếp-kiến thầy Mạnh. Thầy Mạnh bảo với Từ - tử rằng: « Ta ngày nay thì có thể tiếp-kiến được, chẳng nói hết thì đạo ta không rõ, ta sẽ nói hết để cho mà kiểu - chỉnh lại. Ta nghe rằng Di-tử là người học đạo Mặc ; họ Mặc trị việc tang, lấy sự đơn-bạc làm hợp đạo. Di-tử muốn đem đạo Mặc biến - dịch phong-tục cho thiên-hạ, há lại cho cái sự bạc-táng ấy làm không phải mà chẳng quí. Thế mà Di-tử táng cho bố mẹ mình, lại theo về đường hậu ; chẳng hóa ra lấy cái điều đạo Mặc coi khinh mà đem để thờ cha mẹ».

Chú-giải. — Đây là thầy Mạnh cật-trách Di-tử học theo đạo họ Mặc mà chẳng theo tế-giáo họ Mặc, chắc là trong tâm có điều bất-an, để rõ ra rằng đạo họ Mặc trái với lương-tâm người.

∴

徐子以告夷子。夷子曰。儒者之道。古之人若保赤子。此言何謂也。之則以爲愛無差等。施由親始。徐子以告孟子。孟子曰。夫夷子信以爲人之親其兄之子爲若親其隣之赤子乎。彼有取爾也。赤子匍匐將入井。非赤子之罪也。且天之生物也。使之一本。而夷子二本。故也。

Dịch-âm.— *Từ-tử dĩ cáo Di-tử. Di-tử viết : « Nho giả chi đạo, cổ chi nhân, nhược bảo xích-tử, thử ngôn hà vị dã ? Chi tắc dĩ vi ái vô si đẳng, thi do thân thủy » Từ-tử dĩ cáo Mạnh-tử. Mạnh-tử viết : « Phù Di-tử tín dĩ vi nhân chí thân kỳ huynh chi tử, vi nhược thân kỳ lân chi xích-tử hồ ? Bỉ hữu thủ nhĩ dã ; xích-tử bồ-bặc tương nhập tỉnh, phi xích-tử chi tội dã. Thả thiên chi sinh vật dã, sử chi nhất bản, nhi Di-tử nhị bản, cố dã ».*

Dịch-nghĩa.— Từ-tử đem lời thầy Mạnh bảo Di-tử. Di-tử nói rằng: « Bên đạo nho người xưa có nói rằng : « Thương yêu dân như thương-yêu con đỏ » lời ấy chẳng phải là nghĩa kiêm-ái hay sao ? Chi này thì cho là yêu cha mẹ với yêu người ngoài, vốn không phân biệt thứ bậc khác nhau, nhưng chỉ thi sự yêu là phải từ cha mẹ trước nhất ». Từ-tử lại đem lời Di-tử bảo thầy Mạnh. Thầy Mạnh nói rằng : « Ôi ! Di-tử vin cái lời thương dân như thương con đỏ, mà cho rằng người ta yêu con nhà anh, cũng như yêu con nhà láng-giềng đấy hay sao ? Lời kinh *Thư* nói ví như thế này nghĩa là thương đứa dân ngu mà phạm phép, không phải là tội đứa dân ngu, cũng như thương đứa con đỏ dại mà khúm-núm sắp lăn xuống giếng, không phải là cái tội đứa con đỏ, nên mới ví thương dân như thương con đỏ là thế. Vả, trời sinh ra người, nguyên theo một gốc ở cha mẹ, không yêu ai bằng yêu cha mẹ, lòng yêu bản tự đấy mà suy ra. Chớ như Di-tử dã coi cha mẹ như người ngoài, mà thi sự yêu lại tự cha mẹ trước, thế là chia ra hai gốc, cớ thế vậy.

Chú-giải. — *Nhược-bảo xích-tử* = Lời thiệu Khang-cáo 康誥 trong kinh *Thư*. Đây là Di-tử viện dẫn sách nho, lấy cái lời nói ví thương dân như thương con đỏ, mà bảo đạo nho cũng có thuyết kiêm-ái như đạo Mặc, để cự lại thầy Mạnh chê trách mình theo đạo Mặc. Và lại nói đạo Mặc tuy rằng kiêm-ái, không có phân thứ bậc, song thi sự yêu vẫn trước tự cha mẹ, thế là suy đạo Mặc mà phụ với đạo nho, để biện-bác rằng mình hậu-táng cha mẹ là phải, đều là lời cãi quần. Thầy Mạnh nói giải lại nghĩa kinh *Thư*, không phải nói về thuyết kiêm-ái, mà bảo rằng người ta suy lòng yêu ra vốn có thứ bậc, bao giờ thân yêu con nhà anh với con láng-giềng vẫn phân-biệt khác nhau, nguyên là chỉ có một gốc là yêu cha mẹ hơn cả, rồi suy lòng yêu đến mọi người đều có thứ bậc, chớ không như lời Di-tử lại chia ra hai gốc.

∴

蓋上世嘗有不葬其親者。其親死。則舉而委之於壑。他日過之。狐狸食之。蠅蚋姑嘬之。其顙有泚。睨而不視。夫泚也。非爲人泚。中心達於面目。蓋歸反虆梩而掩之。掩之誠是也。則孝子仁人之掩其親。亦必有道矣。

Dịch-âm. — « *Cái thượng-thế thường hữu bất táng kỳ thân giả, kỳ thân tử, tắc cử nhi ủy chi ư hác ; tha-nhật quá chi, hồ ly thực chi, dăng nhuế cô soái chi ; kỳ tảng hữu tỉ, nghễ nhi bất thị. Phù tỉ dã, phi vị nhân tỉ, trung tâm đạt ư diện mục, cái qui phản luy lỵ nhi yểm chi, yểm chi thành thị dã : tắc hiếu-tử nhân-nhân chi yểm kỳ thân, diệc tất hữu đạo hĩ.* »

DỊCH-NGHĨA. — Thử nghiệm về đời thái-cổ, khi chửa chế ra táng-lễ, từng có kẻ chẳng chôn bố mẹ; bố mẹ chết thì đem bỏ ra ở nơi hang-hố. Ngày khác người con đi qua chỗ ấy, thấy loài cáo loài cầy nó đến ăn, loài ruồi loài nhặng nó bậu hút. Người con khi ấy trán có mồ-hôi, trông nghiêng mà chẳng dám trông ngay. Ôi! Mồ-hôi đó, chẳng phải vì người mà có mồ-hôi, là thương xót tự trong tâm đạt ra ngoài nét mặt. Rồi vội về đem đồ sọt đất xe đất, mà chôn lấp cho cha mẹ. Sự chôn lấp cho cha mẹ, thực là sự đương-nhiên. Thế thì kẻ hiếu-tử, kẻ nhân-nhân chôn lấp cho cha mẹ mình, cũng có cái đạo trung-hậu đối với cha mẹ vậy.

Chú-giải. — *Cô* = Tiếng trợ-từ. *Tỉ* = Mồ-hôi đổ ra nhập-nhấp. *Nghễ* = Trông nghiêng. *Phản* = Đổ lật, như là đem sọt đất mà đổ lật xuống. *Luy* = Sọt súc đất. *Ly* = Xe chở đất. *Yểm* = Che lấp chôn cho kín. Đây là kể ra cái lễ mai-táng cha mẹ, khởi-thủy từ đời thượng-cổ, là bởi một gốc ở lòng thương yêu cha mẹ, phải nên xử cho hậu, chớ không lấy bạc làm quí. Thế thì Di-tử mà hậu-táng cha mẹ cũng là bởi cái chân-tình nhất-bản ấy mà phát ra, chớ không nên chấp cái thuyết « Ái vô si-đẳng, thi do thân thủy » mà cãi quần nữa.

∴

曰。憮夷徐
命然子。子
之爲夷以
矣。閒子告

Dịch âm. — *Từ-tử dĩ cáo Di-tử. Di-tử vũ-nhiên vi nhàn viết: « Mệnh Chi hĩ ».*

DỊCH-NGHĨA.— Từ-tử đem lời thầy Mạnh bảo Di-tử, Di-tử ngẩn ra một lúc rồi nói rằng: « Thật là thầy Mạnh dạy bảo Chi này vậy. »

Chú-giải. — *Vũ-nhiên* = Cái bộ ngơ-ngẩn biết mình trái. *Vi-nhàn* = Khoảng chừng một lúc. Đây là Di Chi nghe lời thầy Mạnh, mà biết thầy có ý dạy bảo mình, mới hoảng-nhiên biết rằng mình nhầm lỗi

(*Còn nữa*)

TÙNG-VĂN và ĐÔNG-CHÂU *dịch*

HỒ CÁI GIÀ (1)

(Nhật-ký sợ vợ)

III

VII - Lời mẹ khuyên răn

(Ngày 30 tháng 9)

Gió bấc mưa dầm, mối sầu chan-chứa, tôi thấy mặt mẹ tôi lúc nào cũng có ngấn nước mắt, lòng riêng ngờ lạ, nghĩ bụng trước khi tôi chưa cưới, mẹ tôi thường vui cười luôn, nói chuyện với ai, cũng hi-vọng cái hạnh-phúc cưới được dâu về, mà nay tôi đã trọn việc vui mừng, chính là lúc lòng mẹ tôi yên-ủi, sao nay uất-ức xót-xa, coi với trước thật là khác hẳn, là vì cớ chi? Sáng hôm nay vào thăm mẹ, thấy mẹ vừa mới dậy, còn đang súc miệng

(1) Xem N.-P. từ số 124

rửa mặt, tôi ngồi cạnh giường, thấy áo gối mẹ tôi ướt như mới giặt, (*nước mắt già sắp cạn!*), mặt mũi vô-vàng, hai má gồ ra, đôi mắt sưng húp, rửa xong ngồi trong ghế vừa lau vừa hỏi tôi rằng : « Vợ con đi chơi ở Hồ về có vui không ? » Tôi thưa rằng : « Vẫn như trước. » Mẹ tôi lại nói : « Lòng ta áy-náy không yên, tưởng cha mày mất sớm, còn sót lại vài gian nhà nát, ta đau lòng nghĩ khổ, lấy mười ngón tay kinh-doanh, mới khá một chút ; nào hay cái cảnh tinh-huyết hai-mươi năm trời, hết cả vì mày, lo lương học mày, đã cơ-hồ túng, lo cưới vợ mày, hết sạch-sành-sanh ; lại ngờ đâu, lấy phải con dâu, ăn hoang tiêu rộng, tốn-phí không chừng, giá này có phải núi vàng đâu ! Bây giờ xem chừng chả còn vay mượn ai được nữa, biết làm thế nào ! Mày đi chơi sáu hôm phí mất bao nhiêu ? » Tôi nói dối rằng « vài ba chục. » (*Gấp mười kia mà !*) Mẹ tôi lè lưỡi nói rằng : « Năm sáu ngày mà tiêu hết vài ba chục bạc, hai tai già này từ thủa bố mẹ đẻ đến giờ thật chưa nghe thấy bao giờ ! Song le, mày là chồng, có lẽ nào cứ mặc nó phung-phá, nó sinh-trưởng ở nhà giàu, không biết tân-khổ, mà ta xem mày trăm dạ nghìn vâng, cứ như thế mãi, rồi ra thế nào ! Già này đã gần kề miệng lỗ, chịu liên-lụy chả là bao lâu, mày với nó suốt đời ăn ở, có lẽ nào vì nó đẹp mà chịu ép phục ở dưới bóng quần nó ru ! Mày nên tính mau, nếu không hết sức giữ mực tần-tiện, thì già này rất lo rằng của sót các tiền-nhân, tất về tay chủ khác, con cháu nhà lương-thiện, tất lần cửa ăn xin, chẳng những thân già này về chín suối không được miếng gì cúng giỗ mà thôi đâu !» (*Lời lời vàng-ngọc, lời lời huyết-lệ !*) Tôi nghe mẹ tôi nói, hai hàng lã-chã tuôn mưa. Mẹ tôi nói : « Khóc còn có ích gì không, già này suốt đêm ở trong cõi đời nước mắt, còn chả ăn thua gì, sự cốt ở mày đó » . Tôi không trả lời mẹ tôi được câu gì nữa, lau nước mắt thổn-thức bước ra, đi gần đến buồng, bỗng thấy tiếng nói léo-séo ở trong buồng, tôi vội dừng bước nghe lóng, thấy có tiếng người con gái nói chuyện với vợ tôi, vợ tôi nói : « Từ khi em bước chân vào cái gia-đình chuyên-chế này, sự gì cũng bị bó-buộc, về mặt tinh-thần bị kích-thích vô-cùng, còn ba sự : ăn, mặc, ở, không được vừa ý, thì không buồn kể làm gì nữa, chị còn ưu-du tự-tại, hạnh-phúc sau này, dầy-rẫy chứa-chan, xin chớ có theo mệnh cha mẹ, nghe lời mối-manh, vơ-vào lấy chồng, như là em lấy phải đồ ngu-phu tục-tử, còn có thú gì ! Chị nên lấy đấy làm gương trước mà soi. Mới rồi em đã quyết định tôn-chỉ, thực-hành cái chủ-nghĩa nô phu (1), cách-mệnh ngay gia-đình đã, chị bảo thế nào ? » Ả ấy nói rằng : « Em nói phải lắm ; từ khi nước Tàu ta làm cái lễ cưới dã man ấy đến nay, lấn mất cả tự-do của con gái, hi-sinh mất cả hạnh-phúc của con gái, nói đến lại càng đau lòng ! Đến nay nhất-dán cải-cách, cho bằng đẳng bằng quyền, con gái tự-do kén chồng, không cho là trái lẽ, con gái tự-do bỏ chồng, không cho là thất-đức, em đã bị cha mẹ làm lầm, phải nên tự tính, nay cũng tạm nhẫn, ngộ có thế nào, chị sẽ giúp em một tay, em chớ có tự-bạo tự-khí, đánh mất tự-do, để cho đồng-chí cười chê. » Ả ấy nói đến đấy, vợ tôi cười nhạt hềnh-hệch rằng : « Chị cho em là người thế nào ? em dễ chịu cúi đầu muối mặt chịu phục dưới quyền người ư ? Em nói thực với chị, chồng em nó đã khuất-tất chịu hàng rồi đấy » Ả ấy to tiếng nói : « Thế thì xin kính

(1) *Nô-phu* = Coi chồng như tôi tớ.

mừng cánh quân nương-tử, thắng trận khải-hoàn, hai vạn vạn nữ-đồng-bào ta đều vẻ-vang thêm vậy. » Nói rồi cười rầm nhà, vợ tôi lại còn nói chêm nhiều nữa. Tôi nghe hết chuyện bất-giác giật lùi ra ngoài, đứng ngây người ra mãi mãi. Xế chiều, thấy một ả ăn mặc lối mới đi ra, gót giầy cồm-cộp, áo ngắn quần dài, nhìn đã biết ngay là người trong học-giới. Họ ngắm nghía suốt cả mình tôi, mắt không nhấp-nháy, hình như lượng cái giá-trị của tôi xem, tôi bất-giác đỏ mặt tía tai, lẩn vào trong cửa. (*Thẹn quá !*)

Lời phê-bình. — *Lời mẹ già dạy thế nọ, chuyện phu-nhân bàn thế kia, hai cái chủ-nghĩa, ngang trái hẳn nhau, bác đồ nhát cũng khốn thay ! biết theo bên nào ? Lời mẹ già dạy, nghe thấy rỏ nước mắt ; chuyện trong buồng bàn, nghe thấy cũng đến rỏ nước mắt ; hai dòng nước mắt, khác nhau chừng nào !*

Ả là người chi, khua môi múa mép, thế mới biết những bậc đàn bà hung-ác, thiên-hạ chẳng có hiếm gì. Sư phu-nhân bất-quá chỉ là một hạt thóc bỏ trong bể khơi mà thôi ! đồ hèn nhát kia nghe chuyện tránh xa ba sá, cũng chả lạ gì !

Khi xưa liễu yếu đào thơ, phòng the khép-nép, có ai xem mặt, thường thẹn-thò không dám ngửng đầu. Đến bây giờ mà khác hẳn, gái nõn chưa chồng, ngắm suốt mình người ta như là đánh giá đồ mua, trai tơ đi học, đỏ mặt tía tai, nép vào trong cửa, thật là điên-đảo âm dương, nói đến bật cười không nhịn được.

VIII. — Lời ví ong chúa

(Ngày 10 tháng 10)

Trời chín ngày mưa một ngày tạnh, người chín ngày buồn một ngày vui. Sáng hôm nay vợ tôi về thăm nhà mẹ, tôi mới thừa-nhàn vào thư-phòng học ôn bài cũ, thì đã thấy quên mất đến quá nửa rồi. Hồi gần trưa, học lại sách quốc-văn hai giờ. Cơm trưa rồi, tôi đang xem sách bác-vật, sực thấy vợ tôi vào, tôi không biết là về lúc nào, lòng hơi khắc-khoải. Vợ tôi ngồi ngay ở đầu bàn, khí-độ hách-dịch, phảng-phất như ông giáo dạy tư ở xóm Tam-gia hai-mươi năm về trước, oai-phong lẫm-liệt, có cái dáng không ai dám phạm đến. Vợ tôi giật lấy quyển sách tôi đang xem, nhìn qua một lượt, trỏ vào bài dạy về con ong mật, tay trỏ miệng nói rằng: « Ong cũng như loài người, nó cũng tổ-chức một cái gia-đình nho-nhỏ, sinh con đẻ cháu, lúc-nhúc từng đàn. Trong một tổ có đến hơn ba chục ong, ở giữa có một cái ổ, to hơn các cái kia là chỗ con ong chúa ở, còn thì thuần những ong quân ở cả. Ong chúa tức là ong cái, cho nên người ta lại gọi là bà chúa, còn ong quân thì thuần là ong đực cả. Ong tuy là loài sâu, cũng thích cái chủ-nghĩa nhiều chồng, (*phu - nhân ưa thích không ?*), ong quân đối với bà chúa ấy, phải hết chức-trách, hút nhị hoa, lượm phấn hoa, suốt ngày sa-sả, để cung bà chúa sai dùng, chưa có nghe thấy dám oán-hận bao giờ ! Ong chúa có đẻ trứng nào, lại thò ngòi đốt chết nghiến, ong quân cũng có khi không chịu nó đốt, bay trốn đi nơi khác, thì không bao giờ dám về tổ cũ trông thấy ong chúa nữa; thế-lực ong chúa như thế, nên ong quân không dám coi nhờn. Ôi ! Loài sâu bọ còn như thế, thế mà loài người ta, bẩm cái khí thiêng của trời đất, mà lại coi vợ như tôi-đòi, mới biết kém cả loài sâu, mà lại còn vác mặt cho rằng trượng-phu mới biết cách trị nhà, đáng buồn cười lắm thay ! Suy xét xem vì cớ sao ? Đều là bởi con gái không chịu học, tự bỏ mất quyền-lợi mà thôi ! » (*Những lời nghị-luận nghe phải bật cười*). Tôi nghe vợ tôi thi-dụ một hồi, hệt như lời dụ của chuyên-chế ma - vương, hãi - hùng quá sức.

Nhưng bụng tôi thì chê mà miệng tôi thì vẫn phải vâng vâng rằng phải, không dám bẻ-bai. Một loáng vợ tôi đi ra, lòng tôi mới khoan - khoái. Gần tối, cất sách vào buồng, vợ tôi bảo tôi rằng: «Con hầu nó phải về quê ngoại, hai ngày mới về». Các công việc vặt, bắt tôi phải tạm làm thay, tôi ra ý ngần-ngại. Vợ tôi mắng ngay rằng: «Anh xem con ong quân nó thế nào, dễ định bắt tôi phải cất tay làm chăng?» Tôi bất-đắc-dĩ phải vâng cho xong. Vợ tôi sai giặt quần-áo, lại sai rửa chậu-bồn, tôi nhìn mà giật lùi lại, nghĩ bụng mình ngang-tàng một đấng trượng-phu, mà lại làm sự bẩn-thỉu này, đã nhục thân-phận, lại để cười về sau, sao làm thế được, cố nài vợ tôi hẳng để trễ ít lâu, để lúc con hầu nó về nó làm. Vợ tôi nhất-định không nghe, cầm côn xua bảo phải đem đồ rửa ngay. Tôi xin để hoãn, đến lúc đêm khuya người vắng rồi đem đi rửa, (*diệu-kế*), vợ tôi mới sẽ gật. Chưa mấy chốc đã trăng sao lấp-lánh, hình như ông trời cũng cố chòng ghẹo tôi, mây quang lăng-lắc, bóng thỏ soi đầu, lòng tôi chính như là đến lúc tận-số, sợ hãi vô-cùng, bưng chậu trong phòng ra (*hết sạch giá tư-văn!*) trước hết đem đồ ra hố, rồi mới đem ra ngồi rửa. Bất ngờ bên ngồi kia có một ông lão đánh cá, đang ngồi canh đó, ghé mắt nhìn tôi, tôi hồ thẹn vô-cùng, rụt-rè không dám ra rửa vội, ông già thấy thế, ngờ tôi là kẻ trộm, vội-vàng sắn móng lợn qua cầu gỗ sang, tôi sợ quá, bưng chậu chạy trốn, (*vẫn không quên đồ báu ấy!*) quên mất đường đi, cứ cắm cổ chạy liều, ông già hết sức đuổi, sau tôi vướng chân vào hòn đá, ngã lăn xuống đất, nhìn cái chậu đã bung ra ngoài đến hơn một trượng, ông già đuổi tới, nắm lấy cổ tôi, như bắt được cá chép lớn, tôi kêu to không tha, phải nói thực hết nguyên-ủy, ông già vẫn còn chưa tin, sau khám cái chậu của tôi hãy còn bẩn chưa rửa, mới cười sằng-sặc rằng: «Tiên-sinh sợ vợ, thật hơn loài cá sợ con dái». Tôi xấu - hổ quá, sờ lên trán, sưng bươu bằng cái trứng, đau buốt tận gan, vội nhặt chậu đem ra ngồi rửa xong rồi trở về nhà, vợ tôi lại mắng là đi chậm quá, dưới bóng đèn nhìn thấy trán tôi có vết thương, hỏi rằng: «Giập đầu lạy ai mà như thế?» Tôi nói dối rằng: «Nhỡ chạm phải bức tường chọc». Vợ tôi vỗ tay cười rống mãi. Ôi! cảnh-ngộ tôi sao mà khốn-nạn đến thế! Khi chưa có vợ, thường hi-vọng rằng thành-hôn rồi sẽ được hưởng hạnh - phúc lớn-lao trong khuê-phòng, vô-cùng khoái-lạc, soi gương vẽ mày, biết bao sự thú; ngờ đâu khuê-phòng như gông cùm, một thân như tù-tội, có gì mà gọi là cảnh vui, nghĩ đến rửa chậu bên ngồi, vết thương trên trán, còn chi mà cho là sự thú, nghĩ đến đấy bất-giác tấm lòng chua xót, giọt lệ chứa-chan, nghĩ bụng các cảnh khổ trong chốn khuê-phòng ở cõi dời, có ai như Long Khâu-sinh này nữa không! Chắc rằng trước ta chưa có ai vậy, than ôi!...

IX. — Ghen giết chết mèo

(Ngày 20 tháng 10)

Sáng sớm đi tôi cùng Thu-Tần lại chơi nhà tôi, thấy mẹ tôi ức-uất không vui, trăm chiều khuyên-giải, mẹ tôi vẫn không sao gỡ hết mối sầu. Nhìn Thu-Tần đầu bông áo vải, vẻ đẹp thiên-nhiên, thấy tôi không nói mà cũng không cười, có ý thương xót hình như đã biết tôi bị vợ ác đè nén, khôn xiết nỗi thảm - thương. Nhưng tôi càng nhìn thì càng nhớ đến sự trước, trong não-cân vô-cùng cảm-tưởng, giả bấy giờ mẹ tôi đừng chê là không đi học tràng mà lấy cho tôi, thì bây giờ tôi không đến nỗi phải chịu muôn đắng nghìn cay này, (*một nỗi*), nhà cũng không đến nỗi nghèo rớt mồng-tơi, nợ nần trồng-chất, (*hai nỗi*), mẹ già cũng không đến nỗi vùi đầu khóc-lóc,

(*ba nổi*). Tôi nghĩ đến đấy, thấy trong lòng chua xót, nước mắt ứa ra, mới hỏi thăm Thu-Tần được một lời bình-yên, đã nói không ra tiếng, ngoảnh đầu vào trong, sẽ lau nước mắt, (*nghĩ hết mọi nỗi, cái khóc ấy cũng không lạ gì!*). Bấy giờ vợ tôi mới chải-chuốt xong, thoảng nghe thấy tiếng dì tôi và Thu-Tần đến, sai con hầu ra mời Thu-Tần vào trong, nói chuyện một lát cho khỏi buồn. Con hầu ra một lát, Thu-Tần dịu-dàng bước vào. Bấy giờ tôi ngồi ở bên bàn, vợ tôi ngồi trên ghế tréo, thấy Thu-Tần vào, đứng dậy bắt tay làm vui, Thu-Tần thẹn đỏ mặt, vừa ngồi yên, vợ tôi than rằng : « Cô xinh đẹp sao, chỉ tiếc rằng ít học mà thôi ! » Thu-Tần cũng đứng dậy khép vạt áo nói : « Như phu-nhân người đẹp tài cao, mới thực là bậc quí trên cõi đời.» Lòng vợ tôi vui quá. Thu-Tần lại hỏi rằng : « Tôi nghe phu-nhân đi chơi Thượng-hải, cảnh vui ở đấy thế nào, có thể cho tôi nghe được không?» Vợ tôi nói: «Thượng-hải là một khu văn-minh nhất, (*khu lộn sộn nhất*), trai gái các nước, ai cũng thích chơi, ngựa xe như nước, chẳng phiền một bước đi chân, nhẩy lên ô-tô, một giờ đồng-hồ chạy tới sáu mươi dặm, nhanh tít như bay, tiếng còi toe-toe, đủ khiến cho người trong xe tinh-thần khỏe-khoắn, những lúc chạy qua các chỗ đông-đúc, người đi đường ai cũng phải rẽ ra hai bên, tầm con mắt tôi đến đâu, là khiến cho người ngơ-ngẩn ngác-ngác, hồn vía bay lên lưng chừng trời, thật không còn gì vui thú hơn nữa». Thu-Tần nghe dứt câu chuyện, cũng mỉm miệng cười, vừa gặp lúc con hầu bưng nước vào, vợ tôi miệng nói tay khua, cánh tay đập ngay vào chén, lăn xuống đất đánh soảng một cái, nước bắn tứ-tung, chén tan từng mảnh, lại còn giận lây con hầu, giơ chân đá phốc, con hầu ngã lăn ra ngoài cửa, Thu-Tần sợ rùng cả người mà vợ tôi thì vẫn cười nói tự-nhiên. Một thoáng Thu-Tần thấy tiếng dì tôi gọi mới từ bước ra, tôi cũng theo ra hầu chuyện dì tôi, vào chái mé tây, vừa ngồi chưa yên đã thấy dì tôi bảo tôi rằng : « Mày thật tiêu-ma hết cả cái khí trượng-phu, trọng lệnh vợ truyền, tráo lời mẹ dạy, khiến cho mẹ mày cái thân tuổi-tác, suốt đêm lấy nước mắt rửa mặt, lòng mày phỏng có yên không? » Tôi câm họng không còn nói sao được nữa. Dì tôi lại nói : «Khi trước mày nói mày đã có cách trị, cách trị ấy bây giờ đâu ? » Tôi hổ thẹn vô cùng, gượng dậy thưa rằng : « Tôi nghĩ rằng vợ chồng mới, cũng im cho nhà cửa vui-vầy ! » Thu-Tần ngồi bên bưng mồm cười nhạt. Dì tôi lại nói : «Như thế thì vợ mày vẫn được thích thật mà mẹ mày thì đến chết thôi ! Mẹ già mày lấy huyết-hãn nửa đời người, nuôi-nấng mày, thế mà mày lại như thế, thì mẹ mày liệu ra làm sao ! Mày nghĩ cho kỹ xem, đừng có trách dì già hay lôi-thôi ! » Nói dứt lời dắt Thu-Tần ra, tôi bất-giác ngồi ngẩn trên giường, ngẫm nghĩ những điều dì bảo, lời lời vàng ngọc, ở gan ruột ra, mẹ mình già rồi, chưa được hưởng cảnh thú gia-đình nào, mà tình riêng mớm trả, cũng chửa có chi, hôm nọ thấy áo gối của mẹ ướt đẫm, trong lòng đã nẫu-nà rồi, chả phải đợi đến những lời dì bảo nữa! (*Tâm sáng-sủa được một lúc*). Nghĩ đến đấy nước mắt như mưa tuôn xuống, lại sợ vợ tôi nó biết, cài then cửa, nằm co trên sập, kéo chăn đắp, bất-giác đã ngủ lúc nào. Con mèo con sợ rét, vào kề bên sập, ngoeo - ngoeo như có ý thương tôi xót-xa vậy. Tôi sực tỉnh dậy, trời đã xế chiều, không ăn gì mà cũng chẳng thấy đói, trằn-trọc một lúc lại chợp mắt ngủ, đang lúc mơ-màng, sực thấy có tiếng phá cửa, giật mình dậy, tối mò chẳng trông rõ là ai, vội vàng bước trên giường xuống, thấy có một người xồ vào, nắm tóc

tôi, cấu mặt tôi, đau quá không thể chịu được, hốt-hoảng hỏi ai đấy? Người ấy nói ngay rằng: « Một cặp khốn-nạn kia, hầm với nhau ở đây, lại giả lờ không biết, còn đi hỏi ta là ai, mày thử nghĩ xem ta đây là ai, hôm nay bắt được rành rành cả đôi, còn chốn được nữa không? » Tôi nhận rõ là tiếng vợ tôi, không dám cựa, kêu to rằng: « Người yêu của ta lầm to rồi! » Vợ tôi vội gọi con đòi châm lửa đem vào, trong nhà sáng trưng, tôi nhìn thấy vợ tôi một tay soắn tóc tôi, một tay cầm gối gỗ, máu ghen sôi nổi, (*nhìn xem cũng thú*), có lửa sáng, vất gối đi, hình như có ý ngơ-ngác, tôi lại nói rằng: « Người yêu của tôi vu hão rồi, hôm nay tôi ngủ suốt ngày, có hầm với ai đâu? » Vợ tôi mới buông tôi ra, xách đèn soi khắp bốn bên, sau cùng lật chăn lên, thấy tiếng khò-khò ấy là một con mèo con, quát to lên rằng: « Con mèo ác kia, tao nghe trộm thấy mày phò-phò như là một cặp dã-uyên-ương, cùng gối đàm-tâm, nên mới phá cửa mà vào, mày làm cho tao phát giận, tội không thể tha được. » (*Thử hỏi điều luật ấy là điều thứ mấy trong hình-luật mới.*) Liền xách cổ mèo hết sức quật xuống đất, mèo què liệt không đi được, vợ tôi lại xách cổ quật luôn hai ba cái nữa, nhìn ra đã chết cứng rồi, mới sai con hầu vất vào trong sông, (*tuyên-cáo tử-hình, sao không lo cái vạ dịch-hạch về sau ư?*), rồi ậm-ực bước ra. Tôi nghĩ cái máu ghen của nó gớm thật, mình đã lầm lại còn giận lây đến con mèo, phi làm cho đến chết không thôi, con mèo ấy trước tôi phí mất năm hào bạc mới mua được mà nay mất tích mất tăm, máu giận nó thế, đáng sợ lắm thật, tôi là người nào, dám vuốt râu hổ, nghĩ đến đấy đem hết những lời dì dạy, tung lên trên chín từng mây, rùng mình rởn tóc, nằm bẹp xuống ghế. Một chốc mẹ tôi bưng một bát cháo vào, lật-đật hỏi tôi rằng: « Con đóng cửa ngủ suốt ngày, dễ cảm gió rét phải không? Ban ngày mẹ không nỡ đánh thức, còn để phần một bát cháo nóng đây, con húp ngay đi. » (*Mẹ già yêu con, ti-hào không sót, hai việc so nhau, như trời với đất!*) Bấy giờ hồn tôi tuy còn kinh-hoảng chưa định, nuốt không trôi được, song nghe lời mẹ bảo như thế, phải miễn-cưỡng nuốt hết, lòng mẹ tôi mới yên và bảo rằng: « Đêm khuya rồi, ở đây khí-hậu lạnh-lẽo, nên vào ngay trong buồng mà ngủ đi ». Tôi không nỡ trái ý mẹ, theo mẹ ra ngoài trái, mẹ tôi lại cầm đèn đưa tôi đến tận cửa buồng, đợi cho tôi vào trong đóng cửa, rồi bóng đèn mới lấp-ló khuất dần. Trong buồng tối đen như mực, tôi sờ mãi mới thấy bao diêm, bật lửa lên, thấy vợ tôi đã ngủ rồi, tức-thì cởi áo lên ngủ, không ngờ vừa ngả lưng vào đệm, vợ tôi thách vai một cái, tôi ngã lăn quèo xuống đất, (*ấy là cái công thể-dục!*), may ở dưới đất có giải thảm dầy, nên chỉ ê buốt ít thôi, tôi nhỏm dậy quì xin mãi mãi, vợ tôi quát to rằng: « Mày thích ngủ với mèo, đi mà ngủ với mèo, ta không phải là mèo, không thích cùng ngủ với mày. » Lòng tôi sợ hãi, cố xin hai ba lần, vợ tôi vẫn không đoái đến. (*Phu-nhân thật có lòng sắt đá!*) Tôi đứng xo-xo, đợi một lúc rét cứng cả hàm, mình run đây-đẩy, mới sẽ bò vào nằm ghé bên chăn, bất ngờ vợ tôi lại hạ lệnh đuổi, tôi nghĩ bụng bấy giờ đã đến nửa đêm, nói lôi-thôi tất là nó lại lên cơn lôi-đình, khiến cho mẹ tôi nghe thấy, chỉ quệt nước mắt già, nằm không yên giấc, chỉ bằng cẫng ẩn-nhẫn xuống giường, ra ghế tràng-kỷ nằm, ngoài cửa gió tây ken-két, hơi sương lồng ngói xông vào. Than ôi! Đêm khuya gió lạnh, đệm chăn còn xuýt-xoát không yên, mình có như ai, mà có đốt xương kiệt-ngao, trằn-trọc ngẫm-nghĩ, gạt nước mắt thầm, cho đến lúc trời đông rạng-

rạng mà nước mắt đã đầm-đìa vạt áo như Giang-châu Tư-mã rồi ! . . .

Lời phê-bình. — *Những lời bà dì dặn bảo, lời lời ngậm lệ, mấy đoạn phu-nhân cười nói, khúc-khúc ngậm cười thật như nước lửa trái nhau, lạnh nồng khác hẳn.*

Ghen giết chết mèo, thật đáng phì cười, rõ-ràng ra thói con gái nhà kiêu-quí ! mẹ già yêu con, vợ ác khinh chồng, cũng là một lạnh một nóng, vui sướng khác xa.

X. — Cúng nổi pho ng-ba

(Ngày 21 tháng 10)

Tôi vì đêm hôm qua mất ngủ, mình giá như đồng, mặt xám như chì, sạm ngắt không còn ra sắc người nữa ; cố dậy đi lần trong nhà, thấy chân dờ-dẫn, đầu váng-vất, tai ù như sấm, mắt hoa cả lên, một thoáng, trời đất quay tít, mình nhôn-nhao như vào trong nước soáy, càng thấy không sao gượng được nữa, mới nhoi vào ghế nằm yên, con hầu vào thấy hình-dạng tôi thế, hãi quá, vào gần hỏi tôi, tôi bảo lấy một ít nước gừng, con hầu ra một lát, thấy mẹ tôi bưng nước đến, lo sạm cả mặt, thấy tôi hỏi bệnh thế sao không ngủ lại ngồi trơ trong ghế. Nói vừa dứt lời, vợ tôi chồm dậy gầm thét rằng: « Con bà như giống thú, chăn màn sạch-sẽ của ta, đã bị nó làm rầy bẩn cả, còn bà mới sáng sớm đã lào-xào trong buồng ta, làm mất giấc tốt của người ta làm gì thế ! » Mẹ tôi ngẩn người ra chả hiểu là nói gì, thấy nó ở trên giường bước xuống, hầm-hè như hổ, trong lòng lạ quá, khẽ hỏi làm gì thế ? Vợ tôi chỉ vỗ bàn gào thét, tôi thấy thế đứng dậy nắm tay mẹ tôi đưa mắt bảo ra ngoài, không ngờ nôn ộc ngay ra, nhìn ra thuần những máu tươi cả, mẹ tôi tay run mắt trợn, vội - vàng nâng tôi vào, gần đến giường, tối tăm mặt mũi, ngã lăn bất-tỉnh nhân-sự, lâu tới năm phút đồng-hồ mới dần dần tỉnh lại, chỉ nghe thấy ồn-ồn những tiếng mẹ tôi kêu khóc, tiếng con hầu đâm thuốc, tiếng vợ tôi mắng hét rầm-rầm, mẹ tôi luống-cuống, đổ thuốc vào cổ, nghẽn không vào được. Tôi lại nghe thấy vợ tôi thét rằng: « Thành bệnh phế-lao rồi, trùng độc trong máu, truyền-nhiễm rất dữ, mà làm rây bừa cả buồng của ta, dễ muốn hãm ta vào cái chết sao ? Con hầu phải rửa mau. » Mẹ tôi nước mắt giả chan-chứa, không còn lòng nào nghĩ đến những lời nó nói nữa. Nó lại bảo con hầu vực tôi ra ngoài chái tây nằm, bảo rằng sợ dễ rồi trùng trong máu nó truyền-nhiễm ra. Con hầu nói lại với mẹ tôi, mẹ tôi chỉ gào khóc mà thôi. Tôi nghĩ bụng nó nóng nẩy như thế, tôi không ra ngoài, tất chẳng chịu nào. Thế thì mình dẫu ở lại đây, cũng khó lòng mà nằm cho yên, để cho mẹ già thêm nỗi lo buồn làm gì. Mới cố gượng dậy dắt tay mẹ tôi, mon-men vào chái tây, mẹ tôi để tôi nằm yên ở giường rồi lại vào trong buồng lấy thêm chăn đệm lại, tôi mới ngủ được yên. Mẹ tôi quên ăn quên ngủ, trông nom cho tôi mãi đến tối mới bảo tôi rằng : « Năm nay con phạm phải sao nặng, tối hôm nay mẹ đã mời được tám người thầy bùa về nhà cầu cúng rồi, con đừng lo, rồi xem cúng xong là dậy được ngay đó. » Tôi hết sức ngăn, mẹ tôi không nghe, đành mặc mẹ tôi làm thế nào thì làm. Trời mờ-mờ tối, tôi vừa chợp được một tí tỉnh dậy, sực nghe thấy nhà ngoài có tiếng người nói nhao - nhao những tiếng chuông trống thanh-la nao-bạt ầm-ỹ cả tai. Tôi nghĩ bụng tất là mẹ tôi cúng giải-hạn cho tôi. Mới được một lát, đã thấy tiếng nói rầm-rĩ, có một người thầy cúng vào chái tôi nằm, tìm cả các xó, tôi hỏi họ tìm gì ? Họ nói : « Mới rồi chúng tôi vào ăn cơm trong nhà, lúc ra thấy mất pho tượng đức Thái-thượng lão-quân và pho tượng đức Thái-ất chân-nhân,

tìm đâu cũng không thấy, hay là có đứa trẻ nghịch nào tưởng là đồ chơi, mang giấu vào đây chăng? » (*lạ thay! dễ thiên-thần mọc chân!*) Tôi nghe họ nói, buồn cười không thể nhịn được. Thầy cúng ra rồi, còn nghe thấy tiếng xôn-xao, hơn một giờ không yên, lẩm-nhẩm không biết tượng ấy đi đâu; (*Ngọc-hoàng đại-đế bắt lên giam rồi!*) hay lại vợ mình nó ghét làm rầm-rĩ nó giấu đi, cũng chả biết được. Một tí, mẹ tôi vào khóc bảo tôi rằng: «Mẹ tự-nghĩ tổ-tôn nhân-từ, có làm điều gì ác-nghiệt, mà ông trời muốn giáng vạ lớn cho nhà ta! Vừa rồi cúng giải-hạn, hai tượng thiên-thần, thoáng đã biến mất, điềm xấu đã hiện, chắc là không lành được rồi!» Tôi hết sức khuyên-giải, mẹ tôi vẫn cứ buồn rầu, đứng đờ nghĩ ngẩn, khác hẳn thói thường, (*đáng thương*), sực thấy một người thầy cúng vào nói thầm với mẹ tôi rằng: «Vừa rồi thấy con hầu lẩm-bẩm tự nói rằng: «Tội quá, tội quá!», mà phu-nhân thì đứng tựa cửa cười sằng-sặc, tôi chắc rằng có lẽ là bọn ấy lấy chứ không sai.» Mẹ tôi nghe nói, ngờ lắm, lại không dám vào hỏi căn-vặn, tôi nói thầm với mẹ tôi gọi con hầu đến, một lát mẹ tôi dắt con hầu đến, tôi ngồi dậy hỏi con hầu rằng: «Mới rồi mày thấy phu-nhân giấu tượng các thần ở trên đình màn hay ở dưới gầm giường phải nói mau.» Con hầu hốt-nhiên đỏ bừng mặt nhập-nhù thưa rằng: «Không có ở đâu cả», (*Nó nói thực đó*). Tôi nói: «Đã có đứa trông thấy kia, sao mày lại dám chối rằng không?» Con hầu nói: «Có thì có thực nhưng mà ở .....» Tôi nói: «Ở đâu?» Con hầu nói: «Ở trong thùng đái của bà tôi, còn có thể lấy ra ngoài thế nào được nữa!» Tôi nghe nói tái mặt, mẹ tôi đập tay vào cái giường kêu trời kêu đất, thầy cúng ở bên, rẫy chân kêu những «làm ác» mãi không thôi. Con hầu lại nói: «Phu-nhân dặn tôi, không được nói với ai, trái lời, thì đánh tôi chết.» Tôi bảo mày không sợ vào mau, đợi lúc nào phu-nhân không có đấy, thì xách thùng đái ra đây, không thì rồi sét đánh mày chết đấy! Con hầu sợ vội ra, một lát xách thùng đái đến, móc hai tượng thần ra cao hơn hai thước, mình vàng choi-chói. Tôi bảo đem ra ngòi rửa sạch rồi đưa cho thầy cúng, một lũ thầy cúng đều hầm-hầm nổi giận, mẹ tôi khuyên-giải mãi và hứa rằng sẽ tô lại tượng mới, bọn thầy cúng mới nguôi nguôi. Một lát sực thấy ngoài nhà ngoài có tiếng đập bàn gầm thét (*tiếng sư gầm rồi!*) rằng: «Nhà ở chứ có phải đền miếu đâu mà tượng thần đồ mã, la-liệt trong ngoài, chuông trống suốt đêm, làm người mất ngủ; lạ thay! cái nhà tai-ác này dễ sắp thành ra ổ yêu ma chắc! Lại còn sai con hầu lấy trộm thùng đái của tao ra, chúng mày đã thích cái ấy, bà có tiếc gì, xin thết cho chúng bay hết vị cam-lộ ấy!» Vừa nói vừa cầm thùng đái vẩy khắp trong nhà, như mưa dào xuống, khai thối lừng cả đàn-tràng. (*Ấy là vị đại-sĩ phân dơ đầu phật từ-bi không tiếc vị cam lộ đó!*) Bọn thầy cúng quẫn quá, nhìn nhau tái mặt, lại không nỡ để của trang-nghiêm phải dơ bẩn, kẻ thì ôm ấn thiên-sư (*pháp-bảo thứ nhất*), kẻ thì nhặt gươm giáng-quỉ, (*pháp-bảo thứ hai*), kẻ cuốn tranh thần (*pháp-bảo thứ ba*), kẻ mặc áo phép (*pháp-bảo thứ tư*), chui lẩn như chuột (*có phép-hóa ra không phép*), kẻ thì nhảy vào chum nước (*cầu-thủy-tiên đại-đế*), kẻ thì núp xuống xó bếp, (*cầu-đông-trù tư-mệnh*), kẻ thì chạy vào buồng tôi, nép dưới gậm giường, mãi mới dám ra, kể chuyện cho mọi người biết. Mẹ tôi nghe nói ngất đi hai lần, tôi cũng rùng mình sởn tóc, đợi mãi mới thấy yên. Bọn thầy cúng không dám ở lại nữa, mang các đồ trang-nghiêm đi. Mẹ tôi khóc bảo tôi rằng: «Già này ra đời

bảy - mươi năm trời nay chưa nghe thấy thiên-hạ có ai như thế bao giờ, làm bao nhiêu tội, rồi đây nhà ta tan-nát về tay nó hết chứ không lâu! Già này chết chả tiếc chi, con còn đang độ đầu xanh tuổi trẻ, biết tính làm sao! Trước chỉ nghĩ sai một chút, không lấy Thu-Tần, dẫn chó sói về nhà, (*ấy là dẫn sư-tử về nhà*), là lỗi của mẹ. Thôi! mẹ làm lầm con! mẹ làm lầm con! » Vừa nói vừa khóc, tôi cũng xùi-xụt nức-nở, cố yên-ủi mẹ tôi mãi mới hơi yên. Rón chân nghe nhà ngoài yên lặng, mẹ tôi mới dám ra ngoài chái, thu nhặt đồ thừa, một thoáng lại vào, gieo mình kêu khóc rằng: « Pho tượng đức Bạch-y Quan-âm của già nàng nương nhờ dưới bóng đã hai ba mươi năm trời nay, vẫn yên chỉ ở trên ban trong nhà, mà nay đã tan tành rồi! Nhà giữa khai thối rức mũi, khám thờ trên bệ đồ nát dử, thần-chủ bỏ ngâm thùng nước đái, tranh ảnh đức Đông-trù tư-mệnh thờ ở trước bếp cũng xé tan-tành cả, thôi thế là nhà ta tan sạch, già này quyết liều cái thân bảy-mươi tuổi này đi không muốn sống làm gì nữa. » Vừa nói vừa đập đầu vào vách, vách rung động cả, tôi dẫy gối vội dậy ôm lấy, trán máu chảy tràn mặt, lòng tôi đau như cắt, ôm nhau khóc mất cả tiếng. Nửa đêm mẹ tôi mới im tiếng khóc, tôi quên cả ốm đau, đưa mẹ tôi vào trong ngủ, một phen tai-vạ gia-đình như nước chảy hoa trôi!

Lời phê-bình. — *Phu-nhân thật tâm gan sắt đá, chồng ốm gần chết, còn đuổi ra ngoài, người dưng còn chả ai nỡ nữa là vợ chồng ân-ái ư?*

Mấy câu học lỏm được của các nhà vệ-sinh, gặp ngay dịp may đem ra diễn-thuyết, thật là dởm quá!

Mẫu-tử tình thâm, ngờ đâu thành ra thảm-kịch, sinh ra lắm nỗi éo-le, thật không ai có ngờ đến. Thầy cũng tự-nhiên bị khổ, xem đến thật phi buồn cười!

Mê-tín đồng bóng quỉ-thần, cũng là cái ác-tập, song đức Khổng ngài đã dạy: « Quỉ thần nên kính mà xa đi! » Việc gì phải bạo-hành như vậy, nghĩ cũng ghê mình!

XI. — Kim vàng thích chữ

(Ngày 1 tháng 11)

Bệnh vừa mới khỏi, mọi sự chân-chường, dằng-dặc ngày dài, chỉ một mẹ già săn-sóc, nghĩ tới ngày hôm nọ, cúng nồi phong-ba, trống ngực còn đánh thình-thịch. Mẹ già khổ-tâm tư-lự, cho rằng vợ chồng tôi bất-hòa, không phải là hạnh-phúc gia-đình, bất-đắc-dĩ sai người đến sẽ bảo mẹ nó, mẹ nó tính rất hiền-lành, thấy mời liền lại ngay nhà tôi, trước còn nói chuyện với mẹ tôi một lúc, mẹ tôi nói qua-loa sự-thể như thế. Mẹ vợ tôi nổi giận đùng-đùng, sai con hầu gọi vợ tôi vào chái tây, mãi không thấy đến, mẹ vợ tôi không làm thế nào được, phải vào buồng nó, nhưng chắc cũng chỉ khuyên bảo qua-loa thôi! Mãi đến xế chiều, mẹ vợ tôi mới gọi tôi vào buồng, mẹ tôi đưa tôi mãi đến cửa, định vào lại lùi ra, rụt-rè hai ba lần không quyết, đến lúc vào đến nơi, mẹ vợ tôi nói: « Vợ chồng bất-hòa, mấy nhà ai khỏi, hôm nay già này khuyên-giải là lần thứ nhất, con tôi nó có lỗi gì, anh cũng nên hàm - nhẫn (*nói khéo*); sự trước chắc cũng là vì cả đôi làm nên, (*liên lụy cả chú rể, oan thay!*), hôm nay người cồi đây ở tay người buộc, nghe lời già này lại bắt tay xin lỗi nó trước, gọi nó là người yêu của ta, thì cái ái-tình vợ chồng lại khôi-phục được hết, (*nói khéo*), thế chả phải là một sự thú ư? Anh làm ngay đi! làm ngay đi! » Tôi trông nó dựa ngả trên ghế tréo, tay cầm một quyển tiểu-thuyết, mắt nhìn trông-trọc, nhân nghĩ bụng bà nhạc mình vốn là người chủ về sự hòa-bình, lại là người giải-hòa lần thứ nhất, vợ chồng mình bất-hòa với nhau mãi,

cũng không phải là kế lâu dài, sao bằng thừa cơ-hội này, cẵng nghe lời mẹ vợ. Nghĩ đoạn, lại gần trước mặt vợ tôi, vái một cái, vợ tôi làm thinh, không nói gì, tôi lại cầm tay vợ tôi gọi luôn ba tiếng : « Người yêu của tôi ». Vợ tôi mới bỏ quyển tiểu-thuyết ở tay ra, ngồi vểnh mặt bảo tôi rằng : « Từ nay trở đi anh đã biết tay gái này chưa ? Phải biết rằng gái này ghét nhất là cái tính mê-tín của người Tàu mà..... Ma ở người mà ra, lũ ngu-si tin mãi, gia-đình vì thế nghiêng đổ suy-đồi, gái này đã muốn trách người, có lẽ nào mình lại mê-tín trước. Mình đã bất-chính, còn bảo người ta chính thế nào được. Anh là người có học, thử nghĩ mà xem, gái này sở-dĩ đem mình ra làm phép trước, là muốn làm cái gương cách-mệnh gia-đình buổi đầu tiên mà thôi ! Từ rầy trở đi, anh mà chịu khuôn-phép tôi, thì phải thôi đi. » Tôi nghe nó nói lạ-lùng đáng sợ, chỉ vâng vâng rằng phải, y như quan bé yết-kiến quan lớn hồi nhà Thanh trước ; nhưng nghĩ ra bất-qua nhuốc-nhơ một lúc, lại không có ai biết, làm như vậy cũng chẳng hại gì là kẻ trượng-phu ! (*Nhờ có cái mặt dầy lại tưởng nghĩ như thế !*) Tôi nói dứt lời, mẹ vợ tôi liền mỉm cười bảo rằng : « Công-tử thật là bậc đại-trượng-phu, biết co biết ruỗi, không có như những kẻ ngu - phu, chẳng biết cái gì, chỉ giơ đầu bò thôi ! Phải biết rằng cái thói đầu bò đầu bướu, không phải là cách có thể thi ở trong chốn khuê-phòng được đâu, chỉ chịu thiệt mà thôi ! » Nói dứt lời đứng dậy từ-biệt ra, nét cười tủm-tỉm ! Tôi tiễn chân ra ngoài cổng, gặp mẹ tôi, nét mặt cũng ra ý mừng, (*thật hệt thái-độ bà lão hiền lành,*) lòng tôi mới yên. Ăn cơm trưa rồi, mẹ tôi bảo rằng : « Mình mới ốm khỏi, nên chơi cho khuây-khỏa. » Tôi mới sang nhà Trương-ông bên hàng xóm chơi một lúc, vừa gặp bọn đàn bà trẻ con họ đang đánh thăng-quan, thua được bao nhiêu đẹt tay thật mạnh, ran động cả nhà, cũng là một sự vui trong gia-đình vậy. Tôi nhân lúc nhàn rỗi, cũng vào cuộc chơi chát, sóc vụng thua to, bàn tay sưng húp ; (*tự kiếm miếng khổ mà ăn, ấy mới là đau soàng !*) lại đặt liều năm chục đẹt, định cầu may rủi, ruỗi tay cầm ống sóc, còn đang lách-tách, hốt-nhiên thấy trong đám người đông có một người thò một cánh tay xuyến kim-cương lấp-lánh da trắng ngọc trắng ngà vào nắm chặt lấy tay tôi, (*đất bằng nổi sóng, lạ thật !*) mọi người đều thất-sắc, ghé mắt nhìn ngơ-ngác. Tôi nhìn ra người nắm tay tôi không phải là ai, chính là bà vợ tôi, đưa mắt lườm tôi, tôi sợ vỡ mật. Vợ tôi một tay đập tan hộp sắc mà miệng thì thét rằng : « Chà ! ta lầm tin rằng đây là nhà thanh-bạch, ai biết đâu là một sòng cờ bạc ngầm, hôm nay bị ta bắt quả-tang đây nhé, đã thế lại còn rủ-rê người nhà người ta vào cuộc, dễ muốn dử hết tiền-nong của người, đến khi đã cùng kiệt rồi, ta chắc là chúng bay lại định tâm dòm nom cả đồ-đạc trong hòm ta nữa đây ? (*Ngọn lưỡi gớm thật ! ngậm máu phun người !*) Ta có phải như ai đâu, chúng bay chắc là chưa biết hẳn, nay mới biết lộng-xảo thành vụng nhé ! » Nói rồi cười nhạt như cú rúc, đàn bà con gái nhà láng-giềng, chả còn hiểu ý lời nói là thế nào, (*lời phu-nhân nói phải có thông-ngôn dịch mới được, không thì chỉ như đàn gẩy tai trâu mà thôi !*), chỉ nhìn thấy tướng-mạo hung-ác, thì đều sợ hãi bỏ mặc nhà chủ lủi ra ngoài hết. Vợ tôi lại đập bàn gầm thét, rung cả kèo cột mà rằng : « Người nhà đâu ra đây, lên quan mau ! » chúng đều ẩn núp sạch. Vợ tôi liền đem những đồ đèn đỉnh đồng-hồ bày ở gian giữa, quẳng ra sân hết, (*lại cách-mệnh cả gia-đình người khác !*) tiếng vang cả xóm, người nào đi qua đường nghé mắt dòm khe cửa vào, trông thấy oai cái, ai nấy đều

nín thít không dám nói gì. Vợ tôi phá hết đồ rồi, nắm cánh tôi lôi ra như là dắt con trẻ, những người dòm trộm ở ngoài cửa, thấy oai-phong ấy đều chạy xa mấy trăm thước chưa dám dừng bước. Vợ tôi lôi tôi vào trong buồng rồi đóng cửa lại, trói giặt cánh khỉ vào chân giường, không còn nhúc-nhích được một chút, bấy giờ tôi xuống gối quì dài, xin mãi không tha. Vợ tôi ngồi bên giường vừa thở hồn-hển vừa mắng rằng: « Mới nháy mắt đã lần sang nhà khác đánh bạc, định làm mất cả đồ tư-trang của ta ư? Hôm nay bị ta bắt được, còn cãi được nữa không? » Tôi không dám cãi-cọ gì, chỉ nói rằng: « Tôi sợ mình như cọp, còn dám cờ bạc gì! » Vợ tôi nói: « Không đánh bạc, sao lại cầm con sắc vào trong tay, sáu con sắc hiện còn đây, dễ ta vu cho ư! (*trăm miệng khôn cãi được*), đã sợ ta sao lại còn dám như thế, nếu không sợ thì ba gian nhà bẹp này đã dỡ từ bao giờ rồi! To gan thật, dám dập ruồi ở đầu hổ à? Ta cũng hỏi, vì cớ gì mà cứ khuất mắt một tí là quên ngay cái sợ? Ở dưới lệnh phòng the thì rụt-rè như chuột, đến trong nhà người khác thì vùng-vẫy như rồng, thế thật là đáng buồn cười quá! » Tôi không còn lấy lẽ gì mà nói được nữa, mới xụt-xùi xin tha mà rằng: « Từ nay trở đi không dám quên cái sợ nữa. » Vợ tôi cười nhạt nói rằng: « Ai tin được, ta không thể theo luôn cạnh mình được, chỉ có một cách này làm là không có ngại gì, mà đến chết cũng không quên sợ được. » Tôi hỏi rằng: « Dùng phép gì? » Vợ tôi chỉ cười nhạt không nói gì, đi đốt lò than, lửa đỏ hồng-hồng hình như ganh đẹp với đôi má hồng của vợ tôi. Than đỏ thấu, rút cái kim vàng cài mái tóc ra đút vào trong lò than; tôi cũng chưa biết là làm cái gì, một lát kim vàng đỏ chon-chót, vợ tôi lấy bông lót tay cầm lấy một đầu, hết sức đè tay tôi thích mạnh vào mu bàn tay hơn ba chục cái, đau buốt tim gan. Tôi ngất đi luôn mấy lần, đến lúc thích xong, nước mắt chứa-chan, chân tay run-rẩy, mồ-hôi khắp người, thở hộc như bò, nhìn xem mu tay máu thịt bê-bết, thảm không nỡ nhìn. Vợ tôi mới buông tay gọi con hầu mang dấm-thanh và điện-thanh đến, con hầu đi một hồi lâu mới đến, liền sai lau sạch máu đi, hòa dấm-thanh với điện-thanh bôi vào mu tay hai ba lần, rồi lấy vải bông bọc kỹ rồi nói rằng: « Từ nay trở đi, đến chết không quên được cái sợ nữa nhé? » Bấy giờ tôi sợ mất cả vía, bất-tỉnh nhân-sự. Vợ tôi sai con hầu đổ nước gừng vào, tôi mới tỉnh dậy, thấy cồi trói rồi mới nhoi vào giường nằm, ốm năm đêm ngày mới khỏi, mở vải buộc ra xem, sưng bươu như cái chén úp, nhìn một cái mà rùng mình, vừa nửa tháng trời, kiêng đồ tanh béo mới khỏi sưng. Vợ tôi nắm tay tôi, cởi vải bọc ra, bóc máu dính đi, hình như nét chữ, lấy nước rửa sạch, lại càng rõ tỏ, nhìn kỹ thì là một chữ « *sợ* » to hơn một tấc, nét bút tinh-kỳ, (*công-phu tập chữ của phu-nhân kết-quả*), tỏ sắc điện-thanh, không bao giờ rửa sạch được nữa! Liếc nhìn vợ tôi có dáng mừng mà tôi thì hai hàng nước mắt đã bành mi mắt mà dàn ra, (*đau lòng thảm mắt đến như thế!*). Vợ tôi mắng rằng: « Có phải trẻ con đâu mà khóc-lóc mãi, có hiểu nghĩa câu phương-ngôn: *Nếm được mùi cay đắng, mới nên người*, không? » Tôi gạt nước mắt nức-nở không nói được nữa. Vợ tôi lại nói: « Từ nay có làm cái gì nên coi kỹ đấy, thì ngõ hầu mới không quên sự sợ ta nhé! » (*Tôn chỉ thích chữ!*) Nói rồi cả cười, sực thấy tiếng mẹ tôi gọi tôi ra hỏi, mới nín khóc, lau sạch nước mắt, sủ tay bước ra, mẹ tôi thấy tôi đã khỏi hẳn, vui cười hỉ-hả hỏi rằng: « Con ăn có khỏe không? Muốn ăn đồ

ăn ngon không?» Tôi đổi nét mặt cười thưa rằng: « Không cần lắm». Mẹ tôi thấy tôi run-rẩy, lật-đật hỏi rằng: «Có rét không mà mình mẩy run nẩy thế?» Vừa nói vừa thò cái bàn tay da cóc ra định nắm tay tôi, tôi vội-vàng chìa tay phải ra đỡ lấy, vì rằng chữ thích ở bên tay trái. thò ra sợ mẹ tôi trông thấy lại hỏi căn-vặn vậy. Mẹ tôi cầm tay tôi nói rằng: «Tay con giá như đồng, nên lấy áo mặc thêm đi.» Tôi vâng lời quay mình vào buồng, mẹ tôi còn nhìn theo tôi mãi. Ôi! giá vừa rồi mẹ tôi thấy chữ thích ấy thì không biết đến thế nào! Người xưa dạy rằng: «Mình mẩy tóc da, là thể sót của cha mẹ, không dám tàn-hại,» tôi lấy gì mà yên-ủi tấm lòng mẹ già đây! (*May bác lại còn tưởng đến đó*). Tôi nghĩ đến nông-nỗi ấy, thấy trong lòng đau-đớn chán-nản, không nỡ nghĩ lại nữa, cầm bút chép chuyện, tay vẫn lập-cập không yên.....

Lời phê-bình. — *Kim vàng thích chữ, lối Nhạc-mẫu xưa, một là mẹ hiền con hiếu, một là vợ ác chồng hèn, xét kỹ xưa nay, mới là hai bận. Một là thích ở lưng rằng* : « tận-trung báo-quốc », *một là thích ở tay rằng* : « *sợ* », *thật là nghìn xưa ít có, không sự gì là chẳng có đôi, ghê thay! Có người nói rằng thế thì phu-nhân sao không ăn cắp ngay văn-chương cũ thích ngay rằng*: « tận trung báo-thể », *có thú-vị trực-tiệt hơn nhiều không? Chao ôi! Nếu như lời bác, thì những bọn chồng hèn nhát ấy vứt đâu cho hết được. Khách phải phì cười.*

Viết vào vạt áo, còn sợ nhãng quên, cho nên phu-nhân công-nhiên nghĩ ra diệu-pháp ấy mà thực-hành ngay. Như thế thì bác chồng hèn nhát kia nhất-cử nhất-động, không lúc nào là không có phu-nhân ở bên mình. Có kẻ nói rằng đó là bắt-chước cái ý: kiến-canh kiến-tương (1) *của các thánh đời xưa đấy! Than ôi, thảm thay!*

(*Còn nữa*)

LẠC - KHỔ *dịch*

---

(1) Vua Thuấn mến đức vua Nghiêu như là ăn cơm thì thấy ở bát canh, đứng thì thấy ở ngay bức tường.

TIỂU-THUYẾT

CHỒNG TÔI

Phong-lưu diễm-sử

(Tiểu-thuyết Tau *Dư chi phu* 余之夫 của TỪ TRẦM-Á)

VIII

CHƯƠNG THỨ MƯỜI LĂM

Vì tật-bệnh thiếu người xem cảnh mai-viên,
Gặp mấy mưa dạp gió về nơi biệt-thự.

Đêm hôm ấy, chợt có một trận mưa to, mưa đến ba ngày mới thôi, trong biệt-thự chốn nào chốn ấy nước chứa thành ngòi. Trúc-sĩ với Tiếu-Sơn mấy ngày không ra khỏi cửa, cùng nằm với nhau một giường, nghe tiếng mưa lác-đác, cũng không buồn-bã gì cho lắm. Đến ngày thứ ba, mưa tạnh trời sáng, Mi-quân liền tự thành đi ra, lại thăm Trúc-sĩ Tiếu-Sơn. Mi-quân bắt đầu nói rằng: « Mới rồi bác mời đến dự yến, tôi vì bận việc không đến dự được, định ngày hôm sau đến, có lời tứ-tạ, nhân thưởng hoa sen một thề. Chẳng hay trời khéo trêu người, mưa liên-miên mãi, không thể đi được. Mấy hôm ấy tôi dường như người ốm, một là vì độc-tọa buồn-tênh, hai là vì sợ cái hoa lạ ấy bị phong-xuy vũ-đả, khác nào như áng mây thụy hiện ra một cái rồi lại biến đi, hận rằng mình kém bề nhãn-phúc. » — Trúc-sĩ nói rằng: « Bác không phải lo về sự đêm qua mưa, tôi đã sớm sai đứa viên-đinh mạo-vũ ra tận giữa ao cắm rào trúc che là tranh để bảo-hộ cho đóa hoa. Nay bỏ cái rào đi, thì hoa vẫn y-nhiên tươi-tốt, lại thấy sán-lạn khác thường. » Trúc-sĩ liền dẫn Mi-quân đến chỗ Lăng-ba-tạ, trỏ cho Mi-quân xem, thì đóa hoa lừng-lững đứng ngay thẳng ở giữa ao, cao có thể ngang trán người, bóng mặt trời chiếu vào, càng thấy sáng đẹp lạ mắt. Mi-quân bất-giác lắc đầu vỗ tay khen lạ. Ba người đương đứng nhàn-đàm, chợt tên Tảo-hoa chạy lại bảo rằng Hạc-hồn-quán có thư đưa lại, Trúc-sĩ liền mở ra xem. Nguyên-lai Tử-Dã có ước hẹn đến ngày hai-mươi tháng này đi chơi núi Bảo-nhạc cùng xem cảnh lục-mai, và dặn chuyền-ước cho Tiếu-Sơn và Mi-quân cùng đi. Trúc-sĩ xem thư xong, cười khanh-khách, đối với hai người nói rằng: « Lão ấy hứng-thú vẫn thấy hăng lắm, chúng ta lại quên mất cảnh ấy nhỉ? » — Mi-quân nói rằng: « Xem cảnh lục-mai ở Bảo-nhạc chính thích-hợp về lúc bây giờ, chẳng có bác ấy đề-khởi, dễ ai tưởng đến được, chúng ta không nên cô-phụ một đoạn thanh-du ấy. » — Tiếu-Sơn nhân hỏi núi Bảo-nhạc ở địa-phương nào. — Trúc-sĩ nói rằng: « Cách đây chẳng qua độ vài mươi dặm, đi thuyền đi xe đều tiện cả. Chốn ấy nguyên có cái danh-viên, gọi là Dương-tầy-viên, trong vườn trồng thứ lục-mai, đến vài ba trăm gốc, cứ về giữa tuần tháng năm là thời-kỳ lục-mai kết-quả, khách du-quan đi tấp-nập ở trên đường. Phụ-cận lại có chùa là chùa Bảo-nham, có

dồng là đồng Tiểu-thạch, các danh-thắng nữa, đủ cung-ứng mọi đường du-lãm.» Tiểu-Sơn nghe nói, lấy làm cao-hứng lắm. Trúc-sĩ tính ngày, chỉ có hai ngày nữa, liền viết thư trả lời Tử-Dã xin y-ước. Khi ấy Trúc-sĩ mời Mi-quân ở lại cùng Tiểu-Sơn làm tiệc tiểu-diên ngọ-ẩm, đến chiều các-tán.

Đến ngày mười chín, Tử-Dã lại chỗ biệt-thự dặn-dò lại cái ước ngày hôm trước, nói rằng: « Chuyến này do một mình tôi tác-chủ, thuyền đã thuê rồi, đồ rượu đồ nhắm cũng đã chuẩn-bị hoàn-toàn, xin ước-định sáng ngày mai về khoảng giờ thìn lên thuyền. » Đến ngày hôm sau là ngày hai mươi, Trúc-sĩ còn ngủ chưa dậy, đã thấy một kẻ học-đồng tự Hạc-hồn-quán sáng sớm đem một cánh thiếp đưa lại, kể rằng: « Tôi đêm hôm qua hốt-nhiên mạo-cảm khí trời, chứng hàn-nhiệt đại-phát, không thể gượng dậy được, sự đi chơi ấy, thuyền đã thuê yên, đồ rượu cũng đã chở xuống dưới thuyền, xin các bác cứ đi, bất-tất phải chờ-đợi tôi. » Trúc-sĩ ngỏ xem, lấy làm buồn lắm, gửi lời yên-ủi, dục kẻ học-đồng chạy về. Trúc-sĩ liền đến chỗ Âu-mộng-hiên nói cho Tiểu-Sơn Mi-quân biết. Nguyên-lai Mi-quân đã dự-bị ngày nay cùng đi chơi, cho nên đêm qua nằm nghỉ lại với Tiểu-Sơn không về. Hai người nghe tin Tử-Dã có bệnh, đều vì cụt hứng. Duy thuyền với rượu và mọi đồ đi chơi đã hiện-thành, không lẽ lại thôi. Khi ấy ba người lạo-thảo ăn cơm sớm, nắm tay nhau đi ra, tên Tảo-hoa của Trúc sĩ đi theo hầu. Sắp-sửa tới chỗ Tây-môn-loan, trông xa đã thấy một chiếc họa-thuyền đâu ở dưới bóng cây liễu. Tên lái-đò đứng ở đầu thuyền, lấy tay vẫy lại gọi rằng lại đó phải là ba vị bọn Chung-lão đấy không? Tên Tảo-hoa đáp rằng phải. Tên lái-đò rằng: « Thì-khắc đã trưa rồi, thỉnh chư-lão xuống thuyền. » Bọn Trúc-sĩ thứ-đệ xuống thuyền, xem trong khoang thuyền thì cực rộng cực sáng, lái-đò tức-khắc cởi giây khai-hành. Được một lúc, thuyền bơi chở qua chỗ Tam-kiều, chỗ ấy là chỗ xem hội thuyền rồng ngày nọ: trước sao náo-nhiệt, giờ sao thanh-quang! Ba người ngồi ở trong thuyền, bàn nói sự tình Tử-Dã. Trúc-sĩ thở dài than rằng: « Thiên-hạ-sự thật là không thể nào liệu trước được. Như sự ngày nay, nguyên là tự bác Tử-Dã phát-khởi, cao-hứng đường nào, tự mình lại đảm-nhiệm làm đông-đạo chủ-nhân, thế mà tới kỳ lại sinh-xuất ra sự tật-bệnh. Bọn chúng ta ngày nay chút-đỉnh họp mặt, thiếu mất một vị chủ-nhân, thật là tịch-mịch quá nỗi. » — Mi-quân nói rằng: « Thế mới biết nhân-sinh sự tụ-tán, đều có thiên-định, không phải là nhân-lực miễn-cưỡng mà được. » Khi ấy một lối thủy-lộ, được luồng gió đưa, sóng nước gợn lên, thuyền đi lại thêm khinh-khoái. Các người trong thuyền, đương lúc khổ-muộn, được trận khinh-phong ấy thổi quạt, vậy sướng-thích được phần nhiều. Ba người bàn-bàn nói-nói, bất-giác đã đến chỗ Bảo-nham. Tên Tảo-hoa trỏ bảo lái đò ghé thuyền vào đậu ở dưới bóng dặng cây. Mi-quân bắt đầu nhảy lên bờ trước, Tiểu-Sơn Trúc-sĩ cùng Tảo-hoa nối gót lên sau. Ba người khi ấy đăng-lâm, đều là người hay thám cảnh u, tìm cảnh thắng, phút-chốc đã đến chỗ Lục-mai-viên. Các người ở mé ngoài xa trông, đã xem thấy trong khóm muôn vàn cây biếc, điểm-xuyết rất nhiều sắc vàng sắc đỏ tươi đẹp, đích là sắc quả mai, lại thêm bóng núi sắc nước nhấp-nhoáng bốn bên, thực như khiến người vào xem bức họa-đồ, không phải cõi trần vậy. Tiểu-Sơn than khen rằng: « Thật là chân-hảo cảnh-sắc, mắt chưa từng coi! » — Trúc-sĩ cười nói rằng: « Chưa vào đến nơi, mà đã vội thưởng-thức, chẳng hiềm sớm

quá đấy ư » — Tiếu - Sơn nói rằng: «Không phải lẽ thế, phàm đi du-lãm các cảnh-vật, hay nhất là ở chốn xa liếc trông, có thể đem cả toàn-bộ của cảnh-vật, thu-thập vào trong cõi mắt. Khi đó, một bàu cảnh-vật, bộ-vị nó phối-hợp, sắc-tướng nó trình-hiện, ẩn-lộ bao-la, sẽ có cái chốn kỳ-diệu về bề điềm-nhiễm. Nếu cái thân đi đến tận nơi, con mắt như vào đám khói bụi, thì sở-kiến được bao nhiêu.» — Trúc-sĩ, Mi-quân đều gật đầu nói rằng: « Lời ấy không phải là người lịch-duyệt về nghề du-lãm, không nói ra được, chúng tôi xin kính-phục bác.» Ba người vừa đi vừa nói, đã tiến đến trong vườn, ở dưới bóng lục-mai, chốn nào chốn ấy, đều đi dạo một hồi. Sai tên Tảo-hoa nói với người quản vườn, mua lấy một số khá nhiều quả mai, dùng cái bì to đựng vào, truyền đem chở xuống dưới thuyền. Lại người nào người ấy lấy một số ít quả mai đựng vào cái túi nhỏ, đeo ở cánh tay, vừa đi vừa nếm vị mới. Ba người khi ấy đi mỏi, miệng khát, dùng quả mai ấy để giải khát, quả-nhiên thấy chua ngọt ngon nhuận, khả-khẩu khác thường. Rồi dủng-dỉnh ra khỏi chỗ mai-viên, lại đến dạo chơi chùa Bảo-nham. Chùa ấy tuy không lớn gì cho lắm, nhưng có bề u-nhã và khiết-tĩnh. Người tự-tăng là Pháp-Minh vốn quen biết Mi-quân, Trúc-sĩ, chiều-lệ ra thù-tiếp một chốc. Ba người mỗi người ngồi uống một chén trà thanh-tâm của nhà chùa, rồi đứng dậy cáo-từ đi ra. Lúc ấy thì-khắc đã đúng ngọ, ba người trong bụng đều thấy đói, mới sai tên Tảo-hoa chạy về thuyền trước, ba người đi thong-thả về sau. Về đến thuyền thì mâm bàn chén đũa và các đồ rượu đều đã bày đặt chỉnh-tề, ba người liền ngồi xuống, bắt đầu đem quả mai ra làm đồ nhắm rượu.

Trong khi tiệc rượu, Mi-quân ngâm-ngùi nói rằng: « Thiên-hạ-sự thường-thường có người họ Trương khắc-khổ kinh-doanh, lại để cho người họ Lý được hưởng-thụ cái lạc-thú hiện-thành. Ngày nay tuy chẳng qua là cuộc tửu-bôi, nhưng ở trong cũng có cái chân-lý ấy. » — Tiếu-Sơn cầm chén rượu đầy, uống một hơi hết, đặt mạnh cái chén xuống, tỏ ra ý thê-thảm nói rằng: « Tôi tự mấy năm nay, góc bể bên trời, mênh-mang bốn cõi, biết đâu là nhà, cái đời phong-lưu của tôi, là cái đời nhất-cầm nhất-kiếm, nam-bắc ngao-du, đông-tây lãng-mạn, trong mắt trông thấy, trong tai nghe tiếng, xiết bao những sự thành-bại hưng-suy, trong bụng tôi toàn-nhiên là một khối xương-hải với tang-điền, bạch-vân với xương-cẩu. Sẽ hay nhân-sinh là mộng-ảo, thế-sự bằng phù-vân. Tôi từ nay cảng đem cái lòng danh-lợi tiêu-tán đi mười phần đủ cả mười-một phần, tôi cũng sắp-sửa thí-phát đi vào núi, không dự việc nhân-thế nữa.» — Trúc-sĩ cười nói rằng: « Hai chữ danh-lợi, vốn là cái bả độc lừa người, chúng tôi đã từng khám-phá, chẳng những bác Tiếu-Sơn. Duy bác Tiếu-Sơn tự nói rằng toan thí-phát đi vào núi, lời ấy chúng tôi chưa dám a-dua tán-thành. » — Mi-quân nghe nói, gật đầu mỉm cười. Chợt tên Tảo-hoa bưng hồ rượu lại. Tiếu-Sơn nói rằng: « Chúng ta hãng uống rượu đã, cuộc vui khó gặp, hội tốt dễ qua, hà-tất nói nhiều những điều lao-dao uất-ức, khiến giảm mất tửu-hứng đi. » Trúc-sĩ, Mi-quân đồng-thanh rằng phải. Liền cùng nhau rót chén đầy chén vơi khuyên nhau uống, uống rượu vừa được một hồi. Hay đâu thời-tiết quả mai vàng là thời-tiết mùa thịnh-hạ, khí trời chợt tạnh chợt mưa vốn không nhất-định, một vầng mặt trời đương đỏ lửng chang-chang, hốt-nhiên một trận gió thổi ngang, khởi lên một đám mây đen ở lưng trời, phút chốc trời đất tối-tăm, ý mưa muốn ầm-ầm đổ xuống. Lái thuyền vào

khoang bẩm rằng chiều trời chợt thay đổi, phải phòng-bị sự mưa to, xin các ngài cho chở thuyền đi về mau. — Trúc-sĩ nói rằng : « Khéo ông trời cũng đa sự lắm ! Ngày nay là ngày tốt thế này, mà lại đổ mưa, chẳng hay ông trời ghét gì chúng mình.» Mi-quân, Tiếu-Sơn đều cả cười. Mi-quân liền nói rằng : « Sự trời với sự người, xưa nay vẫn thường thế, chúng ta nên kíp kíp chở thuyền mau.» Lái thuyền tuân mệnh, chia bảo tay chèo tay lái hết sức bơi nhanh. Tửu-hứng của ba người khi ấy, bị một trận cuồng-phong thổi tan đi hết, liền lạo-thảo giải tiệc. May sao thế gió tuy lớn, mà trong phút lâu vẫn không thấy đổ mưa, ba người lại được thì-khắc nhàn-đàm một hồi, khoảnh-khắc đã về đến Tây-môn-loan. Mi-quân chỉ sợ trời mưa, liền lên bờ kíp-kíp cáo-biệt đi về thành. Mi-quân làm người thay mặt cho anh em lại hỏi thăm bệnh-tình Tử-Dã, và xách một túi quả mai vàng đến Hạc-hồn-quán làm đồ biểu-tặng Tử-Dã. Trúc-sĩ với Tiếu-Sơn thì kíp sai tên Tảo-hoa thu-xếp mọi thập-vật trong thuyền, liền nắm tay nhau đảo bước đi về nơi biệt-thự.

Trúc-sĩ, Tiếu-Sơn chửa về đến nhà, đi giữa đường nghe ở ngang trời ầm-ỳ như có tiếng sấm động, liền thấy một đạo điện-quang chớp nhoáng một cái thật dài. Hai người bảo nhau rằng trời đổ mưa đến nơi, liền vừa đi vừa chạy. Kịp về đến cửa chỗ Song-thê biệt-thự, chợt thấy con Minh-Thiền với con Dung-Tiên đương tới-tấp thu-nhặt mọi đồ quần-áo phơi, mà nói với nhau rằng:«Trời kia sao tệ mấy ! Ba ông hôm nay cao-hứng đi chơi gặp mưa, làm khổ bà nhà ta ở nhà cứ băn-khoăn khấn trời mãi». Khi ấy còn khuất bóng cây, hai đứa tì chửa biết hai người đã về, chỉ thu-nhặt quần áo chạy mau vào trong nhà. Trúc-sĩ nghe tiếng bật cười, Tiếu-Sơn cũng bật cười. Chợt lại nghe ở giữa trời có một tiếng sét thật to, đồng-thời lại thấy muôn giải điện-quang nhất-tề nhấp-nhoáng, khoảnh-khắc mưa xuống, thế như nước đổ, hạt mưa to bằng đầu ngón tay, gieo xuống cành cây mái nhà, lộp-độp có tiếng. Hai người bảo nhau rằng: «Chúng ta đã được phần may, chẳng hay bác Mi-quân đã về đến thành chưa ! » Nói xong, hai người đều rẽ lối ủ-té chạy vào trong nhà. Tiếu-Sơn chạy về Âu-mộng-hiên, Trúc-sĩ bắt đầu đến ngay chỗ phòng Mộng-Tương, thấy Mộng-Tương với Tam-Cô và Oán-Quyên ngồi một chỗ với nhau đương bàn-bàn nói nói. Trúc-sĩ chạy nhoáng tiến vào. Ba người thấy Trúc-sĩ, đều đứng dậy cười ầm cả lên, đồng-thanh hỏi rằng: «Ông đã bay lên được trước mưa mà về đấy ư ? Chúng tôi đương bàn nói sự các ông hào-hứng đi chơi với sự trời đổ mưa. » — Trúc-sĩ cười nói rằng: «Chỉ sai nhau một bước chân, xuýt nữa theo rồng đi lên trời làm mưa đây. » Nói xong, ngồi xuống ghế đối với ba người kể ra cảnh-vật mai-viên và sự-tình ngày nay đi chơi. Ba người đều vỗ tay cười nói một hồi lâu.

Năm ấy khi trời tự tết Đoan-ngọ về sau, nắng-nực dường như thiêu đốt. Khoảng vài ngày ấy, mưa luôn chẳng thôi, ngòi vũng chốn nào chốn ấy nước đầy chan-chứa, khí trời cũng đã hơi mát-mẻ dễ chịu. Nhưng Trúc-sĩ với Tiếu-Sơn vì đường cái bùn lầy, không đi đâu được, chỉ ở trong biệt-thự ngồi dọ buồn tênh ít ngày, lâu cũng chẳng tiếp-kiến Mi-quân, Tử-Dã. Thấm-thoắt đã đến thượng-tuần tháng sáu, chiều trời tạnh nắng, một vầng mặt trời dữ-dội, hàng ngày sớm đã hiện ra đầu mây, chốn nào chốn ấy viêm-nhiệt, người đều phiền-não. Trúc-sĩ, Tiếu-Sơn hai người cũng chẳng có cao-hứng gì, ít khi ra khỏi cửa, chỉ buổi sớm hoặc buổi chiều ra nhàn-bộ ở trên bờ ao, hoặc ở dưới bóng cây, hô-hấp lấy cái không-khí trong-sạch tươi-tốt mà thôi.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI SÁU

Thơ dưới hoa người thương-tâm hòa-lệ,
Khúc trong bệnh khách lưu - lạc cảm-hoài.

Một hôm, Mộng-Tương phu-nhân xúc-động đến tâm-sự, nói riêng với Trúc-sĩ rằng : « Tôi xem ý-tứ Nhan - Tam-muội đối với Tiếu-Sơn đã thập-phần khuynh-hướng, mà Tiếu-Sơn đối với Tam-muội tưởng cũng chẳng kém gì. Nếu chúng ta loát-hợp được hai người cho thành đôi, thì thật là tài-tử với giai-nhân, liên-châu mà hợp-bích, đó là cái trách-nhiệm vợ chồng ta. Chàng đã nhận cái trách-nhiệm trọng-đại ấy, thì không nên du-dì ngày tháng mãi, mà chẳng tiến-hành. Kéo nữa nhiều ngày sinh-xuất nhiều điều, sự ấy khó thành-tựu được. » Trúc-sĩ nói rằng : « Tôi lâu nay cũng vẫn nghĩ như thế, không phải là quên sự ấy đâu. Chỉ vì sự rối-loạn trong gia-đình Tam-Cô, khó nhất-đán thu dẹp yên được. Nên chi hằng tạm gác sự ấy, chửa tiến-hành vội. Nay phu-nhân đã nói như vậy, thì tôi đi đến tìm chơi bác Mi - quân, để thương-lượng với bác ấy về sự tiến-hành nên như thế nào, có lẽ cũng diệu. » — Mộng - Tương nói rằng : « Chàng đi ngay đi, chớ du-dì nữa. » Trúc-sĩ liền gọi con Dung - Tiên lại Âu-mộng-hiên thỉnh Giang Tiếu-Sơn mà nói rằng : « Chung-lão tôi thỉnh tiên-sinh sang, để cùng đi thăm Tề-lão. » Trúc-sĩ lại bảo Oán-Quyên xuống nhà bếp mở chạn lấy một cái mâm bằng sứ vẽ cành hoa mai, đem một thức quả ấu đựng vào đây, lại đem một chiếc lồng-bàn bằng trúc thếp nét hoa vàng đậy lên trên. Nguyên thức ấu ấy là thức thời-vật ở trong ao nhà vừa mới hái lên, để đem làm đồ biếu-tặng Mi-quân. Liền thấy Tiếu-Sơn thong-dong tiến lại. Trúc-sĩ vội-vàng tự trong cánh cửa pha-lê chạy ra đón, cười nói rằng : « Lâu nay không tiếp-kiến bác Mi-quân, nay được buổi trời tạnh ráo, chúng ta cùng đi thăm bác ấy, bác có sợ nắng không ? » — Tiếu-Sơn nói rằng : « Phải lắm ! sợ gì nắng, chúng ta cùng đi là hay lắm. » Liền gọi tên Kiếm-nô, giao cho bưng-đội mâm ấu đi theo. Khi ấy trời nắng chang - chang, ba người đi, phải đi thong-thả, vừa đi vừa nghỉ, nương-tựa vào các bóng cây ở ven đường mà đi. Lúc đi đường, Trúc-sĩ đem lời Mộng-Tương khuyên-giục kể cho Tiếu-Sơn nghe, Tiếu-Sơn trong tâm rất lấy làm cảm-khích.

Hai người vừa đi vừa nói chuyện nọ chuyện kia, kịp đi đến nhà Mi-quân, vừa mới tiến vào cửa, liền thấy tên Linh-nhi chạy ra. Tiếu-Sơn bắt đầu hỏi rằng : « Chủ-nhân có nhà hay đi vắng ? » — Linh-nhi đáp rằng : « Chủ-nhân tôi đi Tô-châu vắng ; mới rồi ở Tô-châu có thư người thân-thích đưa lại, nói có sự-tình gì khó-khăn, không một chốc giải-quyết được, chủ - nhân tôi tất phải ở đó ít ngày, mới có thể về được. » Hai người nghe nói, lấy làm buồn-ngán thất-vọng. Nhân tiện lối vào thăm qua Tử-Dã, rồi lại về nơi biệt-thự. Tiếu-Sơn tự khi về nơi biệt-thự, buồn-tênh vô-sự hơn mười ngày, chỉ buổi sớm buổi chiều thừa lúc gió mát, ở trong vườn bắt tay ra đàng sau, vòng quanh đi bách-bộ, cùng hàng cây dặng trúc và mấy hòn đá trong vườn làm bạn tiêu-sầu khiển-muộn mà thôi. Lúc ấy đã thuộc về mùa thu, khí trời hơi mát. Một hôm Trúc-sĩ đương cùng Tiếu-Sơn ở dưới bóng trúc chỗ Âu-mộng-hiên, bổ dưa thưởng vị mát. Trúc-sĩ nói lên rằng : « Nghe đâu bác Tử-Dã lại có bệnh, tưởng nên đi thăm. » Tiếu-Sơn kinh-ngạc hỏi : « Tử-Dã bệnh thế nào ? » — Trúc-sĩ nói rằng : « Tôi nghe người thầy thuốc họ Liễu nói với tôi rằng hôm qua mới đi ân-mạch cho Tử-Dã về, xét kỹ bệnh Tử-Dã vì niên-kỷ đã cao, lại thời-thường cảm-

xúc mọi mối lữ-khách cùng-sầu, thành ra cái bệnh mất lòa. Lại khi thu lạnh-lẽo đến nơi, bệnh-tình tự-nhiên mỗi ngày mỗi tiến. Chúng ta nên lại thăm bác ấy. » Hai người đương bàn bệnh-tình Tử-Dã, bỗng thấy tên Tảo-hoa tự mé ngoài đi vào, cầm một phong thư, nói rằng của Tề-tiên-sinh đưa lại. Trúc-sĩ mừng nói rằng : « Bác Mi-quân đã về rồi ! » Nói xong, mở phong thư xem, thì trong thư nói rằng : « Tôi đã tự Tô-châu về hôm qua, hôm nay thỉnh hai bác lại chơi, tự-tình sơ-khoáng. » Vắn-tắt có vài lời nói. Hai người cả mừng, liền gấp thư bỏ vào túi, tức-khắc cùng đi thăm Mi-quân.

Tiếu-Sơn Trúc-sĩ khi tiếp mặt Mi-quân, hai người hỏi qua sự-tình Tô-châu, và tinh-thần mạnh-khỏe mấy lời. Mi-quân cũng đáp qua mấy lời, rồi cười ha-hả nói rằng : « Giữa ngày hôm qua tôi về đến nhà, trong nhà hốt-nhiên phát-hiện một sự tân-kỳ rất có thú-vị ! » — Hai người kíp hỏi sự gì. — Mi-quân nói rằng : « Các bác hay chăng một cây thu-hải-đường ở trước sân nhà tôi đấy ru ? Cây hải-đường nguyên năm năm trước tự tay kẻ đàn-bà nhà tôi trồng ra. Cây ấy trong giống hải-đường lại là một giống riêng, thường khai-hoa về mùa thu, năm ấy năm khác đều ứng thời-kỳ khai-hoa, sắc vẻ kiều-diễm. Tự khi đàn-bà nhà tôi tạ-thế, cũng khả-quái cây hải-đường ấy dường như cảm ơn với người tri-kỷ, tịch-mịch ba năm trời, không khai một đóa hoa nào, chỉ cành-lá thịnh-tốt y-nhiên như cũ. Tôi nhân cái vật ấy là cái vật tâm-ái của đàn-bà nhà tôi, tôi chẳng vì cớ nó chẳng khai-hoa, mà chút để lòng khinh-dể, tôi vẫn chăm-chút vun tưới gìn-giữ kỹ-càng. Ai ngờ đến mùa thu năm nay, nó lại giống như dáng-bộ người ta ba năm hết trở, ngày ấy nó lại khai-hoa. Tôi thấy thế không khỏi lấy làm quái-dị, và có ý cảm-thương. Chiều hôm qua nhân có vẻ nguyệt sáng-tỏ, tôi một mình ngồi ở dưới bóng hoa hải-đường, bồi-hồi ngâm-thưởng, uống mấy chén rượu, làm một bài thơ thất-ngôn cổ-thể, xin đưa các bác xem qua. » Thơ rằng :

Hải-đường năm ấy năm khác hoa,
Ba năm chẳng thấy có hoa nữa.
Năm nay chợt hóng ngọn tây-phong,
Trước sân lại đượm vẻ hồng-vũ.
Ba năm chẳng hoa, hóa cớ sao ?
Hải-đường chẳng biết tâm ta khổ.
Vật mà như thử há vô-tri,
Số hoặc ngẫu-nhiên đành luận-số.
Kẻ hiên rót rượu dưới bóng trăng,
Hoa là giai-khách ta là chủ.
Xa em, kẻ cảm cảnh thù-du,
Nhớ chúa, người ngâm thơ đề-đỗ.
Nay ta thấy hoa lòng ta thương,
Thương kẻ trồng hoa hoa ở đó.
Ba năm tịch-mịch một sớm hồng,
Hoa vì ai ngậm, vì ai nở ?

Hai người xem thơ Trúc-sĩ nói rằng : « Chí-tình chí-văn, thật là lời tuyệt-diệu. » Mi-quân chẳng đợi ngỏ lời khiêm-nhún, liền dẫn hai người ra xem hoa, quả-nhiên hoa khai đỏ tươi đỏ gắt, như nhuộm như say, cành nào cành ấy, điểm-xuyết tả-tơi. Tiếu-Sơn nói rằng : « Thế này thì lạ thật ! cái hoa hải-đường này nó có hiểu với bà chị đây, vật còn như thế, người quên được sao. » Mi-quân khi ấy chỉ nín-lặng, như si như ngốc, đối với hoa phát trận rùng mình. Trúc-sĩ biết rằng Mi-quân tâm có cảm-thương, liền khuyên-giải yên-ủi mấy lời. Mi-quân hốt-nhiên nói rằng : « Hai bác đã đi thăm bác Tử-Dã chưa ? bác ấy bệnh nặng đấy. » — Trúc-sĩ nói rằng : « Chúng tôi cũng toan lại thăm bác ấy đấy, bác ấy bệnh-tình thế nào ? » — Mi-quân than rằng : « Tử-Dã vốn là người đạt-quan, không phải là vì dắc-thất cùng-đạt mà sinh ra tật-bệnh. Chỉ vì niên-kỷ đã cao, lại xử về cái cảnh-ngộ người ta không kham được. Hiện

nay lão-bệnh ở chốn tha-hương, trước mắt lại không có người thân-thích nào thị-phụng. Đương lúc thu-phong thu-vũ, cảm sao được mọi mối thu-tứ thu-tình. Tự-nhiên trong hận lại thêm hận, trên sầu lại thêm sầu, cho nên bệnh mới như thế. Ngày nay bác ấy biết tôi đã mới về, có sai người đưa cho tôi một bài, đề là *Cảm-hoài-khúc*, lời nói thê-thảm đắng-cay, mà tư-tưởng thuần-khiết. So với bài *Thu-hải-đường* thất-ngôn cổ-thể của tôi, bút-lực bút-tứ lại có phần hơn. » Hai người nghe Mi-quân nói, vội-vàng hỏi rằng: « Từ-khúc thế nào? » Mi-quân rằng: « Có nguyên-cảo ở đó. » Nói xong, liền đưa cho hai người xem. Khúc rằng:

Lá ngô rụng vách thu một bức,
Cảnh Giang-nam in sắc thanh-thu;
Quang-âm trông bóng ngựa câu,
Nhân cư làm khách Sở-tù tha-hương.
Coi thế-thái viêm-lương đã chán,
Cuộc tang-thương thêm chán sự người;
Mùi đời chua-chát ai ơi!
Chìm thời ai vớt cùng thời ai thân.
Thấy bất-nghĩa về phù-vân phú-quí,
Chén rượu suông năm ba kẻ học-đồng;
Oán trời không, trách người không,
Thân tuy lưu-lạc chí mong thánh-hiền.
Thân cùng nhục cũng nên ngậm miệng,
Nói ai hay, vậy biếng ngâm-nga;
Thôi thôi học lối cuồng-ca,
Để tiêu trong bụng năm ba khối sầu.

Tiếu-Sơn vừa xem vừa đọc lên, chữ ấy chữ khác nghe được cảm-động lòng người. Trúc-sĩ nói rằng: « Tình-cảnh bác Tử-Dã, người tráng-niên, người vong-tình còn không thể kham được, nữa là lão-niên và đa-tình như bác Tử-Dã. May bác ấy là người khoáng-đạt, lại là người chí-hạnh. Cho nên trong khúc vẫn có câu: *Thân tuy lưu-lạc chí mong thánh hiền.* Tinh-thần bác ấy còn sáng-suốt cứng-mạnh đấy, chửa đến nỗi thập-phần suy-đồi đâu. Chúng ta là bạn chí-thiết với bác ấy, nên kíp đi thăm-hỏi yên-ủi bác ấy. » Mi-quân Tiếu-Sơn cùng đáp rằng phải.

(Còn nữa)

TÙNG-VÂN *dịch*

VĂN-UYỂN

THƠ VĂN CỔ

XVII. — Đích-tử tế thứ-mẫu.(1)

Than rằng : Người không là sắt đá, hơi lửa tàn xui ngọn khói đau lòng ; tình chẳng lọ tóc da, tiếng chuông xế khiến non đồng trột dạ.

Bấy lâu phận nghĩa một nhà ; giây phút âm dương đôi ngả.

Nhớ thứ-mẫu thuở lứa đôi cầm sắt, đội sao đạp tuyết dãi niềm đan ; cùng tứ-vi ngày xẻ gánh giang-sơn, đỡ gió che sương nhờ lượng cả.

Tiền chung thóc chạ, tử tính đều vui ; đong thẳng cân bằng, hương-thôn cũng thỏa.

Những ngỡ tuổi đào qui hạc, cửa Đỗ thêm bóng liễu xum vầy ; nào ngờ vận hẹp bi xà, non Vu bỗng xe tiên vội-vã.

Ấy ai xui lòng bướm bâng-khuâng ; ấy ai khiến hồn xuân lả-tả.

Ngắm gương ngọc tan-tành nửa mảnh, đề linh-xuân thêm phai lạt mầu hoa ; trông áo lam xốc-xồi ba hàng, dậu cù-mộc cũng ủ-ê chiếc lá.

Chúng tôi nay : thấy anh em chín khúc bồi-hồi ; theo bác mẹ đôi hàng lã-chã.

Đặng thơ cao-ủy, dám rằng sầu mướn thương vay : dáng chén tảo-tần, ngõ chút ân đền nghĩa trả.

Kính bái xin hưởng.

XVIII. — Văn tế thứ-mẫu.

Nhớ thủa sắt cầm lựa ngón, mảnh duyên bình-thủy khéo xe nên ; chưng khi cù cát đua tươi, chút phận khâm-chủ đâu dám trễ.

Mực kiệm-cần sau trước nào sai ; gương kính-nghĩa tơ hào chưa mẻ.

Đoàn tì-thiếp cùng xan hương xẻ phấn, dấu thơm lừng lẫy chốn tha-hương ; họ thân-sơ cùng đỡ gió che sương, cửa phúc mở-mang nơi cố-lý.

Ba điềm hàng hủy, phụn ngọc cười hoa ; mấy nếp giang-sơn, dựng nhân gây nghĩa.

Những ước ba vạn sáu ngàn ngày canh-kỷ, vững nền phúc thọ hà âu chi ; nào ngờ bốn mươi thêm năm lẻ xuân thu, đóng cửa âm-dương sao kíp nhỉ !

Họp tan thế-cục mấy bao lường ; gây dựng gia-tình khôn xiết kể.

Khi vĩnh-quyết đeo mang tình các-ngã, chẳng rốn ít nhiều năm nữa, ân kia dầu nước biếc hãy băn-khoăn ; lúc phi-thường cách diện mặt đồng-tâm, không trao mấy chút lời chi, hận ấy suối vàng chưa thỏa-thuê.

Sửi tăm khế-khoát lúc đầy vơi ; còn trận bi-tư cơn nặng nhẹ.

Dầu kinh-bố cũng ngậm ngùi lắm nỗi, trước mặt ngày chồi quế liễu, tưởng công san hải tiếc cho người ; mà linh-xuân thêm thắc-mắc trăm phần, bên hiên rước bóng công-hầu, mất dấu trâm-thoa thương đến kẻ.

Đầu thềm hót nhớ rộn tin oanh ; trước sối khêu buồn rãy khúc dế.

Đường hàm-lộng vui-vầy cửa Mã, chênh niềm nhất-bản cháu thương bà ;

(1) Xuyến-ngọc-hầu thi văn tập. VIII — Xem Nam-Phong từ số 117.

áo vũ-xô xúng-xính sân Lai, nhìn mặt song-đường con nhớ mẹ.

Dáng tần chua xót lòng dâu; dự ngọc bẽ-bàng mặt rể.

Ôi! ngảnh lại Thanh-oai đất khách, nghìn thu mã-lạp, chín khúc viên-tràng; trở về Bạch-hạc quê nhà, một nắm cô-phần, đôi hàng giao-lệ.

XIX. — Văn tế bố vợ.

(Nghĩ hộ quan Tiến-sĩ Nguyễn)

Than rằng: Dạ đán ấy lẽ thường trời đất, bóng câu cửa sổ được bao chừng; ký qui là đường cái xưa nay, xe hạc non bồng nào mấy kẻ.

Nghĩ thôi buồn bã kiếp phù-sinh; tưởng lại trập-trờn cơn mộng-thế.

Xưa nhạc-phụ buổi đội sao giầy tuyết, phất rơi danh lợi cửa Đào Chu: buổi từ-vi cơn lọc cát giồi gương, dựng nếp giang san miền tử-lý.

Sáu phen hôn giá, nhà cửa âu đành; chín chữ cù-lao, non sông sá vì.

Trong sáu mươi bảy thu hơi tuyết nhiễm, còn mong mỏi trời vâng đất hộ, lấy sâm nhung cầm lại vóc linh-xuân; ngày ba mươi tháng một bóng trời hiu, đã mơ-màng nước chảy hoa trôi, đem râu tóc gửi về làng xích-tử.

Xầy cơ phong-vũ càng e; giở truyện gia-đình lại bẽ.

Chồi đan-quế đã sang tuần trổ quả, lác-đác đèn xanh trước gió, bước chân chiêm-hổ đỉnh non chờ; khóm yêu-đào vừa đến khoảng tuôn hoa, lôi-thôi tơ thắm dưới trăng, nước mắt vọng-phu nền đá dẫy.

Tiếng nỉ-non đỗ-vũ khóc canh hè; công gây dựng dã-chàng xe cát bể.

Ba tuần chút hương tàn rượu nhạt, khóm-nóm một đoàn bồ-liễu, trông vào trước án những tình thương; trăm năm ngừng lửa khói vàng phai, ngẩn-ngơ mấy đặng kiêm-hà, nom lại bên giường thêm mặt tẻ.

Nỗi ba-sinh dường ấy bao nài; hận thiên-cổ từ đây dõi đề.

Hai tháng tròn duyên sau còn chắp nối, phận khâm chủ trên chửa chút nhớ con; chín suối xa cửa trước lại xum-vầy, việc cân-chất dưới đành rằng có mẹ.

Lũ quần-sĩ luống những long-đong; gái ngành trưởng chút còn tấm bé.

Năm rể chia đôi đường vinh-nhục, kẻ cười rồng, người hóa hạc, ai rằng ca khóc chẳng trời du; một năm dồn hai gánh cương thường, ngày hỏi gió, tối tra trăng, mới tỏ thịnh suy là chuyện thế.

Ôi! Hoa trôi mặt nước, hồn bướm bâng-khuâng; nguyệt gác sườn non, cánh nhàn lẻ-thẻ.

Hồ-khẩu đêm chờ nơi đất khách, loảng-choảng tiếng hàn-châm nện nhặt, chênh nguồn cơn thêm quãn khúc viên-tràng; Mai-kiều ngày ngóng chốn quê nhà, lăng-băng con xuân-yến về hôm, cảm nỗi nước luống sa hàng giao-lệ.

Nay nhân: Xốc-xồi am tranh lều cỏ, rượu ba tuần dâng bụng kính lòng thành, ít nhiều thức nhạt mùi suông, văn một bức dãi trời kinh đất nghĩa.

Thương ôi cảm thay!

Khuê-tình ngâm-vọng

Trời chung cho một chữ tình,
Tình dài tình ngắn nỗi mình ai hay.
Tình duyên mà đã bén dây,
Trời kia vẫn khéo khéo hay chiều mình.
Hồ sinh ra phận bồ-kinh,
Nhân-duyên sớm đã chắc dành có nơi.
Vườn xuân chờ với ai ơi!
Hỡi người minh-bội, hỡi người mộng-lan!
Vì đâu mà bận cho cam,
Vẻ xanh lồng áo, vẻ vàng đón xiêm.
Kể chi cỏ nội hoa hèn,
Những tuồng xấu máu lại thêm đỉnh-chung.
Nghĩ mình đương chạc má hồng,
Trời xanh đâu có nỡ lòng đánh ghen.
Đêm đêm ngồi ngắm hoa đèn,
Năm ba bông nở tưởng tin-tức mình.
Vội vàng gương hộp phấn bình,
Điểm-trang gọi chút thế-tình chăng nao.

Nỗi mình mình những ước-ao,
Ong mê hoa cũ, oanh chào liễu xưa.
Gió xuân quen mặt bao giờ,
Buồng xuân sao khéo ỡm-ờ trêu ai ?
Một đêm trăng xóa ngàn mai,
Trông hoa muốn gửi một hai đoạn-
Hỏi ai là mạch thư-hương, [trăng.
Nghìn năm bia đá bảng vàng trơ trơ.
Hỏi ai thánh phú thần thơ,
Giật lèo viện cức cầm cờ đàn văn.
Hỏi ai nét bút có thần,
Công-Quyền xanh mắt, Hữu-quân giật-
[mình (1).
Hỏi ai dây gấm chén quỳnh,
Say hồn Lý Bạch, mê tình Bá-Nha.
Cõi đời còn khách tài-hoa,
Này duyên kim-cải họa là gặp nhau.
Hoa gương trăng nước một mầu,
Có chăng sực tỉnh giấc sầu chiêm bao.
Ngày xuân chưa tỏ tiêu-hao,
Càng mong tin thước, càng dào tình
[sông.
Đôi phen giở tiếng tơ đồng,
Chửa êm phúc phụng, đã trùng phím
[loan,
Đôi phen pha chén hữu-lan,
Chửa xông hương mộc, đã khan giọng
[tình.
Vui trông bóng thỏ bên mành,
Chị Hằng khi cũng với mình ở chung.
Yêu nhau phải bảo nhau cùng,
Giữ sao cho mãi má hồng được đây ?
Quả mai còn mấy trên cây,
Sao người cát-sĩ ngày nay thế mà ?
Cũng toan rón gót bước ra,
Ăn chơi cho thỏa thỏa-thỏa một phen.
Thả-hồ lá gió cành chim,
Sóng tình e những nỗi chìm thuyền-
[quyên.
Cũng toan mình gửi cửa chiền,
Đành công nằng giữ mưa gìn cho xong.
Lại e về chữ sắc không,
Sớm khuya biết tỏ tấm lòng cùng ai ?
Bâng-khuâng nghĩ lại mấy hồi,
Thôi thì thôi chẳng kẻo lời vu-quị.
Tơ-tình buộc lỏng nhau chi ?
Để thì thêm bận, dứt thì chẳng ra.
Muốn đem duyên hỏi trời già,
Liễu tơ mấy độ, đào hoa mấy kỳ.
Chữ tình là cái chi chi,
Cớ sao trăng chị gió dì lại ghen.
Hay là giá đáng thiên-kim,
Nhà vàng này hẳn duốc sen rước về.
Khóa xuân sẽ ngỏ phòng the,
Đêm thanh gió tựa trăng kề cũng vui.
Nhân-duyên đành đã có trời,
Mà tình lại muốn nặng lời với ai !

VÔ-DANH

***

Thu-dạ thuật-hoài.

Đêm thu tỉnh chén quỳnh nhạt chuốc,
Bóng Hằng-nga trông lọt trướng
[huỳnh;
Bâng-khuâng mình tưởng sự mình,
Hỏi ai xa có biết tình chăng ai ?
Sông Tô-lịch khoi ngòi thi lễ,
Cõi Thường-châu rạng vẻ cân đai :
Nếp nhà võ-giáp văn-khôi,
Tiếng thơm kể mấy mươi đời đến nay.
Dầu mặc khách vẫn xoay thế-cục,
Hoài hỏi ai quấy đục quan-hà ;
Nước non vẫn đó chưa già,
Bút nghiên vậy giữ lối nhà ngày xưa.
Nhớ từ thuở ngây-thơ chửa biết,
Trên song-đường bắt thiết vào khuôn;
Ngón tay luyện thuốc đã mòn,
Lá bồ, thẻ trúc vẫn còn hơi giây.
Lòng những sợ châu bay sông đục,
Thú vậy tìm đà học nghĩa kinh.
Long-biên một giải xanh xanh,
Cỏ cây đưa bước vân-trình từ đây.
Vườn Độc-lạc hoa bay mùi nhớ,
Cầu Thăng-tiên bút giở ra lời ;
Núi Nùng cách trở mấy mươi,
Thần-hôn riêng để cho người tử-kinh.
Hồ Kiếm-thủy trời dành thú lạ,
Ao Liên-đình sen cả mùi hương;
Nương mình được cửa đại-phương,
Đêm thu chợt tỉnh tiếng chuông giấc
Câu nghĩa-lý để trong dạ tạc, [nồng.

(1) Là người có tiếng chữ tốt.

Thói phồn-hoa những rác tai nghe;
Cười trăng cợt gió đi về,
Càng quen thuộc thói càng mê-mẩn tình.
Cũng có lúc phẩm-bình phong nguyệt,
Lại có khi điểm-suyết yên-hà;
Đôi phen vẫy ngọn bút hoa,
Thử đem mấy mặt sơn-hà vẽ chơi.
Khuôn tai mắt thợ trời đào chú,
Đường khôi-khoa lối cũ trâm-anh;
Quản chi lên thác xuống ghềnh,
Làm trai phải góp công-danh với đời.
Vườn quỳnh-uyển hoa cười mấy đóa,
Bẻ một cành cho thỏa ba-sinh;
Nào ngờ cửa Khổng sân Trình,
Khư-khư mình buộc lấy mình biết sao.
Bành thế vậy ao nghiên ruộng chữ,
Cũng mặc dầu cơm sử áo kinh.
Xinh thay một cảnh mai-đình,
Hiên tây đường cũng mất xanh ít nhiều.
Người bên cảnh đèn khêu Hướng-Tú (1),
Cảnh chiều người màn rủ Đồng-[công (2);
Tưởng phường Dương-Trần, Mã-Dung (3),
Ai ôi có biết anh-hùng gặp cơn.
Câu khiển-hứng hoa hớn kém vẻ,
Vận tiêu-sầu liễu bẽ-bàng xuân;
Cành mai mới điểm trắng ngần,
Đố ai rây được bụi trần tỉ-tỉ.
Cơ vãng-phục nhiều khi bĩ-thái,
Chồi xuân-huyên ngành lại mà kinh.
Than ôi! một khóm tử-kinh,
Hai cành ấm lạnh chia dành làm đôi.
Trách con tạo trêu ngươi chi tá,
Chẳng khoan cho ân trả nghĩa đền,
Mối sầu ai vẽ cho nên,
Hồi chuông giục gió ngọn đèn khêu trăng.
Thôi dĩ-vãng dẫu rằng khôn lại,
Này tương-lai liệu phải đền bồi;
Anh-hùng tỏ mặt trần-ai,
Họa người chín suối ngậm cười được [chăng.
Thơ Lý Bạch phải đằng nên cảo,
Phú Tương-Như lại thảo vả thiên;
Vẽ vời một cảnh điền-viên,
So vào với cảnh Võng-xuyên(4) kém nào.
Gió dương-liễu hỏi chào buổi sớm,
Trăng ngô-đồng ở-ỡm trước sân;
Xui người trên gác Lâm-xuân,
Đem dây cầm sắt lựa vần huyền-ca.
Gần phím nhạn sẽ hòa mấy khúc,
Nghe canh gà lại giục đôi phen;
Buồng riêng vẫn mặc sách đèn,
Mấy hôm mưa sớm sợ ghen ít nhiều.
Xin phần-tử (5) hãy chiều độ nữa,
Để giang-sơn trả nợ bút nghiên;
Buồm thưa kéo trục vân-yên,
Thử xem phong-vận Duy-tiên thế nào.
Trên sông Nhuệ hoa chào liễu hỏi,
Dưới rừng Sam oanh nói nhạn thưa;
Người ưa nên cảnh cũng ưa,
Sen mừng rỡ hạ, lan chờ đợi xuân.
Dong giá bút truyền-thần Ban, Mã(6),
Cuốn từng mây đọ giá Tô, Âu (7);
Chi-hồ giã-giả và câu,
Cỏ hoa xem cũng ra mầu phải duyên.
Khách cầm kiếm vừa yên-ổn chỗ,
Áng công-danh khéo dỗ-dành thôi,
Núi Sùng hàng nhạn lơi-thơi,
Nước non này để cho ai phẩm-đề.
Dòng Mã-thủy thu về ngòi bút,
Còn Long-sơn để chút vi-danh;

---

(1) Lưu-Hướng người đời nhà Hán, thắp đèn đọc sách ở trên gác.

(2) Đổng Trọng-Thư buông màn để đọc sách.

(3) Là hai người hiền đời nhà Hán.

(4) Là cảnh nhà làm ruộng.

(5) Là cây to ở đầu làng, trỏ cảnh quê hương.

(6) Ban-Cố, Tư-mã Thiên là người làm sử có tiếng ở đời nhà Hán.

(7) Tô-đông-pha, Âu-dương Tu là người hay chữ ở đời nhà Tống.

Nghĩ mình mà ngán cho mình,
Chửa xuân sao khéo bất-tình như ai.
Chốn phần-tử mỉa-mai lắm nỗi,
Cửa Vũ-môn len-lỏi nhiều phen;
Chửa cho trắng nợ sách đèn,
Theo đòi còn có con em sau này.
Mượn hỏi tá ai bày trò đối.
Kẻo xinh thay cũng hội phong-vân;
Phụ-phàng là khách hồng-quần,
Thang mây để bước mấy lần kia thôi.
Bạn đài-các ai ôi chờ mãy!
Khe gió trăng chơi lấy kẻo hoài;
Sông Lương là cảnh chiều ai,
Cả gan dám dỗ những người văn-chương.
Cảnh cồ-thụ treo gương ngọc-kính,
Suối Tam-kỳ vẽ cảnh tiêu-sơ;
Lối này tiền-biệt từ xưa,
Nào ngờ lần-thần bây giờ lại đây.
Chiều lòng khách lại bày trò cũ,
Thay mà tiên mà chủ thần hoa;
Huệ-lan sực-nức trước nhà,
Năm ba chậu cúc, một và bông mai.
Xuân mấy độ trêu người tuyết-án,
Hoa bốn mùa là bạn tiêu sầu;
Có khi bảng-lảng trời thâu,
Giở bàn thế-thích, chen bầu Lưu-lang.
Lầu minh-nguyệt hỏi phường Vương Sán (1),
Hội Lan-đình tìm bạn Hữu-quân (2);
Có khi êm-ả chiều xuân,
Lựa lời Ma-Hiệt, theo vần Thiếu-lăng (3)
Khách Bành-trạch (4) vẫn rằng đón rước,
Người Đào-nguyên cũng ước một hai;
Hơi may chợt động bên tai,
Thuần lô (5) sực nhớ đến mùi sông Tô.
Nào phải khách giang-hồ lỡ bước,
Bởi đâu ra non nước quê người;
Hỏi trăng trăng chẳng nói cười,
Trông trăng trăng lại trông người lửng-lơ.
Làng tang-tử vẫn chờ người cũ,
Khóm liễu-bồ khéo rủ năm xuân;
Bấy nay chút nghĩa Châu Trần,
Bỗng đem giữ ngọn mây Tần xa xa.
Thơ hồng-điệp sao mà cách trở,
Đường thanh-vân ai nỡ ngăn rào;
Lửa sầu càng rập càng cao,
Càng tơ-tưởng nỗi, càng ngao-ngán nhường.
Tên đã góp vào phường khoa-mục,
Áo nào hoen trong cuộc phong-trần;
Cho rằng vướng chút tơ Tần,
Mà tay tạo-hóa gỡ dần cũng ra.
Nơi lữ-trướng chan hòa lộc nước,
Bóng thiềm-quang in trước thư đường;
Biết bao là thú văn-chương,
Nghiên càng gợn sóng, bút càng tuôn mây
Đem sơn-thủy vào tay xếp đặt,
Để hóa-công tỏ mặt non già.

VÔ-DANH

THI-CA MỚI

I

Xuân-nhật tái đáo Sài-sơn.

Sài-sơn gọi nôm là chùa Thầy ở về Phủ Quốc-oai tỉnh Sơn-tây, trên đỉnh núi có chỗ gọi là chợ Giời, lại có hang Thánh-hóa là chỗ đức Thánh Từ Đạo-Hạnh hóa thân ở đấy.

Chùa xuân đưa khách đạo chùa Thầy
Mừng khách năm xưa lại tới đây;
Hang Thánh biết đâu còn vết hóa,
Chợ Giời vẫn họp đến hôm nay;
Giang-sơn chất gánh nặng càng nhẹ,
Phong nguyệt lưng hồ nhắp chửa say;
Ướm hỏi non xanh trông bạn cũ,
Rằng quen hay đã lạ nhau ngay.

---

(1) Vương Sán có làm bài phú lên lầu trông trăng. (2) Hữu-quân lập hội Lan-đình để chơi xuân.
(3) Ma-Hiệt, Thiếu-Lăng là người tài thi tài họa. (4) Ông Đào Tiềm ẩn ở Bành-trạch.
(5) Rau thuần, cá Lô là thú-vị quê nhà

II

Chơi chùa Tây-phương.

Chùa ở trên núi Câu-lậu huyện Thạch-thất tỉnh Sơn-tây, chùa làm từ đời nhà Trịnh, tượng phật cổ lắm, tương-truyền trước ông Cát Hồng tu-tiên ở đấy.

Cát-tiên tu luyện những bao giờ,
Nhớ cảnh Tây-phương dạ ngẩn ngơ;
Nhuộm vẻ tang-thương mầu tượng cũ,
Phủ rêu phong-vũ nét bia mờ;
Thương xuân khách lắng chuông kim-cổ,
Tỉnh mộng người nghe mõ sớm trưa;
Chót-vót trên non chùa với phật,
Càng trông càng nhớ Trịnh-vương xưa.

III

Qua chùa Trầm thăm động Long-tiên hoài-cổ.

Chùa Trầm ở trên núi Tử-Trầm thuộc tỉnh Hà-đông, chùa ấy quan thượng Hoàng mới tu-bổ lại đẹp lắm, gần chùa có cung chúa Trịnh, có động Long-tiên, trong động có tượng phật bằng đá, và thơ các danh-nhân đề vịnh, khắc vào vách đá rất nhiều, có bia di-tích triều Lê lâu ngày vỡ thành mảnh một.

Bước tới chùa Trầm nhận dấu xưa,
Long-tiên động cũ cảnh bây giờ;
Hương thơm đèn sáng rằm tòa phật,
Gió tập mưa xa một vách thơ;
Di-tích bia Lê tàn mảnh vụn,
Vết xe cung Trịnh phủ rêu mờ;
Non sông tô-điểm nhớ ai đó?
Nào khách qua chơi đã biết chưa?

IV

Vịnh Văn-miếu Hà-nội.

Nghìn năm văn vật cõi Thăng-long
Miếu vẫn còn đây đạo vẫn sùng;
Lê, Mạc, Lý, Trần xây dựng cũ,
Nhân, Tăng, Tư, Mạnh phối thờ chung;
Mưa Âu lai-láng trời nam bắc,
Vách Khổng trơ-vơ đất Nhị Nùng.
Nọ gác Khuê-văn bia tiến-sĩ,
Hồn văn nhường có ở đây không?

V

Đêm xuân đi thuyền chơi chùa Hương-tích.

Trạnh niềm nhớ cảnh chùa Hương,
Cùng nhau đinh ước lên đường dạo chơi;
Thanh-minh gặp buổi êm trời,
Thuyền lan thuận gió đón người du-xuân.
Châu-giang một giải kề gần,
Mái chèo tam-bản lần lần xa đưa.
Cung đàn bầu rượu túi thơ,
Trước buồm ngư-phủ lưng hồ phong-quang.
Suối khe trong vắt lồng gương,
Núi phô vẻ gấm hai hàng lô-nhô.
Thiên-nhiên một bức họa-đồ,
Đào-nguyên khi trước dễ hồ là đây.
Càng trông phong-cảnh càng say,
Non xanh nước biếc cỏ cây tươi màu.
La cho vừa đến Tiên-châu,
Lòng trần ai cũng sạch lâu như không.
Chùa ngoài bước tới chùa trong,
Biết bao cảnh-trí non Bồng xinh thay.
Hỏi thăm những gió cùng mây,
Nam-thiên-đệ-nhất động này phải chăng?
Thang mây ai khéo chỉ đàng,
Gót chân du-khách nhẹ-nhàng lên cao.
Một mình đỉnh núi cheo leo,
Bốn bên sơn-thủy thu vào mắt ta.
Tiêu-dao trong thú yên-hà,
Chim kêu vượn hót đều là tri âm.
Chuông trưa mõ sớm rầm rầm,
Tang-thương chợt tỉnh khách nằm chiêm bao.
Chùa Tiên phương khói ngạt-ngào,
Thập-phương tử-đệ ra vào nam-vô.
Núi đâu tiếng gọi cậu cô,
Võng đâu dủ-xuống cửa chùa thướt-tha

Đèo đâu tên gọi xôi gà,
Giếng đâu ai đặt hiệu là Giải-oan.
Thợ trời sao khéo đa-đoan,
Xui người trần-tục mê-man cảnh thiền.
Non xanh kia vẫn là quen,
Rừng Mai khe Yến phỉ nguyền chơi xuân.
Kiếp tu đã biết mấy lần,
Mai sau hoặc có hóa thân chăng là.
Rêu phong vách đá lờ-mờ,
Mấy thiên đề vịnh dấu xưa hãy còn.
Vầng trăng soi tỏ đầu non,
Bóng in đáy nước gương tròn long-lanh.
Con thuyền xuân thủy lênh-đênh,
Nhắc chân chợt tưởng như mình cưỡi mây.
Thú đâu bằng cái thú này,
Tranh này ai vẽ được lấy cho chưa ?
Hóa-công như vẫn đợi chờ,
Mà đưa những khách giang-hồ qua chơi.
Mấy phen vật đổi sao dời,
Dấu thiêng vẻ quí muôn đời còn đây.
Non non nước nước mây mây,
Nghìn năm phải lấy chốn này làm hơn.

Nghĩa-viên NGUYỄN VĂN-ĐÀO

Thơ đề núi và chùa Đọi (Hà-nam).

I

戊
倩 上 愛 記 李 黎 老 我 辰
我 方 觀 得 后 皇 僧 登 春
詩 間 珠 龍 眞 遺 間 貧 遊
毫 寂 水 光 身 碣 訊 禪 龍
寫 塵 夕 牛 想 磨 爲 到 隊
亦 無 陽 斗 現 鳳 盤 此 山
難。染。邊。射。環。雨。桓。山。寺

Bài dịch nôm

Tôi đây nào phải mê thiền,
Sãi già đâu gặp mới nên chuyện-trò.
Thơ Lê từng trải nắng mưa,
Còn pho tượng Lý vẻ thừa thanh-cao.
Bóng rồng ráng rạng vẻ sao,
Sông Châu xem đã xế vào tà-dương.
Cảnh này trần chẳng chút vương,
Để ai nét bút điểm-trang cho vừa.

Tuần-phủ HOÀNG THÚY-CHI

II

苦 老 黎 李 靜 空 我 山
道 僧 前 后 理 中 來 自
東 無 石 金 參 有 一 蟠
西 柰 碣 身 禪 閒 訪 龍
博 推 半 渾 怕 看 卜 臥
古 移 銷 人 客 人 蟠 碧
家。刼。磨。定。多。小。峨。波。

Bài dịch nôm

(Miễu)

Non như rồng xuống cánh chiều,
Chèo non thăm cảnh cheo-leo giữa trời.
Đoái trông nhỏ tít bóng người,
Cửa không lắm khách qua chơi cũng ồn.
Này pho tượng Lý hãy còn,
Mà Lê về trước bia mòn nét in.
Sư già cay nỗi biến-thiên,
Mong nhà bác-cổ giữ gìn với nao.

Nói

Nhân thư-thả qua chơi chùa Đọi, cảnh thanh-u mà gặp buổi êm trời. Cửa không siêu-thoát tuyệt vời, chi sá kể vật đổi sao dời qua mấy độ. Đầu bạc sư còn ôn truyện cũ, mắt xanh non dễ đợi ai đây. Làng ngựa xe mà tới cảnh am mây, cơ ứng tiếp thêm rày cho núi nhỉ. Song danh-thắng là bạn riêng văn-sĩ, có phẩm-đề sơn-thủy mới nên xinh. Cho hay là thói hữu-tình!

Phó-bảng NGUYỄN CAN-MỘNG

III

美 一 趕 出 山 李 名 碑
盡 遊 墟 世 勢 朝 藍 碣
東 獻 村 老 羣 遺 憑 連
南 勳 女 僧 龍 寺 吊 雲
會 珠 亦 猶 自 經 策 塔
衆 江 參 愛 蠟 遠 吟 倚
仙。水。禪。客。蜒。綫。鞭。天。

Bài dịch nôm

Bia lần tàng mây tháp ngất trời,
Lòng thơ lai-láng giục xe hơi :
Cảnh đã thay đổi qua triều Lý,

Rồng vẫn ngoằn-ngoèo lượn thế đời;
Đầu trọc sư còn ham chuyện mới,
Chân quê gái cũng dạo chùa chơi;
Sông Châu đang lặng mà nôn-nức,
Một bọn tiên đâu mới xuống đời.

Tú-tài Đỗ Xuân-Mẫn

DỊCH THƠ TÂY

I

L'autre jour, au fond d'un vallon,
Un serpent mordit Jean Fréron.
Que croyez-vous qu'il arriva ?
Ce fut le serpent qui creva.

VOLTAIRE

II

Posant, sur sa beauté, mon respect, comme un voile,
Je l'aime sans désir, comme on aime une étoile
Avec le sentiment qu'elle est à l'infini.

SULLY PRUD'HOMME

III

La nature t'attend dans un silence austère,
L'herbe élève à tes pieds son nuage des soirs,
Et le soupir d'adieu du soleil à la terre,
Balance les beaux lys comme des encensoirs.

ALFRED DE VIGNY

IV

Quand l'oxyde aura mis sur les plombs du vantail
Sa morsure affamée et quand le froid des givres,
Sous sa fiore enroulée aux méandres des givres,
Aura fait éclater les feuilles du vitrail;

Quand les blés jauniront les îles du corail,
Quand les émaux figés sur le galbe des cuivres
Auront été brisés par des lanquenets ivres;
Quand la lime des temps finira son travail;

Les beaux sonnets inscrits sur la stèle d'ivoire
De l'œuvre évanouie conserveront la gloire,
Afin de la narrer aux hommes qui vivront,

Et le bon ouvrier, sous le marbre des tombes,
Gardera verdoyants, au fond des catacombes,
Les lauriers que l'oubli sècherait sur son front.

CLAUDIUS POPELIN

I

Mới hôm nọ ở trong rừng vắng,
Bỗng đâu mà rắn cắn Phê-Rông.
Nọc này liệu chết ai không ?
Thôi đà chết rắn dễ hòng chết ai.
Vì chưng rắn phải nọc người !

II

Trọng cô như mạng phủ ngoài,
Yêu cô như thể mọi người yêu sao.
Biết bao là vẻ thanh-cao,
Yêu mà chỉ dám lòng nào mây mưa.

III

Nước non lưỡng những đợi chờ,
Cỏ dâng dưới gót mây đưa bóng chiều.
Mặt trời khi khuất bên đèo.
Ngạt ngào hương huệ bốc theo khi trời.

IV

Cửa kia dỉ kẽm ngậm mòn,
Kính vì sương tuyết vỡ dòn còn chi.
Ngoài song hoa tuyết rậm rì,
San-hô gò đã lửa mi vàng hoe,
Khung đồng men sứ xưa kia,
Phải quân chè chén đập ghè tan-hoang.
Cửa trời hạt đủ trăm dường,
Mà bia thơ đó vàn-chương để đời.
Biết bao sự đã qua rồi,
Còn lưu nét bút cho người nghìn thu.
Tay thơ nằm đét dưới mồ,
Cành hoa danh-giá thơm-tho hãy còn.

Nông-sơn Nguyễn Can-Mộng *dịch*

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Nước Thổ-nhĩ-kỳ mới. — Mục « Thời-đàm » kỳ trước đã nói qua về nước Thổ-nhĩ-kỳ từ khi mới duy-tân đến giờ, nghĩa là trong khoảng sáu bảy năm nay. Một nước hai ba mươi năm trước vẫn có tiếng là nhu-nhược hủ-bại, các nhà ngoại-giao Âu-châu thường tặng cho cái tên là « người ốm ở cõi Đông-Âu », mà trong khoảng không đầy mười năm biến-cải hẳn, nghiễm-nhiên thành một tân-dân-quốc đương muốn chiếm địa-vị trên chiếu liệt-cường, đó cũng là một cái hiện-tượng khiến cho chúng ta nên chú-ý vậy. Cho nên nay lại nói thêm về cận-tình nước Thổ cho tường hơn. Kỳ trước mới nói về đường kinh-tế; kỳ này nói về đường chính-trị, đường giáo-dục.

Cái công Giám-quốc MUSTAPHA KÉMAL cải-tạo nước Thổ về đường chính-trị thật là to-tát vô-cùng. Gần đây, oai-quyền ông lại lừng-lẫy lắm nữa, ông thật là tiêu-biểu cho cả nước. Kỳ tổng-tuyển-cử mới rồi, đảng bình-dân (*parti du peuple*) là đảng của ông được toàn-thắng, ông lấy tư-cách là quan Giám-quốc lại vừa là lĩnh-tụ đảng, đọc một bài diễn-thuyết dài tới mấy ngày luôn mới hết, thuật tường cái sự-nghiệp cách-mệnh duy-tân ở nước Thổ từ hồi đầu cho đến cuối kỳ quốc-hội sau cùng, xong rồi kết-luận về cái chính-sách sau này về các phương-diện phải thế nào. Cái công ông MUSTAPHA KEMAL trong việc khôi-phục độc-lập cho nước Thổ thì ai cũng đã biết là to-tát rồi, nhưng cái oai-quyền, cái ảnh-hưởng của ông trong quốc-dân sâu-xa là đường nào, thì người ngoại-quốc không thể biết cho rõ được. Nhà văn-học trứ-danh nước Thổ ngày nay, YACOUB KADRI, bình-phẩm về bài diễn-thuyết của quan Giám-quốc, nói rằng: « Không những ngài dạy cho chúng ta cải cách phải làm thế nào để cứu cho tổ-quốc lúc lâm-nguy, cải-tạo cho một quốc-gia đã đồ-địa. Ngài lại dạy cho chúng ta biết cái chủ-nghĩa quốc-gia có thể cứ theo phép dân-chủ mà thi-hành cho hoàn-toàn được. Mà không phải là nói qua-loa cho biết đại-cương mà thôi, lại nói tường-tất cho rõ từng li từng tí nữa, thật là một bài học đích-đáng. Bài diễn-thuyết này thật là cái nguồn giáo-dục cho quốc-dân về đường chính-trị, cái suối nước trong người nào uống vào đấy thì được tỉnh-tao tinh-thần và mạnh-mẽ chí-khí, đủ sức làm vẻ-vang cho tổ-quốc. Được bài diễn-thuyết này là đảng bình-dân cộng-hòa được một quyển sách chỉ-nam, quyển kinh nhật-tụng, mới đáng làm một chính-đảng lớn trong nước. » — Cứ xem trong nước đua nhau quyên tiền để in bài diễn-thuyết ấy thành sách mà phát ra khắp mọi nơi, thì biết lời văn-sĩ YACOUB KADRI nói không phải là quá-đáng vậy. Trong lịch-sử nước Thổ-nhĩ-kỳ mới, cái giá-trị bài diễn-thuyết ấy tưởng cũng không kém gì việc ba thành *Smyrne* hay việc ký ước *Lausanne* vậy.

Quốc-hội mới tuyển-cử đó là kỳ thứ ba từ khi mới lập thành Dân-quốc đến giờ. Công-cuộc của kỳ quốc-hội này là phải củng-cố cái chính-thể dân-chủ cho thật được vững-vàng và khởi-hành nhiều việc cải-cách lớn về mọi đường. Cho nên Giám-quốc kỳ này đã kén chọn kỹ những người ra ứng-cử, phần nhiều là người mới cả, hoặc là tay

chuyên-môn, hoặc là đại-biểu của các làng các chợ.

Hiện nay, dưới Giám-quốc MUSTAPHA KEMAL, thì có thủ-tướng ISMET PACHA cầm quyền Nội-các, thủ-tướng cũng là một tay chí-sĩ nhiệt-thành lắm.

Ngoài những việc cải-cách lớn về chính-trị, toàn là chủ-ý để củng-cố cái chính-thể dân-chủ cả, nước Thổ lại còn định sửa-sang chỉnh-đốn nhiều việc khác nữa; như ba việc sau này, mới xét thì tưởng là việc thường mà thật là quan-hệ vô-cùng: một là việc đặt sổ sinh-tử giá-thú theo lối Âu-Tây, và bắt người dân Thổ từ rầy biên tên tục phải biên theo cả tên họ nữa (vì người Thổ xưa nay có thói quen chỉ xưng tên tục, không xưng tên họ); hai là việc điều-tra hộ-tịch cho biết đích dân-số các hạt trong nước là bao nhiêu; ba là việc dùng mẫu-tự La-mã để viết tiếng Thổ (tức là đặt ra một lối chữ như chữ quốc-ngữ của An-Nam ta), để thoát-li hẳn cho tiếng Thổ khỏi cái quyền chuyên-chế của các cổ-văn Ba-tư và Ả-rập. — Ba việc ấy tuy có việc mới khởi-hành, có việc mới quyết-định, có việc còn nghị-luận, nhưng đều là tỏ ra cái chí duy-tân của người Thổ ngày nay. Chí ấy tóm lại trong lời tuyên-thệ của Giám-quốc MUSTAPHA-KEMAL kỳ quốc-hội vừa rồi, lời thề rằng: « Tôi là Giám-quốc nước Thổ, xin thề phải tôn-trọng và phải hộ-vệ cho pháp-luật của Dân-quốc, cho quyền chúa-tể của quốc-dân, phải hết sức trung-thành giúp cho quốc-dân được thái-bình thịnh-trị, hết sức cương-nghị giữ cho quốc-gia khỏi suy-vi nguy-hiểm, nói tóm lại là làm cho cả danh rỡ tiếng nước Thổ, cúc-cung tận-tụy làm trọn cái trách-nhiệm đã đảm-nhận ».

Trở lên là nói về đường chính-trị. Nay nói về đường giáo-dục. Luật năm 1924 gọi là luật « thống-nhất học-pháp », và luật tổ-chức giáo-dục năm 1926, đặt ra lệ « quốc-dân thông-tục giáo-dục » (*instruction nationale laïque*), nghĩa là sự giáo-dục từ nay là phổ-cập cho khắp cả quốc-dân và thoát-li hẳn ra ngoài quyền tôn-giáo. Chính-phủ Dân-quốc muốn đoạn-tuyệt quan-hệ hẳn với các cổ-tục, bèn bãi hết cả các trường *médressés*, là những trường tư-thục của bọn thầy tu dạy đạo Hồi theo lối cũ, và đặt lệ « học-đường duy-nhất », nghĩa là bậc tiểu-học chỉ có trường Nhà-nước mà thôi, duy mỗi tuần lễ còn để cho hai giờ dạy về tôn-giáo. Ở trung-học thì phần dạy tôn-giáo bỏ đi hết. Vả ngay ở tiểu-học, hai giờ dạy tôn-giáo cũng là dạy về phương-diện phổ-thông mà thôi, nghĩa là giảng về kinh *Coran* là lấy kinh ấy là gốc của quốc-văn, còn giảng về lịch-sử đứng tiên-tri *Mahomet* là lấy là một bậc vĩ-nhân trong lịch-sử chung thế-giới mà thôi, không phải thuộc về phương-diện lễ bái gì. — Chính-phủ lại chỉnh-đốn các trường Sư-phạm, và đặt trường Sư-phạm ở các làng để trực-tiếp tập lấy các thầy giáo nhà quê. — Tự năm ngoái đặt lệ bậc trung-học không mất tiền, trừ học-trò ăn ở trong trường không kể, lại còn được 15 phần 100 học-trò được lương Nhà-nước nữa. — Tiểu-học thì không mất tiền và cưỡng-bách, phàm con trẻ tự 6 tuổi phải đi học cả. Nhưng lệ này chưa thi-hành được hoàn-toàn, vì nhà trường và thầy giáo còn chưa đủ. Hiện nay nước Thổ có 8.883 trường tiểu-học, 11.766 giáo-viên và 385.455 học-trò. Sánh với Thổ-đế-quốc năm 1913-14 bờ cõi còn rộng hơn nhiều mà chỉ có 2.632 trường, 8.165 giáo-viên và 254.990 học-trò, thì mới biết ngày nay đã tấn-tới hơn trước nhiều. Chính-phủ lại đặt những nhà ký-túc-xá cho trẻ mồ-côi và con nhà nghèo ở tỉnh-thành và ở các làng: hiện nay có 39 sở vừa cho con

trai, vừa cho con gái, có 350 giáo-viên và 6580 học-trò. — Bậc trung-học chia ra hai cấp : đệ-nhất-cấp là cấp dự-bị, đệ-nhị-cấp là cấp tốt-nghiệp thi tú tài. Trường trung-học cho con trai và con gái cả thảy có 69 sở mới có đệ-nhất cấp, số học-trò là 6994, và 19 sở có cả hai cấp hoàn-toàn — trong số có 4 trường riêng cho con gái, — số học trò là 6911. Sánh với trước cũng có tấn-tới nhiều, vì cả đế-quốc Thổ năm 1913-14 chỉ có 5239 học trò các trường trung-học kiêm-bị và 1486 học-trò các trường trung-học yếu-lược mà thôi. Chương-trình học chung nhau cho đến lớp sáu thuộc đệ-nhị-cấp, rồi chia ra ban khoa-học và ban văn-học, có khoa Đông-phương-cổ-điển-học. Lại phải cưỡng-bách học một thứ tiếng ngoại-quốc (Pháp, Đức hay Anh), thường thường là tiếng Pháp nhiều người học hơn, có nhiều trường trung-học ở các tỉnh chỉ học thuần một tiếng Pháp mà thôi. — Có 21 trường tiểu-học-sư-phạm, 484 giáo-sư và 4602 học-trò, không kể trường sư-phạm các làng. — Về bậc cao-đẳng, thì ngoài trường Đại-học *Stamboul* đã được Chính-phủ cho phép tự-trị, mới đây lại lập một ban luật-học ở *Angora*, là phôi-thai ra một trường Đại-học thứ nhì ở đấy, và lập một trường Cao-đẳng Sư-phạm để dạy các giáo-sư trường trung-học, tức là phôi-thai ra một trường Đại-học thứ ba nữa ở *Konieh*. — Sánh học-chế của Dân-quốc mới với học-chế của Đế-quốc cũ khác nhau nhiều ; theo học-chế cũ thì các trường vừa dạy học-vừa dạy đạo, và chỉ dạy một hạng người trong xã-hội mà thôi ; ngày nay thời sự học là duy-nhất và phổ-thông, không chủ dạy lấy người biết thờ vua kính chúa như xưa, chỉ chủ dạy lấy kẻ công-dân có tư-cách. — Bộ Học hiện nay đương trù-tính chỉnh-đốn các trường công-nghệ và trường chuyên-môn, có cử một nhà chuyên-môn tây, ông Omer Byun, là người sáng-lập ra trường «Lao-động Đại-học» (*Université du Travail*) ở *Charleroi* (nước Tỉ) để thảo một cái chương-trình lớn về thực-nghiệp-giáo-dục. — Xét sổ dự-toán về việc học năm nay là 13 triệu *livres* Thổ, đối với năm ngoái có 9 triệu và mấy năm trước có 7 triệu. — Nói tóm lại, hiện nay Chính-phủ Thổ đương chăm về đường giáo-dục cho quốc-dân lắm, chưa làm được to hơn nữa là chỉ vì tài-chính còn chưa được dư dụ lắm, và cũng còn nhiều việc chính-trị khác cần-cấp hơn vậy.

Việc nước Tàu. Nói về vấn-đề kiều-dân Tàu ở ngoài. — Nước Tàu cứ loạn mãi, người Tàu ở trong nước khổ-sở quá, gần đây di-cư ra ngoài nhiều lắm. Xét trong tập « Nguyệt-báo về di-dân » (*Chronique mensuelle des migrations*) của Quốc-tế lao-động-cục ở *Genvèe* xuất-bản về tháng giêng năm 1928, thấy số di-dân Tàu sang địa-hạt Tân-gia-ba (*Straits Settlements*) trong khoảng năm 1926 tổng-cộng lại 348.593 người, tăng hơn năm 1925 là 62 phần trăm, thật xưa nay không có năm nào nhiều đến thế. Trong số đó ngót 73 phần trăm là đàn ông, hơn 14 phần trăm đàn bà, còn thì người già và trẻ con. Cũng trong năm 1926, số người Tàu ở Tân-gia-ba về nước có 120 308 người ; trừ đi với số trên kia thì cũng còn 228 285 người mới. Trong bọn di-dân đó có nhiều kẻ bậy-bạ, gây ra sự bạo-động làm nhiễu-loạn trật-tự ở trong các khu có người Tàu ở, cho nên quan Tổng-đốc Tân-gia-ba Sir Hugh Clifford kỳ họp hội-nghị lập-pháp ngày tháng 10 năm 1927 có tuyên-bố đặt phép nghiêm để trừng-trị, và lại định hạn-chế số di-dân Tàu.

Nhân xét về vấn-đề di-dân ở Tàu, thấy trong báo tây có một bài nói về vấn-đề ấy cũng tường, xin lược dịch ra sau này:

« Nói rằng dân Tàu đổ ra ngoài cả thì cũng khi quá, nhưng thực thì số di-dân Tàu ra ngoài mỗi ngày một nhiều. Dân những tỉnh bị nội-loạn, hoặc là ở dưới quyền bọn đốc-quân tham-lam tàn-ác, hoặc là bị các đảng thổ-phỉ bách-hại sách-nhiễu, cực-khổ quá, phải bỏ xứ mà đi không biết bao nhiêu mà kể. Đi như thế thì thường-tìm những nơi nào trong cõi Á-châu được thái-bình yên-ổn mà dễ kiếm ăn, thì đến ở đông lắm.

« Vẫn biết rằng sự di-dân này có đã lâu. Người Tàu kẻ buôn bán, người làm công, đi tha-phương cầu-thực là sự thường, và hay đến những nơi thuộc-địa của các nước Âu-châu, cho là được hưởng lợi-ích văn-minh hơn ở nước mình. Sự di-dân suốt các đất nam-phương châu Á, thì xưa nay vẫn có, duy gần đây có tăng hơn trước nhiều. Nhưng sự di-dân lên miền bắc nước Tàu thì mới tự mấy năm nay mà thôi : năm 1924 có 165.000 nông-dân Tàu lên làm ăn ở Mãn-châu ; năm 1925 thì có 306.270 người. Nhiều nhất là tự khoảng tháng 8 năm 1926 đến tháng 8 năm 1927, số di-dân lên Mãn-châu tới 900.000 người. Phần nhiều là dân các tỉnh Trực-lệ, Sơn-đông. Lên làm ăn ở Mãn-châu thì được nhiều điều tiện-lợi. Đất hoang còn nhiều, có phải mua cũng không mất mấy tí, trong xứ yên-ổn, không phải quan phiền dân nhiễu ; quan sở-tại lại giúp cho sự vận-tải, giúp cho nhà cửa để ở, hiện nay số thực-dân Tàu ở Đông-tam-tỉnh nhiều cho đến nỗi đã xâm-phạm sang đất Mông-cổ. Nhân có nhiều nhân-công như thế, nên quan sở-tại có trù các công - trình lớn để dùng lấy người, như định làm một đường xe-lửa để nối đường Kinh-Phụng (Bắc-kinh Phụng-thiên) sang tận Mông-cổ. Đường xe lửa này mà thành thì sẽ tranh mất khách của đường Nam - Mãn của Nhật - bản. Bởi thế nên chính-phủ Đông-kinh có ý lo, lại lo vì thấy người Tàu di-dân lên Đông-tam-tỉnh nhiều như thế, thì đất Mãn-châu sẽ không còn chỗ cho người Nhật đến thực-dân nữa.

« Các đất Nam-phương nhờ người Âu-châu cai-trị được bình-yên, người Tàu di-cư xuống các nơi ấy cũng nhiều dữ như thế.

« Như ở Nam-kỳ, số di-dân năm 1926 biên được 33.800 người Tàu đến, năm 1925 trước có 26.235 người. Trong năm tháng đầu năm 1927 đã được 15.719 người. Ước ra đến cuối năm 1927 thì tổng-số người Tàu ở Nam-kỳ có tới 20 vạn người Ở Tân-gia-ba thì số di-dân Tàu hằng năm lại còn dữ hơn nhiều nữa (xem số ở trên). Có một điều lạ nên chú-ý, là ở Tân-gia-ba cũng như ở Nam-kỳ, số đàn bà con trẻ Tàu đến nhiều lắm. Trong một năm có ngót 10 vạn người vừa đàn bà vừa trẻ con.

« Nước Xiêm cũng bị người Tàu tràn sang nhiều. Hiện tháng 11 năm ngoái Chính-phủ *Bangkok* đã phải đặt ra một sở di-dân để kiểm-điểm và hạn-chế bớt.

« Còn các Chính-phủ Tàu, Bắc-kinh, Nam-kinh, Quảng-đông, không những thấy dân đi ra ngoài nhiều mà không lấy làm lo, lại có ý mừng, là có cái dã-tâm mong ở các đồng-bào kiều-cư ở ngoài để vận-động với các Chính-phủ ngoại-quốc mà giữ lấy cái thanh-thế của dân-tộc Trung-hoa trên thế-giới. Người Tàu cũng biết thi-hành cái đế-quốc-chủ-nghĩa chứ không phải không.

« Gần đây Trương Tác-Lâm có tuyên-bố một đạo sắc-lệnh để bênh-vực cho người Tàu ở ngoại-dương. Yêu-cầu cho các kiều-dân Tàu được Chính-phủ các nơi đãi cho tử-tế và hết sức bảo-hộ cho ; lại đòi can-thiệp cả vào việc học của các kiều-dân nữa, muốn phái thanh-tra đi khám các trường học ở ngoại-quốc nữa. Không những thế thôi, Trương lại còn cử hẳn một người cố-vấn của mình làm ủy-viên để xem xét các việc người Tàu ở Tân-gia-ba và ở các xứ Mã-lai. Chính

ủy-viên ấy đã từng tuyên-bố rằng: « Chúng tôi muốn điều-đình cho các di-dân Tàu khỏi phải nhiều nỗi khó-khăn như bây giờ, muốn yêu-cầu cho các Chính-phủ ngoại-quốc phải đãi kiều-dân Tàu cho tử-tế ». Quyền của ủy-viên này gồm cả nước Xiêm, nên đã có đi *Bangkok* và từng tỏ ý rằng cái mục-đích của Chính-phủ Bắc-kinh là muốn trông cậy vào mấy triệu người Hoa-kiều ở cõi Nam-Á này nhiều lắm.

« Nói tóm lại thì người Tàu càng ngày càng tràn ra cả các xứ lân-cận, không đâu là không có di-dân Tàu. Đó cũng là một cái hiểm-tượng, các nước nên chú-ý vậy.»

Thời cục Tàu.—Cứ theo như điện-tín hàng ngày mà xét về cuộc Nam Bắc phân-tranh, lần trước mà quân quốc-dân chưa được thành-công, là vì quốc-dân-quân đối với ba mặt chiến-tuyến Kinh-Tuy, Kinh Hán và Tân-Phố chưa được nhất-tề động-tác mà thôi. Nhưng từ khi Tưởng Giới-Thạch hội-kiến với Phùng, Diêm ở Khai-phong (Hà-nam) thì Tưởng đã cùng với Phùng Ngọc-Tường, Diêm Tích-Sơn đã thành ra ba bề liên-lạc. Quân Phùng thì chống nhau với quân Phụng-thiên ở phía nam Trực-lệ và phía tây Sơn-đông. Quân Diêm thì chống nhau với quân Phụng-thiên ở hai cửa ải Nhạn-môn và Nương-tử. Quân Phụng-thiên phải tiếp-ứng hai mặt ấy đã khốn-nạn, thế mà nay lại thêm mặt Tân Phố có quân Tưởng Giới-Thạch kéo lên nữa, thì đường chiến-tuyến rất dài, quân Phụng-thiên cũng khó lòng mà ứng-phó cho nổi được. Gia-dĩ cái vị-trí quân Diêm Tích-Sơn ở Sơn-tây lại ở vào cạnh nách đường Kinh-Tân, thường làm khiên-chế đến hai đường Thiên-tân, Hán-khẩu, thế thì cuộc đại-chiến sau này nơi cốt-yếu tất ở những nơi Thiên-tân, Đại-cô về phía nam Trực-lệ.

Trước khi ra trận, Tưởng đã lo về cách đề-phòng ở mặt sau trận, vì còn bọn các tướng ở Quảng-tây, hiện cầm quyền ở Lưỡng-Quảng và một phần lớn về Lưỡng-Hồ. Tưởng đã biết rằng dẫu dùng binh-lực hay dùng cách khác cũng không trừ được đảng các tướng Quảng-tây (Lý Tế-Thâm, Bạch Sùng-Hy, Lý Tôn-Nhân, Hoàng Thiệu-Hùng), nên điều-đình với đảng ấy thì có lợi hơn, mà các tướng trong đảng ấy cũng không muốn công-nhiên cạnh-tranh với đảng Tưởng Giới-Thạch ở Giang-ninh, các tướng hình như muốn quay về cái chính-thể « hiệp-chúng-quốc » để cho chính-phủ trung-ương ở Nam-kinh được thêm vững-vàng, mà các tỉnh, tỉnh nào cũng được rộng quyền tự-trị, Tưởng Giới-Thạch thì làm đầu chính-phủ Nam-kinh. Vậy nên mới rồi Tưởng có điện mời Lý Tế-Thâm đến Giang-ninh để cùng hội-kiến mà điều-đình cho thỏa-hiệp, Tưởng không bàn hỏi đến cái địa-vị đặc-biệt của đảng ấy ở Lưỡng-Quảng và Lưỡng-Hồ nữa, mà các tướng ấy thì công-nhận cho chính-phủ Nam-kinh. Tưởng Giới-Thạch có lưu Lý Tế-Thâm ở lại nhận chức Tham-mưu tổng-trưởng, mà Hà Ứng-Khâm thì nhận chức thứ-trưởng của chính-phủ Nam-kinh. Lý Tế-Thâm lần này lên Giang-ninh là vì có Trần Minh-Khu hết sức điều-giải sự nghi-ngờ của Lý đối với Tưởng. Lý đã hiểu rõ, nên mới lên để tỏ lòng mình đối với chính-phủ trung-ương vẫn một lòng ái-đái như cũ.

Sau khi Tưởng hội-kiến Lý Tế-Thâm, Trần Minh-Khu rồi, sẽ lên ngay Từ-châu, việc quân ở mặt sau trận giao cho Tiền Đại-Quân và Phương Đỉnh-Ánh trông nom, phía nam sông Dương-tử do Tiền Đại-Quân chịu trách-nhiệm, phía bắc sông Dương-tử do Phương-Đỉnh-Ánh chịu trách-nhiệm.

Tưởng lại đặt ra một ban ủy-viên để coi về công việc ở mặt sau trận, đón

bọn Trương Chi-Giang, Hà Ứng-Khâm, Tiền Đại-Quân, Chu Bồi-Đức, Tưởng Tác-Tân, Hạ Diệu-Tổ, Hùng Mậu, Dương Khi, Đỗ Thâm, Trương Quần, Ngô Tảo-Hà, Du Phi-Bằng, Mục Mân, Lưu Kỷ-Văn, làm ủy-viên để cùng hội-nghị những việc quan-hệ mặt sau trận.

Tưởng hiện đã tổ-chức chỉnh-đốn lại toàn-quân cách-mệnh, về các việc quân-phí, khí-giới, phục-trang và y-dược đều hết sức chỉnh-đốn lại cả. Toàn-quân chia ra làm 50 quân-đoàn, nhân-số ước chừng 80 vạn người.

Chính-phủ Quốc-dân lại tổ-chức một đội quân hàng-không ở Từ-châu để dự vào cuộc bắc-phạt, mỗi tháng sẽ tính 25 vạn đồng để mở-mang về công cuộc hàng-không ấy.

Bộ chính-trị huấn-luyện ở Giang-ninh lại tổ-chức một đội tuyên-truyền dự vào cuộc bắc-phạt, đội-viên định là 1200 người, tổ-chức xong sẽ lên mặt trận.

Quân-phí về việc bắc-phạt dự-tính là sáu trăm vạn đồng, trước hết hãy duy-trì lấy ba tháng lương cho các đạo quân, hiện đã chi ra hai trăm vạn đồng, tỉnh Chiết-giang nộp 50 vạn đồng, tỉnh An-huy nộp 50 vạn đồng, còn thì đang trù-liệu.

Còn các mặt đem quân lên dự cuộc bắc-phạt cũng nhiều. Chu Bồi-Đức thì đem quân Giang-tây theo đường Tân-Phố tiến lên. Trình Tiềm, Bạch Sùng-Hy và các tướng Hồ-nam Hồ-bắc cũng theo đường Kinh-Hán đem quân lên. Trần Điều-Nguyên thì nhận chức chỉ-huy ở đông-lộ, đã từ An-huy đem quân lên Sơn-đông. Lục Bồi-Nam là quân-trưởng quân-đoàn thứ tư ở Quảng-đông cũng đem quân do đường Phố-khẩu kéo thẳng lên Từ-châu.

Xem thế thì cuộc chiến-tranh này sẽ là một cuộc chiến-tranh to nhất ở Trung-quốc, từ xưa chưa có bao giờ. Số quân thì nhiều, còn được thua thì quan-hệ ở cái chiến-lược như thế nào mà thôi.

Tưởng Giới-Thạch định tuyên-bố bốn bức thư có quan-hệ cho cuộc bắc-phạt như sau này:

1º Bức thư tuyên-cáo các anh em đồng-chí ở sau mặt trận, nên để ý phòng giữ các việc bạo-động;

2º Bức thư tuyên-cáo các tướng-sĩ ở mặt trận, nên cùng lòng hợp sức làm cho xong cuộc bắc-phạt;

3º Bức thư tuyên-cáo nhân-dân ở miền bắc;

4º Bức thư hiểu-dụ các quân lính ở bên địch-quân.

Bức thư thứ nhất sẽ phát ngay ở Giang-ninh. Còn bức thứ hai, thứ ba, thứ tư sẽ đem theo lên Từ-châu tuyên-bố

Các chức chủ-tịch của chính-phủ Quốc-dân. — Hội trung-ương chính-trị đã quyết-nghị cử Đàm Diên-Khải làm chủ-tịch chính-phủ Quốc-dân. Tưởng Giới-Thạch làm chủ-tịch hội trung-ương chính-trị, Lý Tế-Thâm làm chủ-tịch phân-hội chính-trị ở Quảng-châu, Lý Tôn-Nhân làm chủ-tịch phân-hội chính-trị ở Vũ-hán, Phùng Ngọc-Tường làm chủ-tịch phân-hội chính-trị ở Khai-phong, Diêm Tích-Sơn làm chủ-tịch phân-hội chính-trị ở Thái-nguyên.

Tình-thế Bắc-quân. — Quân Phụng-thiên đã quyết chỉ chuyên một mặt đánh quân Phùng Ngọc-Tường, về đường Tân-Phố hãy tạm giữ thế thủ, chú-trọng về đường Kinh Hán và phía tây Sơn-đông. Dương Vũ-Đình, Tôn Truyền-Phương, Trương Học-Lương, Trương Tôn-Xương đã cùng ra tuần-thị ở mặt trận, cuộc đại-chiến này chửa biết ra thế nào.

Có tin Quốc-dân-quân (Phùng Ngọc-Tường) và An-quốc-quân (Trương Tác-

Lâm) sắp quyết-chiến với nhau ở chỗ Thành-đô-phủ trên đường hỏa xa từ Bắc-kinh đến Hán-khẩu.

Lại có tin quân Trực-lệ và Sơn-đông vẫn giữ vững các đồn ở chung quanh Đại-doanh-phủ, và đánh đuổi quân tiên-phong của Phùng Ngọc-Tường. Phùng phải lui trên đường hỏa-xa từ Bắc-kinh đến Hán-khẩu.

Có tin Quốc-dân-quân đã khởi công-kích cả các mặt trận. Quân Sơn-tây đã đánh một trận chiếm được của quân Phụng-thiên nhiều đồn.

Tòa nội-các mới ở Bắc-kinh. — Tòa nội-các ở Bắc-kinh đã tổ-chức lại : La Văn-Cáo làm tổng-trưởng bộ ngoại-giao, Vương Ấm-Thái làm trưởng bộ tư-pháp, Lương Sĩ-Gi làm thuế-vụ đốc-biện, còn chức tổng-trưởng bộ tài-chính thì chưa định, đại-ước trong ba người là Vương Khắc-Mẫn, Trịnh Khiêm, Mạc Đức-Huệ sẽ chọn một người sung vào chức ấy.

Vân-nam. — Ở Vân-nam có tin rằng : Đạo quân thứ năm đã chiếm lấy Đại-lý-phủ, Đường Kế-Ngu bị nguy, Đường Kế-Lân đã nhận dầu hàng.

Việc chính-trị ở Vân-nam có thay đổi nhiều, Vân-nam sẽ ở hẳn dưới quyền chính-phủ Nam-kinh. Các đại-biểu binh-vụ sẽ do chính-phủ trung-ương tuyển-cử. Quan tổng-trưởng nội-vụ sảnh sẽ gọi là tổng-trưởng dân-chính-sảnh, quan Tổng-trưởng kỹ-nghệ-sảnh sẽ ở dưới quyền quan Tổng-trưởng giao-thông-sảnh, từ giờ sẽ gọi là quan Tổng-trưởng kiến-thiết-sảnh, Trương Bang-Hàn ủy-viên tại bộ ngoại-giao được cử làm tổng-trưởng sảnh ấy. Hà Anh sẽ coi việc binh-vụ, và Mã Thông sẽ coi tài-chính-sảnh.

Chính-phủ trung-ương có báo tin rằng : Ngô Bội-Phu hiện kết-liên với phái cực-tả, đương tìm đường trốn về đường cương-giới Tứ-xuyên, vậy nên bắt lấy để dẫn đến Nam-kinh trị tội. Lại có tin Ngô Bội-Phu đã trốn đi tu.

Các báo Vân-nam báo tin rằng nhân-dân ở Qui-châu đã thỉnh-cầu Nam-kinh giúp sức cho để đánh đuổi quan tỉnh-trưởng là Chu Tây-Thành, vì họ trách Chu dùng tiền công vào việc tư và giúp đỡ cho Ngô Bội-Phu, Trương Tác-Lâm cùng Hồ Nhược-Ngu.

Việc trong nước

Đông-Pháp đối với cái chương-trình Dawes. — *« Chương-trình Dawes » là cái chương-trình của các nước Đồng-minh cùng nước Đức nhờ nhà tài-chính nước Mĩ tên là* DAWES *đặt ra để định cách cho nước Đức phải trả các khoản bồi-thường chiến tranh cho các nước Đồng-minh thế nào. Theo chương-trình ấy thì trong hạn bao nhiêu năm nước Đức vừa phải trả bằng tiền, vừa phải trả bằng đồ-dùng, máy-móc, vật-liệu, mỗi năm đã có số nhất-định, do một chuyên-cục đặt ở* Berlin *thu-nhận, và chuyển-giao cho các nước. Phần bồi-thường về nước Pháp là to hơn cả. Mấy năm nay vẫn được sòng-phẳng cả. Gần đây chính phủ Pháp nghĩ rằng các khoản đồ dùng và máy-móc thì ở Pháp không cần-dùng đến lắm, bèn hỏi ý các thuộc-địa đâu cần đến khoản gì thì mua lại cho Mẫu-quốc, rồi tính trả tiền về sau. Thuộc-địa Đông-Pháp ta đương trù-tính thi-hành một cái chương-trình đại-công-tác (cầu, cống, xe lửa) chia làm mấy năm, vậy những vật-liệu máy móc lại cần dùng lắm. Bởi thế Bộ Thuộc-địa, Bộ Tài-chính và phủ Toàn-quyền bên này đã thương-lượng với nhau để Đông-Pháp nhận dùng lấy một ít vật-liệu của Đức trong các việc công-chính lớn sau này. Theo cái chương-trình đại-công-tác của sở Công-*

chính đã dự-định thời các công việc phải làm trong một hạn mấy năm, ước tổng-cộng là 122 triệu đồng, trong số đó thì 37 triệu về các công-trình dẫn-thủy nhập-điền và 85 triệu về các công-trình hỏa-xa. Số bạc ấy tính ra phật-lăng theo giá trung-bình 12 quan 50, thời thành 1.425 triệu quan. Trong số đó thời phần dụng-cụ và vật-liệu của Đức định là 35 triệu mã-khắc vàng, tức là có 175 triệu phật-lăng mà thôi, còn thời để mua ở các xưởng bên Pháp, như thế là đã phòng-bị cho công-nghệ Pháp khỏi phải thiệt-thòi về đó. — Còn các dụng-cụ và vật-liệu của Đức mà Đông-Pháp nhận mua như thế, thì phải trả tiền lại cho Đại-Pháp ; cách trả tiền này cũng đã định vừa giản-tiện, vừa có lợi cho Đông-Pháp lắm. Định cho trả làm 20 năm, mà năm thứ nhất thời cho hoãn tới năm năm sau khi nhận đồ mới phải trả, duy phải chịu lãi 5%. Cách ấy lợi cho Đông-Pháp, dù có mở công-thái cũng không được bằng. Hiện nay Đông-Pháp đã ký giấy nhận mua 300 cây-lô-mét đường sắt, 5 cái xe lửa, 180 cái toa, 120 thước cầu đường sắt, 3300 thước cầu đường bộ, để dùng về việc làm hỏa-xa. Lại thành-phố Hải-phòng cần đến cống nước, năm trước đã định mở công-thái, nay cũng nhận mua đồ Đức cho tiện hơn. Thành phố Sài-gòn nghe đâu cũng đương thương-thuyết để nhận mua cũng như thế. Lại còn những máy và đồ dùng cần cho việc dẫn-thủy-nhập-điền ở Trung-kỳ, cho việc đường xe-lửa Đông-Pháp-đại-lục, quãng Tourane, — Nha-trang, cũng đương lục-tục sắp gửi mua cả. — Bởi thế nên quan Tổng-Giám đốc Công-chính Pouyanne *nhân về Pháp nghỉ, được quan Toàn quyền cử riêng để thương-thuyết với Bộ và các sở chuyên môn về mọi việc mua dùng đồ Đức đó.*

Lược-thuật việc trong tháng. — *Ngày 15 tháng 3 quan quyền Toàn-quyền* Mnoguillot *đáp tàu vào Sài-gòn để tiễn qui-phu-nhân và qui-công-nương về Pháp nghỉ. Ngày 22 ngài lại dời Sài-gòn đi đường bộ về Hà-nội. — Đầu tháng tư quan Toàn-quyền lại từ Hà-nội đi đường bộ về Huế, rồi đi vào xứ Mọi Ban-mê-thuột để xem họp chợ mọi và chợ bán các thú dữ ; xong ngài lại liền về Hà-nội ngay.*

Ngày chủ-nhật 25 tháng 3, dân Tây ở Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Cao-miên, bỏ vé bầu đại-biểu ở Thuộc-địa Cao-đẳng Hội-nghị (Conseil supérieur des Colonies). *Ở Bắc-kỳ có sáu người ra ứng-cử, là các ông* Borel, Forest, Tissot, Aubry, Grawitz, Martin, *không người nào được đủ số vé, phải bầu lại ngày chủ-nhật 15 tháng 4 này. Kỳ bầu thứ nhì này thì chỉ còn có hai người lần trước được nhiều vé hơn nhất ra tái-ứng mà thôi, là ông* Borel *(được hơn 700 vé) và ông* Dr Forest, *là đại-biểu cũ (được hơn 400 vé), còn rút về hết* (1). — *Ở Trung-kỳ thì có hai người ứng-cử, là ông* de Monpezat, *đại-biểu cũ và ông* Loisy. *Ông* de Monpezat *được hơn 500 vé, được trúng-cử. — Ở Cao-miên thì đại-biểu cũ là ông* Outrey *bị thua, và trạng-sư* Espinet *được trúng-cử, hơn kém nhau có ba bốn chục vé.*

Còn ở Nam-kỳ thì dân Tây được quyền bầu nghị-viên về Nghị-viện Pháp, vậy cũng theo một kỳ tuyển-cử như bên Pháp, về cuối tháng tư này. Hiện nay đã có nhiều người tuyên bố ra ứng-cử, là các ông này : Outrey *(sau khi bị thua kỳ bầu-cử đại-biểu ở Cao-miên, ông đã muốn thôi cả ứng-cử nghị-viên Nam-kỳ, nhưng sau lại tuyên-bố ra) ;* Gourdon, *nguyên Học-chính Giám đốc,* Ardin *chủ nhật-trình ;* Cancellieri *trạng-sư ;* Phan Văn-Trường, *trạng-sư, dân tây ;* Giorgi, *chủ đồn-điền ;* Joseph

(1) Tin sau cùng : Ông Borel được trúng cử.

NGUYỄN ĐỨC-LONG, làm sở thương-chánh, dân Tây. — Ở Nam-kỳ có chừng 300 người Nam ta vào dân Tây, cũng có quyền bầu-cử và ứng-cử.

Ngày 27 tháng 3, nhà cầm máy ô tô hiệu Rolland Pillain, tên là DUVERNE đi ở Paris từ sáu tháng trước, qua Tây-ban-nha, Bắc-Phi-châu, Tiểu-Á-tế-á, Ba-tư, Ấn-độ, Diến-điện, Xiêm-la, mới tới Hà-nội, được nhân dân và chính-phủ đón rước vui-vẻ lắm. Tối ngày thứ sáu 30 tháng 3, ông nhận đến diễn-thuyết ở Hội Khai-trí để thuật cho công-chúng nghe cuộc du-lịch của ông trong sáu tháng. Cứ lời ông thuật thì ông đi luôn bằng ô-tô từ Pháp sang đây được, chỉ trừ có một quãng ở Diến-điện sang Xiêm không có đường đi nên phải đáp tàu bể mà thôi. Chính ông năm trước đã từng đi ô-tô qua bãi sa-mạc Sahara. Chuyến này ở Hà-nội đi đường bộ về Sài-gòn, rồi ngày 16 tháng 4 đáp tàu về Pháp.

Ngày thứ hai mồng 9 tháng 4, lại có hai nhà phi-hành Pháp là COSTES và LE BRIS cưỡi tàu bay du-lịch thế-giới, đi qua Nam-Mĩ, Bắc-Mĩ, Nhật-bản, tới Hà-nội, nghỉ một đêm rồi sáng hôm sau lại bay liền về Pháp, qua Ấn-độ, Ba-tư và Tiểu-Á-tế-á, chiều thứ bảy thì đến Paris. Cuộc bay này đủ chứng-nghiệm rằng có thể đi từ Nhật-bản sang đây trong 20 giờ, và từ đây về Pháp trong 5, 6 ngày.

Cuộc đấu-xảo mĩ-nghệ của hội Khai-Trí. — Kỳ này bản-chí đăng hai bức ảnh về cuộc đấu-xảo mĩ-nghệ của Hội Khai-trí. Cuộc Đấu-xảo năm nay mở từ ngày chủ-nhật 26 tháng 2 đến ngày chủ-nhật mồng 4 tháng 3 mới tan. Đồ đấu có ít, nhưng toàn những đồ đẹp cả, nhất là đồ gỗ, đồ chạm, đồ sơn, đồ dệt, đồ ngà. Đồ gỗ thì có ba bộ buồng khách, buồng ăn và buồng ngủ của hiệu Phúc-mĩ, châm-chước lối Âu-Á, là có công hơn cả, được liệt vào hạng nhất.

Nhân đấu-xảo mĩ-nghệ, Hội Khai-trí lại mở một cuộc đấu-xảo kiểu nhà (cửa hàng và nhà gai). Nhưng xét ra không có cái kiểu nào được xuất-sắc cả.

Lại có mở đấu-xảo cây và hoa nữa, nhưng năm nay đã muộn, không có thứ hoa gì đẹp.

Giới-thiệu sách mới.

1. — Đạo nam huấn nữ. *Sách khuyến-thiện, làm thể ca, có chú-thích. Của bà* TRINH CHI-NGHIÊM, *nữ-giáo-sư soạn. 26 trang. In tại nhà in Vĩnh-thành. Hà-nội.*

2. — Chuyện nhà ông Nghị-viên. *Tiểu-thuyết của* NGUYỄN MẠNH-BỒNG *soạn. Hương-hát thư-điếm, Hải-phòng.*

3. — Thương-học phương-châm. 商學方針. *Của cụ Ôn-như* LƯƠNG VĂN-CAN *soạn.* LƯƠNG NGỌC-HIỀN *ấn-hành. In tại nhà in Thụy-ký, Hà-nội.*

4. — Les cinq fleurs 五花. L'Indochine expliquée. *Par* JEAN MARQUET. *Sách tập đọc bằng chữ Pháp cho học-trò các trường sơ-học Pháp-Việt, nói về năm xứ trong cõi Đông-Pháp. Do Học-chánh tổng-cục xuất-bản, in tại Đông-kinh ấn-quán. Có hai hạng: hạng giấy tốt, khổ lớn, hai đồng một quyển, hạng giấy xấu khổ nhỏ cho học trò dùng, hai hào.*

Nam-Phong tùng-thư.

Đã xuất-bản 3 quyển:

1. Văn-minh luận.
2. Ba tháng ở Paris.
3. Văn-học nước Pháp.

và 1 quyển về hạng « Đặc-biệt trước-tác »: L'Idéal du Sage dans la Philosophie confucéenne *(Cái quan-niệm người quân-tử trong triết-học đạo Khổng). Vừa Pháp-văn, vừa quốc-văn.*

Quyển thứ IV, Chính-trị nước Pháp *I, đương in gần xong.*

Mỗi quyển giá 4 hào, tiền cước ngoài, bán ở hiệu Đông-kinh ấn-quán, 80-82 Phố Hàng Gai, Hà-nội.